Tiểu Tử Toàn Tập

(Quyển Thượng)



Tác giả xuất bản 2017

Tiểu Tử

Tiểu Tử Toàn Tập

Truyện ngắn

Tạp văn

Phiếm và Biếm họa

(Quyển Thượng)

Tác giả xuất bản
2017

THE COMPLETE SHORT STORIES OF TIEU TU
LAYOUT BY DUNG A. TRAN
COPYRIGHT © 2017 BY NAM HOAI VO
ALL RIGHTS RESERVED
PRINTED IN THE UNITED STATES OF AMERICA

Mến gởi đến những ai còn giữ được
trong lòng dấu ấn "Made in Việt Nam".
Tiểu Tử

Mục Lục

		Trang
1	Bài ca vọng cổ	7
2	Ông già ngồi bươi đống rác	17
3	Tô cháo huyết	25
4	Xíu	31
5	Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn	39
6	Chị Tư Ù	49
7	Chuyện thuở giao thời	73
8	Chuyện chẳng có gì hết	79
9	Chuyện di tản 1975	85
10	Giọt mưa trên tóc	91
11	Cơm nguội	105
12	Ngày nầy, năm 1975	115
13	Chuyện bình thường	119
14	Con Mén	123
15	Cái mặt	149
16	Đèn Trung Thu	155
17	Chiếc khăn mu-soa	159
18	Con rạch nhỏ quê mình	167
19	Đám cưới ngày xưa	175
20	Cái miệng	181
21	Đi xe đò – Đi xe ôm	185
22	Chợ trời	201
23	Những chuyện nho nhỏ...	205
24	Thèm	217
25	Làm thinh	223
26	Những hình ảnh đẹp	239
27	Mũ “bảo hiểm”	247
28	Made in Việt Nam	253
29	Chuyện giả tưởng	265
30	Nói láo	275
31	Mùa thu cuộc tình	279

Bài Ca Vọng Cổ

Tôi vượt biên một mình rồi định cư ở Pháp. Năm đó tôi mới 49 tuổi, vậy mà đi tìm việc làm đến đâu người ta cũng chê là tôi già! Vì vậy, một hôm, khi chải tóc, tôi nhìn kỹ tôi trong gương. Tôi bỗng thấy ở đó có một người có vẻ như quen nhưng thật ra thì rất lạ: mắt sâu, má hóp, mặt đầy nếp nhăn trên trán, ở đuôi mắt, ở khoé môi, mái tóc đã ngả bạc cắt tỉa thô sơ như tự tay cắt lấy. Từ bao lâu nay tôi không để ý, bây giờ soi gương vì bị chê già, tôi mới thấy rằng tôi của hồi trước "Cách mạng thành công" và tôi của bây giờ - nghĩa là chỉ sau có mấy năm sống dưới chê độ gọi là ưu việt - thật không giông nhau chút nào hết. Tôi già thiệt, già trước tuổi. Cho nên, tôi nhìn tôi không ra. Từ đó, mỗi ngày tôi ...tập nhìn tôi một lần, nhìn kỹ, cho quen mắt!

Một người bạn làm việc lâu năm ở Côte d'Ivoire (Phi Châu) hay tin tôi đã qua Pháp và vẫn còn thất nghiệp, bèn giới thiệu tôi cho Công ty Đường mía của Nhà nước. Không biết anh ta nói thế nào mà họ nhận tôi ngay, còn gửi cho tôi vé máy bay nữa!

Xưa nay, tôi chưa từng quen một người da đen gốc Phi Châu nào hết. Và chỉ có vài khái niệm thô sơ về vùng Phi Châu da đen như là: ở đó nóng lắm, đất đai còn nhiều nơi hoang vu, dân chúng thì da đen thùi lùi, tối ngày chỉ thích vỗ trống, thích nhảy tưng tưng v.v.. Vì vậy, tôi hơi ...ngán. Nhưng cuối cùng rồi tôi quyết định qua xứ da đen

để làm việc, danh dự hơn là ở lại Pháp để tháng tháng vác mặt Việt Nam đi xin trợ cấp đầu nọ, đầu kia...

Nơi tôi làm việc tên là Borotou, một cái làng nằm cách thủ đô Abidjan gần 800km! Vùng này toàn rừng là rừng. Không phải là rừng rậm rì cây cao chớn chở như ở Việt Nam. Rừng ở đây cây thấp lưa thưa, thấp thấp cỡ mươi, mười lăm thước ...coi khô hóc. Không có núi non, chỉ có một vài đồi trũng, nhưng đồi không cao và trũng không sâu...

Nhà nước phá rừng trồng mía. Ruộng mía ngút ngàn! Nằm ở trung tâm là khu nhà máy, khu cơ giới, khu hành chánh, khu cư xá v.v.. Khu này cách khu kia cỡ vài cây số.

Muốn về thủ đô Abidjan, phải lái xe hơi chạy theo đường mòn xuyên rừng gần ba chục cây số mới ra tới đường cái tráng nhựa. Từ đó chạy đi Touba, một quận nhỏ với đông đảo dân cư. Từ đây, lấy máy bay Air Afrique về Abidjan, mỗi ngày chỉ có một chuyến.

Phi trường Touba nhỏ xíu, chỉ có một nhà ga xây cất sơ sài và một phi đạo làm bằng đất đỏ, mỗi lần máy bay bay lên đáp xuống là bụi bay ... đỏ trời !

Tôi hơi dài dòng ở đây để thấy tôi đi "làm lại cuộc đời" ở một nơi hoang vu hẻo lánh mà cảnh trí thì chẳng có gì hấp dẫn hết! Thêm vào đó, tôi là người Á Đông duy nhứt làm việc chung với Tây trắng (chỉ có năm người) và Tây đen (đông vô số kể). Ở đây, thiên hạ gọi tôi là *"le chinois"* - thằng Tàu - Suốt ngày, suốt tháng tôi chỉ nói có tiếng Pháp. Cho nên, lâu lâu thèm quá, tôi soi gương rồi ...nói chuyện với tôi bằng tiếng Việt, trông giống như thằng khùng! Chưa bao giờ tôi thấy tôi cô đơn bằng những lúc tôi đối diện tôi trong gương như vậy.

... Một hôm, sau hơn tám tháng "ở rừng", tôi được gọi về Abidjan để họp (Đây là lần đầu tiên được về thủ đô!). Anh tài xế đen đưa tôi ra Touba. Chúng tôi đến phi trường lối một giờ trưa.

Sau khi phụ tôi gởi hành lý, anh tài xế nói:

- Tôi ra ngủ trưa ở trong xe. Chừng *Patron* (ông chủ) đi được rồi tôi mới về.

Ở xứ đen, họ dùng từ *"Patron"* để gọi ông chủ, ông xếp, người có địa vị, có tiền, người mà họ nể nang v.v... Nghe quen rồi, chẳng có gì chói lỗ tai hết!

Tôi nói:

- Về đi! Đâu cần phải đợi!

Hắn nhăn răng cười, đưa hàm răng trắng toát:

- Tại *Patron* không biết chớ ở đây lâu lâu họ lại huỷ chuyến bay vào giờ chót, nói tại máy bay ăn-banh ở đâu đó. Máy bay cũng như xe hơi vậy, ai biết lúc nào nó nằm đường.

Rồi hắn đi ra xe. Tôi ngồi xuống một phô-tơi, nhìn quanh : hành khách khá đông, nhiều người ngồi với một số hành lý như thùng cạc-tông, bao bị, va-ly v.v... Không phải họ không biết gởi hành lý, nhưng vì những gì họ đã gởi đã đủ số ký-lô giành cho mỗi hành khách, nên số còn lại họ ...xách tay, cho dầu là nhiều món vừa nặng vừa cồng kềnh!

Không khí nóng bức. Mấy cái quạt trần quay vù vù, cộng thêm mấy cây quạt đứng xoay qua xoay lại, vậy mà cũng không đủ mát. Thiên hạ ngủ gà ngủ gật, tôi cũng ngã người trên lưng ghế, lim dim...

Trong lúc tôi thiu thiu ngủ thì loáng thoáng nghe có ai ca vọng cổ. Tôi mở mắt nhìn quanh rồi thở dài, nghĩ: "Tại mình nhớ quê hương xứ sở quá nên trong đầu nghe ca như vậy". Rồi lại nhắm mắt lim dim... Lại nghe vọng cổ nữa.

Mà lần này nghe rõ câu ngân nga trước khi "xuống hò": "Mấy nếp nhà tranh ẩn mình sau hàng tre rũ bóng... đang vươn lên ngọn khói... á... lam... à... chiều…"

Đúng rồi ! Không phải ở trong đầu tôi, mà rõ ràng có ai ca vọng cổ ngoài kia. Tôi nhìn ra hướng đó, thấy xa xa dưới lùm cây dại có một người đen nằm võng. Và chỉ có người đó thôi. Lạ quá ! Người đen đâu có nằm võng. Tập quán của họ là nằm một loại ghế dài bằng gỗ cong cong. Ngay như loại ghế bố thường thấy nằm dưới mấy cây dù to ở bãi biển ...họ cũng ít dùng nữa.

Tò mò, tôi bước ra đi về hướng đó để xem là ai vừa ca vọng cổ lại vừa nằm võng đong đưa. Thì ra là một anh đen còn trẻ, còn cái võng là loại võng nhà binh của quân đội Việt Nam Cộng Hoà hồi xưa. Tôi nói bằng tiếng Pháp:

- Bonjour!

Anh ta ngừng ca, ngồi dậy nhìn tôi mỉm cười, rồi cũng nói ''Bonjour''. Tôi hỏi, vẫn bằng tiếng Pháp:

- Anh hát cái gì vậy?

Hắn đứng lên, vừa bước về phía tôi vừa trả lời bằng tiếng Pháp :

- Một bài ca của Việt Nam. Còn ông? Có phải ông là le chinois làm việc cho hãng đường ở Borotou không?

Tôi trả lời, vẫn bằng tiếng Pháp:

- Đúng và sai! Đúng là tôi làm việc ở Borotou. Còn sai là vì tôi không phải là người Tàu. Tôi là người Việt Nam.

Bỗng hắn trợn mắt có vẻ vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ, rồi bật ra bằng tiếng Việt, giọng đặc sệt miền Nam, chẳng có một chút lơ lớ:

- Trời ơi! ...Bác là người Việt Nam hả?

Rồi hắn vỗ lên ngực:

- Con cũng là người Việt Nam nè!

Thiếu chút nữa là tôi bật cười. Nhưng tôi kềm lại kịp, khi tôi nhìn gương mặt rạng rỡ vì sung sướng của hắn. Rồi tôi bỗng nghe một xúc động dâng tràn lên cổ. Thân đã lưu vong, lại ''trôi sông lạc chợ'' đến cái xứ ''khỉ ho cò gáy'' này mà gặp được một người biết nói tiếng Việt Nam và biết nhận mình là người Việt Nam, dù là một người đen, sao thấy quý vô cùng. Hình ảnh của quê hương như đang ngời lên trước mặt...

Tôi bước tới bắt tay hắn. Hắn bắt tay tôi bằng cả hai bàn tay, vừa lắc vừa nói huyên thuyên:

- Trời ơi!... Con mừng quá! Mừng quá! Trời ơi!... Bác biết không? Bao nhiêu năm nay con thèm gặp người Việt để nói chuyện cho đã. Bây giờ gặp bác, thiệt... con mừng ''hết lớn'' bác à!

Rồi hắn kéo tôi lại võng:

- Bác nằm đi! Nằm đi!

Hắn lại đống gạch ''bờ-lóc'' gần đấy lấy hai ba viên kê bên cạnh võng rồi ngồi lên đó, miệng vẫn không ngừng nói:

- Con nghe thiên hạ nói ở Borotou có một người Tàu. Con đâu dè là bác. Nếu biết vậy con đã phóng Honda vô trỏng kiếm bác rồi! Đâu đợi tới bây giờ...

Hắn móc gói thuốc, rút lòi ra một điếu, rồi đưa mời tôi:

- Mời bác hút với con một điếu.

Hắn đưa gói thuốc về phía tôi, mời bằng hai tay. Một cử chỉ mà từ lâu tôi không còn nhìn thấy. Một cử chỉ nói lên sự kính trọng người trưởng thượng. Tôi thấy ở đó một ''cái gì'' rất Việt Nam.

Tôi rút điếu thuốc để lên môi. Hắn chẹt quẹt máy, đưa ngọn lửa lên đầu điếu thuốc, một tay che che như trời đang có gió. Tôi bập thuốc rồi ngạc nhiên nhìn xuống cái quẹt máy. Hắn nhăn răng cười:

- Bác nhìn ra nó rồi hả?

Tôi vừa nhả khói thuốc vừa gật đầu. Đó là loại quẹt máy Việt Nam, nho nhỏ, dẹp lép, đầu đít có nét cong cong. Muốn quẹt phải lấy hẳn cái nắp ra chớ nó không dính vào thân ống quẹt bằng một bản lề nhỏ như những quẹt máy ngoại quốc. Hắn cầm ống quẹt, vừa lật qua lật lại vừa nhìn một cách trìu mến:

- Của ông ngoại con cho đó! Ổng cho, hồi ổng còn sống lận.

Rồi hắn bật cười:

- Hồi đó ổng gọi con bằng ''thằng Lọ Nồi''.

Ngừng một chút rồi tiếp:

- Vậy mà ổng thương con lắm à bác!

Hắn đốt điếu thuốc, hít một hơi dài rồi nhả khói ra từ từ. Nhìn cách nhả khói của hắn tôi biết hắn đang sống lại bằng nhiều kỷ niệm... Tôi nói:

- Vậy là cháu lai Việt Nam à?

- Dạ. Má con quê ở Nha Trang.

- Rồi má cháu bây giờ ở đâu?

Giọng của hắn như nghẹn lại:

- Má con chết rồi. Chết ở Nha Trang hồi Việt cộng vô năm 1975.

- Còn ba của cháu?

- Ổng hiện ở Paris. Tụi này nhờ có dân Tây nên sau 1975 được hồi hương. Con đi quân dịch cho Pháp xong rồi, về đây ở với bà nội. Con sanh ra và lớn lên ở Sài Gòn, về đây, buồn thúi rut thúi gan luôn!

Tôi nhìn hắn một lúc, cố tìm ra một nét Việt Nam trên con người hắn. Thật tình, hắn không có nét gì lai hết. Hắn lớn con, nước da không đến nỗi đen thùi lùi như phần đông dân chúng ở xứ này, nhưng vẫn không có được cái

màu cà phê lợt lợt để thấy có chút gì khác khác. Tóc xoắn sát da đầu, mắt lồi môi dầy...

Tôi chợt nói, nói một cách máy móc:

- Thấy cháu chẳng có lai chút nào hết!

Hắn nhìn thẳng vào mắt tôi, giọng nghiêm trang:

- Có chớ bác. Con có lai chớ bác.

Hắn xoè hai tay đưa ra phía trước, lật qua lật lại:

- Bên nội của con là nằm ở bên ngoài đây nè.

Rồi hắn để một tay lên ngực, vỗ nhè nhẹ về phía trái tim:

- Còn bên ngoại của con, nó nằm ở bên trong. Ở đây, ở đây nè bác.

Bỗng giọng hắn nghẹn lại:

- Con lai Việt nam chớ bác!

Trong khoảnh khắc, tôi xúc động đến quên mất màu da đen của hắn, mà chỉ thấy trước mặt tôi, một thanh niên Việt Nam, Việt Nam từ cử chỉ tới lời lẽ nói năng. Tôi vói tay vỗ nhẹ lên vai hắn mấy cái, gật đầu nói:

- Ờ ! Bác thấy. Bây giờ thì bác thấy...

Hắn mỉm cười:

- Ở đây người ta nói con không giống ai hết, bởi vì con hành động cư xử, nói năng không giống họ. Bà nội con cũng nói như vậy nữa! Còn con thì mỗi lần con nhìn trong kiếng, con vẫn nhận ra con là người Việt Nam. Bác coi có khổ không?

Rồi nó nhìn tôi, một chút trìu mến dâng lên trong ánh mắt:

- Bây giờ con gặp bác rồi, con thấy không còn cô đơn nữa. Gặp một người giống mình, ở cái xó xa xôi hẻo lánh này, thiệt là Trời còn thương con quá!

Tôi im lặng nghe hắn nói, nhìn hắn nói mà có cảm tưởng như hắn đang nói cho cả hai: cho hắn và cho tôi. Bởi vì cả hai cùng một tâm trạng...

Hắn vẫn nói, như hắn thèm nói từ lâu:

- Nhớ Sài Gòn quá nên con hay ca vọng cổ cho đỡ buồn. Hồi nãy bác lại đây là lúc con đang ca bài ''Đường về quê ngoại'' đó bác.

- Bác không biết ca, nhưng bác rất thích nghe vọng cổ.

Giọng nói của hắn bỗng như hăng lên:

- Vọng cổ là cái chất của miền Nam mà bác. Nó không có lai Âu lai Á gì hết. Nó có cái hồn Việt Nam cũng như cá kho tộ, tô canh chua. Bác thấy không? Bởi vậy, không có gì nhắc cho con nhớ Việt Nam bằng bài ca vọng cổ hết.

- Bác cũng vậy.

Tôi nói, mà thầm phục sự hiểu biết sâu sắc của hắn. Và tôi thấy rất vui mừng có một người như vậy để chuyện trò từ đây về sau...

Có tiếng máy bay đang đánh một vòng trên trời. Chúng tôi cùng đứng lên, hắn nói:

- Nó tới rồi đó. Con phải sửa soạn xe trắc-tơ và rờ-mọt để lấy hành lý. Con làm việc cho hãng Air Afrique, bác à.

Rồi hắn nắm tay tôi lắc mạnh:

- Thôi, bác đi mạnh giỏi. Con tên là Jean. Ở đây ai cũng biết ''Jean le vietnamien'' hết. Chừng về bác ghé con chơi, nghen.

Bỗng, hắn ôm chầm lấy tôi siết nhẹ, rồi giữ như vậy không biết bao nhiêu lâu. Tôi nghe giọng hắn lạc đi:

- Ghé con nghe bác... Ghé con...

Tôi không còn nói được gì hết. Chỉ vừa gật gật đầu, vừa vỗ vỗ vào lưng hắn như vỗ lưng một người con...

Khi hắn buông tôi ra, tôi thấy hai má của hắn ướt nước mắt. Tôi vội vã quay đi, lầm lũi bước nhanh nhanh về nhà ga mà nghĩ thương cho ''thằng Jean le vietnamien''. Hồi nãy, nó ôm tôi, có lẽ nó đã tưởng tượng như là nó đang ôm lại được một góc trời quê mẹ...

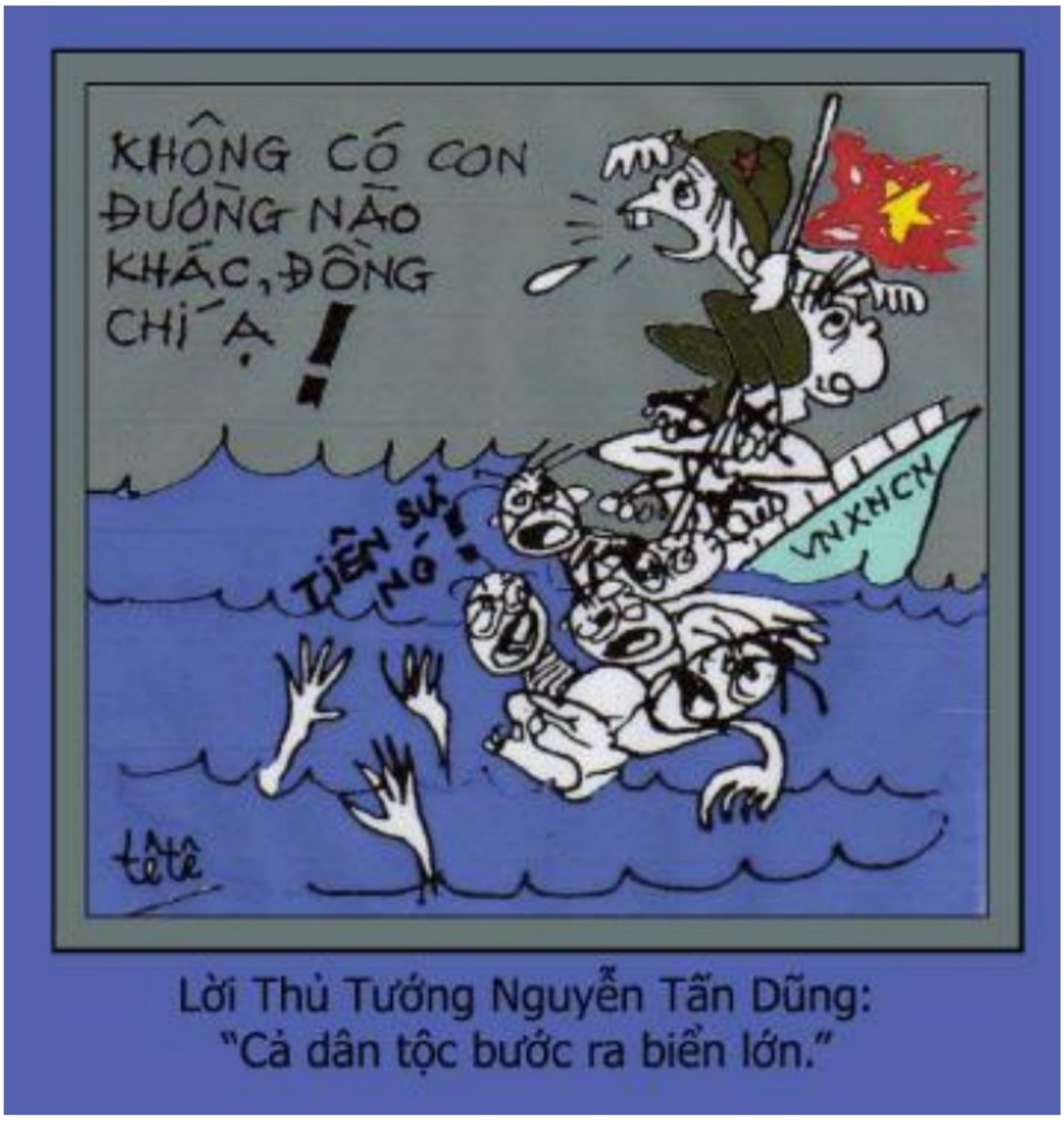
...Trên máy bay, tôi miên man nghĩ đến ''thằng Jean'' rồi tự hứa sẽ gặp lại nó thường. Để cho nó bớt cô đơn. Và cũng để cho tôi bớt cô đơn nữa!

o O o

Bây giờ, viết lại chuyện thằng Jean mà tôi tự hỏi:

''Trong vô số người Việt Nam lưu vong hôm nay, còn được bao nhiêu người khi nhìn trong gương vẫn nhận ra mình là người Việt Nam?''

''Và có được bao nhiêu người còn mang mểnh trong lòng bài ca vọng cổ, để thấy hình ảnh quê hương vẫn còn nằm nguyên trong đó?''.



Lời Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng:
"Cả dân tộc bước ra biển lớn."

Ông Già Ngồi Bươi Đống Rác

26.08.2007

Thành phố Hồ Chí Minh quang vinh vẫn còn rất nhiều rác. Hồi thời trước, Sàigòn đã có nhiều rác, nhưng so với bây giờ thì…thua xa. Rác bây giờ chẳng những nhiều hơn mà còn…rải rác hơn. Điều này chẳng có gì khó hiểu hết. Bởi vì, trong chế độ ưu việt xã hội chủ nghĩa, cái gì của ta cũng đều hơn của lũ chúng nó cả: rác của chúng nó là rác tư bản, rác ngụy, còn rác của ta là rác…nhân dân, do nhân dân, từ nhân dân mà ra. Có chính nghĩa, hơn là lẽ tất nhiên!

Vậy, ở một đống rác khá lớn nằm trên vỉa hè một con đường khá rộng trong thành phố, có một ông già ngồi ung dung như đang ngồi ở một nơi sạch sẽ! Ông già đó tuổi cỡ ngoài tám mươi, có chòm râu bạc giống râu bác Hồ. Ổng đội mũ tai bèo, mặc bộ đồ bà ba đen, mang dép cao su đúc. Ổng ngồi trên một ghế bằng nhựa nhỏ, thấp, loại ghế ngồi cho trẻ con. Ổng cầm cây gậy trúc dài bươi bươi rác, mắt nhìn châm chú chỗ đang bươi, mặc cho đàn ruồi bay lên đáp xuống như giành rác với ổng! Lâu lâu, ổng nói một mình: "Nó nằm lẩn đâu đây hè! Mẹ bà nó!"

Đường này lúc nào cũng đông ken. Xe đạp, xe gắn máy, xe hơi…hai luồng chen nhau chạy, giành mặt đường mà chạy, lòn lách lấn ép, bóp kèn inh ỏi. Chạy đầy đường như vậy mà chẳng ai nhìn thấy ở trên đỉnh đống rác cao nhòng đó có một ông già…Cho đến người đi bộ trên vỉa hè cũng chẳng thấy ai để ý đến ổng hết! Hơn hai chục

năm sống quen với quá nhiều nghịch lý, con người ta không còn nhạy cảm trước những sự bất bình thường. Bởi vì cứ nhìn riết rồi quen con mắt, nên không thấy chướng, cứ nghe riết rồi quen lỗ tai nên không thấy ồn, cứ hửi riết rồi quen lỗ mũi nên không thấy hôi. Đó là một quy luật. Tiếp theo đó là một quá trình đi xuống dốc của con người, vừa nhanh vừa gọn, bởi vì nó dễ ợt hà!

Ông già lâu lâu ngừng bươi rác, móc túi lấy bọc ni-long thuốc rồi chậm rãi vấn hút. Điếu thuốc của ổng to bằng ngón tay cái, nên mỗi lần ổng nhả khói là thấy mù mịt, làm như đống rác đang ngún cháy vậy!

Trong khi ổng hút thuốc, ổng không bươi rác. Làm như hút thuốc là qua giai đoạn ổng nghỉ xả hơi! Ổng xoay người ra nhìn thiên hạ chạy loạn dưới đường giống như ổng đang ngồi xem kịch. Một lúc sau ổng nói một mình: "Thiệt…không giống ai hết!". Mà thiệt! Người ta chạy đi đâu mà lúc nào cũng thấy chạy đầy đường. Người nào cũng hối hả. Người nào cũng bóp kèn. Kẹt không kẹt gì cũng thấy bóp kèn! Làm như nếu không bóp kèn thì xe sẽ…không chạy vậy! Còn luật lệ giao thông thì hầu như không có. Mạnh ai nấy chạy. Tay mặt tay trái gì cũng…như nhau. Đàn ông đàn bà gì cũng chen lấn lòn ép…như nhau. Chẳng ai nhường ai hết. Đàn ông con trai có người ở trần bận quần xà-lỏn, có người lại mặc quần áo gin, bên trong có sơ-mi và áo gi-lê giống như đang ở xứ lạnh! Còn đàn bà con gái thì phần đông ăn mặc không để…hở một chỗ nào hết. Áo pô-lô ngắn tay, quần dài, găng tay cao tới…nách, đội kết loại đấu thủ dã cầu, mang kiến đen, bịt mặt bằng chéo vải thêu bông hoa hay có ren giống đàn bà á-rập! Nếu có mặc áo dài thì cũng mang găng tay ngắn, rồi đội kết, rồi kiến đen, rồi bịt mặt! Thành ra không nhìn ra được ai là ai hết!

Hút tàn điếu thuốc, ông già lại quay về đống rác, châm chỉ bươi. Một lúc lại nói: "Mẹ bà nó! Tao bươi riết rồi cũng ra. Làm gì rồi cũng thấy!".

Một cô gái nhỏ xách tới xô rác đổ xuống làm lũ ruồi lúc nhúc bay lên, thấy ông già ngồi đó, cô hỏi:

- Bộ ông không sợ hôi sao mà ngồi đó vậy?

Ông già cười mũi:

- Thời bây giờ, ở đâu mà không hôi không thúi, hả? Nó tràn đồng thì ngồi ở đâu cũng vậy thôi.

Cô gái lại hỏi:

- Thấy ông bươi bươi. Bộ ông mất cái gì hả?

Ông già ngừng tay, hỏi lại:

- Mất hả? Mất cái gì? Còn khỉ gì đâu mà mất!

- Vậy chớ ông bươi rác làm gì? Rác bây giờ đâu còn có gì đâu mà lượm.

Ông già cầm gậy trúc gõ gõ vào đống rác làm lũ ruồi hốt hoảng bay lên vù vù. Ổng hạ giọng:

- Tao bươi rác để kiếm mấy thằng Việt Cộng mà hồi đó tao nuôi tao giấu trong nhà.

Có vẻ thấy ông già…khùng quá nên cô gái bỏ đi, vừa đi vừa nói:

- Họ là con người chớ bộ chuột bọ gì đâu mà ông tìm trong đống rác!

Ông già nhìn theo, nói lớn:

- Mà tao có nói tụi nó là con người đâu?

Tiếng của ông bị chìm lấp trong tiếng ồn hỗn tạp của đường phố, nên chẳng gợi được sự chú ý của ai hết. Ổng nhìn quanh, thở dài, rồi tiếp tục bươi…

Một thanh niên đang đi trên vỉa hè bỗng tấp vô đống rác vạch quần định đứng tiểu, một tay chống nạnh, trên môi phì phà điếu thuốc. Ông già nói lớn:

- Coi chừng! Nó phóng lên nó cắn sứt à!

Gã giật mình, vội vã buông quần bước đi như chạy. Vừa đi vừa nhìn lại, nét mặt còn đầy sợ hãi! Ông già không nhìn theo, cũng không cười. Làm như điều ông nói là điều có thật chớ không phải đùa. Cho nên nghe ổng nói tiếp:

- Cái lũ khốn nạn này có thứ gì mà tụi nó không đớp!

Ổng nói mà đầu gậy vẫn không ngừng bươi. Bầy ruồi nhặng vẫn bay lên đáp xuống, đáp xuống bay lên, lúc nha lúc nhúc…

Gần trưa, một người đàn bà đứng tuổi từ trong hẻm gần đó bước ra đi lại đống rác, thưa:

- Mời ông Hai về ăn cơm.

Ông già nói 'ờ' rồi chống gậy đứng lên đi. Người đàn bà cúi lấy cái ghế nhỏ, xách đi theo phía sau ông, im lặng. Cả hai đi lần vào hẻm.

Con hẻm mới vào thấy rộng thấy thẳng, hai bên có phố lầu hai ba từng kiến trúc hiện đại, từng nào cũng thấy có máy lạnh lòi ra coi rất…văn minh! Hai dải phố lầu này kéo dài vào hẻm độ ba bốn mươi thước.Sau đó là một khúc quanh thẳng góc, rồi con hẻm chỉ còn lại không tới hai thước bề ngang, chạy quanh co rồng rắn vào tuốt bên trong tiếp nối với những con hẻm nhỏ khác không biết từ đâu tới mà cũng thấy…rồng rắn quanh co! Ở đây, nhà cửa lụp xụp hẹp té, khác hẳn với mặt tiền đồ sộ lộng lẫy. Đó là một thế giới khác, một thế giới nghèo khó núp sau cái thế giới phồn vinh bên ngoài. Người ta không thể nghĩ rằng nó nằm ngay trong lòng thành phố, cái thành phố mang tên Người từ hơn hai mươi năm…

Ông già và người đàn bà bước vào một căn nhà nhỏ hẹp của khu hẻm rồng rắn. Ông già nói:

- Tao bươi hoài mà chưa gặp thằng nào hết.

Một người đàn ông trong nhà nói cho lấy có:

- Vậy hả ông Hai?

- Tụi nó chui rúc lì lắm. Mẹ bà nó! Hồi đó mà tao biết như vầy, tụi nó có chung vô quần trốn, tao cũng cởi quần tao giũ cho chết cha tụi nó hết!

…Người đàn ông trong nhà là cháu của ông già bươi rác, kêu ổng bằng ông chú, còn người đàn bà là vợ hắn. Hai vợ chồng đã trộng tuổi nhưng chưa có con. Họ lảnh may gia công quần áo cho một công ty may mặc, nên trong nhà lúc nào cũng nghe tiếng máy may chạy xành xạch suốt ngày. Họ ngủ trên cái gác lửng nhỏ bằng hai chiếc chiếu, còn ông già thì có cái ghế bố kê trong góc nhà. Nhà nhỏ xíu nên chỉ có một bóng đèn điện treo ở giữa.

Hai vợ chồng người cháu đem người ông về nuôi trong nhà từ ngày ổng ra tù cách đây hơn bảy năm…

Theo lời kể lại của người cháu thì "ông chú" ngày xưa là một nhà doanh thương - đại doanh thương - Ổng độc quyền nhập cảng vỏ ruột xe gắn máy, xe hơi, xe máy cày. Ổng có mấy kho hàng lớn ở Khánh Hội, một văn phòng ba từng lầu ở Chợ Cũ, một vi-la to ở đường Phan Thanh Giản và một vi-la vừa vừa nằm khuất trên một đồi thông ở Đà Lạt. Vợ và hai con ổng đều ở bên Pháp để làm một "đầu cầu" bên đó. Còn bên này ổng có một bà nhỏ lo về giao tế, xã hội và nhân viên. Lâu lâu, ổng bay qua Âu Châu thăm vợ con và làm việc với các hãng chánh ở bên đó.

Ổng nhiều thế lực lắm. Người cháu nói: "Hồi đó, tôi đang làm thợ may cho nhà may X thì bị động viên. Vậy mà ổng kéo tôi ra cái rẹt! Có điều làm tôi không hiểu là ổng như vậy mà trong nhà ổng nuôi Việt Cộng không. Ngay như cái nhà trên Đà Lạt mà ổng dùng cho mấy ông

lớn mượn, từ anh quản gia đến chị bếp đến mấy người làm vườn đều là cán bộ Việt cộng ráo. Ổng nuôi họ như vậy cho đến năm 1973 họ mới lần lượt rút đi …”.

Hồi tháng tư 1975, ổng không di tản. Còn nói: ”Cách mạng chớ bộ ăn cướp giết người đâu mà sợ!”. Sau đó mấy người ổng nuôi có về thăm, ổng cũng đãi đằng hậu hỉ. Vậy mà khi cách mạng “đánh tư sản mại bản”, ổng cũng bị “đánh” tơi bời, tài sản bị tịch thâu hết còn bị đi tù cải tạo nữa. Vợ lớn của ổng chết ở bên Pháp, bà vợ nhỏ đi chui rồi mất tích ở biển Đông. Còn hai đứa con, sau này có người quen từ Paris về cho biết, đã phung phí hết tiền của mà ổng đã để cho họ bên đó rồi dọn nhà đi mất. Thành ra đi thăm nuôi ổng chỉ còn có vợ chồng người cháu thợ may…

Khi ông chú được thả ra khỏi tù - nghĩa là Nhà Nước xét thấy ổng đã hoàn toàn được cải tạo - ổng đã trở thành một người khác: một người mất trí! Người cháu nói: “Hồi đem ổng về ở với tụi tôi, tôi cũng ngại. Sợ ổng chê. Nhưng rồi ổng vẩn ở tự nhiên, không phàn nàn gì hết, tụi tôi cũng mừng. Rồi lo không biết chịu đựng ổng nổi không. Nhưng rồi thấy ổng không có điên loạn như những người điên khác nên tụi tôi cũng yên tâm. Ổng không nói gì hết, tối ngày bắc ghế ngồi dưới mái hiên hút thuốc đọc sách hoặc ngồi cả giờ nhìn đường hẻm như người ta châm chú coi ti-vi! Vậy mà lâu lâu ổng cũng nói nhiều câu làm mình ngạc nhiên tưởng như ổng là người bình thường. Khi mình thử hỏi tiếp, khơi lại thời cũ thì ổng lại ngẩn ngơ. Thấy tội nghiệp! Thiệt ra, người ta chỉ thấy ổng điên là khi nào ổng đi bươi đống rác, cứ hai ba hôm là ổng đi bươi…”

Và như vậy, "ông Đại Doanh Thương" đó bây giờ ngồi bươi đống rác giống như ổng bươi lại dĩ vãng của ổng, một dĩ vãng mà rác rến vun đầy. Ổng đâu biết rằng, đối với Nhà Nước cách mạng, ổng cũng chỉ là một thứ rác rến mà Nhà Nước đã vứt bỏ trên lề xã hội, không hơn không kém …


KHÔNG CÓ CON ĐƯỜNG NÀO KHÁC, ĐỒNG CHÍ Ạ !
TIỀN SỬ NÓ Đ
VNXHCN
tâtê

Tô Cháo Huyết

Xe cháo huyết của bà xẩm đó nằm trên vỉa hè phía đối diện với rạp hát Casino Đakao, gân trụ đèn xanh đèn đỏ. Thành ra khi đi về hướng Gia Định, gặp đèn đỏ, ngừng xe lại là thấy nó ngay ở bên tay mặt.

Hồi mới "giải phóng", còn chút đỉnh tiền, chiều đi làm về tôi hay tấp vô đó "làm" một tô cháo huyết có kèm theo một dĩa giò-cháo-quẩy cắt khoanh. Không biết có phải tại vì buổi trưa ăn không đủ no thành ra chiều nghe đói sớm hay sao, mà lúc nào tôi cũng thấy cháo huyết của bà xẩm đó thật là ngon ! Cháo nấu nhừ, huyết cắt vuông thành từng miếng vừa vặn nhỏ để được nằm gọn trong lòng cái muỗng sành. Múc một muỗng vừa có cháo vừa có huyết đưa lên môi thổi cho bớt nóng trước khi cho vào miệng, mà nghe thơm phức làm chảy nước miếng. Còn giò-cháo-quẩy cho vào cháo, dù đã được cắt khoanh, nhưng vẫn giử nguyên cái giòn của nó. Cái "béo" của giò-cháo-quẩy làm cho cái "bùi" của cháo càng thêm đậm đà, và cái "giòn" của giò-cháo-quẩy thì thật "ăn rơ" với cái mềm mềm cứng cứng của huyết. Ngon không chê được !

Bà xẩm gọi tôi bằng "thầy Hai". Sau "giải phóng", từ ngữ cũng đã được đổi thay – cho nó hạp với... tác phong cách mạng – không còn gọi "ông A, bà B" gì nữa. Không còn xưng hô "thầy X, cô Y" gì nữa. Mọi giai tầng xã hội đều được xóa bỏ, mọi chênh lệch tuổi tác hầu như được sang bằng. Trong... "xã giao thường thức", để gọi nhau, người ta chỉ còn dùng có hai từ "anh" và "chị", vừa ngắn gọn lại vừa... bình đẳng nữa ! Thành ra thấy được xử dụng

rất thoải mái và... xả láng ! (Một hôm, một thằng bé cỡ tuổi cháu tôi đã gọi tôi bằng "anh"... ngon lành ! Có lẽ trong lòng nó cũng khoái được trịch thượng như vậy. Bởi vì nó biết "thằng chả không làm gì mình được" ! Đổi đời... sướng ở chỗ đó !).

Vậy mà bà xẩm vẫn gọi tôi bằng "thầy Hai", thản nhiên không ngượng nghịu gì hết ! Có lẽ tại thói quen. Cũng như tôi vẫn gọi bả bằng "thím xẩm" chớ không là... "chị xẩm" với tiếng "chị" rất... thời trang từ ngữ !

Mặc dù bây giờ người ta hay nghi ngờ, dè dặt, bà xẩm, đối với tôi, vẫn nói chuyện một cách thật tình cởi mở:

- Tôi nhớ hồi trước thím đâu có cái xe cháo huyết này.

- Thầy Hai nói đúng đó. Hồi trước là cái tiệm. Nó nằm sau lưng tôi nè. Hồi đó buôn bán khá lắm, thầy Hai à. Tiệm có bốn năm cái bàn lận.

- Tôi biết mà. Hồi đó, lâu lâu tôi có chở vợ con lại đây ăn. Tôi ở bên Gia Định, gần xịt hè.

- Ủa ! Mà hồi đó thầy làm việc ở đâu vậy ?

- Tôi làm trong ngân hàng ở Chợ Cũ. Lái xe đi về trên đường này nên mới biết tiệm của thím đó chớ.

- Giải phóng rồi thầy cũng còn làm việc ở sở cũ hả ?

- Đâu có ! Mấy ổng đổi tôi xuống làm việc ở nhà máy ve chai Khánh Hội.

- Cha... Xa quá há ! Đạp xe chắc mệt hả thầy Hai ? Bây giờ ai cũng đi xe đạp hết trọi.

- Rồi cũng quen hà. Ủa ? Mà tại sao thím dẹp tiệm đi ?

- Thời buổi khó khăn mà thầy Hai. Giữ chi cái tiệm cho họ để ý. Làm ăn nhỏ nhỏ thôi. Như thiên hạ vậy mà.

- Rồi mấy đứa con thím đâu ? Tôi nhớ hồi đó trong tiệm có mấy đứa...

- Đi hết rồi. Đi trước giải phóng.

- Sao thím không đi ?

- Thầy Hai nghĩ coi. Tôi già rồi. Không biết tiếng, không biết chữ.Đi đâu ? Còn mồ mả chồng tôi, mồ mả ông già bà già ở đây mà đi đâu ? Còn thầy ? Sao thầy không đi ?

- Tôi kẹt !

Lâu lâu ăn cháo huyết của bà xẩm được một thời gian thì Nhà Nước đổi tiền. Tôi... trở tay không kịp. Vậy là kẹt cứng. Có khi cả tháng không dư được một đồng. Lấy gì ăn cháo huyết ?

Để tránh... thấy hàng cháo huyết, mới đầu tôi thay đổi lộ trình. Tôi đi ngã cầu sắt, vòng qua chợ Bà Chiểu, xa hơn, hôi hơn (vì đi ngang chợ) và mệt hơn. Được mấy tuần, tôi bỗng nảy ra một sáng kiến (Nhà Nước đã chẳng dạy: "Ta phải luôn luôn phát huy sáng kiến" à ?). Đó là vẫn đạp xe theo lộ trình cũ. Nhưng khi đến cách đèn xanh đèn đỏ độ vài chục thước, tôi rà thắng, mắt nhìn đèn ở đằng xa. Nếu là đèn đỏ, tôi bóp thắng ngừng ngay, đợi. Nếu là đèn xanh, tôi cắm đầu phóng nhanh đi tuốt. Thật là... thích thú. Tôi phục... tôi quá chừng !

Chiều hôm đó, đi làm về, mặc dù bụng đói meo, tôi vẫn áp dụng sáng kiến "canh đèn để vọt" kể trên. Nhưng không hiểu sao đèn đang xang bỗng bật đỏ ngang không qua đèn vàng, khi tôi chỉ còn cách nó có vài thước. Nếu tôi... nhắm mắt chạy luôn, chắc cũng không sao. Đằng này, "bản năng" của một người công dân tốt trong tôi... bóp thắng. Xe đạp lết bánh một khúc rồi ngừng ngay trước xe cháo huyết !

Tôi chống chân chờ, mắt nhìn đèn đâm đâm. Bỗng tôi nghe tiếng bà xẩm, giọng niềm nỡ :

- Thầy Hai ! Thầy Hai à ! Trời ơi sao đâu mất vậy ? Vô ăn cháo đi !

Tôi làm bộ giật mình rồi nhìn về phía bả, mỉm cười cho... lấy có:

- Thím manh hả ?

Giọng của bà xẩm trở nên ân cần:

- Vô ăn cháo đi thầy Hai. Lâu quá mà...

- Tôi không có tiền ! (Tôi đã nói như vậy – dám nói như vậy – một cách thẳng thừng và không chút ngượng nghịu !).

- Không có sao ! Vô ăn đi ! Chừng nào trả cũng được. Mình quen mà... Thầy Hai !

Tôi lại nhìn đèn đỏ. Sao nó không xanh cho rồi, để tôi có cớ mà hối hả đạp đi, tránh được cái mùi thơm hấp dẫn của cháo huyết và tránh được lời mời rất thân tình của bà xẩm. Đèn vẫn đỏ ! Như... cố tình đỏ lâu để tôi có thời gian "đấu tranh tư tưởng": một bên là "cái đói", kéo thêm "cái thèm", còn một bên là "cái xấu hổ" của một người chưa quen ăn chịu.

Tiếng bà xẩm vang lên:

- Thầy Hai đừng ngại mà... Vô ăn đi rồi mai mốt trả. Không có sao !

Lần này, "cái đói" cộng thêm "cái thèm" đã thắng. Tôi nuốt nước miếng bước xuống xe đạp thì đèn bật xanh. Nhưng trễ rồi. Thằng người hạ cấp trong tôi không còn đếm xỉa gì đến đèn xanh đèn đỏ. Nó chỉ còn thấy có tô cháo huyết ! Nó dẫn xe đạp lên lề khóa xe cẩn thận rồi nó bước lại ngồi lên ghế đẩu trước mặt bà xẩm. Nó còn mỉm cười chào bả một cách rất tự nhiên, không có vẻ gì của một người sắp sửa ăn chịu. Bà xẩm hỏi:

- Sao lâu quá không thấy thầy Hai vậy ?

Nó trả lời... gọn ơ:

- Tôi mắc về dưới tỉnh.

- Bà con ở dưới cũng mạnh hết hả ?

- Dạ, mạnh.

Bà xẩm múc cháo, rắc tiêu, rồi đẩy tô cháo đến trước mặt nó:

- Thầy Hai cứ ăn đi. Chừng nào có tiền trả cũng được, đừng lo !

Nó nuốt nước miếng, cầm muỗng múc cháo lên đổ cháo xuống cho mau nguội mà mắt sáng rỡ, mũi hít từng hơi mùi thơm mời mọc.

Giọng bà xẩm ôn tồn:

- Thời buổi bây giờ, đâu phải ai cũng còn tiền đâu thầy Hai. Hồi trước, làm ăn dễ, có đồng ra đồng vô. Bây giờ, càng ngày càng khó khăn, ai cũng chăm bẵm hết.

Ngừng một chút rồi tiếp:

- Chỗ quen biết, tôi nói thiệt. Thầy Hai cứ tới ăn tự nhiên, đừng ngại. Chừng nào thầy Hai trả cũng được hết. Mình với nhau mà... Phải thông cảm với nhau chớ ! Thầy Hai hiểu tôi không ?

Đến đây, bỗng thằng người hạ cấp trong tôi biến đâu mất ! Để lại tôi ngượng nghịu cúi đầu nhìn tô cháo, chỉ nói lí-nhí được có mấy tiếng "Cám ơn thím. Dạ...", rồi nín thinh. Tô cháo trước mắt tôi bỗng như to hơn, đầy hơn, đậm đà hơn... Bởi vì tôi thấy nó phải như vậy mới tương xứng với lòng tốt của bà xẩm. Và lần này, tôi có cảm tưởng như tôi ăn tô cháo đó chẳng bao giờ cho hết !

Tôi cúi đầu húp được vài muỗng thì bà xẩm đẩy tới một dĩa giò-cháo-quẩy. Tôi vội xua tay:

- Không ! Không ! Tôi không ăn giò-cháo-quẩy đâu thím !

- Không phải đâu. Đây là tôi cho thầy Hai mà ! Không tính tiền !

Tôi ngước lên nhìn bà xẩm, dò xét. Bả nhìn tôi, hiền hòa, gật đầu nhè nhẹ như để nói "Thiệt mà ! Ăn đi !". Miếng cháo tôi đang nuốt bỗng nghe như bị nghẹn ngang ở cổ họng, làm tôi ứa nước mắt... Tôi không dám nhìn bà xẩm nữa. Tôi nhìn tôi đang cúi đầu húp từng muỗng cháo, trịnh trọng như trong đời tôi lần đầu tiên tôi được ăn món này, món cháo huyết đậm tình người của bà xẩm Đakao...

Xíu

Nàng là người Việt gốc Hoa. Tên nàng là Trịnh Tiểu Mi, một cái tên rất... "tài tử Hồng Kông". Mà thật sự, nàng cũng có nét tài tử Hồng Kông, bởi vì nàng đẹp. Ở nhà gọi nàng là "A Xíu", một cái tên có âm thanh thật dễ thương. Và cũng hạp với con người của nàng: nhỏ nhỏ thon thon, cân đối gọn gàng như con búp-bế.

Gia đình nàng có nhà ở Chợ Cũ Sàigòn.Tầng dưới là cửa hàng bán cà phê đã rang rồi, cà phê hột và cà phê xay đủ loại. Hai tầng trên để ở và sân thượng là nơi rang cà phê.

Nàng là con gái duy nhứt của gia đình, lại là đứa con út nên được cưng như trứng mỏng. Hai người anh đã có gia đình, đã "ra riêng", cũng bán cà phê nhưng ở tuốt trong chợ lớn. Ngày ngày, nàng phụ "mà má" đứng bán cà phê. Khách hàng tới mua nườm nượp, nhất là giới trai trẻ. Cà phê được pha trộn và rang theo lối thủ công gia truyền, ngon có tiếng. Bán đắt đã đành nhưng cửa hàng đông khách, có lẽ phần lớn tại vì nàng duyên dáng dễ thương ! Bằng cớ là thiên hạ nói "Cà phê A Xíu" chớ không ai nói "Cà phê Hối Ký" là bản hiệu của cửa hàng !

...Chàng là người Việt "chánh cống", quê ở Cần Thơ. Chàng thuộc gia đình nông dân, ba đời làm ruộng. Chàng tên là Bảy vì là thứ bảy. Dáng vóc chàng cao ráo, "đô" con, nhưng tánh tình thì trầm lặng ít nói, còn có vẻ... lù đù nữa ! Vì vậy nên hồi đi lính quốc gia, bạn đồng đội "gắn" cho hỗn danh "thằng Bảy Lù".

Hồi thời trước, nhờ bà con quen lớn sao đó mà chàng được về làm việc văn phòng ở tổng tham mưu. Chàng

mướn một căn gác nhỏ ở khu cổng xe lửa số 6 để ở, rồi ngày ngày đi làm bằng xe đạp. Chàng không đủ sức mua Honda nên lúc nào cũng thấy đi xe đạp, cho dầu phải đạp xa cách mấy...

Chàng và nàng gặp nhau lần đầu trong bữa tiệc cưới của một người bạn chung. Chú rễ này cố tình sắp cho họ ngồi cạnh nhau, cùng bàn. Bởi vì khi giới thiệu, anh ta nói : "Đây là Tiểu Mi, người đẹp Chợ Cũ. Chưa có kép nào được lọt mắt xanh của nàng hết. Mày liệu thử thời vận coi ra sau. Còn đây là thằng Bảy, bạn cùng đơn vị. Nó hơi cù lần nhưng dễ thương như một tờ giấy trắng. Anh sắp nó ngồi cạnh Tiểu Mi để nó... hầu Tiểu Mi đó nghen !" Nàng nhìn chàng, mỉm cười mà hai vành tai đỏ ửng. Chàng gật đầu, nói lí nhí : "Hân hạnh...". Vậy rồi họ quen nhau...

Về đơn vị chàng giới thiệu "cà phê A Xíu". Mấy xếp lớn xếp nhỏ uống thử, khen ngon. Sau đó, cứ vài hôm là chàng đạp xe xuống Chợ Cũ mua cà phê giùm mấy xếp. Nhờ vậy, họ thân nhau. "Pà-pá , mà-má" của Xíu cũng mến "thằng Bảy", nên thường nói : "Tội nghiệp thằng nhỏ ! Đạp xe lên xuống mua cà phê hoài mà không nghe than một tiếng".

Rồi họ được phép đi chơi với nhau. Đi xe đạp, mỗi đứa một chiếc, chạy song song. Những lúc đi như vậy, chỉ có mình nàng nói, còn chàng thì mỉm cười lắng tai nghe, lâu lâu góp vào vài câu, nhưng góp đúng lúc. Nàng thích chàng ở chỗ tế nhị đó. Còn chàng thì thích nghe nàng nói, nói bất cứ chuyện gì. Bởi vì giọng nói của nàng đã dễ thương mà cách nàng nói càng dễ thương gấp bội.

Vậy rồi họ yêu nhau lúc nào không biết ! Họ chưa từng nói "yêu nhau" nhưng họ biết họ yêu nhau. Bởi vì họ nói tình yêu bằng đôi mắt và họ nghe lời yêu bằng tất cả con tim...

Một hôm -chàng nhớ hoài cái hôm đó, đến bây giờ vẫn còn nhớ rõ, và có lẽ mãi mãi về sau ... ờ... mãi mãi về sau ... chắc chẳng bao giờ quên- hai đứa hẹn nhau đi chơi, Xíu nói : "Em để xe đạp ở nhà. Đi chơi mà đạp xe song song cứ phải nhìn qua ngó lại, sợ té sợ đụng, có khi quên bẵng đi mình đang nói cái gì ... thành ra mất đi cái thú đi chung với nhau". Rồi nàng nghiêng nghiêng đầu nhìn chàng, cười cười : "Em muốn anh chở em đi, được không ?". Chàng sung sướng, gật đầu. Nàng ngồi lên pọt-ba-ga, hai chân buôn thõng một bên, một tay nắm lấy phía sau yên xe. Dáng nàng ngồi thong dong thoải mái. Chàng đạp xe, nghe nhẹ phiêu phiêu. Một lúc, chàng hỏi "Xíu ngồi có được không ?". Nàng trả lời: "Được chớ anh". Rồi tiếp: "Anh thấy không ? Mình đi chung một xe như vầy, nói chuyện với nhau có phải thích hơn không ? Dĩ nhiên, anh ngồi phía trước, em phía sau, mình không nhìn nhau được trong khi nói chuyện. Nhưng mình đâu cần nhìn nhau mà mình vẫn thấy nhau phải không anh ?".Chàng nghe mát cả lòng. Chàng gật đầu rồi nhấn mạnh lên bàn đạp cho xe đi nhanh nhanh như để nói lên niềm phấn khởi ! Rồi đột nhiên chàng nói, lời lẽ không biết từ đâu tuôn ra : "Xíu à ! Chở Xíu đi như vầy, có phải đạp suốt ngày, suốt tháng, suốt năm... anh cũng đạp nổi." Nàng cười sung sướng, đưa tay véo hông chàng một cái. Sao nàng thèm cắn người yêu thật đau cho hả "cái gì đó" đang căng đầy lồng ngực...

Từ đó, có đi chung thì luôn luôn chàng đèo nàng sau xe...Dễ thương quá là tình yêu của Bảy và Xíu !

Vậy rồi có ngày 30 tháng tư 1975... Phải có ngày đó, để đổ nát được cách mạng đề cao. Phải có ngày đó, để hoang tàn được cách mạng xem là thành tích. Miền Nam

giống như nùi giẻ rách, nhờ đã được giải phóng hoàn toàn !

Hai người anh của Xíu đã đưa vợ con di-tản. Pà-pá, mà-má và Xíu ở lại buôn bán lai rai, chờ coi có "làm ăn gì được không". Cửa hàng bây giờ thâu gọn lại chỉ còn có hai thùng kiếng nhỏ đặt phía trước. Bảng hiệu đã được gỡ xuống cất trên sân thượng. Mấy dụng cụ rang cà phê được chất ngổn ngang trong một góc, giống như đồ phế thải. Làm như vậy để thấy cái vẻ nghèo nàn, làm ăn khó khăn...

Bảy học tập ba hôm rồi về làm thợ phụ cho bác Năm thợ hồ ở cùng xóm. Chàng có "xẹt" qua Chợ Cũ thăm người yêu mấy lần. Bây giờ họ không còn thì giờ để đi chơi với nhau bởi vì ai cũng bận rộn bởi các buổi hội họp, học tập, khai báo, đi mết tinh v.v... là những thứ sanh hoạt rất cần thiết để đưa nhân dân lên làm chủ (Nhà Nước nói như vậy). Thành ra mỗi lần họ gặp nhau, họ coi thời gian quý như vàng ! Có lẽ vì vậy mà bây giờ họ nhìn nhau nhiều hơn là họ nói chuyện với nhau...

Thời gian sau, chánh quyền "đánh tư sản mại bản". Gia đình Xíu không tránh khỏi "đại nạn" này. Những người "cách mạng" xong vào nhà ngang nhiên và hùng hổ như một bọn cướp. Họ "bươi" từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ sau ra trước... giống như gà bươi đống rác. Gặp gì kiểm kê nấy. Vậy rồi... hốt hết ! Mà-má và Xíu chỉ biết ôm nhau mà khóc, còn Pà-pá thì ngồi trên ghế xích-đu, xích tới xích lui hút thuốc, nín thinh.

Sau "trận" đó, nhiều người nhảy lầu tự tử. Nghe thấy như vậy, Pà-pá nói: "Làm như vậy đâu có giải quyết cái gì ? Tụi nó còn cười, nói mình ngu! Từ từ rồi tính nữa." Trong khi chờ đợi pà-pá "tính nữa", mẹ con Xíu ngồi xổm trên vỉa hè bán giò-cháo-quẩy bánh tiêu... Bây

giờ, Bảy vẫn đạp xe xuống thăm Xíu. Lần nào cũng được nàng cho một cái bánh. Chàng ngồi xổm một bên, ăn. Không đói, nhưng vẩn ăn. Và ăn thấy ngon !

Cách mạng không..."quản lý" được thời gian nên thời gian vẫn đi qua, ngạo nghễ. Thiên hạ lần lượt đi chui- cũng gọi là "vượt biên" - Phần đông đi bằng đường biển. Có người đi thoát, có người bị bắt. Những người đi thoát, có khi mất tích, có khi bị cướp. Dầu vậy, đi chui cũng đã trở thành gần như là một phong trào !

Thấy mỗi người vượt biên phải đóng nhiều cây vàng cho người tổ chức, cán bộ cách mạng "nhào ra làm ăn". Họ cũng tổ chức đi chui, nhưng là một loại đi chui không sợ bị bắt vì có chánh quyền ... hộ tống. Vì vậy, thiên hạ gọi là "đi chui bán chánh thức" ! Người Tàu được ưu tiên đi bằng cách này. Cho nên họ đi ồ ạt...

Một hôm, được thơ hẹn của Xíu, Bảy xin nghỉ việc buổi chiều, đạp xe xuống "Con Rùa" đường Duy Tân, đợi. Một cô gái chở Xíu tới bằng Honda, gật đầu chào Bảy, đợi Xíu bước xuống rồi quay xe đi vội vã. Xíu mặc áo dài trắng, tóc được cột túm lại sau ót. Nhìn đôi mắt mọng đỏ của người yêu, Bảy linh cảm có một cái gì không ổn. Bảy hỏi: "Có chuyện gì vậy, Xíu ?". Nàng không trả lời, nhưng nói giọng trống rỗng: "Anh chở em đi. Đi đâu cũng được". Đợi nàng vén vạt áo ngồi vững vàng lên pọt-pa-ga, chàng mới đạp xe đi. Đi chầm chậm, đi thẳng. Lần này, Xíu không nắm phía sau yên xe. Xíu vòng một tay ôm lấy nửa người của Bảy. Lần đầu tiên được bàn tay thon nhỏ của người yêu đặt lên bụng mình, Bảy thật xúc động. Chàng đạp xe mà tưởng chừng như trên đường phố chỉ còn lại có hai đứa...

Một lúc sau, Xíu mới nói: "Pàpá cho phép em đi chơi với anh từ giờ tới năm giờ chiều". Rồi nàng nghẹn ngào:

"Đi với nhau lần cuối". Bỗng nàng chồm tới, vòng cả hai tay ôm chặt lấy người yêu, úp mặt lên lưng chàng, khóc ngất. Chàng nghe rớt ra từng tiếng rời rã trên lưng: "Tối ... nay ... em ... đi ...". Mồ hôi bỗng vã ra như tắm, nhưng Bảy vẫn còn tỉnh táo để đặt một bàn tay lên bàn tay người yêu bóp nhẹ. Cử chỉ đó làm Xíu không kềm được nữa. Nàng vừa khóc lớn vừa giúi giúi mặt lên lưng người yêu, mạnh thật mạnh- Làm như nàng muốn chui hẳn vào người của chàng để hai đứa chỉ còn là một, để nước mắt và mồ hôi của hai đứa hòa quyện với nhau cùng chung niềm thống khổ, để đừng thấy đừng nghe đừng biết gì gì nữa, chết lịm đi cho cuộc tình khép lại, vĩnh viễn khép lại... Tội nghiệp ! Rồi ngày mai, rồi mãi mãi, cuộc đời này còn ý nghĩa gì nữa đâu ?

Hai người vẫn đèo nhau đi... Đầu óc trống rỗng. Chẳng còn nói được với nhau chuyện gì hết. Và chắc cũng chẳng còn biết phát âm là gì nữa ! Niềm đau quá lớn đã làm cho họ như người câm. Hai người câm...

Xíu vẫn ôm lấy người yêu, áp một bên má lên cái lưng chắc nịch của người yêu, quên mất rằng đây là lần đầu tiên Xíu chạm vào người của Bảy! Lâu nay, mặc dầu yêu nhau tha thiết, họ chỉ dám nắm tay nhau thôi, và nắm tay nhau chỉ có mấy lần. Xíu nhắm mắt, tưởng chừng như thời gian đang ngừng lại. Nàng bỗng nghe rõ hơi thở, nghe rỏ nhịp tim của Bảy, những thứ mà lâu nay nàng chưa từng nghe. Mũi nàng bỗng hửi được mùi mồ hôi, hửi được mùi da thịt của Bảy, những thứ mà lâu nay nàng chưa từng dám nghĩ tới. Nàng bỗng nghe hơi ấm từ người của Bảy chuyền sang người nàng âm thầm nhưng rõ rệt, thứ cảm giác dìu dịu lân lân mà lâu nay nàng chưa từng được biết. Nàng bỗng nhận thức rằng người yêu nàng là đây, còn hiển hiện trong vòng tay. Rồi sẽ không bao giờ

được như vầy nữa. Bởi vì đây là lần đầu và cũng là lần cuối, lần cuối... Thương xót quá ! Nàng siết chặt người yêu với tất cả sức mình mà nước mắt trào ra không dứt...

...Rồi Bảy cũng phải đưa Xíu về. Chàng vừa thắng xe, chống chân xuống đất, nàng đã đứng xuống chạy ù vào nhà. Tà áo dài trắng của nàng lất phất vài cái như vẫy chào lần cuối trước khi khuất sau cánh cửa. Bảy chống tay lên ghi-đông, đầu gục xuống giữa hai vai. Chàng có cảm giác như mình đã kiệt sức...

...Xíu đi rồi, ngày nào Bảy cũng đạp xe đi long bong. Không biết đi đâu, cứ đạp chầm chậm, đạp hoài. Khát, thì tấp vô uống cái gì đó. Đói, thì tấp vô ăn đại cái gì đó. Ăn gì uống gì, không cần để ý tới nữa.

Vậy mà Bảy cũng đạp tới cái công viên nhỏ mà hai đứa thường hẹn nhau. Chàng dựng xe cạnh chiếc băng xi măng mà hai đứa thường ngồi, rồi bước lại ngồi giống như ngày xưa chàng vẫn ngồi để đợi nàng tới. Nhưng bây giờ thì chàng ngồi một mình, ngồi thật lâu. Và không biết tại sao lại phải ngồi như vậy !

Rồi lại đạp xe đi loanh quanh. Không cần biết đi đâu...

Vậy mà Bảy cũng đi đến "Con Rùa" đường Duy Tân, chỗ hai đứa thường đến ăn kem, uống nước dừa. Chàng dựng xe rồi lại ngồi lên bệ gạch, chỗ quen ngồi để đợi nàng đến. Chỗ đó nhìn thẳng xuống sau lưng nhà thờ Đức Bà, nàng luôn luôn đi từ hướng đó đi lên, hướng mà bây giờ chàng nhìn đâm đâm, nhìn mãi...

Vậy mà Bảy cũng đi đến con đường Đinh Tiên Hoàng, khúc rộng thênh thang dẫn dài xuống bờ sông. Hai đứa thường đi bộ ở đó vì đường vắng và mát. Đường đó bây giờ vẫn vắng và mát, Bảy dẫn xe đi bộ chầm chậm như ngày xưa...

Rồi Bảy còn đến nhiều nơi nữa : sở thú, vườn Tao Đàn, con đò Thủ Thiêm, chùa Vĩnh Nghiêm, quán thạch chè Hiển Khánh... Những nơi những chốn mà hai đứa, ngày xưa, đã từng đến một lần, hai lần, nhiều lần. Không biết cái gì đã đưa đẩy chàng đi như vậy ?

Bảy không biết rằng mình đang đi lượm những mảnh vụn của cuộc tình. Nếu không có cái "ngày cách mạng thành công", thì cuộc tình đó đã không bị đập tan thành mảnh vụn... Để thấy cái gọi là "cách mạng thành công" đã thật sự thành công trong nhiệm vụ phá tan đập nát tất cả những gì của miền Nam, kể cả những gì nhỏ bé nhứt tầm thường nhứt như tình yêu của chàng trai và cô gái đó !

Chuyện không nói Xíu có đi được đến bờ đến bến nào không. Điều mà người ta biết là có vài chiếc tàu "đi chui bán chánh thức" bị chìm vì gặp sóng to gió lớn. Việt cộng đã cho đi bằng loại tàu gần như phế thải, không còn đủ tiêu chuẩn vượt đại dương.

Nhưng chuyện nói rằng Bảy vẫn đạp xe đi loanh quanh, hết ngày này qua tháng khác. Và bây giờ Bảy hay đứng ở bờ sông Sàigòn, nhìn xa xâm rất lâu để chỉ gọi thầm có hai tiếng : "Xíu ơi...".

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

Vợ chồng tôi dọn về ở trong cái làng nhỏ này đã hơn ba tháng. Mấy đứa con của chúng tôi nói : Ba má già rồi mà ở trong Paris đâu có tốt. Nội cái không khí ô nhiễm cũng đủ làm cho ba má bịnh lên bịnh xuống hoài. Vậy là chúng nó kiếm mua một cái nhà ở xa Paris . . .

Nhà có đất chung quanh, có mấy cây pomme, mấy cây cerise. Hồi dọn về là đầu mùa xuân , mấy cây đó trổ bông màu hường màu trắng đầy cành. Ở mấy nhà hàng xóm cũng vậy, hoa nở rộ hầu như cùng một lúc, nên trông thật là đẹp mắt.

Biết là mùa xuân nhờ hoa nở và chồi non, chớ thật ra thời tiết ở Pháp mấy năm gần đây đi . . . trật lất. Mùa xuân mà cứ tưởng như mùa thu, cứ mưa lất phất rồi hết mưa là trời đổ sương mù. Cứ như vậy kéo dài đến bây giờ, theo trong lịch, là đã đầu mùa hè mà vẫn còn nghe lành lạnh !

Hôm nay tự nhiên trời bỗng trở nắng. Nắng thật ấm, thật trong. Người ta vội vã mang đồ ra phơi đầy sân : quần áo, drap, mền . . . Đủ màu sắc, đủ cỡ, coi vui nhộn như một ngày lễ !

Tôi cũng thấy phấn khởi, bèn rủ nhà tôi đi chơi một vòng. Bởi vì từ ngày dọn về đây, ngoại trừ những lúc phải 'xẹt' ra tiệm thịt, lò bánh mì, hàng rau cải v.v. . . chúng tôi cứ ru rú ở trong nhà vì thời tiết xấu. Nhà tôi không chịu đi, nên tôi đi mình ên . . .

Làng này tuy nhỏ nhưng ngăn nắp, sạch sẽ. Ở đâu cũng thấy trồng bông : dọc theo vỉa hè, ở các ngã ba ngã tư, mặt tiền nhà phố . . . Giữa làng là một nhà thờ nho nhỏ nằm trên một vuông đất cao hơn mặt đường gần một mét, cũng trồng đầy bông.

Chảy ngang qua làng là một con suối nhỏ, rộng độ mươi thước, chui dưới cây cầu đá rồi uốn khúc quanh quanh trước khi rời làng xuôi về phía dưới. Hai bên bờ suối là hai con đường tráng xi-măng chạy dọc theo hai hàng cây. Rải rác, có mấy băng gỗ đóng thô sơ, nhưng vẫn nằm giữa những lùm bông đầy màu sắc. Có nơi, không hiểu sao người ta đặt băng gỗ nằm cạnh bờ nước giống như làm chỗ ngồi cho người đi câu !

Tôi ngồi xuống một cái băng cạnh bờ nước. Vì không nằm dưới tàn cây nên ở đó đầy nắng. Tôi đốt điếu thuốc rồi nhìn quanh : chẳng có ai hết. Nhớ lại, dân trong làng chỉ đổ ra đường vào ngày chủ nhựt, bởi vì ngày đó nhóm chợ lộ thiên và lại là ngày phải đi Lễ nhà thờ. Còn ngày thường thì chỉ có mấy ông già bà già đi khệnh khạng trên hè phố hay dọc bờ suối khi nào trời tốt. Hôm nay, trời tốt đó chớ, nhưng sao chẳng thấy ai đi. Tự nhiên, tôi cảm thấy bơ vơ lạc lõng . . . Lại nhìn quanh, chỉ thấy xa dưới kia là gác chuông nhà thờ một mình đứng cao lêu nghêu !

Con suối không sâu, nước trong nhìn thấy đáy. Dòng nước chảy nhanh nhanh. Khi gặp mấy tảng đá lớn, nước bắn lên trắng xóa coi thật sinh động, nhìn không chán.

Lòng suối đầy đá cuội tròn tròn. Cũng có những cục đá to nhưng chẳng có viên đá nào còn góc cạnh. Viên nào cũng nhẵn thín.

Nhìn nước chảy, nhìn đá mòn, tôi bỗng nhớ đến hai câu chót của bài học thuộc lòng thuở nhỏ :

" Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,

Tào khê nước chảy vẫn còn trơ trơ. . . “

Hai câu thơ đó không có gì hết, vậy mà nó làm tôi ứa nước mắt ! Không phải nó chỉ nhắc tôi thời thơ ấu, thuở học vui học buồn bằng quyển “ Quốc Văn Giáo Khoa Thư “, mà nó còn nhắc tôi một cái gì sâu đậm hơn là kỷ niệm, một cái gì to rộng mênh mông hơn là không gian thời gian, một cái gì mà trong cuộc đời lưu vong này tôi vẫn mang mẻnh trong tâm tư, giống như một chất ma túy : nó nhắc tôi quê hương, cái quê hương xa cách ngàn trùng !

Tính ra, tôi bỏ xứ ra đi đã hơn hai mươi bốn năm. Một phần tư thế kỷ ! Trôi nổi đó đây với nhiều âu lo dằn vật, thêm tuổi đời cứ chồng chất mãi lên. . . nên ký ức bị xói mòn theo năm tháng. Đến nỗi chuyện gì xảy ra hôm tuần rồi, hôm tháng trước. . . có khi không nhớ ! Vậy mà hình ảnh của quê hương vẫn còn nằm nguyên đâu đó ở trong lòng, với những kỷ niệm vụn vặt của năm sáu chục năm về trước ! Chỉ cần một chất xúc tác là nó bật lên rõ rệt, không thiếu một chi tiết, làm như mình đang sống trong đó mới hôm qua hôm kia. . . Tình yêu quê hương sao mà kỳ diệu như vậy được ?

Nơi tôi sanh trưởng cũng là một cái làng nho nhỏ. Nó không ngăn nắp sạch sẽ, không được trang hoàng bằng những bông hoa đầy màu sắc như ở đây. Cũng không có con suối nhỏ chảy ngang để hai bờ được nối với nhau bằng cây cầu đá. . .

Làng tôi nằm bên tả ngạn một con sông lớn, quá lớn nên thấy cái làng như nhỏ xíu ! Con sông đó có cái tên chẳng chút gì ‘văn chương’ : sông Vàm Cỏ. Trong làng chỉ có một con đường tráng nhựa : đó là đường liên tỉnh, cũng còn được gọi là ‘con lộ cái’ nối xóm trên xóm dưới. Ngoài ra, toàn là đường đất mà tiền thân của chúng nó là những con đường mòn, nối xóm Nhà Máy, xóm Lò Heo

qua xóm Lò Gạch, xóm Chùa ... Cho nên những con đường trong làng đều chạy cong cong quanh quanh !

Làng tôi cũng có chợ nhà lồng, ngày nào cũng nhóm, nhưng chỉ nhóm có buổi sáng. Nằm cạnh chợ là 'Nhà Việc', nơi . . . làm việc của những 'nhà chức trách' trong làng. Xế xế về phía con lộ cái là trường tiểu học với hàng rào cây bông bụp, lá xanh um láng mướt.

Làng tôi không có nhà thờ nhưng có một 'kiểng' chùa nằm trên một khu đất cao, có rào tre xanh chung quanh. Hồi tôi còn nhỏ, thấy cũng nằm xa dân chúng, vắng vẻ u tịch (hồi đó, tôi ít dám đi ngang qua đó một mình vì . . . sợ ma !) Về sau, dân chúng càng ngày càng đông, nhà cửa cứ xây cất tiếp nối nhau kéo dài ra hướng chùa, rồi 'đi' xa hơn về phía con lộ cái. Vì vậy, chùa bị lọt trũm giữa khu nhà dân, không còn biệt lập như trước.

Nhà cửa trong làng nhỏ lớn gì cũng có hàng rào. Phần nhiều là hàng rào cây xương rồng và cây bông bụp (cũng gọi là bông lồng đèn) Xương rồng cũng trổ bông lai rai, hoa trắng nõn nà mỏng manh như lụa, khác hẳn với thân cây mang đầy gai góc ! Còn bông bụp thì cứ nở thè lè đỏ cây. . .

Đó ! Làng tôi đó ! Quê trân ! Chẳng chút màu mè. Vậy mà sao tôi vẫn thương.

. . .Thương những con đường đất mà hai bên là bờ cỏ may. Đến mùa, cọng cỏ may đưa bông lên tua tủa tím ngắt, chỉ chực bám đầy ống quần nào bất chợt đi ngang.

. . .Thương những đoạn đường quằn, mùa mưa nước ngập phải xăn quần tém áo để đi qua, trong lúc trẻ con một lũ ở truồng nằm lăn chập chũm, tóe nước nhau cười vui như hội.

. . .Thương bờ sông Vàm Cỏ với những cây dừa trồng không thẳng hàng, cũng không chia đều khoảng cách,

giống như ‘mạnh ai nấy trồng’ ! Mấy cây dừa đó, nằm quá gần bờ nước nên rất nhiều cây thiếu đất để giữ gốc, chúng nằm dài ra phía sông cách mặt nước độ một đôi thước rồi uốn mình đưa ngọn đứng thẳng lên cao. Vậy mà cũng đơm bông kết trái ! Trẻ con thường trèo lên đó để phóng xuống nước nô đùa lặng hụp, và dân ở dọc bờ sông hay đem mền chiếu ra vắt lên đó để phơi.

. . .Thương con đường lên chùa có hai bờ tre xanh lả ngọn giao nhau làm cho con đường giống như một cái hang mát rượi. Ở đó, mỗi trưa đứng bóng, những người dọn hàng từ chợ về nhà thường dừng chân núp nắng, và chiều chiều đường vắng cũng thấy thẫn thơ một cặp gái trai . . .

. . .Thương cả cây phượng nằm bên bờ đường trước nhà ông Cả. Thân nó to bằng ba người ôm, gốc rễ lấn luôn ra mặt đường. Ai đi qua cũng phải bước vòng để tránh ! Đó là cây phượng độc nhứt ở trong làng. Không biết ai trồng và tại sao lại trồng ở đó ? Chỉ biết hằng năm vào mùa thi là cây trổ hoa đỏ trời. Sau đó là hoa rụng đỏ đất.

. . .Và còn thương nhiều thứ nữa, kể biết bao giờ cho hết !

Nhà tôi ở trong Xóm Mới. Gia đình tôi nghèo. Cha tôi trồng rau cải, mẹ tôi hằng ngày gánh xôi ra ngồi bán ngoài chợ. Cha mẹ tôi chỉ có hai đứa con trai : tôi và thằng Cu, nhỏ hơn tôi sáu tuổi. Cha tôi chết bịnh hồi mẹ tôi sanh thằng Cu . . .

. . .Nhớ hoài, thời tôi học tiểu học. Sáng nào, sau khi húp tô cháo với miếng đường thẻ, tôi ôm cặp đựng sách vở mà ông nội tôi làm bằng giấy dầu để khỏi bị ướt nước mưa, đi theo mẹ tôi ra chợ. Vì phải đem thằng Cu theo - lúc đó nó được hơn hai tuổi - mẹ để nó ngồi trong một cái thúng, gióng ở đầu đòn gánh phía trước, còn lá chuối, xôi,

nhưn, dừa nạo v.v... vồn trong một thúng gióng ở đầu sau. Mẹ gánh như vậy mà bước chân đi sai sải. Đòn gánh nhún lên nhún xuống làm thằng Cu khoái lắm. Lâu lâu, mẹ đổi vai, đầu đòn gánh nhún xuống hơi sâu và tưng lên hơi cao làm anh ta cười hắc hắc để lòi bốn cái răng cửa nhỏ xíu. Những lúc đó, anh ta thường gọi tôi để khoe : 'Hai ! Hai ! Coi nhè ! Coi nhè !'.

Tôi học chỉ có buổi sáng. Mẹ tôi bán ở chợ cũng vậy. Trưa, chợ tan sớm hơn trường học, mẹ gánh thằng Cu đến ngồi đợi tôi dưới cây trứng cá gần cổng trường. Thấy tôi ra, thằng Cu đứng lên, vừa nhảy tưng tưng trong cái thúng vừa la : 'Hai ! Hai !'. Anh ta ở truồng - lúc nào cũng ở truồng - bên trên bận áo bà ba vải đen của bà nội may cho, đầu đội cái nón hình chóp bằng lá chuối mẹ xếp rồi ghim bằng cọng chân nhan . . . Mẹ đưa tôi gói xôi (đã thành lệ, ngày nào mẹ cũng chừa cho tôi một gói) tôi ngồi xổm cạnh mẹ, vừa ăn vừa đút cho thằng Cu. Ăn xong, tôi chạy qua bên kia đường xin một gáo nước ở nhà thầy giáo Hiển, rồi mang cho ba mẹ con uống (vì trong trường chỉ có một lu nước, không đủ cho đám học trò nên thầy Hiển đặt trước nhà thêm một lu. Vào giờ ra chơi, học trò bu qua đó đông như kiến) Uống xong, mẹ gánh thằng Cu bước đi thông thả, tôi lon ton chạy theo song song . . .

Hồi đó, vì phải chạy lúp xúp nên có lần tôi nhìn xuống bước chân của mẹ, coi mẹ đi cách nào mà mình cứ phải chạy theo lúp xúp ! Mẹ đâu có bước lẹ, mẹ bước đều. Mẹ đi chân không, mỗi bước chân của mẹ giậm xuống làm tung lên một chút bụi đường. Tôi nhìn chỉ thấy có như vậy. Bây giờ, hơn sáu chục năm sau, ngồi ở trời Tây này, tôi đâu cần nhìn mà sao vẫn thấy được - thấy rõ - hai bàn chân của mẹ. Hai bàn chân to bề ngang, mấy ngón chân chè bè không bao giờ xếp lại được. Hai bàn chân xấu

xí đó chưa từng đụng tới đôi giày đôi dép. Hai bàn chân chỉ biết có đôi guốc dong khi rửa chân đi ngủ, hay khi đi dự dám giỗ, đám tang . . . Hai bàn chân đó đã bám lấy đất để đứng vững một mình nuôi hai thằng con, hỏi sao không chè bè cục mịch cho được ?

Tôi bồi hồi nhớ lại lần tôi lau rửa đôi bàn chân của mẹ . Đó là hồi mẹ tôi mất sau một thời gian dài nằm bịnh ở nhà thương (Mẹ ngã bịnh từ ngày hay tin thằng Cu chết trận ở Đắc Lắc…) Tôi lau chân mẹ lần đó là lần đầu và dĩ nhiên cũng là lần cuối cùng . Tôi lau gót chân nứt nẻ . Tôi lau lòng bàn chân chai mòn . Tôi lau những ngón chân tròn cứng như những hòn sỏi . Tôi lau chân mẹ bằng suối nước mắt và bằng tất cả sự thận trọng như khi lau một món đồ thật là trân quí…

Tôi đốt điếu thuốc, thở một hơi khói dài. Lại nhớ hồi học lớp nhứt, có hôm tôi bắt chước bạn bè lén hút thuốc. Mẹ tôi thấy được, lôi tôi vào nhà bắt đứng khoanh tay để ‘hỏi tội ‘: ‘Hai ! Ai cho mầy hút thuốc, hả ? Ai dạy mầy hút thuốc, hả ? Mầy bắt chước ai, nói tao nghe coi ? Mới có bây lớn đó mà bày đặt hút thuốc !’. Rồi mẹ chụp cây chổi chà dựng gần đó : ‘Tao phải đánh mầy cho mầy chừa’. Mẹ vừa nói ‘Chừa nè !’ vừa đập cây chổi lên đít tôi thật mạnh. Cứ mỗi một câu ‘Chừa nè ! ‘ là một phát chổi. Mẹ đánh một lúc rồi liệng cây chổi, trèo lên bộ ván, ngồi co chân, rút cái khăn rằn đấp lên mặt khóc. Tôi đứng chết điếng, nghe mồ hôi chảy dài theo xương sống, không thấy đau ở đít mà đau ở đâu trong lòng. Bởi vì đó là lần đầu tiên tôi làm cho mẹ tôi khóc. Tôi mếu máo, rặn ra mấy tiếng : ‘Dạ . . . con xin chừa . . .’

Vậy mà lớn lên, khi ra đời, tôi đã . . . không chừa ! Tôi tập tành hút thuốc hồi tôi đi lính, bởi vì ‘ở tiền đồn trời khuya đêm lạnh, ta chia nhau điếu thuốc ấm lòng’. . .

Mỗi lần về phép, chẳng bao giờ tôi dám hút ở nhà vì trận đòn chổi chà thuở nhỏ vẫn còn đeo theo ám ảnh ! Tôi hút ngoài đường . . .

Một hôm, đang đứng hút thuốc với mấy thằng bạn cùng xóm, bất thần mẹ tôi đi qua. Tôi vội vã liệng điếu thuốc xuống đất. Mẹ tôi dừng lại, mỉm cười : 'Mầy làm cái gì vậy, Hai ? Mầy lớn rồi chớ bộ còn con nít sao. Bây giờ, mầy có hút thuốc, tao cũng đâu có bắt mầy chừa !' Rồi bỏ đi một nước !

Mẹ tôi như vậy đó. Quê mùa mộc mạc như làng của tôi, vậy mà tôi vẫn thương. Tôi thương, đâu cần mẹ tôi phải đẹp, quê hương tôi phải sang. Tôi thương, vì tất cả đều gắn liền với tôi từ thuở tôi ra chào đời. Tôi đã quen thở, quen sống trong vòng tay của mẹ, giữa lòng quê hương ; đã lớn lên trong cái thật thà chân chất đó. Cho nên hình ảnh của mẹ, của quê hương đã ghi sâu vào lòng tôi đến độ khi thiếu vắng, tôi thương tôi nhớ. Và tình thương đó vẫn chưa thấy mòn, mặc dầu bây giờ tôi đã ngoài bảy mươi . . .

o O O

Mặt trời đã lên cao. Thấy có vài người hứng nắng bên bờ suối. Tôi đứng lên đi về nhà mà miên man nghĩ : « Những hình ảnh mà mình vừa gợi lại khi nãy sao mà dễ thương như vậy. Mình phải viết ra để cho nó có chỗ đứng bên ngoài ký ức, cho các con các cháu của mình thấy và hiểu tại sao hơn hai mươi bốn năm sống trên đất Pháp, cha và ông của chúng nó không nói 'thương nước Pháp' mà cứ nhắc hoài người mẹ đi chân đất và cái làng quê mùa không có đến hai con đường tráng nhựa ! «

Vào nhà, tôi đi thẳng lại bàn viết. Vợ tôi chắc đang nấu bếp nên nghe phất ra thơm phức mùi thịt kho tiêu. Tôi lấy xấp giấy trắng, không cần đốt điếu thuốc, không cần hớp mấy ngụm nước trà để trợ hứng. Bởi vì cái hứng đang ở ngay trong tôi, căng đầy . . .

Tôi cầm bút nắn nót viết cái tựa bằng chữ hoa : 'ĐÁ MÒN NHƯNG DẠ CHẲNG MÒN '. . .


Báo cáo đồng chí: ta vừa bắt được 3 tên sư gia. Chúng nó không có giấy chứng nhận hành nghề của Ủy Ban Nhân Dân!

Chị Tư Ù

Chợ cá hồi đó nằm trên khoảng đất tráng xi măng giữa bờ sông và nhà lồng chợ, chung với hàng rau cải và trái cây. Về sau, thấy việc bơm nước rửa chợ cá vẫn không làm trôi hết mùi tanh của nhớt cá thấm vào xi măng, nhà chức trách trong làng cho xây chợ cá chờm hẳn ra sông, bằng gỗ theo điệu nhà sàn chống chân xuống nước nhưng bề mặt rộng như một cầu tàu. Như vậy, nhứt cử lưỡng tiện, bởi vì vừa rửa chợ ngay trên mặt sông, vừa có chỗ cho ghe thuyền cập vào để lên hàng. Ngoài ra, còn thêm một "tam tiện" nữa là chiều chiều người ta hay ra đó để câu cá hoặc hóng mát bởi vì chợ chỉ nhóm có buổi sáng thôi.

Ở chợ cá, chị Tư Ù là "xếp sòng"! Không phải chỉ tại vì cái sự "to thuyền lớn bánh" của chị, mà còn tại vì chị thuộc vào gia đình bán cá bán mắm lâu đời nhứt trong làng. Bắt đầu là bà ngoại của chị từ thuở chưa có chợ nhà lồng (hồi đó chợ còn nhóm lộ thiên ở dưới xóm lò heo). Kế đó là má của chị. Thời này, ở nhà không còn làm mắm bán mắm, chỉ bán cá thôi và đã dọn về căn phố trệt nằm ngang hông chợ. Và bây giờ là đến phiên chị Tư. "Trong gia đình, con Tư học hành thì dở nhưng lại chịu cực giỏi. Lại biết bươn chải làm ăn. Chỉ có nó mới nối nghiệp tao được. Cũng như tao đôi với bà ngoại bây hồi đó." ...Má chị Tư thường nói như vậy, hồi còn sanh tiền, hồi lũ con vừa mới lớn. Về sau, quả đúng như vậy: mấy đứa kia sau khi dựng vợ gả chồng, xuống Sài Gòn làm việc cho nhà nước, có đứa làm cho hãng tư ở đâu tuốt ngoài Trung xa lắc xa lơ. Chị Tư ở lại "nối nghiệp" sau khi bà già nằm

xuống. Rồi bởi vì có sự "mẹ truyền con nối" ba đời như vậy mà không riêng gì ở chợ cá, trong làng ai cũng biết tiếng chị Tư và bạn hàng cá cũng nể nang một phần.

Hỗn danh "Tư Ù" không phải mới có sau này, mà đã có từ hồi chị Tư còn nhỏ. "Trong nhà chỉ có mình con Tư là sổ sữa hơn hết" – má chị thường nhắc chuyện này, vì bà rất hãnh diện đã làm một việc "không phải ai cũng làm được". Bà kể: "Hồi sanh nó ra, tao rặn muốn bứt hơi luôn! Tưởng đâu tao ngủm rồi chớ. May nhờ bà mụ cũng giỏi, bả rặn phụ tiếp sức mấy lần, con nhỏ mới chịu lọt ra. Ý... nó lì từ còn trong bụng chớ phải mới đây đâu bây ơi!". Bà hay ngừng ở đó một chút, xỉa cục thuốc qua lại mấy lần, làm như để nhớ lại cái đau thuở đó và cái nhẹ sau khi đã sổ lòng đứa con... Rồi lúc nào bà cũng tiếp: "Bà mụ mà còn phải công nhận là cả làng này chưa ai sanh đứa nhỏ nào bự bằng nó hết! Ai tới thăm khi bồng nó lên cũng nói là nó nặng như con Tây! Tía bây đi ruộng về thấy cũng phải hết hồn!". Rồi cũng vì cái sự nặng như con Tây mà mấy bà mấy cô xóm Chợ hay tới lui ẵm bồng nựng nịu "bé Tư". Bé Tư mau ăn chóng lớn, lúc nào cũng "ú na ú nần", hay cười dễ ngủ nên trong xóm ai cũng thương. Mãi đến khi vào trường tiểu học, trẻ con trong trường mới đặt cho danh hiệu "Tư Ù". Từ đó, thành tên luôn.

Hồi đó trong lớp, hai đứa học dở "nổi danh" là con Tư Ù và thằng Út Cón. Thằng này người Tàu, tên Lý Cón, con trai út của chú Phấn thợ bạc. Vợ chồng chú Phấn sanh một bầy con gái rồi ngưng ngang. Tám năm sau thiếm Phấn bỗng lại có bầu. Lần này, hai vợ chồng đưa nhau về Chợ Lớn đi mấy chùa chiền cầu nguyện cúng vái dữ lắm. Sau đó, sanh Út Cón. Cho nên, cả nhà chú Phấn cưng nó như vàng. Nó muốn gì được nấy. Đến nỗi, khi đến tuổi đi

học, nó không chịu đi, là cả nhà cũng làm thinh. Cho tới lúc thấy nó "lớn đại" rồi mới tìm cách dụ dỗ, nói khích để nó cắp cặp vào lớp. Vì vậy khi nó đi học với Tư Ù thì nó đã lớn hơn tới bốn năm tuổi!

Trái với Tư Ù, Út Cón gầy nhom trắng nhách. Tánh tình thì hay hờn hay giận trong lúc Tư Ù lại xông xáo "du côn" như con trai. Vậy mà hai đứa lại thích nhau, lúc nào cũng đi chung chơi chung, và gọi nhau bằng "bồ".

Tiệm vàng của chú Phấn nằm ở dãy phố trệt phía bên kia nhà lồng chợ, thành ra đối diện với nhà má Tư Ù. Và vì hai nhà nằm trịch về phía bờ sông ngang sân xi măng nên từ nhà này có thể nhìn thẳng qua nhà bên kia mà nói chuyện cũng được. Chỉ cần nói lớn tiếng một chút là nghe rõ. Sáng nào, Tư Ù cũng lon ton chạy qua tiệm vàng để cùng đi học với Út Cón chớ không đi chung với mấy đứa trong nhà. Lâu lâu, con Tư bị kẹt gì đó thì thằng Cón ra trước cửa tiệm réo: "Ù ơi! Ớ... Ù ! Bồ làm khỉ gì bển mà chưa chịu qua ?". Có hôm, cả hai đứa cùng trễ, nghe tiếng trống trường đánh thúc tới mới hè nhau chạy mà cười hắc hắc, giống như... chạy đua vào lớp.

Những ngày nghỉ, tụi nó hay rũ nhau lên chùa "ăn cắp nhãn". Thật ra tụi nó còn quá nhỏ để trèo lên mấy cây nhãn trong vườn sau của chùa, nên đến đó chỉ để lượm nhãn dơi ăn làm rớt rải rác dưới đất. Nhưng vẫn nói là "đi ăn cắp" cho nó oai! Út Cón hay đem hột nhãn về nhà lấy dao cắt khoanh, móc bỏ ruột, còn lại cái vỏ đen huyền bóng lưởng làm nhẫn đeo vào ngón tay của "bồ" nó. Nó đã phải lựa những hột nhãn thật to để chiếc "nhẫn" đủ rộng cho vừa ngón tay...

... Lật bật rồi hai đứa cũng học hết lớp nhì. Đến đây, Út Cón sang qua học trường Tàu vừa mới mở ở xóm chùa Cao Đài trên lộ cái. Còn lại một mình, Tư Ù ráng

"kéo" hết năm lớp nhứt rồi nghỉ học luôn, ở nhà giúp việc nhà và tập tành bán cá với mẹ. Lúc này, "con Tư" bắt đầu trổ mã. Da dẻ mơn mởn, má hồng hồng, mắt trong vắt, tóc đen mướt thả dài đến ngang lưng, và giọng nói thật là lảnh lót. Thân hình có thay đổi, có "trở thành con gái", nhưng vẫn... tròn trịa nặng cân.

Út Cón cũng nhổ giò, cao lêu nghêu, nói tiếng trống tiếng mái. Tuy hai đứa không còn học chung, nhưng vẫn qua lại gặp nhau thường và vẫn gọi nhau bằng "bồ". Tiếng "bồ" từ thuở bé bây giờ không còn nét vô tư nữa, nhứt là tiếng "bồ" của Tư Ù gọi Út Cón. Nó có cái gì... khác khác. Một cái gì nhẹ nhẹ. Một cái gì mà chỉ có con gái gọi người con trai mình thích mới gọi được như vậy thôi!

Bây giờ Út Cón đi học bằng xe đạp. Sáng nào, nó cũng đảo một vòng xuống bờ sông để đạp ngược trở lên ở dãy phố bên kia, bởi vì sân xi măng đã đầy bạn hàng. Và sáng nào vào giờ đó con Tư cũng quét nhà vừa ra đến cửa để chào Út Cón: "Đi học hả bồ?". Thằng con trai vừa "Ừa" vừa nhấn mạnh lên bàn đạp làm tiếng "Ừa" như bị kéo dài ra, giống như cái nhìn của con Tư đang kéo dài theo sau lưng bồ nó.

Lâu lâu, tụi nó rủ nhau đào trùng đi câu ở bến gỗ thầy Cai, và luôn luôn đi chung với mấy đứa nữa. Chỉ có hẹn nhau lên chùa là tụi nó đi riêng. Làm như khu vườn sau chùa là một thế giới khác, một thế giới mà tụi nó đã "xí" từ hồi còn học lớp chót. Ở đó có mấy gốc nhãn mấy gốc sung gốc mít và vô số ổi, vây quanh bởi một hàng rào tre tươi. Trẻ con trong làng đều biết khu vườn đó nhưng chúng không vào được vì phải bước hẳn vào ngôi tam bảo mới có ngõ để đi qua đó, mà ông thầy cả thì khó tánh không cho trẻ con vào chùa sợ mất nét tôn nghiêm. Ông

thầy này là bà con bạn dì với má con Tư, nhờ vậy mà Tư Ù Út Cón được ra vào vườn thông thả. Dĩ nhiên, chúng nó chẳng bao giờ dám lớn tiếng làm ồn. Ngoài ra, khi gặp dịp, hai đứa cũng biết phụ thầy hay mấy chú tiểu làm những chuyện lặt vặt như quét dọn bàn Phật, chưng bông,nấu nước. Thành ra trong chùa coi tụi nó như... người nhà! Lâu rồi thành quen, chẳng ai để ý rằng "hai đứa nhỏ" đã bắt đầu lớn...

Những lúc lên chùa sau này không còn ý nghĩa ngây thơ "đi ăn cắp nhãn" như hồi còn "lớp năm lớp tư". Lên chùa bây giờ giống như "đi về nhà của tụi nó" hay "đi về cái ổ của tụi nó". Cái khu vườn sau mà tụi nó thuộc từng gốc cây bờ cỏ, thuộc từng lối đi quanh quẹo để tránh hòn non bộ, tránh mấy chậu kiểng, tránh mấy cái đôn bằng sành... Ở đó, chia nhau mấy trái ổi chua, mấy trái dái mít chát... để chấm muối ớt mang theo từ nhà, vừa ăn vừa hít hà vì cay chảy nước mắt, vậy mà sao thấy ngon, thấy vui. Chẳng nói chuyện gì nhiều, vậy mà sao thấy đầy thấy đủ. Ở đó, chỉ có hai đứa...

... Mấy năm sau, Út Cón nghỉ học, ở nhà làm thợ bạc. Mấy năm sau, Tư Ù đi lên đi xuống Sài Gòn Chợ Lớn bổ hàng về phân phối lại bạn hàng trong chợ, để bà già bán cá một mình. Mấy đứa khác trong gia đình đã xuống ở hẳn nhà người dì ở Sài Gòn để đi học. Út Cón bây giờ bảnh trai ra, người dong dỏng cao, mặt mũi khôi ngô trắng trẻo. Tư Ù thì thân thể đẫy đà, chỉ đẹp gái ở giọng nói nước da và mái tóc! Vẫn hay cười, dễ ngủ và vẫn lanh lẹ "tay bằng miệng, miệng bằng tay". Hai người vẫn qua lại với nhau như thuở nhỏ. Vẫn gọi nhau bằng "bồ", tiếng "bồ" bây giờ thật đậm đà tình bạn mà cả hai chỉ dành riêng cho nhau. Lâu lâu, thấy quần áo gì lạ lạ mới mẻ ở Sài Gòn Chợ Lớn, Tư Ù mua về tặng Út Cón

"bận chơi để lấy le với bạn bè". Để "trả" lại, Út Cón âm thầm vẽ kiểu chạm trổ một chiếc nhẫn bạc. Mấy hôm sau gọi Tư Ù qua tiệm nói: "Bồ cho tôi nhiều thứ quá. Bữa nay, tới phiên tôi cho bồ cái này". Rồi cầm bàn tay Tư Ù lên xỏ chiếc nhẫn vào ngón áp út. Xong, nghiêng bàn tay qua lại để nhìn: "Tôi nhắm chừng vậy mà cũng vừa ghê. Hồi nhỏ, tôi hay làm vòng hột nhãn cho bồ, bồ còn nhớ không?". Tư Ù xúc động đến không nói được một lời. Út Cón vẫn cầm bàn tay nghiêng qua nghiêng lại để nhìn, theo thói quen thợ bạc: "Bây giờ có muốn làm vòng hột nhãn cũng không kiếm đâu ra hột to để cho vừa với bàn tay tổ nái này !". Tư Ù rút nhanh tay về đánh lên vai Út Cón cái bốp, nói: "Quỉ". Rồi cả hai cười vang tự nhiên, làm như thuở ấu thời hãy còn nguyên vẹn đó. Và có lẽ trong thâm tâm mỗi người đều cũng muốn như vậy. Để đừng có gì thay đổi.

... Vậy rồi Út Cón đi cưới con Doành, con gái út của ông bang Ky. Đám hỏi và đám cưới làm cùng một lúc theo lời yêu cầu của đàng gái vì ông bang Ky phải về Tàu gấp sau đó. Hay tin đám cưới, Tư Ù bỗng chết điếng trong lòng, đang ngồi trên bộ ván gõ mà tưởng chừng như chìm sâu dưới nước. Nằm dài xuống bộ ván, Tư Ù lấy khăn lông úp lên mặt để nước mắt thú nhận tình yêu giấu kín từ bao nhiêu năm...

Thời gian sau, Tư Ù "lấy" tài xế Cước lái xe Thiên Thành chạy lên chạy xuống Sài Gòn... Chuyện này cả làng đều hay. Bà già chửi "tắt bếp". Tư Ù đổ lì chịu trận, và hay vừa cười vừa giải thích: "Đi bổ hàng riết rồi dính luôn, gỡ không ra ! Chắc tại cái số...". Rồi tài xế Cước dọn về ở chung trong nhà như hai vợ chồng. Bà già mới đầu buồn lắm, nhưng lần hồi quen đi, nên cũng chẳng có

lời qua tiếng lại. Bên tiệm vàng Út Cón cũng buồn lắm, thương cho người bạn gái chẳng gặp duyên may, làm cho hàng xóm dị nghị mà mình thì không biết giúp cách nào hết. Có hôm Út Cón ngừng tay, nhìn ngang tủ kiếng sang nhà bên kia, thấy thấp thoáng bóng Tư Ù mà có cảm giác như hình ảnh đó mỗi ngày một xa lần mà mình thì vẫn ngồi đây bất động, chẳng một với tay, chẳng một vẫy tay... Chẳng bằng hồi đó, cái hồi mà còn đi chơi chung với nhau, hai đứa cùng ngồi trên nhánh ổi, chỉ một cái nghiêng người của Tư Ù mà mình đã đưa tay chụp lấy nó vì sợ nó té làm nó cười lên hăng hắc. Chẳng bằng hồi đó... Chẳng bằng hồi đó... Út Cón thở dài quay về với công việc mà nghe lòng se lại. Chụp hộp quẹt máy đốt đầu cây đèn khò, chân đạp cái bơm gió, Út Cón điều chỉnh ngọn lửa đèn khò mà trong đầu hiện về biết bao nhiêu kỷ niệm. Để rồi tiếp tục so sánh "cái hồi đó" với "cái bây giờ". So sánh để vừa tiếc nuối vừa ân hận. Bỗng Út Cón thốt lên nho nhỏ, giọng như tự trách mình: "Vậy mà gọi nhau bằng bồ cái nỗi gì?...". Ý nghĩ đó làm Út Cón muốn chảy nước mắt. Vội vã cầm đèn khò đưa ngọn lửa tạt qua tạt lại trên cục vàng nhỏ như hột bắp nằm gọn trong lòng khuôn. Để đừng nghĩ gì nữa. Vậy mà vẫn nghĩ rằng mình đang muốn đốt cho chảy ra để làm tinh khiết lại một cái gì cũng quí như cục vàng nằm ngay trước mặt...

Ăn ở với tài xế Cước không bao lâu Tư Ù mang bầu rồi sanh con trai. Bà già cưng như trứng mỏng. Vậy mà tài xế Cước kiếm chuyện gây gổ mấy lần rồi "xách gói ra đi". Ra đi khơi khơi dễ dàng làm như chuyện "đầu ấp tay gối, đứa con hòn máu" chẳng có giá trị gì hơn chuyện quá giang xe đò của người hành khách! Cũng chẳng thấy Tư Ù buồn. Có ai hỏi thì trả lời: "Thằng chả nói nhà tôi tanh cá quá, thằng chả chịu không nổi". Nói rồi Tư Ù cười

lên ha hả. Có ai trách thì tự an ủi: "Ôi !... Thằng chả lái xe đò quen rồi. Tấp vô bến này một chút rồi đi, rồi tấp vô bến khác. Hơi đâu mà trách? Chớ như tôi đây ú na ú nần xấu xa xấu xí có thằng đàn ông nào thèm rớ. Vậy mà thằng chả chiếu cố hết mấy năm, coi thấy bạc nghĩa vậy chớ vẫn còn có tình. Còn phiền trách nhau chi?". Từ ngày tài xế Cước bỏ đi, vợ chồng Út Cón – vẫn chưa có con – hay qua lại nhà Tư Ù ẵm bồng nựng nịu thằng nhỏ và lâu lâu "mượn" nó về tiệm vàng chơi cả buổi, gọi là để "lấy hên". Thật ra, đó chỉ là một cái cớ để Út Cón nối lại sợi dây tình cảm bị gián đoạn từ ngày có mặt tài xế Cước và để tiếng "bồ" vẫn là tiếng nói từ trong lòng của hai người. Vợ Út Cón cũng mến Tư Ù ở tánh bộc trực nên thường tới lui "chị chị em em" như đã quen thân nhau từ trước. Tư Ù chẳng những không thấy ganh ghét vợ Út Cón mà còn thấy "con nhỏ thiệt dễ thương, nết na đằm thắm, lo cho chồng từng tí từng ly...". Đối với Tư Ù, mọi sự đều dễ dàng: "Không thành duyên nợ thì thôi, tình thương mình để vào lòng chớ làm khó khăn rắc rối nhau chi cho chúng ghét". Còn về "chữ tình", quan niệm của Tư Ù cũng rất là đôn hậu rõ rệt: "Hể mình thương ai thì mình muốn người đó sung sướng hạnh phúc. Người đó vui, mình vui. Người đó buồn, mình buồn. Chớ còn nói thương người ta mà cứ đeo theo làm khổ người ta, thì đâu phải gọi là thương!". Có lẽ nhờ nghĩ như vậy mà tiếng "bồ" của Tư Ù gọi Út Cón lúc nào cũng thấy trong veo mát rượi như giọt sương trên tàu lá buổi sáng...

Mặc dù tâm sự đã "gói ghém" kỹ để trong lòng, lâu lâu Tư Ù vẫn thấy thèm được nói lên "tiếng nói của con tim". Đó là những buổi trưa rỗi rảnh, nằm một mình trên võng đong đưa, ngẫm nghĩ viễn vong để cuối cùng lại trở về hoàn cảnh của hai người. Không kềm được trào

lòng, Tư Ù ngân nga một câu vọng cổ: "***Anh Hai ôi... Cái mối tình của em đối với anh... nó tợ như trời cao biển rộng……...ư……...sông... à……dài...***".

Xuống "hò" thật ngọt và nghe như nỗi niềm trắc ẩn cũng theo chữ "dài" mà tuôn ra nhè nhẹ. Mấy tiếng "Anh Hai ôi..." được "vô" một cách tình tứ. Sợ thiên hạ biết, chớ nếu dám "vô" bằng "Anh Út ôi..." chắc phải mùi hơn nhiều... Và chỉ có như vậy thôi, và chỉ cần có như vậy thôi, Tư Ù cũng đã thấy nhẹ, thấy thỏa mãn, thấy như đã nói hết những gì mình muốn nói!

o O o

Khi chị Tư "nối nghiệp" bà già, chợ cá hãy còn nhóm mỗi sáng trên sân xi măng. Hồi đó thằng con trai đã lớn, đang đi quân dịch, và vợ chồng chú Út cũng đã có hai cô con gái. Người trong làng kêu Tư Ù bằng "chị Tư", nhưng lại gọi Út Cón bằng "chú Út". Có lẽ tại cái gốc Tàu. Bởi vì họ đã có thói quen gọi người Tàu bằng "chú" – chú chệt – và vẫn gọi tiếp tục như vậy cho dù "chú chệt" đó lần hồi đã già bảy tám mươi tuổi. (Thành ra trong tiệm vàng đã có "chú Phấn", bây giờ tấn lên có "chú Út Cón". Hai cha con đều được gọi bằng "chú", ngang nhau!)

Mỗi sáng chị Tư dọn hàng ra chợ, ngay trước nhà, nên cũng tiện và nhanh. Hàng cá của chị gồm có hai thau nhôm thật to đầy cá, nước trong veo, một tấm thớt gỗ dầy, hơi trũng xuống ở phần giữa vì đã được sử dụng lâu năm, một con dao yếm để đánh vảy mổ bụng cá, một con dao phay để chặt khúc cá, một cái thau nhôm nhỏ để bắt cá cho khách hàng coi và một cái cân xách. Đặc biệt trong chợ cá, chỉ có chị Tư là không có cái chài vồ. Dụng cụ

này bằng gỗ, thường được dùng để đập lên sóng dao phay khi muốn chặt con cá to ra từng khứa và nhứt là khi cần bổ hai cái đầu cá để đừng bị dập và để mỗi miếng "coi cho nó ngon". Khách hàng không ưa những khúc cá "bầy nhầy", cho nên hàng cá nào cũng phải có dao bén ngót, và khi "rả" con cá cở bằng bắp chân trở lên, phải biết dùng dao yếm để khứa và dao phay với cái chài vồ để "xả". Vậy mà chị Tư không cần tới cây chài vồ. Bởi vì chị mạnh tay lắm và chị "nhắm đâu là chặt đúng ngay đó, không xê xích một ly". Khách hàng ai cũng phục chị Tư ở chỗ đó. Họ nói: "Con Tư nó múa dao như Sơn Đông. Mình chỉ ở đâu là nó phụp ở đó, ngay bon ngọt xớt... Chớ không phải như mấy con mẹ kia, cầm chài vồ đập bom bớp nghe mà phát nhức đầu".

Dọn hàng xong, chị ngồi lên cái hộp gỗ cao bằng hai viên gạch có cái hộc như hộc tủ. Chị kéo hộc ra để tiền lẻ vào đó, rồi bắt đầu chào hỏi bạn hàng cá và rau cải. Trong làng, và nhứt là trong chợ, phần đông đều quen biết nhau hết, nên câu chuyện trao qua trao lại dễ dàng thoải mái. Đó là giờ "thông tin" của các bạn hàng trong khi người đi chợ còn rải rác lưa thưa. "A... để nói này nghe, đừng nói ai hết nghen ! Con gái của dì Năm Đôi có bầu với thầy giáo Thái. Họ giấu dữ lắm đó"... "Chèng ơi! Tội nghiệp con nhỏ hôn!"... "Thầy bà gì mà ác nhơn. Vợ con cả đống cả lèng rồi mà còn dê con nhỏ làm chi cho nó khổ"... "Nè ! Nghe nói ông Xả Bảy mới rinh về một con vợ bé. Không biết phải hôn?"... "Đâu nà! Cháu gái của ổng đó. Đừng nói bậy ổng cào nhà bây giờ"... "Ờ... Con mẹ Sáu bánh lọt sao hổm rày đâu mất hổng thấy há?".vv.... Trong lúc bạn hàng vải, hay bạn hàng xén, đều có nhà hay cửa tiệm nằm vây quanh chợ nhà lồng – nghĩa là qui tụ lại một chỗ – thì những người bán cá lại có nhà ở

rải rác trong mấy xóm xa chợ như xóm Giếng, xóm Chùa, xóm Lò Gạch, xóm Nhà Máy... Thành ra bạn hàng cá có "tai mắt" ở khắp nơi. Cho nên họ là giới biết nhiều tin tức trong làng nhứt. Và họ thông tin ăn bứt "Phòng Thông Tin"!

Khi chợ đã bắt đầu đông, bắt đầu ồn ào, thì mạnh ai nấy rao hàng mời khách. Chị Tư cầm cái cán cân nhắc lên để xuống đều đặn làm cho ba sợi xích sắt rơi nhịp nhàng vào cái dĩa cân, kêu rèn rẹt rèn rẹt, miệng mời tía lia: "Cá cô Hai... Cá dì Tám". Chị nhớ từng sở thích của khách hàng, như "Dì Sáu Lộc ưa cá trê vàng, còn cô Năm Ngự lại không ăn được cá không có vảy. Chị Hai Bia thì hay ăn đầu cá lóc, mà coi chừng, phải có đủ đùm ruột và gan mật còn nguyên chỉ mới chịu...". Lâu lâu, chị Tư thọc tay vào thau vuốt ve mấy con cá giống như vuốt ve con mèo con chó ! Vậy mà chẳng có con cá nào "chém" bàn tay của chỉ hết! Và khi mà chị Tư muốn bắt con nào là chị luồng thật nhanh ngón tay cái và ngón tay trỏ vào hai mang cá, nhấc bổng ra khỏi nước. Mấy con cá lốc bằng bắp đùi, chị cũng chỉ bắt có một tay. Mạnh như vậy nên bạn hàng cá ai cũng nể mặt, dù xưa nay họ nổi tiếng là giới thô lỗ hỗn ẩu.

Một hôm, chợ vừa nhóm, chị Tư mặt hầm hầm, cầm con dao phay chém xuống thớt nghe cái cốp rồi chỉ mũi dao về phía một bạn hàng cá ngồi cách xa mấy thước phía đối diện, giọng lanh lảnh:

- Lia ! Tao nghe nói mầy đang rêu rao vụ gì đó phải không?

Tiếng "không" được nhịp bằng tiếng dao chém xuống thớt. Cô gái tên Lia vừa sang nước cá vừa trả lời:

- Chuyện gì đâu ai biết!

Chị Tư vẫn nhịp dao xuống thớt:

- Vậy chớ đứa nào đi nói cùng đồng là thằng cha Út Cón gian lận, bán vàng giả mà la vàng thiệt? Hả? Hả?

Bỗng con Lia đứng sọc lên, tay chống nạnh, mặt gân gân:

- Ờ ! Tôi nói đó! Rồi có sao không?

Chị Tư cũng đứng lên, tay vẫn cầm dao phay điểm điểm:

- Có, chớ sao không! Tao hỏi mầy vậy chớ Út Cón có lường gạt mầy không? Mầy nói cho bà con nghe coi!

Con Lia "khựng" một chút rồi cũng gân gân:

- Thì thằng chả làm đồ giả tôi nói làm đồ giả. Mắc mớ gì chị mà chị xía vô?

Chị Tư nổi nóng, la lớn:

- Mắc mớ chớ sao không mắc mớ! Út Cón là bạn của tao, tao không muốn ai nói xấu thằng chả hết. Nếu mầy có bằng cớ thì trưng ra cho bà con coi, rồi đem lên hội đồng xã mà thưa thằng chả. Chớ còn không có gì hết mà cứ đi rêu rao nói xấu người ta là tự mày muốn sanh chuyện chớ ai vô đây?

Thấy quá căng, mấy bà bán cá vội vã xúm lại can gián, mỗi người vài câu, ồn ào hỗn tạp. Trước khi ngồi xuống, chị Tư còn "bồi" thêm một câu, gọi là để "dằn mặt":

- Nè! Tao nói cho mầy biết. Mầy mà còn kiếm chuyện nữa thì con dao này nó không tha mầy đâu! Cái thứ ăn ở bất nhơn thất đức không chém cũng uổng...

Con Lia vừa sợ, vừa đuối lý, làm thinh ngồi xuống nhưng trong lòng "thề sẽ có ngày nó rửa nhục". Nghe lộn xộn, chú Út Cón từ sau nhà bước ra trước cửa tiệm để nhìn. Lúc đó, cuộc cãi vã cũng vừa chấm dứt. Thiên hạ đi chợ đã bắt đầu đông. Thành ra chú không biết rằng "bồ" của chú vừa mới binh chú.

o O o

Về sau chợ cá nhóm trên sàn gỗ xây chờm ra sông. Chị Tư mỗi lần dọn hàng phải đi xa hơn một chút. Chị vẫn "to thuyền lớn bánh", vẫn hay cười, dễ ngủ, mặc dù thằng con duy nhứt của chị đã chết trận ở ngoài Kontum. Chị nói: "Sống chết tại số. Có khóc mấy, nó cũng không sống lại được!". Trên bàn thờ, cạnh hình ông bà già, chị để hình thằng con mặc quân phục, ngực đeo huy chương. Chị thích cái ảnh đó lắm bởi vì chị thấy nó giống kép Hùng Cường!

Trưa trưa, chị vẫn nằm đong đưa trên võng. Chị thích nằm võng bởi vì nó mát lưng. Cái võng của chị được thắt bằng sợi cây gai đập tơi ra rồi tết lại mịn màng, thân tau vừa to vừa dẹp lại không có gút thành ra nằm êm và không cấn làm ngứa lưng như võng lưới. Chị cũng chê võng nhà binh, tuy nằm êm nhưng khi trở mình nó lại kêu sột soạt!

Và lâu lâu, chị vẫn ngân nga câu vọng cổ của chị để thấy cuộc đời này hãy còn "cái gì để nói"...

o O o

Biến cố tháng tư 1975...

Cả làng treo cờ đỏ. Khắp nơi căng biểu ngữ đỏ. Tất cả bảng hiệu đều được sơn lại bằng màu đỏ. Coi hực hỡ như ngày xưa làng xã làm đám cúng ở miễu ông Tà!

Loa được bắt trên cành cây đầu cột, ngã tư ngã ba, phát thanh nghe rồ rồ như có tiếng máy xe đò Thiên Thành nằm trong đó! Không có phát thanh cải lương nên

nghe riết cũng nhàm. Rồi mạnh loa loa nói, mạnh người người nói.

Bây giờ người ta không còn thời giờ rảnh nữa. Hội họp, học tập, hoạt động đoàn thể liên miên, chưa kể đi lao động đều đặn...

Chợ cá vẫn họp buổi sáng. Giờ "thông tin" cố hữu của bạn hàng cá cũng thấy được tiếp tục nhưng có thâu ngắn lại và nhứt là bây giờ thấy nói nhỏ chuyền cho nhau nghe, chớ không bô bô như hồi trước. Cho nên người ta biết là con Lia bây giờ theo tụi cách mạng dữ lắm. Nó nghỉ bán cá để tổ chức "phụ nữ này phụ nữ nọ gì đó" và hay tới lui với "thằng cha Bắc kỳ công an ở nhà thầy giáo Thái" (nhà này cách mạng tịch thâu vì thầy giáo và gia đình đã bỏ chạy mấy ngày cuối tháng tư bảy mươi lăm). Và họ nói: "Con nhỏ lúc này lên chưn lắm, bà con! Thấy có đội nón cối nữa!".

Một hôm vào xế chiều, tên công an dựng xe đạp trước nhà chị Tư, nhìn quanh rồi mới bước vào nhà. Trong nhà lu khạp chứa cá đứng dài dài từ nửa nhà trên chạy tuốt ra phía sau. Nhà không có vách ngăn nên nhìn thấy trống bốc xuống bếp. Chị Tư đang lúi húi nhúm lửa ở đó, thấy khách vội chạy lên. Chị khoác vội cái áo bà ba, cầm chổi lông gà quét nhanh mặt ván gõ, rồi mời:

- Mời anh ngồi. Có chuyện gì không?

Tên công an ghé đít bên mép ván, nhìn quanh:

- Chị ở có một mình à?

Chị Tư cũng nhìn quanh:

- Thì anh thấy đó. Còn ai nữa đâu?

Rồi như sực nhớ ra, chị tiếp:

- À! Còn... ông Táo. Nhưng ổng không nằm trong hộ khẩu, ổng nằm trong bếp!

Nói xong, chị cười tự nhiên thích thú với hình ảnh hài hước đó. Tên công an làm thinh. Dưới bếp, lửa nhúm khi nãy không "bắt", làm khói lên um tùm. Chị Tư "xin lỗi" rồi chạy xuống bếp vùi nhanh mấy cây củi xuống tro. Xong, trở lên, vừa đi vừa nói:

- Lúc sau này dầu hôi bị hạn chế, mỗi hộ chỉ mua được có một xị để dành thắp đèn thành ra không dùng lò dầu hôi. Phải chụm bằng củi, khói thôi là khói !

Tên công an cũng nói đẩy đưa:

- Đấy là buổi đầu thôi chị ạ! Tại vì khâu phân phối vật tư chưa hoàn tất mạng lưới đấy chứ. Rồi chị xem. Vài hôm nữa xăng dầu sẽ được đưa về đây cả khối!

Chị Tư vừa cười vừa nói:

- Gì thì tôi không biết. Chớ hôm rồi bà Tám Liệt Sĩ... xin lỗi anh, trong làng bây giờ kêu bà Tám Tiếu là bà Tám Liệt Sĩ, chớ không phải tôi đặt ra như vậy đâu.

Tên công an gật gật đầu:

- Tôi biết. Gia đình bà má đó theo cách mạng từ thời bốn mươi nhăm. Sau này đều hy sinh cả. Giải phóng rồi ít lâu sau chính tôi đã đưa bà má lên tỉnh để lảnh bằng liệt sĩ và huân chương...

Chị Tư gật đầu tiếp:

- Phải rồi. Đúng là bà đó. Hôm rồi, sau khi mua phần dầu hôi của bả, bả đưa xị dầu hôi lên cao, vừa đi dọc theo cái đuôi đồng bào đang đợi tới phiên mình, vừa nói...

Chị Tư đưa bàn tay trái lên trên không, ngón cái và ngón trỏ ra bộ kẹp cổ chai xị tưởng tượng, cất giọng the thé nhái bà Tám Liệt Sĩ:

- Nè... Đồng bào coi đây nè! Cái này là dầu hôi nghe không. Dầu hôi của Nhà Nước ta bán cho nhân dân. Quí lắm đó! Không phải để thắp đèn. Mà để nhỏ vô con mắt cho nó sáng ra, nghe chưa?

Nói xong, chị Tư cười thích thú. Tên công an chỉ nhếch mép. Không biết anh ta ráng kềm cái cười đang muốn bật ra hay anh ta đang cố tạo một nét cười để chứng tỏ rằng mình cũng biết thưởng thức khía cạnh trào phúng ý nhị của câu chuyện? Anh ta bước lại bàn thờ, nhìn mấy tấm ảnh, hất hàm hỏi:

- Ai thế?

Chị Tư trở ngược cây chổi lông gà chỉ từng tấm ảnh:

- Đây là ông già tôi, hồi ổng còn trẻ. Chớ ổng chết hồi ổng trên sáu mươi lận. Đây là bà già, chụp hình xòe đủ mười ngón tay!

Chị ngừng ở đó để cười rồi mới tiếp:

- Còn đây là thằng con tôi, liệt sĩ ở Kontum!

Tên công an cãi:

- Chị dùng từ sai. Lính ngụy không thể nào là liệt sĩ cả. Bị giết thì cứ nói là bị giết. Phải cho rõ ràng ở điểm đó.

Chị Tư ngạc nhiên:

- Coi! Đi dánh giặc rồi chết ngoài mặt trận, mấy anh không gọi là liệt sĩ thì gọi là khỉ gì?

Anh ta giải thích:

- Chị không hiểu. Giữa ta với ngụy khác nhau chứ. Ta, vì nhân dân vì Tổ quốc mà hy sinh, thế mới gọi là liệt sĩ. Còn ngụy là lính đánh thuê cho đế quốc Mỹ...

Chị Tư đưa một tay lên chận lại:

- À ! À ! Đến đây tôi xin lỗi anh. Chính anh mới không hiểu gì hết. Thằng con tôi chưa hề đánh thuê chém mướn. Nó đi quân dịch thì giống như ngoài đó mấy anh gọi là đi nghĩa vụ gì gì đó. Nó cũng vì đồng bào của nó, vì xứ sở của nó mà hy sinh, chớ nó có đánh giặc để giữ gìn đất đai xứ Mỹ bao giờ?

Trong lúc tên công an chưa kịp "mở miệng" thì chị Tư đã nói tiếp, tay cầm cây chổi lông gà trở ngược quơ qua quơ lại trên không, để "vẽ" cho câu nói:

- Ngoài đó đánh vô thì trong này phải đánh ra chớ bộ ngu dại gì mà đứng làm thinh đưa đầu cho thiên hạ đập? Phải không? Như vậy gọi là đánh thuê chém mướn à?

Thấy tình hình sắp đi vào ngõ bí và "con mụ hàng tôm hàng cá" này cũng không phải tay vừa, tên công an "đâm" đại một câu:

- Chắc là con chị phải ác ôn lắm nên mới có đến hai huân chương.

Chị Tư cười ha hả:

- Nếu nói như anh vậy thì mấy đồng chí cao cấp của anh phải ác ôn gấp mấy chục lần thằng con tôi. Bởi vì người nào người nấy chụp hình thấy đeo một ngực mề đai!

Rồi sực nhớ ra, chị Tư hỏi:

- À! Chút xíu nữa quên mất. Anh muốn gặp tôi có chuyện gì không?

Tên công an như nắm được cái phao, vội vã đổi giọng ra chiều thân mật:

- Chuyện này xin chị giữ kín cho. Người ta nói với tôi rằng Út Cón còn giấu vàng, không kê khai hết trong kỳ kiểm kê vừa rồi. Tôi cũng nghi như vậy bởi vì thấy anh ta... thế nào ấy.

Chị Tư nghiêm nghị:

- Chuyện này... Anh là chánh quyền, anh phải đi hỏi ảnh chớ sao lại hỏi tôi?

Tên công an thấp giọng:

- Người ta nói với tôi rằng chị thân với Út Cón lắm. Tôi muốn nhờ chị nói với anh ấy một tiếng để anh

ấy mang nạp cho Nhà Nước số vàng còn cất giấu. Tôi sẽ giữ kín chuyện này và sẽ không báo cáo lên cấp trên. Tôi muốn giải quyết như trong gia đình thôi. Chị hiểu không?

Suy nghĩ một lúc, chị Tư trả lời:

- Thiệt tình với anh: tôi với Út Cón là bạn nhưng tôi chưa hề biết chuyện làm ăn trong nhà của ảnh ra làm sao hết. Và cũng không bao giờ chen vô. Nhưng tôi nhứt quyết với anh là Út Cón xưa nay không có gian xảo. Bà con ở đây ai cũng biết hết. Tánh ảnh lại hiền khô và... hơi nhát nữa. Chắc không dám làm chuyện động trời như anh nói đâu.

Chị Tư mỉm cười, nhớ lại hồi nhỏ lần đầu rủ Út Cón vào vườn sau chùa " ăn cáp nhãn", Út Cón khoát khoát tay từ chối mà mặt mày xanh dờn làm như đã bị bắt tại trận. Vậy mà đã mấy mươi năm... Tên công an đưa tay xem đồng hồ, rồi vừa bước ra cửa vừa nói:

- Tôi về đây. Xin chị giúp tôi và nhớ giữ kín chuyện này nhá.

Chị Tư làm thinh, nhìn theo tên công an, rồi sẵn đó nhìn sang nhà bên kia. Bên kia, chắc vừa ăn gì xong nên thấy chú Út đứng xỉa răng trước cửa tiệm.

Đợi tên công an đạp xe đi một lúc, chị Tư mới bước ra ngoài cửa ngoắc chú Út. Chú đủng đỉnh đi qua tay vẫn tiếp tục xỉa răng. Vào nhà, chú hỏi:

- Chuyện gì vậy bồ?

Chị Tư thấp giọng:

- Thằng cha công an nó nghi bồ còn giấu vàng đó.

Chú Út cười như mếu:

- Giấu khỉ gì. Hồi kiểm kê, họ nói nghe ngon lắm: cứ kê khai đầy đủ để làm tài liệu thống kê trong mỗi ngành nghề, chớ còn của ai nấy giữ để tiếp tục hành nghề

như cũ, không có gì thay đổi. Vậy rồi... hốt hết của người ta! Không còn tới một chỉ để làm thuốc, lấy gì mà giấu ?

Chị Tư suy nghĩ một lúc mới nói:

- Chắc có đứa nào đâm thọc gì đây. Gặp bọn này là thứ đa nghi nên dễ tin lắm. Bồ cũng nên coi chừng đó nghe! Thời bây giờ không biết ai là ai hết. Thôi! Bồ về đi, kẻo tụi nó thấy, tụi nó nghi bồ qua... gởi vàng cho tôi giấu thì oan tôi lắm, nghe bồ.

Nói xong, cười hăng hắc làm chú Út đang rầu thúi ruột cũng bật cười theo. Làm như chẳng có gì phải quan tâm hết.

Tuần lễ sau, vào quá ngọ sau khi tan chợ, công an đưa bộ đội tới xét nhà chú Út Cón. Xét kỹ đến nỗi giường chiếu tủ bàn cà ràng ông Táo, quần áo sách vở gì gì cũng lôi tung ra. Họ còn bắt thang trèo lên nóc lật một số ngói trong lúc dưới đất một tốp khác cầm búa gõ từng viên gạch, từng mảng tường. Thậm chí còn cạy mấy chục viên gạch và đào quật lên mấy thước đường cống.

Bên ngoài hàng xóm bu lại coi thật đông, kẻ nói vô người nói ra ồn ào không thua gì "trận chiến" ở bên trong. Chị Tư can thiệp mấy lần với tên công an nhưng anh ta làm như "không biết chị Tư là ai". Mặt lạnh như tiền, anh ta chỉ huy cuộc khám xét giống như đang bươi một đống rác. Cuối cùng, không tìm thấy gì hết, mặt anh ta còn lạnh... hơn tiền. Anh ta ra lịnh bắt chú Út dẫn đi, để lại người nhà – thím Út và hai con gái – gào khóc như đám ma và để lại căn nhà bây giờ thật sự giống như một đống rác!

o O o

Chú Út bị giam trên tỉnh. Ở đâu, người nhà không được biết. Chỉ biết tin tức qua tên công an lúc này tới lui thường xuyên nhà thím Út, gọi là "đến thăm viếng an ủi gia đình và giải thích đường lối chủ trương rõ rệt sáng suốt của Đảng và nhà Nước". Lâu lâu, thấy anh ta dẫn tới một vài anh bộ đội, ngồi lê la nói chuyện. Chị Tư để ý nhiều lần như vậy nên phân vân tự hỏi: "Không biết cái thằng Trời đánh này nó muốn cái gì ? Nhà tinh là đàn bà con gái không...".

Người ta bắt đầu xì xào bàn tán...

... Chiều hôm đó, tắm xong, chị Tư vừa chải tóc vừa bước lên nhà trên. Chợt nhìn thấy thiên hạ bu đông ở nhà chú Út và có tiếng khóc than trong đó. Chị bước ra cửa thì vừa gặp bà Năm Chia. Vội hỏi:

- Chuyện gì ở bển vậy thím Năm?

Bà Năm Chia nhìn chị Tư với cặp mắt đỏ hoe, nói bằng một giọng trống rỗng:

- Thằng Út chết rồi!

Chị Tư nghe choáng váng mày mặt, trời đất bỗng tối sầm lại. Chị tì người vào khuôn cửa, cái lược sừng rơi xuống đất. Mắt mở to, ráo hoảnh. Miệng há ra để thở, nhịp thở dồn dập như muốn bứt hơi. Làm như bên trong con người chị chẳng còn gì hết, chẳng giữ được gì hết. Và cũng không còn cảm giác gì hết...

Một lúc lâu sau, chị lảo đảo bước vào trong nhà, lần theo mép bộ ván mà đi, lần theo lu khạp mà đi, lần theo vách mà đi. Trong đầu loáng thoáng ý nghĩ phải tới một nơi nào đó kín đáo hơn là ngoài cửa, kín đáo hơn là trong nhà. Một nơi nào đó chẳng còn ai hết. Một nơi nào đó chẳng có gì hết. Một nơi nào đó chỉ có một mình mình. Một cái kẹt. Một cái hốc. Không biết để làm gì. Chỉ thấy

cần làm như vậy, cần được như vậy. Chẳng có gì rõ rệt hết. Lơ mơ lơ mơ...

Cuối cùng, chị bước vào nhà tắm đóng cửa lại. Gài then xông, chị chỉ còn đủ sức dán lưng vào tường và cảm thấy hai chân mềm như bún. Thân chị tuột lần xuống đến khi đụng mặt gạch còn ướt nước tắm khi nãy. Chị ngồi bẹp ở đó mà nghe trong người có cái gì đang dồn căng lên cổ họng từng cơn làm chị đau thắt. Chị cố nuốt xuống, nhưng càng nuốt, "cái gì đó" càng dồn mạnh lên. Để rồi, chịu không nổi nữa, chị nấc lên mấy tiếng, gục đầu xuống mà nghe nước mắt tuôn ra như suối...

Lâu thật lâu sau, chị Tư đứng lên, vẫn để nguyên quần áo thọc gáo vào lu múc nước xối ào ào. Nước mát lạnh làm cho chị tỉnh hẳn. Chị lau mình thật chậm rãi, thay đồ cũng thật chậm rãi. Làm như để có thời gian lấy một quyết định. Xong chị qua nhà thím Út Cón.

Vừa thấy chị Tư bước vào, thím Út òa lên khóc:

- Tụi nó giết anh Út rồi, chị Tư ơi...

Chị Tư bước lại ôm thân hình mảnh khảnh của thím Út, tay vuốt vuốt lưng như đang vỗ về người em gái. Hai đứa con chú Út từ nhà sau chạy ra, vừa khóc vừa xà vào người chị:

- Cô Tư ơi...

Chị dang tay ôm hết ba mẹ con, ôm hết những gì còn lại của Út Cón. Không còn nước mắt để khóc nhưng còn đủ tỉnh táo để nhận thấy rằng từ đây, mình phải thay Út Cón để bảo vệ gia đình này mặc dù không ai gởi gắm hết.

Nửa khuya đêm đó, chị Tư trở dậy. Trong bóng tối, chị mò mẫm khoác áo bà ba đen máng sẵn trên cây cột từ đầu hôm, cập nách con dao phay quấn trong cái bao bố nhỏ đặt sẵn cạnh chân bộ ván gõ, bước ra đóng nhẹ

cửa lại. Bên ngoài, trời đầy sao. Gió sông nhè nhẹ mát rượi. Chị bước đi tự nhiên, chẳng chậm rãi chẳng gấp rút. Giống như đi công chuyện bình thường. Ngoài đường, vắng teo. Mấy con chó hoang ngủ dưới dãy thớt thịt trong nhà lồng chợ ngóc đầu lên nhìn, sủa vu vơ mấy tiếng rồi lại nằm xuống. Chẳng có gì phải bận tâm.

Nhà thầy giáo Thái nằm xéo xéo trường tiểu học. Điểm đặc biệt ở đây là nhà bếp và sàn nước nằm ngay sân trước bởi vì ở đó có cái giếng. Thành ra hồi xưa vào giờ ra chơi, học trò hay chạy qua đó uống nước. Lâu lâu còn được thím giáo cho mấy cái bánh men vì thím làm bánh men bánh kẹp để bỏ mối ở xóm dưới đầu trên... Từ ngày công an dọn về đó, chẳng thấy đứa nào chạy qua hết.

Chị Tư bước vào hàng ba, thấy trong nhà có ánh đèn. Nghĩ: "Chắc thằng Trời đánh đó đang làm báo cáo. Không biết nó đang muốn hại ai nữa đây?". Chị đưa tay gõ cửa. Có tiếng người hỏi:

- Ai đấy?

Chị Tư trả lời như không trả lời:

- Tôi !

Nghe giọng đàn bà, tên công an yên chí:

- Chờ tí !

Có tiếng khóa lọc cọc rồi cánh cửa mở ra. Ánh đèn dầu từ bên trong hắt lên người chị Tư, tuy không sáng lắm nhưng vẫn thấy rõ nét trầm tĩnh tự nhiên trên gương mặt tròn trịa. Ở đó vừa hiện lên một nụ cười mà tên công an giàu tưởng tượng cho là "đầy nhiệt tình cách mạng". Anh ta bước ra đảo mắt nhìn quanh rồi mới mời:

- Vào đi!

Tiếng "đi" vừa dứt là chị Tư đã bổ con dao phay vào ngay giữa đầu, nhanh gọn và chính xác như chị bổ cái đầu cá. Xong, chị bước vào thổi tắt cây đèn dầu rồi ra sàn

nước rửa ráy tay chân mình mẫy và con dao. Trước khi ra về chị nhìn lại hàng ba: trong bóng tối chị vẫn thấy được thằng "Trời đánh" nằm một đống, không nhúc nhích.

Hôm sau, cả làng đều biết tin tên công an bị chém. Vậy là bàn tán xôn xao... "Nhờ mấy con chó bu lại giành giựt ở hàng ba nhà thầy giáo Thái người ta mới để ý. Chớ không thì cầu tới trưa trờ mới hay"... "Thiên hạ đồn tại thằng chả lấy vợ người ta"... "Ông Sáu Lịch dạy võ ở xóm Lò Heo quả quyết rằng thằng cha nào chém nhứt định phải có nghề. Chớ người thường thì sức mấy mà chém ngọt như vậy"... "Ai mà giỏi vậy không biết?"... "Còn gan nữa chớ! Chém cách mạng mà...". Có người vốn đã thù ghét sẵn trong lòng, buột miệng nói: "Chớ phải là tôi, tôi chặt cha nó ra làm ba khúc cho nó đáng!"...

Trong làng, chỉ có một người biết ai đã chém tên công an. Người đó là con Lia bán cá hồi trước "cách mạng". Nhưng nó đã bỏ làng trốn mất ngay ngày hôm đó, bỏ lại mấy bộ đồ màu cỏ úa và cái nón cối. Chánh quyền nghi ngay cho nó. Vậy rồi họp hành liên miên để xem có "phát hiện" gì thêm không bởi vì "tên phản động ác ôn do ngụy cài vào hàng ngủ của ta từ ngày cách mạng thành công, nhất định phải để lại nhiều dấu vết hay bè lũ của nó, ta cần phải nâng cao cảnh giác!".

Trưa đó, nằm đong đưa trên võng, chị Tư suy nghĩ viễn vong rồi đưa bàn tay trái lên nhìn chiếc nhẫn bạc của Út Cón chạm trổ cho hồi đó, thuở Út Cón chưa vợ, thuở hai người còn thật "bồ" với nhau... Chị bồi hồi nhận thấy tiếng "bồ" quen thuộc, từ nay sẽ không còn dùng tới nữa. Tiếng "bồ" gọi nhau thuở nhỏ. Tiếng "bồ" nhè nhẹ êm êm của tuổi dậy thì. Tiếng "bồ" mang mẻnh yêu thương giấu kín, về sau, khi chẳng thành duyên chẳng thành nợ. Và tiếng "bồ" già dặn, đậm đà của bây giờ, mới đây, trước

khi Út Cón bị bắt. Tiếng "bồ" của mấy chục năm đó, còn ai để mà gọi, từ nay ? Chị bỗng thèm hát lại câu vọng cổ. Lần này, chị vô "***Bồ ơi***...". Tiếng "ơi" bị ngẹn ngang. Chị ngừng ở đó một lúc để kềm xúc động. Rồi chị "bắt" trở lại, nhanh nhanh dồn dập chớ không ngân nga sợ trào lòng cắt đôi câu hát: "***Bồ ơi ! Cái mối tình của em đối với bồ... nó tợ như trời cao biển rộng…...ư...sông...à ...dài …***". Tiếng "dài" không còn "ngọt" như xưa. Tiếng "dài" bị đứt khoảng. Giống như khúc đuôi còn nằm kẹt đâu trong lòng. Chị vói tay lên đầu võng rút cái khăn lông đắp vội lên mặt, bởi vì chị vừa nghe đôi mắt của mình mọng nước!

Từ đó chị Tư Ù thôi ca vọng cổ.

Chuyện Thuở Giao Thời

Tháng 3, rồi tháng 4 năm 1975, thiên hạ chạy di tản rần rần từ miền trung vào trong nam, rồi từ đất liền "chạy" ra biển, nhốn nháo hỗn loạn chẳng biết "trời trăng" gì hết, chỉ có một ý nghĩ rõ rệt ở trong đầu là "Ở lại với tụi nó là chết !". Vậy rồi giai đoạn di tản đó chấm dứt vào ngày 30 tháng 4…

…Giữa tháng 4, một thằng bạn gọi điện thoại cho tôi, nói: "Mầy đừng đi di tản. Ở lại đi ! Không có sao hết ! Tao bảo đảm". Thằng nầy làm lớn trong "Tổng Nha", nó nói "chắc như bắp" ! Lại một thằng bạn khác - thằng này người Pháp, làm việc ở sứ quán Pháp - nói trong điện thoại, giọng rất bình thản: "Mầy đừng đi đâu hết ! Mọi việc đều đã thoả thuận trước rồi ! Yên tâm !". Riêng tôi, tôi nghĩ: "Mình làm việc cho hãng dầu ngoại quốc trực thuộc hãng quốc tế SIPC (Shell International Petroleum Company – Anh Quốc) chắc không sao !". Vậy là tôi quyết định ở lại…

…Ngày 30 tháng tư năm 1975! Việt cộng vào "đớp" hết, công tư gì cũng đớp hết, thượng vàng hạ cám gì cũng đớp hết. Họ gọi hành động đó bằng một danh từ nghe cũng…văn chương: "Tiếp Quản". Không biết hai thằng bạn tôi kể ở trên có…tức hộc máu hay không khi thấy mình bị gạt dễ dàng như con nít? Riêng tôi, tôi thấy như tôi từ trên trời rơi xuống, thấy những gì xưa nay mình học, mình hỏi, mình hiểu biết, mình suy luận v.v…đều sai bét đối với "cái gọi là cách mạng"!

Hãng dầu tôi làm việc bị tiếp thu bởi…"ê-kíp" có bí số K7. Những người nầy mặc đồ đen đội mũ tai bèo đen.

Mấy tay có vẻ "xếp" mang túi dết ngang hông và bao súng lục nằm…sau đít ! Họ chiếm kho dầu Nhà Bè và văn phòng trung ương ở đường Thống Nhứt. Hai hôm sau, có tin bộ đội vào kho Nhà Bè "vít" K7 ra ngoài, vì kho dầu không thuộc quyền quản lý của mấy cha K7. Vậy là trong cái tổ chức rất là… "cách mạng" nầy, cái "đầu não" của công ty không còn dính với cái thân mình là kho dầu nữa! Phải nói thiệt: tôi làm việc cho hãng dầu hơn 19 năm, đã đi thăm viếng nhiều hãng dầu ở các quốc gia khác, nhưng chưa thấy một tổ chức hãng dầu nào…khùng như vậy!

Qua sáng ngày thứ ba, tôi được chở xuống kho Nhà Bè để hướng dẫn một ông tướng VC đi viếng kho (Có lẽ mấy tên "nằm vùng" đã cho bọn "cách mạng" biết rằng tôi…rành kho dầu này lắm!) Đến kho, tôi được "ông" bộ đội xếp kho cho biết ông tướng là "xếp" cục hậu cần. Tôi tưởng tượng sẽ gặp lão ta với bộ quân phục thẳng nếp và một ngực mề đai như thường thấy ở mấy tướng các nước cộng sản!

…Xe ông tướng đến. Bước xuống là một người cao lớn mặc bộ đồ "xá xẩu" tàu bằng lụa màu ngà, đội nón *Panama* trắng, miệng ngậm ống đót có điếu thuốc đang cháy dở. Được giới thiệu, ông ta không bắt tay tôi, chỉ gật nhẹ đầu, nói: "Ta đi thôi!". Tôi lưu ý ông ta đừng hút thuốc trước khi vào kho. Ổng gạt bỏ mẫu thuốc nhưng vẫn ngậm ống đót trên môi…

Kho Nhà Bè lớn lắm. Ngoài bốn cầu tàu chiếm hết mặt sông, trên bờ có khu bồn chứa (ba chục cái bồn lớn nhỏ) và các khu nhà máy trộn nhớt, nhà máy trộn hoá chất, xưởng sản xuất thùng thiếc 20 lít đựng dầu hôi, kho châm dầu vào thùng 200 lít, nhà máy nhựa đường, kho châm ga vào bình, ụ tàu để kéo tàu 200 tấn lên làm bảo trì, khu cơ xưởng và bảo trì xe bồn v.v… Ngoài ra còn có

ba khu nhà ở phố xá cho nhân viên các cấp và một trung tâm xã hội làm nơi ăn trưa và nghỉ trưa cho nhân viên .

"Phái đoàn" đi viếng gồm có ông tướng, hai người hộ vệ và xếp kho. Vì kho dầu không làm việc, nên tôi chỉ đưa họ đi…phớt phớt vòng ngoài các khu nhà máy. Tôi có ý đợi họ đặt câu hỏi, nhưng không nghe cha nào nói một tiếng. Sau nầy, tôi mới biết rằng ngoài bắc không có những gì chúng tôi có ở trong nam, cho nên họ không biết…khỉ gì để mà hỏi!

Đến khu bồn chứa, bỗng ông tướng chỉ một cái bồn, hỏi: "Cái bể nầy bao nhiêu khối?". Tôi trả lời: "Mười lăm ngàn m3". Hỏi: "Mỹ nó làm cho các anh đấy à?". Trả lời: "Không có thằng Mỹ nào vô đây hết! Toàn là dân Việt Nam thực hiện".

Nghe vậy, lão ta cười khẩy: "Làm gì có! Ở ngoài ta, trên 2000 khối là phải ông Liên Xô hay ông Trung Quốc thực hiện cơ!". Cái cách thằng chả nghi ngờ lời tôi nói đã chạm mạnh tự ái của tôi, đồng thời cũng cho tôi thấy rằng miền bắc của mấy chả nó dở ẹc hà! Tôi nhấn mạnh: "Tất cả ba mươi mấy cái bồn nầy, lớn nhỏ gì cũng do nhà thầu thực hiện với thầy thợ hoàn toàn người Việt". Tôi đưa mấy người đến xem cái bồn mới làm xong cách đây mươi hôm. Đó là cái bồn lớn nhứt kho Nhà Bè, 30000 m3, do nhà thầu Việt Nam EVS thực hiện, nó lớn bằng nửa cái sân banh! Từ đó, mấy chả làm thinh luôn cho đến về văn phòng để họp với mấy anh em cấp chỉ huy cũ theo ý muốn của ông tướng!

Sau khi nghe mấy anh em lần lượt trình bày lý lịch, cấp bậc, phần việc và lương bổng của mình, ông tướng nói: "Các anh yên tâm: Đảng và Nhà Nước sẽ trả lương các anh y như cũ. Cứ yên chí phục vụ! Nghe giọng ông ta

rất tin tưởng vào những gì ổng nói, mình cũng thấy tin tưởng theo…

…Thời gian sau, hãng dầu đường Thống Nhứt được mang tên "Công Ty Xăng Dầu Khu Vực Hai". Hỏi "Khu Vực Một" ở đâu thì được trả lời "Chưa có, nhưng đã có Tổng Công Ty ở Hà Nội"! Khùng quá! Cách mạng có khác!

Rồi là "xếp thang lương", nghĩa là mỗi ngành mỗi nghề đều được xếp cấp bậc trên từng thang lương, từ đó lãnh lương mỗi tháng 2 kỳ, mỗi kỳ nửa lương. Tôi được xếp "kỹ sư bậc 2 trên 6", nghe…khoẻ re. Thang lương có 6 bậc mà mình nằm gần trên đỉnh rồi, họ cũng biết…chấm điểm đó chớ! Ai dè khi lãnh lương mới…té ngửa : mấy chả xếp thang lương ngược, hạng nhứt là bậc 6 nằm trên hết, rồi tuột lần xuống dưới chót là hạng một. Tôi bậc 2 trên 6, là hạng…áp chót! Mẹ!...

Tôi lãnh 80 đồng tiền mới (Vậy là thằng cha tướng Tổng Cục Hậu Cần đã nói láo!). Bực mình, chạy đi gặp thủ trưởng, ảnh nói: "Trời đất! Bác Hồ chủ tịch nước mà chỉ lãnh có 200 đồng. Còn anh, anh lãnh tới 80 đồng còn muốn gì nữa?". Thấy thằng chả đem "Bác Hồ" ra…làm chứng, tôi biết có cãi cũng vô ích. Rồi tôi nhớ ra là anh tài xế cũ của tôi bây giờ lãnh 90 đồng, tôi…đánh đòn chót: "Vậy thôi anh cho tôi làm tài xế, đi!". Thằng chả cười, thấy như tôi sao quá khùng, nên vừa lắc đầu vừa trả lời: "Đâu được! Anh là Kỹ Sư đâu làm tài xế được!". Tôi làm thinh, bước ra khỏi văn phòng thủ trưởng mà thấy như mình từ trên trời rơi xuống!

o O o

…Tôi "chịu trận" với cái gọi là "cách mạng" hết ba năm. Vượt biên thất bại hết ba lần, qua lần thứ tư đi thoát, để bây giờ - ba mươi mấy năm sau - ngồi viết mấy dòng nầy nhân ngày 30 tháng tư…mà thấy không phải tôi đã từ trên trời rơi xuống, **chính mấy thằng cha "cách mạng" mới là từ trên trời rơi xuống!**


Công tác đổi mới của Nhà Nước XHCN
Thông giặc lái Mỹ ở này bị quần ta bắn hạ ngay....
ĐỔI MỚI
Mã của T.Ư. phi công Mỹ tên Rốp Bô Xơ Mít-Cấm-thả heo gà. UBND xã...
tèté

Chuyện chẳng có gì hết

Thật vậy, chuyện chẳng có gì hết. Nhưng sao nó cứ đeo theo ám ảnh tôi từ mấy hôm nay. Tôi cứ nghĩ đến nó, nhớ rõ từng chi tiết, hình ảnh, từng xúc động trong lòng mình lúc đó.Để rồi trăn trở băn khoăn, không biết những người khác – những người Việt Nam cũng lưu vong như tôi – có cùng một tâm trạng như tôi hay không, nếu họ chứng kiến câu chuyện chẳng có gì hết này. Đó là lý do tôi muốn kể lại những gì tôi đã nghe thấy cách đây mấy hôm. Và tôi nghĩ: kể lại, chắc sẽ làm nhẹ bớt những gì từ bao lâu nay tôi chất chứa trong lòng…

...Hôm đó,tôi đi mua đồ ở siêu thị. Sau khi kiểm điểm lại những gì mà vợ tôi dặn mua – một danh sách mười mấy món – tôi đẩy xe caddie lại xếp hàng để ra két. Vì đông người nên hàng thật dài, kéo sâu vào hành lang giữa hai dải kệ đầy bánh kẹo. Tôi đứng ở cuối cái đuôi, kiên nhẫn đợi, bởi vì người xếp hàng đã đông mà caddie của người nào cũng đầy ăm ắp.

Phía trước tôi, cách hai người, có ba con đầm tuổi choai choai chắc đi chung nên thấy xô đẩy nhau cười nói ó. Chúng nó nói chuyện với nhau, nói lớn tiếng như chúng đang ở ngoài đồng và như đứa này cách đứa kia hàng trăm thước ! Một đứa bỗng lấy ra một điện thoại di-động bấm nút rồi nói chuyện. Vì hai đứa kia đang nói lớn tiếng nên nó phải la lớn hơn để người đối thoại mới nghe. Đại khái, nó hỏi:" Hôm qua mày đi với thằng nào ?...Super...Ừ ! Ừ !...Thằng Alex hả ?...Génial !...Ừm ! Ừm ! …Génial !...Rồi mày làm sao ?...Ừm ! Ừm !...". Bỗng nó

rú lên vừa nhảy cẫng vừa hét vào máy :" Ố ! Ố !...Super !Super ! Génial !...Ờ…Thôi ! Mày gọi lại tao há ! Bye ! " Nó đóng máy lại mà mắt môi vẫn còn đầy kích động ! Có vài người nhìn nó, nhưng cái nhìn dửng dưng. Chẳng thấy có ai cau mày hay lắc đầu nhè nhẹ để thấy họ có phản ứng, dù là gián tiếp ! Coi như chuyện bình thường…

Tôi thì tôi không chịu được ! Thật là mất dạy. Mà ở xứ Pháp này, cái thứ mất dạy như vậy, đầy ! Chẳng còn nề nếp gì hết, chẳng còn lễ độ gì hết, chẳng còn kiêng nể gì hết. Loạn !

Chính trong lúc đó tôi nghe phía sau tôi giọng đàn bà nói tiếng Việt Nam :" Sophie ! Đừng làm như vậy ! Mẹ nói đừng làm như vậy !". Ngạc nhiên, tôi nhìn lại: đứng ngay sau tôi là một thiếu phụ Việt Nam tuổi độ ba mươi và một đứa bé gái tóc vàng mắt xanh cỡ chừng bảy tám tuổi. Thấy tôi nhìn, cô ta mỉm cười gật đầu chào, rồi tiếp tục nói với đứa con:" Mẹ dạy con làm sao ? Muốn cái gì cũng phải hỏi ý mẹ trước. Thứ này ở nhà con còn tới hai hộp lận, ăn chưa hết mà con lấy nữa làm gì ?" Đứa bé đứng cúi đầu. Cô ta nói tiếp, giọng hơi gằn:" Sophie ! Nhìn vào mắt mẹ nè !" Đứa bé ngước lên nhìn mẹ, đôi mắt xanh chớp chớp. Người mẹ vừa nói vừa chỉ hộp bánh nằm trong caddie :" Con đem hộp bánh trả lại trên kệ hàng cho mẹ ! Đừng làm cho mẹ giận, Sophie !" Đứa bé làm theo lời mẹ, rồi trở về nắm ống tay áo mẹ giựt giựt nhẹ, giọng như sắp ướt nước mắt :" Mẹ đừng giận con, nghe mẹ. Mẹ đừng giận con…"

Ngạc nhiên, tôi nói :" Cháu nói tiếng Việt giỏi quá, há cô !". Mẹ nó cười tươi:" Dạ, lúc nào nó nói chuyện với cháu nó cũng nói bằng tiếng Việt. Còn nói với ba nó thì nó nói tiếng Pháp". Rồi cô ta quay qua nói với con :" Chào ông đi con". Con bé khoanh tay cúi đầu :" Dạ chào ông". Tôi

đưa tay xoa đầu nó, nói được có một tiếng "Giỏi" rồi nghẹn ngang. Tôi vội nhắm mắt quay mặt đi để che giấu niềm xúc động. Nhắm mắt mà tôi vẫn thấy đứa bé khoanh tay cúi đầu chào, một cử chỉ rất tầm thường nhưng sao nó bật lên cho tôi hình ảnh quê hương, cái quê hương ngàn trùng xa cách ? Từ lâu, rất lâu – có lẽ cũng gần ba mươi năm – tôi không còn thấy cái cung cách lễ độ đó. Ở Việt Nam, phần lớn các bà mẹ đều dạy con như vậy. Bây giờ, trên xứ Pháp xa xôi này, một người mẹ Việt Nam trẻ tuổi chẳng những dạy đứa con lai nói rành rọt tiếng Việt mà còn dạy cả cung cách Việt Nam nữa. Người mẹ đó bỏ xứ ra đi, đã biết mang theo những gì quí nhứt của quê hương. Hình ảnh Việt Nam bỗng ngời lên trước mắt…

Trả tiền xong, tôi quay lại nói :" Thôi ! Chào cô nghen ! Thấy cô dạy cháu bé như vậy, tôi thật cảm phục. Ở đây, hiếm lắm, cô biết không ?". Cô ta cười :" Dạ ! Có gì đâu? Mình là người Việt Nam mà bác. Dạ ! Chào bác". Bé gái đang phụ mẹ chất đồ lên quầy cũng ngừng tay nhìn tôi cúi đầu chào…Thấy thương quá !

Trên đường về tôi miên man nghĩ tới người thiếu phụ trẻ tuổi đó và thấy quí những người như vậy vô cùng. Không phải tại vì hiếm mà quí. Mà tại vì nhờ có những người như vậy cái gốc Việt Nam vẫn còn, vẫn có trên khắp các nẻo đường lưu vong.

Rồi liên tưởng nhắc tôi một thằng bạn. Tụi tôi quen thân nhau từ nhỏ. Lớn lên, nó làm trong nhà nước, tôi làm hãng tư, nhưng vẫn thường gặp nhau. Nó di tản trước tháng tư 75 rồi định cư ở Pháp. Tôi bị kẹt lại, sống mấy năm trời lận đận. Sau đó tôi vượt biên. Rồi cũng định cư ở Pháp. Chúng tôi lại gặp nhau ở Paris. Nó làm việc cho nhà nước Pháp, cuộc đời ổn định từ lâu. Tôi lêu bêu một

dạo rồi trôi qua Phi Châu mới có công ăn việc làm. Từ đó, chúng tôi bặt tin nhau…

Phải hai mươi năm sau, về Paris tôi mới lại gặp nó. Nó có nhà ở dưới tỉnh, cách Paris cả ngàn cây số. Nhân dịp lên Paris ở hai ngày để dự đám cưới thằng cháu, nó tìm gặp lại tôi ở nhà một người bạn chung. Nói chuyện suốt cả buổi chiều vẫn chưa thấy đã. Sau đó, nó biên cho tôi địa chỉ của nó trên một tờ giấy nhỏ, tôi nhìn mà nhớ lại thuở thiếu thời. Hồi đó, nó là một trong vài thằng viết chữ đẹp nhứt lớp, cho nên ông thầy chỉ định nó mỗi buổi sáng vào lớp trước giờ học để viết trên đầu tấm bảng đen cái thứ trong tuần và ngày tháng năm. Hồi thời đó, được chỉ định như vậy, "hách" ghê lắm ! Bây giờ, tuồng chữ của nó vẫn còn đẹp như xưa nhưng cứng rắn hơn.

Mấy hôm sau, tôi viết cho nó một bức thư dài, nhắc lại những kỷ niệm cũ mà hôm gặp lại nhau còn quên chưa kịp nhắc. Thằng con tôi bảo tôi viết xong đưa nó đánh vào máy vi tính rồi in ra cho tôi. Máy của nó có hệ VNI nên đánh chữ Việt Nam được. Tôi nói :" Không ! Ba muốn gởi thư viết tay, nó trang trọng hơn. Ngoài ra, khi bạn của ba cầm lá thư trên tay, chưa đọc, chỉ nhìn tuồng chữ thôi, ông ta cũng sẽ thấy được ba trong từng nét bút. Còn thư đánh máy, nó không mang một bản sắc nào hết, nó cứng ngắt, vô hồn…"

Mươi ngày sau, tôi nhận được lá thư hồi âm của nó. Thư đánh máy và bằng tiếng Pháp. Tôi cảm thấy thật hụt hẫng. Tôi đâu có dè nó " mất gốc" đến độ như vậy ! Tôi chỉ còn nhìn ra được thằng bạn tôi ở cái chữ ký, còn lại là một thằng tây nào đó chớ không phải một thằng Việt Nam ! Tôi chua xót, nhưng cũng ráng đọc cho hết bức thư trước khi thả nó rơi vào sọt rác. Tình bạn mà tôi đã dành

cho nó từ thời tuổi nhỏ chắc cũng đã rơi theo vào sọt rác, nghe nhẹ như hơi thở dài…

Đó ! Câu chuyện không có gì hết mà tôi muốn kể lại. Suy cho cùng, chắc nó có mang một " cái gì đó " chớ không phải " không có gì hết ". Tại vì tôi không thấy. Chớ nếu nó không " nói " lên cái gì hết thì tại sao tôi cứ phải nghĩ ngợi băn khoăn ?

Có lẽ tại vì lâu nay tôi thường nghe người Việt lưu vong than đã mất quê hương, mà tôi thì cứ cho là chuyện bình thường, chẳng có gì phải suy nghĩ. Chính cái cung cách khoanh tay cuối đầu chào của cô bé tóc vàng mắt xanh đã bắt tôi phải suy nghĩ. Nếu người Việt lưu vong giống thằng bạn của tôi thì đúng là họ đã để mất quê hương thật. Còn như họ giống mẹ con người thiếu phụ trẻ tuổi mà tôi gặp trong siêu thị thì làm sao nói mất quê hương ? Quê hương còn nguyên đó chớ, thể hiện bằng tư duy, bằng ngôn ngữ, bằng phong cách đặc thù Việt Nam. Đó là cái gốc mà mình đã mang theo, chỉ cần một quyết tâm gìn giữ, vun bồi là nó sẽ đâm chồi nẩy lộc…Còn hay hơn nữa : mình nên bắt chước người mẹ trẻ tuổi đó, coi chuyện gìn giữ cái gốc là chuyện tự nhiên , ai ai cũng phải làm. Tôi nhớ hoài câu nói của cô ta :" Dạ ! Có gì đâu ? Mình là người Việt Nam mà bác !". Và tôi tin chắc : một người như cô ta chẳng bao giờ than rằng đã mất quê hương !

Bây giờ thì tôi thấy " câu chuyện không có gì hết " thật sự không phải không có gì hết !

Đê nhớ Việt Nam ...



Chuyện di tản 1975

Tôi không có đi di tản hồi những ngày cuối tháng tư 1975 nên không biết cảnh di tản ở Sài gòn ra làm sao. Mãi đến sau nầy, khi đã định cư ở Pháp, nhờ xem truyền hình mới biết!

Sau đây là vài cảnh đã làm tôi xúc động, xin kể lại để cùng chia xẻ…

Tiểu Tử

Chuyện 1

Ở bến tàu, thiên hạ bồng bế nhau, tay xách nách mang, kêu réo nhau ầm ĩ, hớt hơ hớt hải chạy về phía chiếc cầu thang dẫn lên bong một chiếc tàu cao nghều nghệu. Cầu thang đầy người, xô đẩy chen lấn nhau, kêu gọi nhau, gây gổ nhau… ồn ào. Trên bong tàu cũng đầy người lố nhố, giành nhau chồm lên be tàu để gọi người nhà còn kẹt dưới bến, miệng la tay quơ ra dấu chỉ trỏ… cũng ồn ào như dòng người trên cầu thang!

Giữa cầu thang, một bà già. Máy quay phim *zoom* ngay bà nên nhìn thấy rõ: bà mặc quần đen áo túi trắng đầu cột khăn rằn, không mang bao bị gì hết, bà đang bò nặng nhọc lên từng nấc thang. Bà không dáo dác nhìn trước ngó sau hay có cử chi tìm kiếm ai, có nghĩa là bà già đó đi một mình. Phía sau bà thiên hạ dồn lên, bị cản trở nên la ó! Thấy vậy, một thanh niên tự động lòn lưng dưới người bà già cõng bà lên, xóc vài cái cho thăng bằng rồi trèo tiếp.

Chuyện chỉ có vậy, nhưng sao hình ảnh đó cứ đeo theo tôi từ bao nhiêu năm, để tôi cứ phải thắc mắc: bà già đó sợ gì mà phải đi di tản? con cháu bà đâu mà để bà đi một mình? rồi cuộc đời của bà trong chuỗi ngày còn lại trên xứ định cư ra sao? còn cậu thanh niên đã làm môt cử chỉ đẹp – quá đẹp – bây giờ ở đâu?... Tôi muốn gởi đến người đó lời cám ơn chân thành của tôi, bởi vì anh ta đã cho tôi thấy cái tình người trên quê hương tôi nó vẫn là như vậy đó, cho dù ở trong một hoàn cảnh xô bồ hỗn loạn như những ngày cuối cùng của tháng tư 1975…

Chuyện 2

Cũng trên chiếc cầu thang dẫn lên tàu, một người đàn ông tay ôm bao đồ to trước ngực, cõng một bà già tóc bạc phếu lất phất bay theo từng cơn gió sông. Bà già ốm nhom, mặc quần đen áo bà ba màu cốt trầu, tay trái ôm cổ người đàn ông, tay mặt cầm cái nón lá. Bà nép má trái lên vai người đàn ông, mặt quay ra ngoài về phía máy quay phim. Nhờ máy *zoom* vào bà nên nhìn rõ nét mặt rất bình thản của bà, trái ngược hẳn với sự thất thanh sợ hãi ở chung quanh!

Lên gần đến bong tàu, bỗng bà già vuột tay làm rơi cái nón lá. Bà chôm người ra, hốt hoảng nhìn theo cái nón đang lộn qua chao lại trước khi mất hút về phía dưới. Rồi bà bật khóc thảm thiết…

Bà già đó chắc đã quyết định bỏ hết để ra đi, yên chí ra đi, vì bà mang theo một vật mà bà xem là quí giá

nhứt, bởi nó quá gần gũi với cuộc đời của bà: cái nón lá! Đến khi mất nó, có lẽ bà mới cảm nhận được rằng bà thật sự mất tất cả. Cái nón lá đã chứa đựng cả bầu trời quê hương của bà, hỏi sao bà không xót xa đau khổ? Nghĩ như vậy nên tôi thấy thương bà già đó vô cùng.Tôi hy vọng, về sau trên xứ sở tạm dung, bà mua được một cái nón lá để mỗi lần đội lên bà sống lại với vài ba kỷ niệm nào đó, ở một góc trời nào đó của quê hương...

Chuyện 3

Cũng trên bến tàu nầy. Trong luồng người đi như chạy, một người đàn bà còn trẻ mang hai cái xắc trên vai, tay bồng một đứa nhỏ. Chắc đuối sức nên cô ta quị xuống. Thiên hạ quay đầu nhìn nhưng vẫn hối hả đi qua, còn tránh xa cô ta như tránh một chướng ngại vật nguy hiểm! Trong sự ồn ào hỗn tạp đó, bỗng nghe tiếng được tiếng mất của người đàn bà vừa khóc la vừa làm cử chỉ cầu cứu. Đứa nhỏ trong tay cô ta ốm nhom, đầu chờ vờ mắt sâu hõm, đang lả người về một bên, tay chân xụi lơ. Người mẹ - chắc là người mẹ, bởi vì chỉ có người mẹ mới ôm đứa con quặt quẹo xấu xí như vậy để cùng đi di tản, và chỉ có người mẹ mới bất chấp cái nhìn bàng quan của thiên hạ mà khóc than thống thiết như vậy - người mẹ đó quýnh quáng ngước nhìn lên luồng người, tiếp tục van lạy câu khân.

Bỗng, có hai thanh niên mang ba lô đi tới, nhìn thấy. Họ dừng lại, khom xuống hỏi. Rồi họ ngồi thụp xuống, một anh rờ đầu rờ tay vạch mắt đứa nhỏ, họ nói gì với nhau rồi nói gì với người đàn bà. Thấy cô ta trao đứa bé cho một anh thanh niên. Anh nầy bồng đứa nhỏ úp vào

ngực mình rồi vén áo đưa lưng đứa nhỏ cho anh kia xem. Thằng nhỏ ốm đến nỗi cái xương sống lồi lên một đường dài…

Anh thứ hai đã lấy trong túi ra chai dầu từ lúc nào, bắt đầu thoa dầu rồi cạo gió bằng miếng thẻ bài của quân đội.

Thiên hạ vẫn rần rần hối hả đi qua. Hai thanh niên nhìn về hướng cái cầu thang, có vẻ hốt hoảng. Họ quay qua người đàn bà, nói gì đó rồi đứng lên, bồng đứa nhỏ, vừa chạy về phía cầu thang vừa cạo gió! Người mẹ cố sức đứng lên, xiêu xiêu muốn quị xuống, vừa khóc vừa đưa tay vẫy về hướng đứa con. Một anh lính Mỹ chợt đi qua, dừng lại nhìn, rồi như hiểu ra, vội vã chạy lại đỡ người mẹ, bồng xóc lên đi nhanh nhanh theo hai chàng thanh niên, cây súng anh mang chéo trên lưng lắc la lắc lư theo từng nhịp bước….

Viết lại chuyện nầy, mặc dù đã hơn ba mươi năm, nhưng tôi vẫn cầu nguyện cho mẹ con thằng nhỏ được tai qua nạn khỏi, cầu nguyện cho hai anh thanh niên có một cuộc sống an vui tương xứng với nghĩa cử cao đẹp mà hai anh đã làm. Và dĩ nhiên, bây giờ, tôi nhìn mấy anh lính Mỹ với cái nhìn có thiện cảm!

Chuyện 4

Cũng trên bến tàu. Cầu thang đã được kéo lên. Trên tàu đầy người, ồn ào. Dưới bến vẫn còn đầy người và cũng ồn ào. Ở dưới nói vói lên, ở trên nói vọng xuống, và vì thấy tàu sắp rời bến nên càng quýnh quáng tranh

nhau vừa ra dấu vừa la lớn, mạnh ai nấy la nên không nghe được gì rõ rệt hết!

Máy quay phim *zoom* vào một người đàn ông đứng tuổi đang hướng lên trên ra dấu nói gì đó. Bên cạnh ông là một thằng nhỏ cỡ chín mười tuổi, nép vào chân của ông, mặt mày ngơ ngác. Một lúc sau, người đàn ông chắp tay hướng lên trên xá xá nhiều lần như van lạy người trên tàu, gương mặt sạm nắng của ông ta có vẻ rất thành khẩn. Bỗng trên tàu thòng xuống một sợi thừng cỡ nửa cườm tay, đầu dây đong đưa. Mấy người bên dưới tranh nhau chụp. Người đàn ông nắm được, mỉm cười sung sướng, vội vã cột ngang eo ếch thằng nhỏ. Xong, ông đưa tay ra dấu cho bên trên. Thằng nhỏ được từ từ kéo lên, tòn ten dọc theo hông tàu. Nó không la không khóc, hai tay nắm chặt sợi dây, ráng nghiêng người qua một bên để cúi đầu nhìn xuống. Người đàn ông ngước nhìn theo, đưa tay ra dấu như muốn nói: " Đi, đi! Đi, đi!" Rồi, mặt ông bỗng nhăn nhúm lại, ông úp mặt vào hai tay khóc ngất! Bấy giờ, tôi đoán ông ta là cha của thằng nhỏ đang tòn ten trên kia…Không có tiếng còi tàu hụ buồn thê thiết khi lìa bến, nhưng sao tôi cũng nghe ứa nước mắt!

Không biết thằng nhỏ đó – bây giờ cũng đã trên bốn mươi tuổi -- ở đâu ? Cha con nó có gặp lại nhau không? Nếu nó còn mạnh giỏi, tôi xin Ơn Trên xui khiến cho nó đọc được mấy dòng nầy…

Giọt mưa trên tóc

Đường Hai Bà Trưng. Chiều. Một trai một gái tuổi độ 17,18, đạp xe về hướng Tân Định, đi song song.

Bỗng, trời nổi gió ào ào rồi mây đen kéo về vần vũ. Mọi người đều hối hả, đi như chạy, để tránh mưa. Đứa con trai giục:

- Đạp lẹ lên Kim ! Qua khỏi đoạn này mới có chỗ đụt.

Đứa con gái gật đầu, chồm lên nhấn mạnh bàn đạp, nhưng chỉ vài phút sau mưa đã rơi lắc rắc xuống hai đứa làm chúng nó cười lên hăng hắc, cái cười hồn nhiên thanh thoát khi thấy mình bị mưa đuổi kịp, cái cười còn nguyên nét trẻ con trong trò chơi "cút bắt" ! Chúng nó vội tấp vào mái hiên một tiệm giày. Sau khi dựng xe đạp lại ngay ngắn, Kim nhìn bạn, hơi ân hận:

- Tại Nghĩa đợi Kim mới bị mưa ướt đó. Phải hồi nãy Nghĩa đạp đi trước thì đâu có sao ?

Đứa con trai tên Nghĩa vừa nhìn quanh vừa trả lời, người hơi lắc qua lắc lại giống như cành cây đong đưa trong cơn gió thoảng:

- Mình đi chung mà Kim.

Nghe bạn nói, Kim yên lặng nhìn ra mưa mà nghe lòng thật ấm cúng. Sự nhạy cảm của người con gái ở tuổi đó đã giúp Kim nhận thấy một tình yêu nho nhỏ đang nhen nhúm giữa hai đứa, một "cái gì" vừa nhẹ nhàng vừa tinh khiết, mà lại vừa thật là rung động. Một "cái gì" cứ bắt phải cần có nhau; một "cái gì" cứ bắt phải nghĩ đến nhau. Một "cái gì"... Một "cái gì"... Không biết nữa ! Kim cảm thấy nóng hai vành tai. Kim nhìn xuống chiếc áo bà

ba trắng đang dán vào người từng mảng nhỏ. Tự nhiên, Kim khoanh tay lại che ngực, rồi tự trách thầm: "Phải nghe lời má đội nón thì bây giờ đã có cái gì để ôm cho đỡ ngượng. Con gái gì mà đi đâu cũng đầu trần ! Cho đáng...". Thật ra, Kim thấy đội nón bực bội quá, cứ nghe ngứa ngáy trên đầu như mấy ngày chưa gội và sau đó khi lấy nón ra tóc cứ như bị dán keo nằm nhẹp xuống coi thật chướng mắt. Cho nên, thảng hoặc có đi đâu với má thì Kim cầm theo cái nón lá cho khỏi bị rầy, kỳ dư là đi đầu trần – dù đi học hay đi lao động cũng vậy. Thành ra, tóc Kim bồng lên thật đẹp, đen huyền xõa xuống ngang vai, chao qua chao lại khi Kim nghiêng đầu và lúc nào cũng tự do phất phơ theo chiều gió. Mấy thằng bạn cùng lứa – nhứt là Nghĩa – thường hát ghẹo: "Nắng lên, gió lên cho tóc em bồng..." Và Kim thấy hãnh diện với "mái tóc em bồng" đó.

Cơn mưa thật lớn. Vỉa hè, mặt đường... đều lai láng nước. Làm như là nước từ dưới đất dâng lên !

Bên kia đường là nhà thờ Tân Định với bức tường cao kéo dài. Bên này, chỗ nào có mái hiên là có người đứng đụt. Cách chỗ hai đứa đứng vài căn phố là tiệm nước mà phía trước là chiếc xe mì với hàng ghế đẩu đứng trong mưa chờ khách.

Mái hiên chỗ hai đứa đụt bỗng nghiêng triền qua một bên, đổ ào nước xuống như một dòng thác. Không bảo nhau mà cả hai đứa cùng nhảy lùi vào trong và cùng đứng về phía mái hiên không đổ nước. Khoảng trống không bị ướt dưới mái hiên bây giờ thu hẹp lại chỉ còn một góc nhỏ vừa đủ cho hai đứa đứng. Không đứng sát vào nhau, nhưng đứng thật gần nhau...

Nghĩa quay nhìn phía sau : cửa lưới sắt tiệm giày đóng im lạnh ngắt. Bên trong tủ kiếng, kệ hàng trống bốc, bụi đầy. Nhìn sang Kim, Nghĩa nói:

- Kim biết không ? Ông chủ tiệm giày này đã đưa gia đình vượt biên cách đây ba bốn tháng...

- Sao Nghĩa biết ?

Kim ngạc nhiên, bởi vì nhà Nghĩa ở xóm Chi Lăng, còn đây là chợ Tân Định.

Nghĩa chỉ tay sang nhà thờ:

- Con nhỏ em của Nghĩa học ở trường nhà thờ bên kia. Chiều nào Nghĩa cũng tới đón nó. Trong khi chờ đợi, nghe mấy anh xích lô nói chuyện với nhau mới biết.

- Họ đi thoát không ?

- Không biết nữa. Mà không phải có tiệm giày đi thôi đâu. Cả dãy phố này đều lần lượt chui hết. Cho nên nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm, Kim thấy không ? Nhà Nước tịch thâu lâu rồi sao không thấy cấp cho ai hết.

Kim nhìn ra mưa, bâng khuâng:

- Không biết họ đi có thoát không ?

Im một lúc, bỗng Nghĩa ngập ngừng hỏi nhỏ:

- Gia đình Kim có định... có định... đi không Kim ?

Kim nhìn bạn, nửa ngạc nhiên, nửa dò xét. Rồi khi thấy không có gì khác lạ trên gương mặt của người bạn trai, Kim thở dài nhìn ra mưa :

- Gia đình Kim mà đi đâu, Nghĩa ! Chạy gạo hằng ngày thì lấy vàng đâu mà đi chui ?

Nghĩa bối rối, người hơi lắc lư:

- Thì... hỏi là hỏi vậy thôi, chớ Nghĩa cũng biết...

Ba của Kim làm thầy giáo. Hồi thời "ngụy", bị động viên, rồi chạy chọt được biệt phái trở về đi dạy học – để khỏi đi đánh giặc. Qua trào Việt Cộng, hai chữ "biệt phái" đã làm cho chúng nghi là CIA nên bắt đi học tập từ đó

đến giờ. Ở nhà, má và chị Hai của Kim chạy ngược chạy xuôi lãnh đồ về may để nuôi năm miệng ăn và góp nhóm chút đỉnh để lâu lâu đi thăm ba của Kim một chuyến. Cho nên, nói chuyện "lo đi vượt biên" cũng như chuyện xuống biển mò trăng...

Bên gia đình Nghĩa cũng không hơn. Ngày xưa, ba Nghĩa làm kế toán ngân hàng, bây giờ đan giỏ chằm nón ở tổ "Mây Tre" Phú Nhuận với má Nghĩa. Hai ông bà sáng đi tối về, đèo nhau trên xe đạp. Nghĩa và con nhỏ em đi học, tối về dán bao giấy bỏ mối cho mấy bà ngoài chợ gói hàng. Bữa cơm gia đình thường là tương chao hoặc ba cái trứng luộc dầm nước mắm. Chuyện "vượt biên" đúng là chuyện mò trăng đáy biển !

Bỗng Kim nhìn Nghĩa, một thoáng tinh ranh nằm trong ánh mắt:

- Còn Nghĩa ? Có tính đi không ?

Nghĩa phì cười, miệng rộng huệch:

- Kim trả thù hả ?

Kim cười bằng mắt, nhái lại câu của Nghĩa khi nãy, người cũng nhẹ lắc lư:

- Thì... hỏi là hỏi vậy thôi.

Không bảo nhau mà cả hai cùng phá lên cười, cái cười che giấu sự sung sướng bên trong của mỗi đứa, cái cười của những người cùng cảnh ngộ gặp nhau, cái cười không phải của niềm vui mà là của sự an ủi. Rồi chúng nó nhìn nhau một thoáng, trước khi quay nhìn đi nơi khác để cảm thấy thật gần gũi nhau vô cùng.

Mưa thôi ồ ạt nhưng vẫn chưa dứt hột thì nửa vùng trời đã hé nắng ở đằng kia. Ánh nắng xiêng xiêng thật sáng, thật trong làm như vừa được mưa lau sạch bụi ! Nắng chiều mà giống như nắng sáng.

Nắng xuyên mưa đổ xuống chỗ Kim và Nghĩa, giống như vệt đèn pha sân khấu. Nghĩa nhìn Kim đứng trong vùng ánh sáng đó bỗng nhớ tới vở kịch thần thoại Liên Xô mà hai đứa đóng trong trường cách đây mấy tháng, trong đó Nghĩa làm người cùng khổ còn Kim là bà tiên áo trắng, mái tóc đầy kim tuyến lấp lánh như kim cương. Bây giờ, những giọt mưa đọng lại trên tóc Kim cũng lấp lánh như kim cương trong tia nắng chiều nghiêng chụp xuống. Đẹp quá !

Kim chợt bắt gặp cái nhìn ngây dại của bạn, nóng bừng hai tai.

- Nhìn gì kỳ vậy Nghĩa ?

Nghĩa giật mình, người hơi lắc lư:

- Nghĩa đang nhìn mấy giọt nước trên tóc Kim. Nó... Nó...

Kim mỉm cười, lắc mạnh đầu mấy cái rồi đưa hai tay vuốt tóc tém vào ót. Tóc được gom lại, dính vào nhau thành một cái đuôi cong cong.

Nghĩa tiếp:

- Nó giống như kim cương. Thật giống kim cương. Uổng quá!

- Cái gì uổng ?

Kim ngạc nhiên hỏi. Nghĩa đang tiếc rẻ hình ảnh đẹp của Kim khi nãy với những giọt mưa trên tóc, bất ngờ bị hỏi vặn, không biết phải trả lời làm sao. Nghĩa đưa tay gãi ót, chặc lưỡi:

- Thì...

Mắt Nghĩa bỗng sáng lên, mặt hí hửng. Một ý nghĩ vừa thoáng qua trong đầu, Nghĩa chụp lấy như người sắp chết đuối chụp lấy cái phao:

- Uổng quá chớ ! Nếu là kim cương thiệt thì Kim dư sức đưa gia đình đi vượt biên rồi.

Rồi Nghĩa cười lên ha hả, cái cười của người vừa thoát nạn. Kim cũng cười theo bạn, nhưng cười vì cái ý nghĩ ngộ nghĩnh bắt nguồn từ những giọt mưa trên tóc.

Trời cũng vừa hết mưa. Đường phố khi nãy vắng tanh, bây giờ đầy người trở lại. Làm như mưa ngừng cho nước rút xuống để rừng người mọc lên ! Nghĩa và Kim nhập vào đoàn người đạp xe về ngã Phú Nhuận. Không khí sau mưa mát rượi. Hai đứa đều có cảm giác như mặt mũi mình vừa được rửa sạch trong cơn mưa.

Đến ngã tư Phú Nhuận, Nghĩa vẫy tay chào bạn:

- Thôi, "bye" nghe Kim.

Rồi cắm đầu đạp nhanh về hướng Gia Định trong lúc Kim quẹo sang trái để về cổng Phi Long.

o O o

...Sau bữa cơm tối, ba gọi Nghĩa và con nhỏ em vào buồng, kéo ngồi xuống chiếc chiếu trải dưới đất, vẻ nghiêm trọng, thấp giọng nói:

- Hổm rày ba má giấu tụi con. Bây giờ, tới lúc phải cho tụi con biết. Khuya nay mình vượt biên.

Nghĩa cảm thấy choáng váng mày mặt, mồ hôi đổ ra như tắm. Trước mắt Nghĩa bỗng là một khoảng trống không mơ hồ. Nghĩa không còn thấy ba. Nghĩa không còn thấy em. Nhưng Nghĩa còn loáng thoáng nghe tiếng ba nửa xa nửa gần:

- Ba sẽ chở má. Nghĩa chở em. Mình đạp xuống cầu Kinh, bỏ xe ở nhà bác Tám rồi băng ruộng ra bờ sông cách đó chừng năm trăm thước. Ghe chờ ở đó. Tụi con đừng đem gì theo hết. Cứ đi tay không như mình đi thăm bác Tám vậy. Hiểu chưa ?

Nghĩa gật đầu như người máy, nhưng Nghĩa không hiểu. Thật tình không hiểu ! Ba má vẫn hay than vắn thở

dài: “Phải chi nhà mình có chút đỉnh gì để liều một chuyến vượt biên như thiên hạ coi ra sao”. Khi gặp bạn bè, ba thường chép miệng: “Tôi mà biết bị kẹt lại như vầy, tôi đã đưa gia đình di tản cha nó hồi bảy mươi lăm rồi ! Bây giờ thì thôi. Đành muôn năm ở lại với Bác !”. Vậy mà bây giờ... bây giờ... Nghĩa không hiểu ! Thật tình không hiểu ! Mới hồi nãy đây, còn đứng đụt mưa chung với Kim, còn đùa nhau về chuyện vượt biên – lý do để hai đứa thấy gần nhau hơn nữa – còn đạp xe song song trên đường dài – dù đường dài có dài thăm thẳm chắc hai đứa lúc nào cũng đạp xe song song... Vậy mà bây giờ... bây giờ... Sao nó giống như ngã tư Phú Nhuận, mỗi đứa đi về một hướng, hai hướng ngược nhau trên một đường thẳng, nghĩa là chẳng bao giờ gặp lại nhau dù có kéo mãi về vô tận. Và những giọt mưa trên tóc. Ờ... những giọt mưa trên tóc ! Những gì hồi nãy mới thấy đây, mới hiện diện đây, những rung động, những cảm nhận thật rõ ràng mới đây, hồi nãy, khi đứng đụt mưa với Kim dưới mái hiên tiệm giày... bây giờ sao giống như giọt mưa trên tóc, chỉ một cái lắc đầu đã rơi mất trong không gian ! Còn Kim ?... Kim ?... Kim sẽ làm sao ? Một câu hỏi thật ngớ ngẩn nhưng nói lên chiều sâu của tình yêu vừa chớm, thứ tình yêu chưa rõ nét như bước chân chập chững của trẻ thơ, thứ tình yêu còn thơm mùi giấy mực học trò, còn thật thà như đọc cửu chương hai ! Nghĩa bỗng thấy cần phải gặp Kim. Gặp ngay bây giờ. Không biết để làm gì, nhưng phải gặp. Không biết sẽ nói cái gì, nhưng cứ gặp trước cái đã. Có một cái gì thúc đẩy từ bên trong. Có một cái gì kêu gọi từ bên ngoài. Nghĩa không hiểu nữa. Cảm thấy thật cần thiết, thật cấp bách !

Nghĩa bước ra phòng khách, với tay lên kệ lấy đại hai quyển sách gì đó rồi nói với ba đang soạn giấy tờ trên bàn:

- Con đem trả sách cho thằng Tuân.

Khi thấy ba nhìn mình soi mói, Nghĩa tiếp:

- Trả cho nó học.

Ba gật đầu:

- Ờ... Nhưng ba cấm con nói "chuyện đó" với bất cứ ai, dù là bạn thân cũng vậy. Nghe chưa ?

Nghĩa gật đầu, đẩy xe đạp ra sân. Ba nói với theo:

- Trả rồi về ngay nghe con, Nghĩa.

Nghĩa "dạ" rồi phóng lên xe, đạp thật nhanh. Trên đường Phan Đăng Lưu (Chi Lăng cũ), Nghĩa ném hai quyển sách vào một đống rác rồi đi thẳng.

Nhà Kim ở xóm cổng Phi Long. Nghĩa vẫn quen lui tới. Vậy mà bây giờ sao thấy nó xa thăm thẳm. Mặc dù xe đã lao nhanh nhưng Nghĩa vẫn có cảm tưởng như hãy còn quá chậm. Nghĩa vừa nhấn mạnh bàn đạp vừa nghĩ miên man: "Không biết phải nói làm sao đây ? Ba đã cấm thì mình làm sao nói ? Mà không nói làm sao Kim hiểu ? Không biết mình đi có thoát không ? Rồi cuộc đời sẽ ra sao ? Không có Kim mình sẽ ra sao ? Còn Kim ? Kim sẽ ra sao ? Ra sao ?... Ra sao ?...". Thật nhiều câu hỏi để không có được một câu trả lời. Người con trai đó cảm thấy thật chơi vơi, tất cả đều vuột khỏi tầm tay, tất cả đều vượt khỏi tầm suy luận của nó, nó không hiểu được gì hết, không chủ động được chuyện gì hết ! Lần đầu tiên, người con trai đó nhận thấy cuộc đời này quá nhiều rắc rối chớ không đơn giản như những bài toán ở trong trường, mà mình thì giống thằng học trò dốt nhìn tấm bảng đen thấy nó rộng bằng cái sân banh...

Khi Nghĩa vừa thắng xe trước cổng nhà Kim thì con chó chạy ra sủa mấy tiếng rồi chồm lên cửa sắt vẫy đuôi mừng. Có tiếng má của Kim hỏi vọng ra:

- Ai đó ?

- Dạ thưa cháu.

Nghĩa trả lời.

- Nghĩa hả ? Đi đâu tối vậy ?

Rồi đèn dưới hiên được bật lên, một bóng đèn nhỏ xíu tỏa ánh sáng vàng vọt như ánh sáng cây đèn dầu. Má của Kim bước ra mở cổng:

- Cháu ngồi chơi. Em nó tắm rồi ra bây giờ. Bác còn phải vô mai tiếp mớ đồ để mai giao...

Nghĩa "dạ", rồi dựng xe vào tường rào. Con chó chạy lại quắn quýt mừng rồi chạy vào trong sủa mấy tiếng như để báo là nhà có khách ! Nghĩa nhìn quanh: nhà vắng teo, chỉ nghe có tiếng máy may xành xạch đều đều. Nghĩa nghĩ: "Chắc mấy đứa nhỏ về dưới quê hết rồi. Chớ không thì đã chạy ào ra mừng như mọi khi". Sân nhà Kim tuy nhỏ nhưng tráng xi măng sạch sẽ. Ở góc sân có cây mận khá lớn, tàng gie ra phủ lấy sân như cây lộng. Dưới gốc mận, có mấy gộc củi to đặt đứng để làm ghế ngồi. Trên thân cây mận, hãy còn treo mấy giỏ phong lan mà ba của Kim trồng hồi đó.

Khi Nghĩa vừa ngồi xuống cạnh gốc mận thì Kim cũng vừa bước ra hiên nhà. Tóc Kim chải ngược về phía sau, để lộ khuôn mặt đều đặn với đôi mắt ngời tinh anh. Kim dừng ở hiên một chút... như để định hướng, rồi mới bước tiếp ra sân. Chỉ trong một thoáng đó thôi – một thoáng dừng lại của Kim – Nghĩa bỗng thấy không gian chìm mất chỉ còn lại gương mặt của người bạn gái là hiện hữu, là sinh động, là rạng rỡ... Nghĩa thấy gương mặt đó thật rõ, thật sáng. Thấy mái tóc hãy còn láng nước, tóc

mai còn dán vào má vào tai. Thấy vầng trán rộng, thấy đôi mày dài. Thấy ánh sao trong mắt, thấy nét cười phớt nhẹ làn môi... Chỉ trong có một giây thật ngắn ngủi – như một chớp mắt – mà sao ngần đó nét, ngần đó chi tiết được Nghĩa nhìn thấy hết, thâu nhận rõ hết. Phải chăng đó là hình ảnh của Kim mà Nghĩa muốn ghi lần cuối cùng vào tim vào óc ? Ghi lấy để giữ lấy mãi mãi, bởi vì, sẽ không còn có lần nào khác nữa để Nghĩa được nhìn Kim như bây giờ...

Kim vừa bước về hướng Nghĩa, vừa hỏi:

- Ủa ? Đi đâu mà tối vậy Nghĩa ?

Yên lặng. Từ cái thoáng dừng lại khi nãy của Kim, từ cái thoáng đặt hết tâm tư vào gương mặt của người bạn gái, Nghĩa không còn cảm nhận được sự hiện diện của mình. Tiếng của Kim, Nghĩa nghe loáng thoáng như trong chiêm bao.

Nghĩa chỉ sực tỉnh khi Kim đã ngồi đối diện. Người con gái đó có dáng ngồi thật thẳng, thật ngoan, thật dễ thương với hai bàn tay đặt nằm thoai thoải trên đầu gối. Ở Kim, toát ra một cái gì vừa tươi mát vừa tinh khiết, lại vừa trầm lặng với sức sống căng đầy. Nghĩa cảm thấy bối rối, không biết phải nói cái gì, nói làm sao, rồi miên man nghĩ: "Chắc Kim sẽ buồn lắm khi nghe mình nói. Chắc Kim cũng sẽ... cũng sẽ đau khổ lắm khi biết mình đi. Bây giờ còn ngồi đây với nhau chớ lát nữa đây, rồi ngày mai, rồi mãi mãi sẽ không còn gặp nhau nữa. Vĩnh viễn không gặp nhau nữa. Vĩnh viễn... Vĩnh viễn...". Nghĩa thấy thương Kim. Nghĩa thấy thương Nghĩa. Nghĩa thấy thương hai đứa. Nghĩa muốn khóc ! Nghĩa không dám nhìn thẳng mặt Kim. Nghĩa nhìn đôi bàn tay thon nhỏ của Kim, đôi bàn tay ngoan hiền nằm trên đầu gối. Đôi bàn tay đó đã từng vẫy gọi Nghĩa trong đám đông, đã từng vỗ

vào nhau thành nhịp khi Nghĩa đàn, và một hôm, đã từng kết lại giùm Nghĩa cái nút áo, sau một lần vật lộn với bầy em của Kim. Đôi bàn tay đó, rồi đây, suốt cuộc đời về sau, Nghĩa sẽ không còn được cầm lấy, nắm lấy, hay nhìn thấy, dù là trong giấc mộng. Không tự chủ được, Nghĩa nghiêng người tới cầm lấy hai bàn tay của Kim. Một cử chỉ thật đột ngột làm Kim sửng sốt định rút tay về, nhưng khi thấy Nghĩa chẳng có nét gì sỗ sàng nên để yên. Nghĩa giữ tay Kim trong tay mình như giữ một vật gì đẹp nhứt, quí nhứt của cuộc đời này. Như hơi thở. Như nhịp tim. Như tình yêu... tình yêu... tình yêu...

Yên lặng. Nghĩa ngồi như pho tượng. Lưng khom khom, đầu chút xuống, cùi chỏ chống lên đùi làm hai vai nhô lên. Kim không nhìn thấy mặt Nghĩa, nhưng Kim "nhìn" thấy tâm tư của Nghĩa trong đôi bàn tay và trong dáng ngồi của bạn. Đôi bàn tay muốn nắm thời gian ngừng lại và dáng ngồi nói lên niềm thống khổ vô biên...

Yên lặng. Rồi có tiếng Kim hỏi, thật trầm tĩnh:

- Nghĩa đi hả ?

Không có tiếng trả lời. Nhưng Nghĩa gật gật đầu, cái đầu đã ở sẵn tư thế cúi thấp xuống của một người nhận chịu số phận ! Rồi vai Nghĩa bỗng run run, Nghĩa gục xuống tay nấc lên khóc. Bấy giờ – và chỉ bấy giờ – những ngón tay của hai đứa mới đan vào nhau, tự nhiên đan vào nhau, giữ lấy nhau, giữ chặt lấy nhau. Không biết tại sao ? Không biết để làm gì? Mà cần gì phải biết, khi tất cả đều vô nghĩa ? Vô nghĩa !

Yên lặng. Không gian không còn nữa. Thời gian không còn nữa. Vũ trụ bây giờ nằm trọn trong lòng tay hai đứa, một vũ trụ rách nát, đau thương. Ở đó, giữa những ngón tay đan chặt vào nhau, tình yêu vừa mới sinh ra, còn măng non nhưng sao đã thấy già nước mắt....

Yên lặng. Kim không khóc. Kim vẫn ngồi thẳng, nhìn thẳng, tuy tâm hồn đã tê dại. Phải một lúc lâu sau, thật lâu sau, Kim mới trở về với chính mình để nhận thấy rằng bỗng nhiên mình già đi mười mấy tuổi ! Kim nhìn xuống Nghĩa, chỉ thấy cái đầu tóc ngắn, cái ót gầy gầy, đôi vai nhô cao. Hình ảnh cuối cùng của Nghĩa là đây chăng ? Người con trai có đôi mắt xếch xếch, có cái cười rộng huych làm cho một bên má lúm đồng tiền, người con trai đã làm Kim rung động, người con trai đã làm Kim xao xuyến, người con trai đó, bây giờ, Kim chỉ nhìn thấy được có cái ót và đôi vai thôi ! Rồi mai mốt... mai mốt... Một chua xót đang trạo trực dâng lên. Kim cắn môi kềm lại. Yên lặng...

Một lúc sau, Kim hỏi, giọng lạc đi:

- Chừng nào ?

Nghĩa ngồi thẳng lên, tay vẫn không rời tay Kim, mặt còn đầy nước mắt, giọng cũng lạc đi:

- Khuya !

Kim nhìn gương mặt méo mó vì đau khổ của Nghĩa bỗng nghe xúc động dạt dào. Kim muốn chồm tới ôm lấy Nghĩa, ôm lấy gương mặt đầy nước mắt đó áp vào má mình, ôm thật chặt, siết thật chặt, để mọi niềm đau được cùng chia sớt, để mọi nỗi hận được cùng xẻ đôi. Nhưng Kim gượng lai, gượng lại vì lễ giáo, và gượng lại vì sợ không rời nhau ra được nữa... Trào lòng dâng dậy miên man, Kim nhắm nghiền mắt lại, siết những ngón tay của Nghĩa, siết với hết sức mình, siết thật mạnh, siết thật đau, siết như để nén một trời thống khổ, siết như để bóp vỡ một cái gì uất nghẹn trong tim, siết như đang cố gắng nuốt một liều thuốc đắng, siết như... siết như để chia tay lần cuối trước khi lìa đời… Kim cắn răng để đừng bật khóc !

Yên lặng. Lâu sau, Nghĩa buông tay Kim đứng lên, lủi thủi lại lấy xe đạp. Kim bước theo, nhẹ như một cái bóng. Kim mở cổng, tiếng cổng rỉ sét rên lên. Nghĩa dẫn xe ra, không dám nhìn lại cũng không dám nói một lời, chỉ phóng lên xe đi thẳng. Kim đóng cổng, cổng sắt lại rên lên trước khi kêu cái rầm khô khan. Kim có cảm tưởng như mình vừa bị nhốt trong tù. Ngoài kia, đã là một thế giới khác.

Khi Kim bước lên cầu thang để lên gác – cái gác lửng ba làm cho Kim ngủ và học riêng một mình trên đó – Kim bỗng nghe hai chân mình yếu đi, chẳng còn chút sức lực nào hết. Kim cố bám từng nấc thang, mồ hôi đổ ra như tắm. Lên đến bên trên, Kim chỉ còn đủ sức gieo mình xuống giường, úp mặt xuống gối, khóc ngất... Bao nhiêu nước mắt trần gian xin gởi hết cho Kim, người con gái mang tâm trạng người góa phụ.

o O o

Trời mưa Paris. Ở đây không có "mưa rồi chợt nắng" như ở Sàigòn. Ở đây, mưa không ngập tràn cống rãnh, mưa không đưa rác trôi quanh phường phố. Cũng không có trẻ con cởi truồng chạy giỡn trong mưa. Cho nên, chẳng có gì để gợi nhớ như mưa Sàigòn...

CHÂN DUNG V.C. TRƯỚC KHI CHIẾM MIỀN NAM



Ngang lưng thì thật phương châm
Đầu đội chánh sách, tay cầm chủ trương
Chân đi đôi dép lập trường
Đi hoài chẳng biết lập trường là mô.

Chép thơ: Tiến Sĩ Trần văn Trụi
Minh họa: Bút Sĩ tê tê

Cơm nguội

Ông già đó lái xe đưa hai thằng cháu nội sáu bảy tuổi đi ăn MacDonal's. Bữa nay chúa nhựt, vợ chồng thằng con ông không có đi làm, nhưng vì phải đi dự đám cưới của một người bạn vào buổi trưa nên thằng con ông nhờ ông đến nhà vừa giữ nhà vừa trông chừng hai đứa nhỏ. Nó đã điện thoại cho ông hôm tuần trước để…"xí chỗ" bởi vì nó biết hai đứa em của nó lâu lâu cũng nhờ ông làm như vậy. Nhà ông chỉ cách nhà của các con ông có ba bốn chục phút xe hơi – nếu xa lộ không bị kẹt – nên việc đi lại không gây nhiều phiền phức. Ông sống một mình, thành ra khi đứa con nào cần, gọi ông là ông " ừ " ! Trừ phi ông đã hẹn lỡ với mấy ông bạn già đi đánh bài ở nhà ông nào đó, hay đi ăn phở ở khu 13 chợ tàu Paris…

Giữ hai đứa cháu đến bốn giờ chiều vẫn chưa thấy cha mẹ chúng nó về. Giờ này phải cho chúng nó ăn cái gì – quen giữ mấy đứa cháu nên ông rành thông lệ đó. Ông đề nghị đưa chúng nó đi ăn MacDo's, hai đứa vỗ tay nhảy cẫng reo mừng. Vậy là ông chở chúng nó đi, sau khi viết ít chữ để lại trên bàn ăn cho vợ chồng thằng con ông biết.

Nhà hàng nằm ngoài đồng nên có sân chơi rộng lớn với nhiều đu và cầu tuột. Giờ này thật đông khách, nhứt là trẻ con. Nhờ có bãi đậu xe mênh mông nên ông già không phải khó khăn tìm chỗ.

Vừa xuống xe, hai thằng nhóc chạy thẳng ra sân chơi. Ông già nói vói theo bằng tiếng Việt :

- Hai đứa muốn ăn cái gì để ông nội lấy.

Hai đứa không quay đầu lại nhưng nói to bằng tiếng Pháp :

- Hamburger và coca.

Ông lại hỏi :

- Không lấy happy meal hả ?

Hỏi như vậy, vì thông thường trẻ con hay lấy món đó để có đồ chơi.

Tụi nhỏ vừa trèo lên cầu tuột vừa nói lớn bằng tiếng Pháp :

- Không ! Cái đó của con nít !

Ông bật cười, vừa chửi thầm " cha tụi bây" vừa bước vào trong. Nối đuôi một lúc rồi ông mang mâm đồ ăn ra ngồi ở một cái bàn ngoài sân dưới nắng, cho ấm. Hai thằng cháu nội của ông đang chơi cầu tuột, la hét bằng tiếng Pháp, om sòm. Trong đám trẻ tóc vàng, chúng nó tóc đen mắt hí nên dễ thấy. Ông nhìn theo tụi nó trèo lên tuột xuống, chen chúc với bầy tây con mà ông thấy thương.

Hai thằng cháu nội của ông chỉ hiểu chớ không nói được tiếng Việt. Tiếng Việt, tụi nó nói được có hai tiếng " ông nội".(Đó là bây giờ, sau khi được ông sửa nhiều lần. Chớ hồi còn bốn năm tuổi, tụi nó gọi ông bằng " ông nại", nghe thấy cười lắm !)Thành ra, trong đối thoại giữa ông cháu, tụi nó nói tiếng Pháp, còn ông thì dùng tiếng Việt. Ông nghĩ :" Cứ bắt tụi nó phải nghe tiếng Việt, kẻo không chúng nó sẽ quên. Rồi mình sẽ đốc thúc ba tụi nó đưa tụi nó đi học nói và học viết nữa".

Một lúc sau, thấy hai đứa nhỏ chơi đủ lâu, ông đứng lên vẫy tay gọi :

- Tí ! Tú ! Lại ăn nè !

Tụi nhỏ còn ráng tuột thêm hai lần nữa rồi mới chạy vào, mặt mày đỏ ửng, mồ hôi mồ kê. Ông nói :

- Vô toa-lét rửa tay rửa mặt rồi ra ăn.

Hai đứa gật đầu nhưng vẫn cầm ống hút chọc lủng nắp ly giấy, hút vài ngụm coca trước khi hí hửng đi vào bên trong. Ông mỉm cười nhìn theo mà nghe tình thương dào dạt trong lòng…Ông nhớ lại ở bên nhà hồi xưa, hồi thời mà cha chúng nó bằng tuổi chúng nó bây giờ, ông cũng hay dẫn đi " ăn cái gì " lúc bốn năm giờ chiều chúa nhựt. Mà ở Việt Nam đâu cần phải lái xe đi cả chục cây số như ở xứ Pháp này. Cứ thả bộ ra đầu ngõ là có đủ thứ để " bỏ bụng " : cháo lòng, mì, phở v.v…Hồi đó, khi được dẫn đi ăn, cha chúng nó cũng có bộ mặt hí hửng giống như tụi nó bây giờ. Vậy mà cũng đã gần bốn chục năm…

Hai đứa nhỏ trở ra ngồi vào bàn ăn hamburger. Thằng lớn, tên Tí, để ý thấy ông nội không có hộp MacDo's nào hết, bèn hỏi :

- Ông nội không ăn gì à ?

- Không, ông không có đói.

Ông cầm cái ly giấy đựng cà phê đưa lên :

- Ông uống một cái cà-phê là đủ rồi.

Thằng nhỏ, tên Tú, chen vào, miệng còn ngồm ngoàm hamburger :

- Mấy người già kỳ cục lắm ! Ăn uống không giống ai hết !

Thằng anh rầy :

- Nói bậy ! Mày nói như vậy là không có lễ độ !

Rồi nó lên giọng người lớn để dạy em, nói chậm rãi :

- Người ta nói : mấy người lớn tuổi không biết cách ăn uống. Mầy hiểu chưa ?

Ông bật cười, chửi đổng " Cha mầy " ! Thằng Tí không hiểu tiếng chửi đó nên hỏi :

- Ông nội nói cái gì vậy ? " Cha mầy " là nghĩa gì ?

Ông đưa tay gãi cổ, tìm cách giải nghĩa :

- Ờ…ông muốn nói…Nghĩa là…Nghĩa là…

Thấy ông nội nó có vẻ gặp khó khăn trong tiếng Việt, thằng Tí đề nghị :

- Ông cứ giải nghĩa bằng tiếng Pháp đi, có lẽ dễ hơn đó !

Ông gật đầu, nói bằng tiếng Pháp :

- Ông muốn nói rằng…muốn nói rằng…là con dễ thương !

Thằng nhỏ mỉm cười, vừa gật gật đầu vừa hí hửng nói :

- Merci ! Merci !

Thấy thương quá, ông chồm qua mặt bàn hôn lên má phinh phính của nó. Thấy

vậy thằng em đòi :

- Còn con ! Còn con !

Ông bèn đưa tay ôm hai cái đầu cụng lại rồi hôn chúng nó trơ trất. Hai đứa rụt cổ cười lên hắc hắc. Trong khoảnh khắc đó, ông già cảm thấy không còn sự sung sướng nào bằng…

Ăn xong, thằng Tí xin phép ông nội cho tụi nó tiếp tục chơi một lúc nữa. Ông vén tay áo nhìn đồng hồ rồi gật đầu. Hai đứa nhỏ vừa chạy đi vừa nói nửa tiếng tây nửa tiếng ta :" Merci ông nội !".Ông mỉm cười nhìn theo một lúc rồi mới đi vào bên trong lấy thêm một ly cà phê.

Ngồi vào bàn, ông vừa nhăm nhi vừa nhớ lại thời ông còn nhỏ. Hồi đó, ông ở dưới quê với bà ngoại. Chiều nào đi học về, cũng bước vào bếp bốc một cục cơm nguội to bằng nắm tay rồi ra ngồi ngoài hiên ăn với miếng đường mía màu nâu sặm đen nhỏ bằng ngón chân cái. Vậy mà sao ngon vô cùng ! Và ngày nào cũng vậy. Hể nghe đói – ngoài hai bữa cơm chánh – là cứ vô bếp lục cơm nguội. Lúc nào nấu cơm, bà ngoại cũng nấu nhiều. Bà nấu trong cái nồi đất và không biết nấu cách nào mà khi nguội cơm

dính vào nhau chớ không bời rời. Cho nên chỉ cần cầm chiếc đũa bếp xắn xuống một cái là có ngay một cục cơm gọn bân ! Nồi cơm nguội luôn luôn nằm trên đầu ông táo. " Để kiến đừng bò vô, vì kiến sợ tro bếp". Hồi đó nấu bếp bằng củi nên bếp đầy tro. Lâu lâu, bà ngoại có hốt tro đổ bớt, nhưng vẫn chừa lại một lớp dầy để giữ than cho âm ỉ dùng " ghế" nồi cơm. Bà giải nghĩa :" Sôi vừa cạn nước là dập tắt lửa ngọn rồi cời than với tro ra khỏi chưn ông táo, bắc nồi cơm xuống đặt lên đó cho gạo nở. Như vậy kêu là ghế nồi cơm. Nấu cơm ngon hay không ăn thua ở cái chỗ biết ghế hay không biết ghế. Chỉ có vậy thôi !". Bà coi chuyện nấu cơm trong nồi đất và bằng lửa củi là chuyện dễ ợt. Điều quan trọng đối với bà ngoại là phải nấu dư dư ra một chút. "Cho thằng nhỏ nó có cơm nguội nó ăn". Nói như vậy chớ thỉnh thoảng bà cũng cho "thằng nhỏ" một khúc khoai mì hay một củ khoai lang…những thứ không phải hiếm – nhứt là ở vùng quê – nhưng vì nhà nghèo nên những thứ như vậy cũng trở thành hiếm hoi cho lúc đói lòng của " thằng nhỏ"…

Nghĩ đến đó, ông già buông tiếng thở dài. Sao mà có thể nghèo như vậy được ? Bà ngoại chỉ có mấy nọc trầu, vài hàng cau, đôi ba cây ổi cây mít…Ngần đó thứ chỉ đủ cho hai bà cháu có hai bữa cơm rau khô mắm hằng ngày. Vậy mà bà ngoại cũng ráng nuôi cho ông đi học. " Cái thứ mồ côi, Trời bù cho cái khác. Thằng nhỏ sáng dạ học giỏi, bắt nó ở nhà chăn trâu sao đành". Vậy là ông phải cắp sách đến trường như mọi đứa trẻ khác và chiều về nếu không có củ khoai thì vẫn còn có nồi cơm nguội... Thành ra, cơm nguội đối với thằng nhỏ nghèo là ông hồi đó, lúc nào cũng có giá trị như hamburger của hai thằng cháu nội của ông bây giờ. Còn hơn thế nữa là nhờ có cơm nguội mà ông đã đi hết bậc tiểu học một cách trơn tru rồi sau đó

thi đậu học bổng vào trường lớn ở Sàigòn, cũng dễ dàng như bà ngoại nấu cơm trong nồi đất !

Ông già vén tay áo xem đồng hồ rồi đứng lên gọi :

- Tí ! Tú ! Về, tụi con !

Hai đứa chạy lại mang mâm hộp không ly không dẹp vào trong rồi theo ông nội chúng nó ra xe.

Về đến nhà thì ba mẹ của hai thằng nhỏ cũng đã về rồi. Ba chúng nó hỏi bằng tiếng Việt :

- Tụi con đi chơi có vui không ?

Hai đứa gật đầu. Thằng Tí giành nói :

- Ông nội cho tụi này chơi cầu tuột, chơi đu, lâu thật lâu. Đã luôn !

Ba chúng nó quay sang ông già :

- Tụi nó có ngoan không, ba ?

- Ngoan chớ. Dễ dạy lắm.

Mẹ chúng nó vừa đưa cho mỗi đứa một cái bánh sô-cô-la vừa nói bằng tiếng Pháp:

- Mẹ tưởng tụi con không có đi ra ngoài nên mẹ mua bánh cho tụi con đây.

Hai đứa vừa ôm mẹ hôn vừa nói " Cám ơn ! Cám ơn !" tía lia. Thằng Tú bẻ cái bánh của nó ra làm hai rồi đưa phân nửa cho anh nó :

- Ăn với Tú nè ! Để dành cái bánh của Tí lác nữa ăn !

Thằng anh vui vẻ cầm lấy phần bánh nói " merci" rồi vừa hôn lên má em vừa nói bằng tiếng Việt :

- Cha mầy !

Mẹ nó giật mình, trừng mắt, la lên bằng tiếng Pháp :

- Tí ! Sao con chửi nó ?

- Con đâu có chửi. Con nói nó dễ thương mà !

- " Cha mầy " là tiếng chửi đó !

- Hồi nãy, ông nội nói " cha mầy là dễ thương " !

Ông già bật cười trong lúc mọi người đều ngạc nhiên nhìn ông không hiểu. Ông nói :

- Ờ ! Hồi nãy ba có giải nghĩa như vậy khi thằng Tí nói một câu dễ thương. Thật ra, hai tiếng đó tùy trường hợp và tùy cách nói mà thành tiếng chửi hay tiếng mắng yêu, tụi con hiểu không ?

Mẹ chúng nó quay sang hai con, nói bằng tiếng Pháp :

- Tiếng đó chỉ có người lớn mới có quyền dùng thôi. Tụi con không được nói, nghe chưa ?

Thằng Tí gật đầu, rồi vừa kéo thằng em đi vào trong vừa càu nhàu :

- Ồ…tiếng Việt Nam rắc rối quá !

Mấy người lớn nhìn nhau mỉm cười. Ông già nói, giọng nghiêm trang :

- Ba nghĩ tụi con nên sắp xếp thì giờ để chở tụi nhỏ đi học nói và học viết tiếng Việt. Ở Paris thiếu gì chỗ dạy. Ngoài ra, ba cũng muốn nhắc tụi con thường xuyên nói tiếng Việt với chúng nó thay vì dùng tiếng Pháp. Để cho chúng nó đừng quên. Mình đi lưu vong, bỏ hết mất hết. Chỉ còn có tiếng nói mang theo mà cũng để cho mất luôn…thì mình sẽ thành ra cái giống gì,hả các con ?

Giọng ông già bỗng như nghẹn lại. Ba mẹ tụi nhỏ chừng như xúc động , làm thinh. Yên lặng một lúc, mẹ thằng Tí vừa đi vào bếp vừa nói :

- Để con đi làm cơm. Ba ở lại ăn với tụi con nghen.

- Không, con. Chơi một chút rồi ba về.

Ba tụi nhỏ rót trà vào tách đưa cho ông già :

- Biết ba thích uống trà nên con có pha sẵn bình Ô long cho ba đây.

- Ờ…Cám ơn con !

Ông già hớp một hớp, đặt tách xuống, gật gù :

- Ùm…Ngon !

Rồi ông tiếp :

- Hồi nãy, ở ngoài Mac Do's, tự nhiên sao ba nhớ lại ba hồi nhỏ. Hồi đó, vì nghèo nên ba đâu có quà bánh gì để ăn. Ba chỉ biết có cơm nguội ăn với đường mía, loại đường cục đậm đen nhìn không thấy thèm mà khi cắn vô mùi mật mía thơm phức làm tươm nước miếng.

Ông già ngừng nói đưa tách lên môi hớp một hớp trà, làm như ông vừa bắt gặp lại vị ngọt đậm đà của cục đường đen và ông cần một hớp trà để đẩy đưa cho hậu vị…

Người con ông ngồi đối diện, uống trà trong im lặng. Anh biết cha anh đang sống lại với dĩ vãng nên không dám làm xáo trộn giòng suy tư của cha. Ông già nói tiếp :

- Hồi thời đó bà ngoại của ba nấu cơm trong nồi đất, nhúm lửa bằng giăm bào, chụm bằng củi. Muốn cho lửa bắt phải hít hơi đầy phổi rồi dùng ống trúc mà thổi nhiều lần. Ống trúc đó gọi là " ống thổi". Khi sử dụng, phải để ý. Bởi vì ống thổi có một đầu sạch và một đầu dơ. Đầu sạch là đầu mà mình chúm môi kê vào để thổi, còn đầu dơ là đầu mà mình thọc vào chỗ có lửa. Đầu đó luôn luôn bị cháy nám đen và dính tro bụi. Người không biết, thổi ở đầu dơ, một lúc sau mồm mép dính lọ đen thui mà không hay !

Ông già khịt mũi cười rồi mới tiếp :

- Rồi phải đợi cơm sôi để hạ lửa, sớm một chút là cơm nhão, trễ một chút là cơm khê. Nấu cơm cực lắm chớ không phải như bây giờ nấu bằng nồi điện, chỉ cần nhận có cái nút !

Ông ngừng nói, cầm tách lên hớp mấy hớp trà. Ba thằng Tí cũng đẩy đưa :

- Như vậy mới là tiến bộ, chớ ba.

- Dĩ nhiên. Đó là điều cần thiết cho cuộc sống. Bây giờ mà bắt mấy bà mấy cô nấu cơm bằng nồi đất, bằng lửa củi…chắc họ nổi loạn ! Ba muốn nhắc lại chuyện nấu cơm hồi trước là để cho con thấy trong hột cơm hồi đó có chút công sức của người nấu, có chút tình người làm cho hột cơm có giá trị hơn hột cơm " nhận nút " của thời bây giờ. Chỉ có vậy thôi.

Ông già ngừng nói, nhìn thằng con một chút rồi tiếp :

- Nhưng chuyện mà ba muốn nói ở đây là chuyện " cơm nguội" . Cơm nguội là một thứ chẳng có gì hấp dẫn ! Cho dù nó có nằm trong nồi đất hay trong nồi điện gì, nó cũng không gợi thèm như tô phở hay tô mì. Nó không có chỗ đứng trong hàng quà bánh. Chẳng ai để ý tới nó hết ! Vậy mà khi mình đói và chẳng có gì ăn thì cục cơm nguội lại trở thành " có giá" ! Nó như loại bánh xe xơ-cua của xe hơi : bình thường chẳng ai nhìn đến, nhưng khi bị xẹp bánh mới thấy cái bánh xơ-cua, dù đã mòn lẵn, thật hữu ích vô cùng.

Ông già lại ngừng nói, tự tay rót trà vào tách, chậm rãi như để cho thằng con có thời giờ " thấm " những gì ông muốn nói. Sau một hớp trà, ông tiếp :

- Con thấy không ? Cục cơm nguội cũng có cái giá trị của nó đó chớ ! Ngoài ra, khi ăn cục cơm nguội, đối với những ai chỉ biết nồi cơm điện chớ chưa từng biết cái nồi đất như tụi con chẳng hạn, thì cục cơm nguội chẳng gợi lên hình ảnh gì khác. Nhiều lắm là chỉ gợi lên hình ảnh cái bánh xơ-cua thôi ! Còn như đối với những người như ba, nhai cục cơm nguội là nhớ công ơn người thổi lửa nấu cơm nuôi mình. Nhai cục cơm nguội là nhớ cái gốc nghèo của mình. Cái gốc mà từ đó ba đã cố gắng vươn lên để về sau, ở Sàigòn, tụi con mới có đủ thứ quà bánh bỏ vào bụng khi cần, và để bây giờ, ở đây, tụi thằng Tí thằng Tú

mới có hamburger . Con thấy không ? Cơm nguội đâu phải chỉ là cơm nguội !

Dứt lời, ông già đứng lên cầm tách trà uống một hơi. Ông đặt tách xuống rồi nhìn ra ngoài :

- Thôi, ba về kẻo tối. Già rồi, mắt mũi dở lắm, con à.

Rồi ông hướng vào trong, nói lớn :

- Ông nội về nghe tụi con !

Tụi nhỏ ló đầu ra cửa buồng nói nửa tiếng Pháp nửa tiếng Việt "*Au revoir* Ông Nội". Có tiếng mẹ chúng nó từ trong bếp vọng ra :" Dạ ! Ba về. Lái xe cẩn thận nghen ba !"

Ra đến cửa, ông già đưa tay bắt tay thằng con. Anh ta cầm tay cha, vừa siết mạnh vừa nói :

- Cám ơn ba ! Cám ơn !

Trong cái siết tay đó, hình như người con muốn nói lên một điều gì…Anh ta đưa ông già ra xe, đứng nhìn theo chiếc xe đi lần ra ngõ trong ánh hoàng hôn chập choạng. Xe đã đi khuất mà anh ta vẫn còn nhìn theo hướng đó, ân hận sao hồi nãy mình không nói được một lời gì để cho cha hiểu rằng mình thương cha vô cùng…thương vô cùng…

Trên đường về nhà, ông già lái xe chậm rãi. Hình ảnh cục cơm nguội vẫn còn vương vấn đâu đó ở trong lòng. Bỗng ông thở dài, lẩm bẩm :" Mình, bây giờ, cũng chỉ là một thứ cơm nguội đối với các con. Tụi nó chỉ *phone* tới, khi nào tụi nó cần…"

Con đường trước mặt ông sao thấy như dài thăm thẳm…

Ngày nầy, năm 1975

Năm nay tôi 80 tuổi . Vợ tôi thường nói với mấy con: " Ông bà mình nói người già hay sanh tật, đúng quá! Bây coi: ba bây bây giờ sáng nào uống cà phê xong cũng lại đứng trước tấm lịch tháng treo ở phòng khách, nhìn trầm ngâm một chút rồi lấy bút gạch tréo ô vuông đề ngày hôm qua ! Chi vậy hổng biết? Hỏi ổng thì ổng nói gạch để nhớ rằng đến ngày nầy tháng nầy mình vẫn còn trôi sông lạc chợ! Trời đất! Định cư ở Pháp từ hơn ba mươi năm chớ phải mới đây đâu mà đi gạch lịch từng ngày! Ổng còn nói gạch để coi chừng nào mình mới thôi gạch để về lại Việt Nam . . ."

Câu nói của tôi là sự thật nhưng vì vợ tôi không hiểu nên cho là tôi già sanh tật! Làm sao giải thích được mỗi lần tôi gạch tréo một ngày như vậy tôi có cảm tưởng như là tôi vừa nhích lại gần quê hương một chút - một chút thôi - đủ để nuôi hy vọng thấy một ngày nào đó mình vẫn còn sống mà trở về…

Sáng nay, cũng giống như mọi ngày, tôi cầm bút gạch tréo ô vuông ngày hôm qua. Ô vuông ngày hôm nay đập vào mắt tôi làm tôi giật mình: ngày nầy, năm 1975! Tôi bỗng nhớ ra, nhớ rõ, những gì đã xảy ra ngày đó, nhớ như in. Rồi sợ "cái ngày đó" nó vuột khỏi ký ức vốn đã quá hao mòn của tuổi già, tôi vội vã lấy giấy bút ghi lại…

o O o

… Hồi thời trước 75, tôi làm việc cho một hãng dầu ở Việt Nam, phụ trách nhập cảng xăng dầu từ Singapore

vào kho dầu Nhà Bè để cung ứng cho thị trường dân sự và quân sự miền nam Việt Nam. Vì trong xứ có giặc nên thị trường quân sự chiếm 60%, trong đó xăng máy bay dẫn đầu. Các bạn tôi trong quân đội giải thích cho tôi biết rằng ở chiến trường miền nam sự yểm trợ của không lực là quan trọng nhứt. Do đó, tôi luôn luôn theo dõi sát tình hình dự trữ xăng máy bay ở các kho dầu miền nam, từ kho Nại Hiên Đà Nẵng dẫn xuống kho Cần Thơ thông qua kho lớn ở Nhà Bè…

Vào cuối tháng 3 năm 1975, sau lịnh triệt thoái cao nguyên, tình hình quân sự trở nên ồ ạt. Sợ trở tay không kịp, tôi còm-măng Singapore một tàu xăng máy bay. Hay tin nầy, hãng bảo hiểm có hợp đồng với hãng dầu tôi làm việc đánh điện phản đối, không cho tàu dầu qua Việt Nam viện cớ tình hình bất ổn. Đánh điện qua, đánh điện lại, cù cưa cả tuần họ mới bằng lòng cho tàu dầu qua, với điều kiện phải có hộ tống của Navy Mỹ họ mới cho tàu vào sông Sàigòn để cập kho Nhà Bè!

Tôi báo cáo với ban giám đốc vì lúc đó ở kho lớn Nhà Bè trữ lượng xăng máy bay chỉ còn đủ có bày ngày tác chiến của không quân. Ban giám đốc chấp thuận điều kiện của hãng bảo hiểm. Tôi vội vã gọi điện thoại lại cơ quan yểm trợ Mỹ để xin họp khẩn. Ông trưởng sở trả lời: "Tôi sẽ đến ngay văn phòng ông. Cho tôi mười phút !". Tôi quen ông nầy - tên W, thường được gọi là "Xếp" - nhờ hay đi họp chung. Ông ta dễ thương nhã nhặn, biết chút đỉnh tiếng Pháp nên lần nào gặp tôi cũng nói: "Bonjour! ça va?" (Chào ông ! Mạnh hả ?)

Xếp W đến văn phòng tôi với hai người phụ tá. Tôi đã làm sẵn hồ sơ nên sau khi mời ngồi, tôi trao ngay cho họ để họ dễ theo dõi những gì tôi sẽ trình bày. Mười phút sau, tôi kết luận xin can thiệp gấp để tàu dầu xăng máy

bay của hãng tôi được hộ tống, không quên nhắc lại điểm chánh yếu là trữ lượng xăng máy bay chỉ còn đủ để chiến đấu trong vòng có bảy bữa!

Nghe xong, Xếp W xin phép bước ra ngoài gọi *radio* về trung ương. Một lúc sau, ông trở vào, nét mặt và giọng nói vẫn tự nhiên như chẳng có gì quan trọng hết: "Rất tiếc! Chúng tôi không giúp được! Thôi! Chúng tôi về!". Tôi đang nghe nghẹn ngang ở cổ thì ông W vỗ vai tôi nói nhỏ bằng tiếng Pháp: "Allez vous en!" (Ông hãy đi, đi!) Ra đến cửa phòng, ổng ngừng lại nhìn tôi, gật nhẹ đầu một cái như để chào nhưng tôi nghĩ là ổng muốn nhắc lại câu nói cuối cùng "Allez vous en!" (Ông hãy đi, đi!) …

Tôi ngồi bất động, nghe tức tràn lên cổ vì thấy mình bất lực quá và cũng nghe thương vô cùng cái quê hương nhỏ bé của mình, nhược tiểu đến mức độ mà khi cần nắm tay để kéo đi theo thì "họ" dán…đầy đường cái nhãn "hai bàn tay nắm lấy nhau" để chứng tỏ sự thật tình "khắn khít", rồi khi không còn cần nữa thì cứ tự nhiên buông bỏ không ngượng tay giấu mặt, vì biết mười mươi rằng "thằng nhược tiểu đó không làm gì được mình"!

Tôi ráng kềm xúc động, bước qua phòng họp của ban giám đốc, chỉ nói được có mấy tiếng: "Chánh quyền Mỹ từ chối!". Sau đó, tôi đánh điện qua Singapore, cũng chỉ bằng một câu: " Không có hộ tống." Họ trả lời ngay: "OK! Good Luck!" (Nhận được! Chúc may mắn!) Hai chữ cuối cùng, trong hoàn cảnh nầy và vào thời điểm nầy, nghe sao thật đầy chua xót!

Thấy mới có ba giờ chiều, nhưng không còn lòng dạ đâu để ngồi lại làm việc nên tôi lái xe về nhà. Tôi lái như cái máy, cứ theo lộ trình quen thuộc mà đi. Về đến trước nhà, tôi bỏ xe ngoài ngỏ, đi bộ vô. Vợ tôi chạy ra, ngạc

nhiên: “Sao về vậy anh?” Tôi không nói được gì hết, chỉ gục đầu vào vai vợ tôi rồi bật khóc . Vợ tôi chưa biết những gì đã xãy ra nhưng chắc nàng đoán được rằng tôi phải đau khổ lắm mới phát khóc như vậy. Cho nên nàng vừa đưa tay vuốt vuốt lưng tôi vừa nói, giọng đầy cảm xúc: “Ờ…Khóc đi anh! Khóc đi!”

Ngày đó, tháng tư năm 1975…Đúng là ngày nầy!

Chuyện Bình Thường

Tôi có một ông bạn hiện ở Sài Gòn, vùng Tân Định. Chúng tôi thường liên lạc với nhau bằng email, dĩ nhiên là những trao đổi đã được "cân nhắc" kỹ đê tránh "đụng chạm phiền phức".

Gần đây, tôi gởi ông ta tấm hình nầy, lượm trên internet:



Và hỏi ổng nghĩ sao? Ổng trả lời:

- Ồ ! …Khoá xe vào chân để yên tâm ngủ trưa cho … ngon lành là chuyện bình thường ở xứ nầy, đâu có gì lạ! Bồ coi, như tôi bây giờ, trên xe đạp lúc nào cũng có ba (3) cái khoá: một cái để khoá bánh trước vô sườn xe, một cái đê khoá bánh sau vô sườn xe, còn cái thứ ba là đê khoá sườn xe vô cột điện. Vậy là an toàn! Không làm vậy, nghĩa là chỉ khoá một bánh xe vô cột điện là chúng nó tháo lấy bánh xe còn lại, có khi lấy luôn cái sườn xe nữa! Chuyện bình thường mà bồ! Có gan, bồ về đây chơi sẽ thấy toàn là chuyện bình thường hết!

Ở cuối email, ổng viết một câu làm tôi thật xúc động:

- Chỉ có bọn nầy, vì sống quen trong cái "môi trường bình thường" đó, là có thể đã trở thành … bất bình thường thôi! Mình biến thành "bất bình thường" mà mình không biết! Đó, cũng là "chuyện bình thường", bồ à!

Đọc đến đó, tôi nghe thương ông bạn của tôi vô cùng: ổng đã nén cái đau của ổng để khỏi thốt ra một lời than cho thân phận!

Thời gian sau, ổng gởi tôi một tấm hình trong email ổng viết:

- Tấm hình nầy chụp ở Ấn Độ. Người chủ xe đạp cởi đôi dép da để vào chùa lạy Phật, sợ mất dép nên … khoá đôi dép vào bánh xe đạp! Đó là chuyện bình thường ở Ấn Độ. Nếu là ở xứ mình, làm như vậy là "bất bình thường", bởi vì chuyện bình thường ở đây là khi thằng cha đó lạy Phật xong bước ra sẽ không còn thấy xe đạp và đôi dép da nữa!

Rồi ổng kết: "Bồ thấy không? Chuyện bình thường ở mỗi xứ mỗi khác! Ở xứ mình cái khác đó rất … độc đáo cho nên nhiều khách du lịch, sau khi biết Việt Nam, đã nói Việt Nam không giống ai hết!

Đây là hình ổng gởi:



Ông bạn tôi "khơi" chuyện bình thường làm tôi nhớ lại những hình ảnh lâu nay tôi thấy trên internet mà vẫn tự hỏi: "Sao có thể như vậy được?". Thì ra ở quê hương tôi "Nó đã như vậy được" nên mới gọi là "Chuyện bình thường"!

Đây: hãy coi Sài Gòn cứ sau cơn mưa "hơi lớn hơi lâu" là ngập lụt. Mà loại "mưa hơi lớn hơi lâu" tới mùa là … có mặt "liền tù tỳ", nghĩa là thành phố cứ nay ngập mai lụt dài dài. Vậy mà chẳng thấy dân chúng đi biểu tình đòi hỏi chánh quyền phải "khai thông" cống rãnh! Rồi thì cứ tự nhiên lội nước đi sanh hoạt, đem lưới ra lưới cá giữa lòng đường y như ngoài sông rạch, còn trên đầu vẫn có biểu ngữ "Có nước sạch là có sức khoẻ", đám cưới vẫn rước dâu bằng xe ba bánh, có ướt chút chút cũng không sao – ngày lành tháng tốt mà! - Riết rồi trở thành "Chuyện bình thường", chẳng có gì phải bận tâm hết!

Không biết chừng nào người dân xứ tôi làm một chuyện … động Trời - gọi là "Chuyện Bất Bình Thường" – nghĩa là cùng đứng lên đòi hỏi nhà cầm quyền phải làm thế nầy, phải làm thế nọ … để cuộc sống của người dân được "nâng cấp" như ở các nước … bình thường khác?

Hỏi , tức là … không trả lời! Than ôi! …

Đây: vài hình ảnh "Chuyện Bình Thường" lượm trên internet:


CÓ NƯỚC SẠCH LÁ CÓ SỨC KHỎE



Con Mén

Trong khai sanh nó tên là Loan. Ở nhà gọi nó là con Mén, vì hồi sanh nó ra nó chỉ cân được có hai kí lô tư. Bà nội nó bông nó trên tay, nhỏ xíu như một con mèo. Bà cười văng cốt trầu :"Đu họ nó ! Thứ gì mà như con chí mén !" Từ đó, gọi nó là con Mén luôn.

Nó bú sữa mẹ, nhưng vì nhà nghèo nên má nó không đủ sữa, dặm thêm cho nó bằng nước cháo, cho nên nó không mụ mẫm như phần đông các trẻ nít khác. Nó cứ đèo đèo, lớn chậm và ốm tong ốm teo.

Bà nội nó cưng nó lắm. Bởi vì ba má nó chỉ sanh có con trai, một dọc ba đứa, phá phách đánh lộn tối ngày. Bà nội nó thèm có một đứa cháu gái, nhẹ nhàng dễ sai dễ bảo hơn. Bà thường nói :" Có đứa cháu gái để tao có đi đâu nó theo nó xách giỏ trầu". Một ước mơ rất tầm thường nói lên nét bình dị mộc mạc của tâm hồn các bà mẹ quê. Giống như mái nhà tranh chỉ cần có bụi chuối sau hè, có ao bèo trước ngõ…Giống như con rạch nhỏ, chỉ cần đều đặn có nước lớn nước ròng…

Con Mén có thân hình óm o xấu xí nhưng lại có đôi mắt sáng, linh động, với cái miệng nhỏ chu-chu cũng dễ thương. Bà nội nó nói : " Cái ngữ này lớn lên rồi phải biết. Nó hỗn dàng trời !". Nói như vậy chớ bà ưa nhìn nó ngủ sau khi bú, nhả vú ra rồi mà miệng vẫn còn nút nút.

Quê con Mén ở miệt Hậu giang một làng nhỏ nằm xa tỉnh lỵ,xẻ đôi bởi một con kinh đào. Vùng này chưa có đường xe chạy, nhưng có nhiều sông rạch nên thiên hạ đi lại bằng ghe to xuồng nhỏ. Hoặc đi bộ dọc theo bờ nước hay băng ngang đồng vào mùa ruộng khô. Xa xa, có

những chiếc cầu gỗ bắc ngang kinh rạch, nối xóm này qua xóm nọ. Cầu gỗ cao lêu-nghêu, chân dài cắm sâu vào lòng nước như sợ nước lên làm ướt thân cầu. Người ta qua lại không cần lan can.

Xóm con Mén tên là xóm Cầu Ngang, một cái tên nghe rất thật thà, làm như trên đời này còn có những cái cầu dọc vậy ! Xóm nhỏ đó cũng có chợ nhà lồng lợp tôn đơn-sơ. Vây quanh chợ là quán cà phê, tiệm chạp-phô, tạp hóa, hàng vải…và một tiệm sách, gọi là tiệm sách nhưng chỉ chuyên cho thuê tiểu thuyết, truyện tàu.

Con Mén sanh ra ở đó. Khi nó biết đi biết chạy,bà nội nó lúc nào cũng kè một bên, sợ nó té sông. Vậy mà chẳng mấy lâu sau, nó biết lội hồi nào bà nó cũng không hay, nó học lội với ai bà nó cũng không biết. Mãi đến một hôm, trời nóng bức, con Mén nhảy ùm xuống kinh làm bà nội nó la làng chói-lói. Đến khi nhìn lại thấy nó lội như rái, bà mừng chảy nước mắt. Lòng bà vui lắm nhưng bà cũng chưởi đổng:" Mồ tổ cha mày !". Từ đó, con Mén đi đâu một mình bà cũng yên tâm. Bà nói :" Nó giống hệt thằng cha nó hồi nhỏ".

Lớn lên một chút, con Mén lúc nào cũng ở trần, đi chân đất, chỉ mặc có cái quần xà-lỏn ka ki. Nó vẫn ốm tong ốm teo, nhưng không thấy nó bịnh bao giờ. Nó chơi với lũ trẻ hàng xóm, chơi trò con trai như con trai. Vậy mà bà nội nó vẫn ưa nó hơn là ba thằng anh của nó, bởi vì đêm nào nó cũng chui vào ngủ với bà. Bà thích vuốt tóc cho nó ngủ và thích nghe mùi thơm hơi thở của con Mén, như ngày xưa, hồi còn trẻ, bà thích nghe mùi thơm của lúa chín, gió ruộng đưa thoang thoảng vào nhà về đêm…

Má con Mén mua đầu chợ bán cuối chợ. Kiếm đủ nuôi mấy miệng ăn. Nghèo nhưng không đói. Ba nó trốn

lính một dạo, nhưng rồi cũng bị bắt. Đi quân dịch, làm binh nhì, rồi đi luôn không biết chừng nào giải-ngũ !

Ba nó đóng ở đâu miệt Sài-Gòn. Lâu lâu về phép,ở nhà được vài hôm. Những hôm đó,con Mén khoái lắm, bởi vì ba nó cũng cưng nó như bà nội nó vậy. Sáng nào, ba nó cũng cõng nó ra tiệm cà-phê. Nó ngồi trên ghế đẩu cạnh ba nó, đôi mắt chỉ cao hơn mặt bàn một chút. Người lớn hay vò đầu nó,làm rối bồng mái tóc bom-bê. Lúc nào nó cũng được ba nó gọi riêng cho một tách sữa nhỏ. Sợ sữa nóng, ba nó thường sớt ra dĩa cho mau nguội. Nó kê miệng vào thành dĩa, hớp từng hớp nhỏ. Hai bên mép, sữa đóng thành hai đường trắng hếu, nhưng mắt nó ngời lên sung sướng. Những lúc đó, con Mén đong đưa hai chân như người ta đuổi ruồi…

Rồi một hôm, Việt Cộng về xóm Cầu Ngang, bắn phá tơi bời suốt một đêm, sáng bữa sau rút đi mất. Thiên hạ bắt đầu bàn tán. Trời vừa sụp tối đã đóng cửa cài then. Đêm đêm nằm ngủ phập phồng. Sáng ra nhìn nhau lơ-láo. Nét thanh bình xóm nhỏ làng quê mất dạng lần lần. Người ta bắt đầu tản cư…

Ba nó về, đưa mẹ con nó lên Sài-Gòn. Bà nội nó ở lại. Bà nói :" Tao già rồi, đi đâu chi ? Tụi bây lo cho sắp nhỏ đi, đừng lo cho tao". Bà nói cứng như vậy chớ lòng bà đau như dao cắt. Bà biết : bầy vịt nhỏ và mấy gốc mận gốc xoài không giúp được bà thường xuyên lên thăm bầy cháu. Nhứt là con Mén, rứt nó đi y như là cắt đi một núm ruột của bà. Hôm đó, bà nội con Mén ăn trầu nhiều hơn mọi ngày, hết miếng này là têm ngay miếng nọ, mắt nhìn mãi bờ kinh,không nói. Đến khi đưa bầy cháu xuống ghe, bà ôm con Mén vào lòng, hôn nó mà bà khóc ngất. Bà dúi vào tay nó tờ giấy năm chục đồng xếp nhỏ, nói trong nước mắt :" Nội cho con lên trển mua bánh ăn ". Nó nghe

nồng lên mùi cốt trầu, mùi bà nội nó, cái mùi mà nó đã quen thở đêm đêm khi gối đầu lên tay bà để đi vào giấc ngủ. Nó ôm bà mà khóc như mưa…

Ghe đã đi xa, ghe máy nên đi nhanh hơn ghe chèo. Bà nội con Mén còn đứng ở bờ kinh, mắt rõi theo ghe mà nghe như người bà bị tê dại. Kinh đào dài tun hút. Ghe đã mất dạng từ lâu mà bà vẫn nhìn mãi về phía đầu kinh. Tuốt ở đầu kinh - xa lắm - có một lằn dài gạch ngang, người ta gọi là chân trời…

o O o

Ba con Mén hốt hụi vay nợ mua một căn nhà nhỏ vách ván lợp tôn ở xóm Bộng, bên kia sông Khánh Hội. Gọi là xóm Bộng bởi vì ở đó có cái ống cống thật to để nước ruộng vào ra khi nước lớn nước ròng. Dân nghèo tứ xứ tản cư về đây, ngày một nhiều, nhà nho nhỏ cất dọc cất ngang, mọc lên như nấm. Cứ có chỗ trống là cất chen vào. Ngoài mặt lộ hết đất, họ cất tràn ra ruộng. Nhà này tựa vào nhà kia như sợ ngã, sát nhau đến độ không còn chỗ để làm đường đi ! Muốn vào xóm, có đoạn đi trên bờ đê – gọi là đê nhưng là bờ ruộng cũ bây giờ người ta bồi rộng ra thêm một chút – có đoạn đi trên mấy tấm ván gập gềnh bắc ngang đường nước, có đoạn phải bước hẳn vào nhà người ta để đi qua. Nhà lụp-xụp thấp lè-tè nên cứ phải cúi lom-khom, có khi bước cạnh vợ chồng người ta đang nằm ngủ trong nhà, dưới đất !

Mái nhà con Mén thuộc vào hạng cũng khá cao trong xóm. Ba nó phải đưa tay thẳng lên mới đụng. Nhà nó được lót gạch bông phần nền đất, còn nửa phần sau là đóng cừ lót ván. Ông chủ cũ nói với ba con Mén :" Làm tới đó tôi hết tiền. Thôi thì tạm một khúc nhà sàn, chừng nào cậu muốn, cậu đắp nền thêm". Rồi ông đứng trên sàn

nhún-nhún :" Ván còn tốt, còn chịu được năm ba mùa lận". Năm ba mùa đây có nghĩa là năm ba mùa nước ngập. Những hôm mưa nhiều, nước không chảy kịp ra sông , nước lên lé-đé mặt sàn. Có nơi nước tràn vào nhà, ngập mấy hôm mới rút. Những hôm đó, người ta treo hết đồ lên nóc, treo vài cái võng để ngủ tòn ten giữa vời…

Nhà con Mén không có đồ đạc gì nhiều : một vài cái rương chất trong một góc, một cái tủ nhỏ kê sát vào vách, quần áo máng trên mấy cây đinh đóng trên vách đối diện, bếp dầu hôi sóng chén dồn vào một góc phía sau. Cái gì cũng tấn vào vách vào góc để chừa khoảng trống giữa nhà dùng làm chỗ ăn chỗ ngủ. Phía sau nhà là sàn nước lộ thiên. Nước chứa trong hai thùng phi nhà binh màu cứt ngựa mà ba con Mén xin từ đơn vị đem về. Tắm rửa giặt giũ ở đó, và về đêm, phóng uế cũng ở đó luôn.

Khu này không có điện nước. Cho nên nhà nào cũng có vài cây đèn dầu hôi và đôi ba thùng phi. Mỗi ngày, có xe xi-tẹt đến bán nước- người ta gọi là "đổi nước" – Họ kéo ống cao-su nhỏ bằng cườm tay, chắp nối thật nhiều khúc mới đủ dài để vào sâu trong xóm. Tiếng máy bơm của họ kêu thật lớn, xành xạch xành xạch điếc tai. Nhưng cũng nhờ nó mà người trong xóm biết là xi-tẹt nước đến rồi ! Xi-tẹt nước chỉ "làm ăn" trong mùa nắng thôi…

Về đây, con Mén ngủ với ba nó, ngủ trên võng. Má nó và ba thằng con trai ngủ dưới gạch. Đêm đầu, con Mén không chịu ngủ, cứ đòi về bà nội. Nó ngồi bẹp dưới đất, khóc ư-ử. Lâu lâu gọi một cách thảm não :" Bà nội ơi !" Tiếng "ơi" của nó kéo dài ra, làm má nó cũng nhớ nhà nhớ đất, nước mắt chảy quanh. Ba nó thổi tắt đèn, vói tay ôm nó vào lòng, nằm trên võng đong đưa dỗ :" Nín đi con, nín. Ngủ với ba cũng giống như ngủ với bà nội chớ gì. Rồi mai mốt bà nội con lên ở với con nghen". Tiếng "

nghen " bỗng nghẹn ngang nơi cổ, ba nó kềm lắm mới khỏi phải nấc lên. Tuy nhiên, trong bóng đêm, nước mắt cũng âm thầm chảy dài trên má…

o O o

Mỗi ngày, ba con Mén đi làm trong đơn vị, sáng đi chiều về, đi bằng xe buýt. Má nó chưa quen nước quen cái nên ở nhà vá áo nấu cơm. Anh em tụi nó lân la làm quen lũ nhỏ trong xóm. Dù ở giữa lòng thành phố, trò chơi của tụi nó vẫn mộc-mạc thô-sơ như thuở còn dưới ruộng : bắn bi, búng dây thun, lấy nút khoén làm mề-đai hay in cát giả làm bánh.

Ít lâu sau, má con Mén được người hàng xóm giới thiệu vào làm phu trong nhà máy ve chai bên kia sông. Mới đầu còn bỡ ngỡ, làm sai làm trật. Chiều nào về, má nó cũng buồn thiu, ra ngồi trên sàn nước, nhìn khoảng trời mở ngỏ trên cao, lâu lâu thở dài. Nhưng lần hồi má nó cũng quen tay, thêm tánh siêng-năng cần-cù, nên mấy thầy giám thị cũng thương tình nâng đỡ. Nhờ vậy má nó mới vững lòng tin ở ngày mai. Ngày mai, đối với ba má con Mén, thật là giản dị :" Chừng yên, mình về dưới bà nội tụi nhỏ, lảnh mấy công ruộng mà làm cũng dư sống". Cái hình ảnh của ngày mai đó, người tản cư nào cũng nghĩ giống như nhau : yên rồi về quê làm lại cuộc đời. Họ đã rời làng bỏ xóm ra đi, đi để còn sống mà trở về, nhưng họ vẫn mang theo trong lòng gốc dừa cây cau chậu kiểng. Họ không bám được đất, nhưng họ không để mất được gốc. Chính tình cảm quê hương sâu đậm đó đã giúp họ can-đảm nhận chịu cuộc sống tạm bợ ngày hôm nay. Ngày qua ngày, họ mớm niềm tin bằng hy vọng. Và ngày qua ngày họ nuôi hy vọng bằng niềm tin ! Cứ lẩn-quẩn

loanh-quanh như vậy cho đến một ngày nào đó - chưa phải là cái ngày mai chờ đợi - người già tắt thở với niềm tin và trẻ con lớn lên không biết phải hy vọng ở cái gì…Chỉ còn thế hệ của ba má con Mén là lây lất sống trong lòng đô thị, ví mình như cây chùm gởi, còn biết thế nào là niềm đau quê hương nhưng vẫn mỏi mòn chờ đợi:"Ngày mai…Ngày mai, rồi trời sẽ lại sáng ".

o O o

Mấy anh con Mén đều được đi học, chỉ có nó là chưa. Có lẽ tại vì nó gầy còm nhỏ thó nên ba má nó quên tuổi thật của nó đi, cứ nghĩ :" Sang năm là đến phiên con Mén". Nhưng rồi nó vẫn còi-còi như vậy hoài, có lẽ còn lâu mới đi học !

Buổi sáng, ăn cháo xong là cả nhà đi hết. Con Mén ở lại coi nhà. Tiếng là coi nhà chớ lúc nào cũng thấy nó la-cà ở hàng xóm, làm bánh giả, búng dây thun. Nó búng dây thun giỏi nhứt xóm. Đã khéo tay lại biết tính toán nên ngày nào nó cũng ăn của trẻ con cùng lứa rất nhiều dây thun. Về nhà, nó cho vào túi ni-long cất kỹ, bởi vì vòng dây thun là " tiền" của tụi nhỏ. Năm vòng thun " mua " được cái nút khoén lô-canh(la-ve, nước ngọt) mười vòng thun một nút khoén ngoại quốc (các loại chai nhập cảng) và phải tới hai chục vòng thun mới có được lon cô-ca không, thật hấp dẫn với nền đỏ tươi in chữ trắng…Vòng thun có giá trị như vậy cho nên đứa nào cũng ráng kiếm cho thật nhiều. Rồi cũng giấu kỹ. Rồi cũng đếm tới đếm lui,y như người lớn đếm tiền thật.

Một buổi mai, con Mén mang bọc dây thun ra đầu ngõ tìm bạn. Ở đây, có một quán cà-phê hủ tiếu và vài hàng quà bánh điểm tâm. Một bà già bán xôi thấy bọc ni-

long dây thun con Mén nhét tòn ten ở lưng quần, bèn hỏi :" Dây thun đâu nhiều vậy cháu ?". Nó trả lời là dây thun của nó. Bà ta cười hiền hòa :" Vậy hà. Chớ cháu có bán dây thun hôn, bà mua cho. Để cột mấy bọc xôi ý mà". Ở đây, mấy người đi làm sớm không có thì giờ ăn sáng , ghé qua mua gói xôi mang theo để lúc nào tiện thì mở ra ăn. Xôi vẫn được gói bằng lá chuối, nhưng sau đó được cho vào bọc ni-long có sợi thun thắt lại. Vừa sạch vừa gọn.

Nghe hỏi, con Mén phân vân. Tới tuổi này, nó chưa biết đi mua một cái gì bằng tiền thiệt hết. Huống chi nói đến chuyện bán ! Nó chỉ biết giả mua giả bán nút khoén, hộp lon, trong thế giới trẻ con nhiều tưởng tượng của nó thôi. Tiền thiệt thì nó chỉ biết có tờ giấy năm chục đồng mà bà nội nó cho nó hồi đó. Nó đưa má nó cất rồi nó quên luôn tới giờ. Thật ra, nó chỉ biết tờ giấy đó là tiền nhưng chẳng biết giá trị là bao nhiêu và cũng không biết dùng tiền đó để làm gì. Bởi vì, trong xã hội trẻ con của nó, chỉ có dây thun là có giá !

Thấy nó đứng ngớ ra mà miệng cười mỉm mỉm, bà bán xôi hiểu ngay, nên đề nghị :" Như vầy nghen : cháu cho bà túi dây thun, bà cho cháu cục xôi bự này nè". Nó nhìn theo tay bà chỉ : mèng ơi ! cục xôi bằng " bắp đùi " nằm trong lá chuối xanh láng mướt, ló ra hai đầu vàng hực có mấy miếng dừa lòi ra trắng hếu. Nó nuốt nước miếng , gật đầu. Vậy là lần đầu tiên con Mén biết thế nào là buôn bán trong xã hội của người lớn .

Từ đó, nó thường đem túi ni-long dây thun ra ngõ " mua" xôi. Bà bán xôi thương nó lắm, bởi vì lần nào nó mở hàng bà cũng đều bán đắt. Nhiều hôm vắng nó bà cũng nhớ. Những hôm đó, con Mén " hết tiền". Nhưng thèm xôi, có khi nó cũng mò ra đầu ngõ, đứng xa xa nhìn thau xôi của bà lão. Thau xôi được phủ kín lá chuối, nhưng

trong tưởng tượng nó cũng thấy được màu xôi vàng hực ! Thấy tội nghiệp, một hôm bà bán xôi gọi nó lại, đưa nó tờ giấy bạc :" Nè ! Lấy tiền này mua xôi mở hàng cho bà đi cháu ". Nó làm theo như cái máy. Bà bán xôi cảm động, kéo nó ngồi xuống cạnh bà. Nó ăn xôi, mắt ngời lên sung sướng. Nó ốm nhom nhưng gương mặt nó thật kháu khỉnh. Mái tóc bom-bê cắt ngắn làm cho cổ nó dài ra. Bà vuốt tóc nó, nghĩ : "Con nhà ai mà dễ thương quá !". Được bàn tay khẳng khiu của bà già vuốt tóc, bỗng nhiên con Mén nghe nhơ-nhớ một cái gì. Một cái gì không rõ lắm nhưng là một cái gì thật quen thuộc. Hình như là một cảm giác êm êm, khoái khoái, một cảm giác mà từ lâu- rất lâu - nó không nghe thấy nữa. Nó mang máng nhớ một cái gì xa thật xa, một hình ảnh, một cái tên, một người…Nó ngừng nhai, miếng xôi trong miệng đội phồng một bên má. Nó nhìn lên mặt bà bán xôi: má hóp, trán nhăn, tóc lưa thưa bạc. Đúng lúc đó, từ tiềm thức của nó bật lên hình ảnh của bà nội nó. Chỉ trong có một giây mà nó nhớ lại hết : từ bàn tay vuốt tóc, từ cánh tay gối đầu, từ mùi cốt trầu hăng-hăng mà nó ghiền thở đêm đêm để ngủ. Nó nghe nghẹn ở ngực. Nó nghe như muốn khóc. Môi dưới nó trề ra. Miệng nó méo xệch. Nó buông cục xôi, đứng lên chạy ù vào ngõ. Vừa chạy, vừa kêu từng tiếng thật rã-rời :" Bà…nội…ơi… !" Tiếng " ơi " của nó kéo dài ra trong xóm, nức nở như một đường cày trên mặt ruộng…

o O o

Việt Cộng về chiếm hết mấy làng, trong đó có xóm Cầu Ngang của con Mén. Ít lâu sau, có tin bà nội nó chết. Ba má nó không dám về chịu tang, chôn cất, phần vì không có tiền, phần vì sợ Việt Cộng. Ba nó lấy một cái

rương kê vào giữa vách, đặt lên đó một chén gạo và hai cây đèn cầy. Đốt đèn, đốt nhang cắm vào chén gạo, xong, ba má nó vừa lạy vừa khóc. Lần đầu tiên con Mén thấy ba nó khóc. Không biết gì, nhưng sao nó cũng muốn khóc theo. Mấy thằng anh nó ngồi xếp bằng một hàng, im thin thít. Sau đó, ba nó ôm nó vào lòng, ngồi nhìn khói nhan và hoa đèn lâu thật lâu. Nó hết nhìn cái rương lại nhìn mặt ba nó.Tự nhiên nó thấy thương ba nó vô cùng.

Mãi sau này con Mén mới biết cái rương đó là bàn thờ bà nội nó.

o O o

Bây giờ, con Mén cũng được đi học. Bây giờ, ba nó cũng sắm được chiếc xe đạp để đi làm. Má nó thì vẫn đi đò ngang để qua nhà máy ve chai. Mấy anh nó, vì trường cũ hết lớp phải qua trường khác xa hơn, vẫn đi bộ.

Má nó đã lên cấp thợ, nhờ vậy mà trong nhà thấy dễ thở hơn, sắm thêm một số đồ đạc và má nó có đeo một sợi dây chuyền…Chớ ba nó thì vẫn còn lẹt-đẹt ở cấp binh nhì, loại binh nhì dùng sai vặt trong văn phòng , đơn vị.

Nhờ đi học, con Mén mới biết nó tên thật là Loan. Hôm đưa nó vào trường , ba nó dặn :" Khi nào cô giáo điểm danh, kêu Lê-thị-Loan thì con hô lớn lên có mặt. Nghe con !" Nó ngạc nhiên :" Ủa ? Con tên là Mén mà !" Ba nó phải giải nghĩa rằng Loan là tên trong còn Mén là tên ngoài, ra đường mình lấy tên ngoài chớ vào trường là phải lấy tên trong vân vân…Đối với nó, ngoài trong gì lộn xộn quá. Nó chỉ biết rằng tên Loan nghe thật dễ thương nhưng lạ hoắc, còn Mén thì thật là quen tai. Tuy nhiên, có cái tên dễ thương , nó cũng nghe lòng phơi-phới.

Nhờ đi học, con Mén hết ở trần, hết đi chân đất, nhưng tóc vẫn hớt bom-bê cao. Nó đội nón vải có bo như tai bèo, mặc áo trắng tay phùng quần dài đen, chân mang dép Nhựt. Bây giờ, thật sự nó mới có nét con gái ! Ba nó nhìn nó trìu mến :"Mẹ họ ! Con gái của ba coi cũng đặng ớn !" Rồi ba nó hôn nó đầy mặt. Nó rút cổ lại vì nhột, cười khúc-khích. Tình thương đâu đó bỗng trào dâng miên man. Giống như nước triều lên ôm xóm Bộng , âm-thầm nhưng thật là chan-chứa.

Con Mén càng lớn, ba nó càng cưng nó nhiều. Bởi vì nó thông minh, học giỏi. Và bởi vì nó mang nhiều nét của bà nội nó. Ba nó thường nhìn nó, nói :" Thứ gì mà giống bà nội như in !" Điều mà ba nó không để ý là con Mén còn giống bà nội nó ở chỗ hay chửi đổng " Mồ tổ cha nó !" mỗi khi nó bực mình chuyện gì. Có lẽ tại vì nó chửi lầm-bầm nên ba nó không nghe.

Mấy anh con Mén đi học buổi sáng , nó đi học buổi chiều. Thành ra lúc nào trong nhà cũng có đứa học ê a , đứa nằm sấp xuống gạch nắn-nót làm bài. Hầu hết tụi nhỏ trong xóm đều học chung một trường , nên đi và về cùng một lúc, đứa trước đứa sau đi thành một hàng dài. Đến khi tụi nó học bài cũng nghe uềnh-oang như tiếng ễnh-ương vào mùa nước nổi.

Trưa, con Mén cuốc bộ đi học. Chiều ba nó đi làm về, đạp xe ghé ngang trường rước nó. Những lúc đó nó thấy hãnh-diện vô-cùng. Ngồi trên bọt-ba-ga, cặp táp đeo lủng lẳng ở cổ, hai bàn tay nhỏ nắm lấy dây nịt của ba nó để giữ thăng-bằng,nó nói chuyện huyên-thuyên, hỏi ba nó đủ thứ. Ba nó lúc nào cũng có câu trả lời, cũng góp vào câu chuyện rất hào hứng chớ không phải ậm-à ậm-ừ. Cho nên, đối với nó, trên đời này chỉ có ba nó là nhứt !

Vậy mà thời gian sau này, ba nó bị cấm-trại liên-miên. Nó đành đi học một mình và về một mình. Tối, nó ngủ một mình ên trên võng. Bây giờ nó lớn, nên không gào khóc như thuở nó mới xa bà nội nó. Nó biết xấu hổ, nên úp mặt vào chiếc áo nhà binh của ba nó âm thầm khóc rấm-rứt. Rồi một lúc nó cũng ngủ thiếp đi, ôm chiếc áo như ôm lưng ba nó vậy.

o O o

Việt Cộng tràn về chiếm hết miền Nam. Mấy ngày cuối cùng của tháng tư 75 thật là kinh hoàng . Thiên hạ rần-rần, nhốn-nha nhốn-nháo. Ba con Mén chạy bộ về đến nhà, mồ hôi mồ kê, mặt xanh như tàu lá, chỉ mặc có cái quần đùi. Ba nó hổn-hển nói với má nó :" Mẹ họ ! Trong khi lộn-xộn, thằng nào nó đớp cha nó chiếc xe đạp của anh, làm anh chạy bộ về muốn tắt thở ". Má nó lo lắng :" Còn quần áo của anh đâu ?" Ba nó nhăn nhó :" Cởi liệng cha nó rồi. Mặc để Việt Cộng nó bắn thấy tiên tổ à !". Rồi ba nó phun nước miếng cái phụt như phun một cái gì thật đắng. Má nó vội đưa cho ly nước, ba nó cầm lấy, uống ừng-ực như người bị mắc xương ,mắt lồi ra căm phẫn. Không biết Việt Cộng ra sao, nhưng thấy ba nó tả-tơi như vậy con Mén cũng phát tức. Nó lầm-bầm chưởi đổng: "Mồ tổ cha nó !"

o O o

Ít lâu sau, con Mén đã biết Việt Cộng là gì. Nó cũng bắt chước người lớn, gọi trổng là " họ", chớ không hiểu rằng tiếng " họ" mà người lớn dùng có ý nghĩa mỉa-mai

cay đắng , bởi vì bây giờ mới thấy giữa " họ" và " mình" có quá nhiều dị-biệt.

" Họ" bây giờ tên là "cách-mạng". Ba con Mén bây giờ bị " họ" gọi là " ngụy quân". Má con Mén bây giờ lúc nào cũng tự xưng là "vợ ngụy" mặc dù thuộc thành phần công nhân lao động.

Xóm Bộng bây giờ cũng đổi thay bề mặt.Vựa gạo của chú Chành -người Tàu- bị tịch thu để biến thành trụ sở " Ủy ban nhân dân ". Người lạ ở đâu về đó làm chủ tịch, thơ-ký. Chú Năm hớt tóc đầu ngõ bỗng thành ông " tổ trưởng", còn bác Bảy thợ hồ được thiên hạ gọi bằng " tổ phó an ninh". Chỉ có dân trong xóm vẫn còn là dân trong xóm ! Thiên hạ " nhong nhóng" đợi một thời gian coi tình hình ra sao, nhưng rồi ít lâu sau cũng chẳng thấy ai rục rịch dọn về quê về làng. Mong ước bình dị " yên rồi, về quê sanh sống" - một mong ước được chắt chiu nuôi dưỡng từ bao nhiêu năm - bây giờ giống như bọt nước bờ sông từ từ tan rã. Cái " Ngày mai trời lại sáng" bây giờ thật sự chỉ là một giấc mộng ! Thiên hạ thường chép miệng :" Ở dưới quê họ cũng tịch thâu hết rồi. Về làm cái khỉ gì ? Ở đâu cũng vậy thôi !". Dân tản cư bỗng thấy mình như bị mồ côi, vĩnh-viễn bị cắt đứt với gốc dừa cây cau chậu kiểng. Từ thân chùm gởi họ đã trở thành đám lục-bình. Xóm Bộng mặc-nhiên thành điểm tựa để đám lục bình bám vào đó làm một quê hương , đất đứng.

Người trong xóm bây giờ thấy gần gũi nhau hơn. Làm như là không phải dân tứ xứ đến đây, mà như là tất cả đều sanh trưởng ở xóm Bộng. Bây giờ họ mới nhận thấy rằng họ giống nhau từ suy-tư đến nếp sống ,từ cách ăn mặc đến lời lẽ nói năng. Họ không biết rằng biến thiên của thời cuộc đã cho họ có một đối tượng - thế giới cộng sản và con người cộng sản - để nhận-xét và so-sánh. Đối

tượng đó bây giờ thật rõ nét, không còn được ngụy-trang bởi những mỹ-từ. Cho nên họ nhìn thấy không điểm nào giống họ hết, từ con người đến phong tục tập quán. Tự nhiên, họ cùng đứng về một phía và họ còn thấy cần tựa vào nhau để sinh tồn. Cũng giống như nhà của họ ở : phải xây cất bám vào nhau, kèo cột câu vào nhau, phên vách nối vào nhau để đứng vững. Xóm Bộng chưa bao giờ biết bão lụt, nhưng trong nội tâm người xóm Bộng bây giờ đang bão lụt tơi-bời…

o O o

Ba con Mén đi học tập ba hôm rồi về nằm nhà gác tay lên trán. Má nó vẫn đi làm. Anh em nó vẫn đi học.

Thời gian sau, ba nó cũng kiếm được việc làm ở bến tàu Khánh-Hội, sáng đi chiều về. Đêm đêm, ba má nó thay phiên nhau đi họp phường hoặc họp tổ. Lâu lâu, thằng anh lớn của nó đại-diện ba má ra phòng họp ngồi cho có mặt. Những lúc đó, thấy nó mang theo hoặc quyển sách hoặc cuốn tập để thừa dịp có đèn sáng mà học bài cho ngày hôm sau…

Bỗng một đêm, công an khu-vực cầm đèn bấm đưa bộ đội đến bắt ba con Mén dẫn đi. Cả xóm nhốn-nháo trong bóng tối. Má nó chạy theo kêu khóc, trợt bờ đê té lên té xuống. Đến đầu ngõ có đèn sáng, ba nó nói với má nó :" Chắc họ bắt lầm, chớ anh không có làm gì hết. Em yên tâm."

Ở nhà, mấy anh em nó thắp đèn rồi ngồi nhìn nhau mếu-máo. Hàng xóm thay nhau đến ngồi với tụi nó cho đến khi má nó trở về, đầu cổ bơ phờ quần áo lấm lem bùn đất. Họ an ủi má nó, xì-xầm bàn-tán cho tới khuya mới ra về.

Đóng cửa tắt đèn từ lâu mà con Mén nằm trên võng còn nghe má nó khóc thút-thít. Nó cảm thấy thương má nó, thương ba nó. Rồi nó đâm tức giận mấy thằng công-an bộ-đội. Kềm không được, nó buột miệng chửi lớn :" Mồ tổ cha nó !". Tiếng của nó lanh-lảnh, sắc bén, rạch bóng đêm như một lưỡi dao lam. Má nó giật mình, ngừng khóc, vói tay mò-mẫm rờ đầu nó. Nó nắm lấy bàn tay áp vào một bên má như muốn chia sớt niềm đau. Má nó bỗng nghe bàn tay mình ươn-ướt.

Mấy hôm sau, vẫn không thấy ba nó về. Trái lại, công an khu vực đến thăm má nó thường hơn. Và lần nào cũng khuyên :" Chị cứ yên tâm. Nếu nhà nước xét thấy anh ấy không có nợ máu với nhân-dân, anh ấy sẽ được thả về thôi. Ta sáng suốt chớ không ác-ôn như ngụy đâu, chị ạ !"

Ít lâu sau, có tin ba con Mén bị đưa đi học tập cải-tạo ở đâu ngoài Trung. Má nó khóc hết nước mắt. Tên công-an khu-vực lại đến nhà khuyên :" Đi học tập chớ đi tù đâu mà chị sợ. Cứ học tập tốt là được về ngay thôi. Yên chí !" Thoáng nghe như vậy, con Mén tức cành hông. Nó nhìn tên công-an chỉ có nửa con mắt !

o O o

Má con Mén bị " họ" cho nghỉ việc. Gọn như liệng một món đồ vô dụng vào sọt rác ! Tên thủ-trưởng gọi má nó vào văn phòng , nói bằng một giọng trắng nhách như vôi :" Tập thể đã nhất trí cho chị nghỉ việc ngay từ bây giờ, bởi vì chị không còn đủ điều-kiện để phục-vụ nhân-dân nữa. Chị lấy hết đồ đạc của chị rồi đi về đi." Đồ đạc là cái áo, cái khăn lông, cái nón lá và đôi dép cao su đúc. Một tên an-ninh đi theo đến cổng ,dặn :" Chị đừng trở lại

đây làm gì nữa. Không tốt đâu". Má nó lầm lủi đi, chẳng nói chẳng rằng .Cũng chẳng nhỏ một giọt nước mắt. Bởi vì má nó đã chuẩn bị tinh thần từ ngày biết tin ba nó đi học tập cải tạo. Dưới chế-độ cộng-sản, đã là vợ con của " ngụy " là phải biết dọn mình chịu đựng sự kỳ-thị của kẻ cầm quyền…

Khi má con Mén về đến nhà thì tụi nhỏ đã đi hết, đứa đi học, đứa đi lao-động trong trường. Má nó bèn dọn dẹp đồ đạc rồi nấu cơm một cách thản nhiên như chẳng có gì xảy ra hết. Bình thường ,má nó không về giờ này, nên hàng xóm để ý. Vài người chạy sang hỏi han như trong gia đình :" Bộ có chuyện gì sao mà má con Mén về nhà giờ này vậy ?" Hỏi, nhưng trong lòng họ đã đoán ra câu trả lời hết chín phần mười. Má nó cũng nghe an-ủi :" Dạ thì họ đuổi chớ sao ! Ngụy mà ! Kể số gì ?" Rồi má nó cười thật mỉa mai. Một bà già phát tức, phun cốt trầu cái phẹt :" Hứ ! Cái giống gì mà thiệt vô nhân đạo. Người ta đã nghèo, một thân một mình làm nuôi bầy con mà cũng đuổi cho đành !" Một bà khác thêm vào :" Thôi đi ! Nói gì cái thứ đó ! Mồ ông mả cha của tụi nó mà tụi nó còn coi không ra gì thì nói chi tới bà con mình". Nghe mấy tiếng " bà con mình" bỗng nhiên má con Mén mủi lòng ,chảy nước mắt. Từ ngày bỏ xóm Cầu Ngang tạm cư ở xóm Bộng này, mặc dù có chồng con ở một bên, má nó vẫn nghe bơ-vơ lạ-lùng. Má nó thấy thiếu con kinh đào bờ đê thẳng tấp, thiếu chiếc cầu gỗ nhón cao chân dài, thiếu màu vàng ruộng lúa, thiếu mùi thơm bông cau, thiếu họ-hàng ruột thịt…Những thứ mà má nó đã thở từ những hơi thở đầu đời. Những thứ mà má nó đã nhìn từ khi nụ nhìn biết phân biệt. Tất cả, tất cả đã trở thành nhịp sống của chính bản thân của má con Mén. Mất đi những thứ đó, má nó cảm thấy như bị tách biệt ra khỏi cuộc đời này…Xóm

Bộng tuy hiền, nhưng trước đây người cùng xóm đối xử với nhau còn nhiều dè-dặt, ít qua lại với nhau, gặp nhau chào hỏi xã-giao lấy lệ. Do đó, mặc dù sống trong xóm nhỏ đông người, má con Mén vẫn thấy như mình sống lẻ loi giữa đồng giữa ruộng. Niềm đau đó má nó dìm sâu trong nội tâm từ bao lâu nay, bây giờ mấy tiếng " bà con mình" thật chất-phác nhưng thật gần gũi, thật đậm đà tình lân lý, đã mở ngỏ khơi nguồn. Má nó khóc mà nghe lòng thật ấm-cúng và cũng thật là thênh thang trải rộng. Giống như ruộng lúa xóm Cầu Ngang được ươm vàng dưới nắng, cuối mùa mưa…

o O o

Biết thân phận mình không làm sao tìm được việc làm ổn định, dù làm phu quét đường đổ phẩn, má con Mén cầm thế một mớ nữ trang quần áo rồi đi buôn đầu chợ bán cuối chợ. Tưởng giống như ngày xưa ở dưới quê, té ra thật là chật vật. Ở đây và bây giờ, có một trăm người bán nhưng không có một vạn người mua. Quá nhiều người bán bởi vì những người này một số không chịu đi làm cho chế độ, một số bị chế độ sa thải đành buôn bán lắt nhắt để kiếm sống. Quá ít người mua bởi vì thiên hạ không còn tiền…

Anh em con Mén cũng đã nghỉ học, ở nhà giúp má tụi nó bằng cách đi bươi đống rác lượm ve chai, giấy vụn, bao ni lông…Má con Mén cắt bao bố tời may lại thành túi nhỏ cỡ bằng ba giỏ đi chợ, có hai quai để tụi nó mang vào vai vào cổ. Mấy đứa lớn mang ba túi mỗi đứa, mấy đứa nhỏ tùy bữa mà đeo khi một khi hai. Đứa nào cũng cầm một que sắt đầu uốn cong như cái móc. Thằng lớn hay đùa :" Tụi mình bây giờ thành Cái Bang hết. Tao là trưởng lão ba túi, còn tụi bây là đệ tử. Mỗi ngày tủa ra đi

hành hiệp trên mấy đống rác thành phố Hồ Chí Minh quang vinh !" Rồi tụi nó cười vui như chẳng biết phiền lụy là gì.

Má con Mén thì khác. Ưu tư nằm ngay trong ánh mắt nụ cười. Những đêm trằn trọc đã đào sâu đôi má. Càng ngày, con người càng héo hon. Tuy nhiên, chẳng bao giờ nghe má nó mở miệng than một lời. Thấy tội nghiệp, hàng xóm thường qua thăm mẹ con con Mén để phụ tụi nhỏ lựa ra và xếp riêng thành đống miểng chai theo miểng chai, ni long theo ni long, giấy theo giấy .v.v…Lâu lâu họ cũng mang cho vài khúc mía, trái dừa hoặc mấy nhúm tôm khô. Có gì cho nấy, không còn nề hà dở ngon hay nhiều ít. Má con Mén đều nhận hết, không bao giờ từ chối đẩy đưa. Bây giờ, làm như là người ta sống thật tình với nhau hơn hồi trước. Làm như là thiên hạ cần có nhau như hơi thở cần cho cuộc đời. Có lẽ bởi vì họ đã mất tất cả những gì họ đã có, bây giờ họ chỉ còn lại có nhau thôi…

Lần hồi rồi má con Mén cũng phải bán đi chút đỉnh đồ đạc trong nhà để đủ có miếng ăn cho lũ nhỏ. Lúc này tụi nó lớn thấy rõ, mặc dù ăn uống kham khổ. Mấy bà hàng xóm thường nói :" Trời sanh, trời nuôi". Mà thật, tới con Mén cũng cao lên, tuy vẫn còn gầy. Tay chân hơi ghẻ lở nhưng gương mặt vẫn kháu khỉnh nhờ mái tóc vẫn hớt bom-bê cao. Nó không chịu để tóc dài. Mỗi lần má nó đề nghị " Để tóc dài đi con cho nó thành con gái " nó lắc đầu nguầy nguậy, tóc bom-bê xòe ra như rẻ quạt :" Nực thấy mồ…" Mấy hôm đầu đi bươi rác, nó còn mang dép Nhựt. Sau đó, nó lượm một mớ giày Bata rách mũi, chọn được hai chiếc vừa chân thì một xanh một vàng. Nó mang vào, hí hửng :" Kệ nó ! Khác màu như vậy khỏi sợ chúng nó ăn cắp ". Rồi nó đem đôi dép Nhựt rửa sạch, cất kỹ.

Không ai hỏi, nhưng nó vẫn giải thích :"Để giành mai mốt có đi học lại, có mà mang" Nghe nó nói, thằng anh hai nó nhìn nó rất lâu, bồi hồi xúc động. Anh nó nhận thấy con Mén không còn là con nít nữa.

o O o

Má con Mén có một người chị ruột tên Ánh-Nguyễn Thị Ánh - hồi đó nấu bếp cho vợ chồng một ông Tây. Khi gia đình ông này dọn về xứ, chị Ánh cũng đi theo họ rồi ở luôn bên đó. Ít lâu sau, có tin chỉ lấy chồng người Pháp rồi hai vợ chồng đưa nhau qua làm ăn ở Phi-Châu. Chỉ cũng đã vào quốc tịch Pháp và đổi tên là Anne – bà Anne Brioude.

Khi má con Mén bắt đầu cạy gạch bông nền nhà lên bán để độ nhựt – thằng anh con Mén nói " hết ăn tủ tới ăn rương, bây giờ tụi mình ăn tới gạch !"–thì chị Ánh ở bên tây về kiếm thăm. Ông chồng khuyên không nên về sợ gặp khó khăn, nhưng chỉ vẩn quyết định :" Tôi phải về kiếm tụi nó coi ra sao. Nghe nói bây giờ bên Việt Nam dân chúng đói khổ lắm ". Rồi chị mua thật nhiều hàng vải quà cáp làm như gia đình chị bên nhà còn rất đông. Thật ra, chị Ánh chỉ còn có má con Mén là ruột thịt, nhưng mười mấy năm xa cách đã làm cho tình thương trong lòng chị thật mênh-mông, không bờ không bến, đến độ chị không đo lường được nữa không phân biệt được nữa đâu là tình thương em đâu là tình thương quê hương…

Về Sàigòn –chị Ánh vẫn gọi là Sàigòn vì thói quen – chị ở khách sạn Hữu-Nghị. Ngày ngày chị đi dò hỏi tin tức má con Mén, từ những người quen xa xa chỉ qua những người cùng gốc ở Cầu Ngang nhưng đã lên làm ăn ở thành thị từ trước…Cứ phăn lần phăn lần rồi chị Ánh

cũng tìm ra xóm Bộng. Đến đây, chị gặp một trở ngại lớn : người trong xóm không biết ai tên là Nguyễn thị Hoa hết. Chị giải thích dài dài :" Nó nhỏ nhỏ con, người tròn trịa trắng trẻo, năm nay chừng băm mấy chớ chưa già lắm " Chị tả hình dáng của người em gái cách đây đã mười mấy năm, cái thời mà hai chị em còn ở dưới quê, trưa trưa hay ra ngồi trên cây dừa bắt ngang đường nước, thọc chân trong nước mát, đong đưa kể chuyện tâm tình…Hình ảnh đó, chị đã mang đi và giữ vẹn cho đến bây giờ, quên mất là thời gian đã đi qua và nét đời đã bị bôi đi vẽ lại ! Không ngã lòng , chị tìm cách nói với mấy bà già trong xóm : "Cháu tên là Nguyễn thị Ánh, con em cháu tên Nguyễn thị Hoa. Tụi cháu dân ở Cầu Ngang , miệt dưới…" Địa danh Cầu Ngang đã giúp mấy bà nghĩ ra má con Mén. Một bà hỏi :" Có phải cô đó có bốn đứa con không ?" Chị Ánh mừng rỡ :" Đúng rồi ! Người ta nói nó có bốn đứa con, ba trai một gái !" Bà già gật đầu :" Vậy là má con Mén rồi !" Trước khi chỉ đường ,bà trách nhẹ :" Kiếm má con Mén thì nói kiếm má con Mén ! Cô cứ nói Nguyễn thị Hoa hoài, ai mà biết ai !"

Vậy là hai chị em gặp nhau. Gặp nhau thật là ngỡ-ngàng. Quá nhiều thay đổi để nhìn ra nhau ngay và xa cách đã quá lâu nên tình cảm bị chìm sâu trong tiềm thức. Phải một vài giây im lặng để tìm lại những nét cũ trên gương mặt bây giờ và để những tình cảm bị bỏ quên từ ngày xưa được trả về với hiện tại. Sau phút ngỡ ngàng hai chị em ôm chầm lấy nhau, khóc nức-nở.

o O o

Chị Ánh đã quyết định : gia đình con Mén phải qua Phi Châu ở với chỉ. Nhìn tay chân ghẻ lở của bầy cháu,

nhìn gương mặt già trước tuổi của đứa em, chị nghe bất nhẫn vô cùng. Chị nói :" Không được ! Ở lại đây tụi bây cùi luôn, ngu luôn. Qua bển tao lo cho hết. Còn ba tụi bây, từ từ rồi tính sau " Rồi chị sắp đặt :" Chị để lại một mớ tiền, em lo liệu cho mấy đứa nhỏ và đi thăm nuôi chồng em. Chừng chị về bên đó, chị sẽ gởi tiếp thêm để em chạy lo giấy tờ. Tốn bao nhiêu thì tốn, nhưng phải đi khỏi xứ này gấp". Má con Mén như người không biết lội vừa chìm xuống nước ngoi lên ôm được cái phao, nhìn trời cao lồng lộng bên trên mà cảm nhận cuộc sống này vẫn còn có lối thoát.

Chị Ánh trở về Pháp. Tụi nhỏ vẫn tiếp tục bươi đống rác ngày ngày để đừng ai để ý. Má con Mén chạy chọt dò dẫm rồi cũng tìm ra trại học tập của chồng.

Lần đi thăm nuôi đầu tiên, con Mén có đi theo. Thấy ba nó gầy nhom, nó rớt nước mắt. Má nó kể chuyện dì Ánh cho ba nó nghe, ba nó vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Nhưng khi nghe hỏi ý kiến về vụ cho mấy đứa nhỏ sang Phi Châu, ba nó bỗng im lặng nhìn ra bìa rừng làm như câu trả lời nằm ở đâu ngoài đó. Một lúc sau, ba nó nói, thật trầm tĩnh :" Ờ…tính như vậy cũng được. Cho mấy đứa nhỏ nó có tương lai…" Rồi ba nó cầm lấy hai bàn tay nhỏ của nó, vừa bóp nhẹ vừa nhìn nó thật lâu. Nó cũng nhìn ba nó : chưa đầy một năm mà ba nó già đi nhiều, mắt sâu xuống ,gò má nhô lên, râu tóc rối bời…Ba nó đã làm tội tình gì mà "tụi nó"đày đọa ba nó ra như vậy ? Rồi nó nhìn ra mấy thằng bộ đội đứng lớ-ngớ ngoài kia, môi nó mím lại,mắt nó lồi ra : nó muốn lấy que sắt cào bươi " tụi nó" tả tơi như nó nó đã cào bươi mấy đống rác ! Từ đó, con Mén biết thế nào là hận thù…

o O o

Dì Ánh đã gởi về đầy đủ giấy tờ, má con Mén cũng đã nạp hồ sơ xin xuất cảnh qua Côte d'Ivoire (Phi Châu). Nhờ có tiền gởi về, má nó chạy chọt đút lót nên cũng không gặp nhiều khó khăn. Cho đến ba con Mén bây giờ cũng được các cán bộ dành nhiều dễ-dãi.

Thời gian qua mau, mới đó mà đã hai năm mấy. Khi ba con Mén được thả về thì mẹ con tụi nó chỉ còn chờ ngày lên máy bay. Ba nó về mà có cảm tưởng như được đặc-cách cho về để đưa vợ con đi vậy. Bởi vì, sau đó, ba nó vẫn sẽ phải sống chật-vật một mình trong một vùng kinh-tế mới nào đó, và tuy không còn ở trong trại nhưng vẫn ở lại trong xứ thì cũng giống như bị giam trong một trại tập trung khổng-lồ.

Ngày ba nó trở về, căn nhà nhỏ bỗng trở nên quá nhỏ để tiếp những người hàng xóm. Ai cũng mừng cho gia đình con Mén, mừng thật sự, bởi vì đối với họ, ba con Mén là người của đại gia đình xóm Bộng. Vậy mà cái đại gia đình đó vẫn chưa ai hay rằng tụi con Mén sẽ bay đi tìm sống tự do ở một chân trời khác. Bởi vì má con nó luôn luôn giữ kín chuyện này, cũng như mọi người đang lo xuất cảnh hay toan tính vượt biên, chẳng một ai dám hé răng.

Bây giơ, con Mén lớn rồi, nên nó để cái võng cho ba nó nằm. Nó săn sóc ba nó từng chút : lấy khăn lông nhúng nước cho ba nó lau mặt , nấu trà cho ba nó uống , bới cơm cho ba nó ăn. Mẹ con nó ngồi dưới đất vây quanh võng để nghe ba nó kể chuyện cải tạo đầy khổ nhục. Ba nó bây giờ hút thuốc rê như ống khói. Ba nó thấy bầy nhỏ nhìn mình châm-chú, nên mỉm cười phân trần như tự bào chữa :" Hồi đó ba đâu biết hút thuốc. Rồi trong trại, phần vì lạnh, phần vì buồn, bạn tù chia nhau điếu thuốc rê. Riết rồi

ghiền luôn, bỏ không được". Con Mén nghe thương ba nó vô cùng. Nó muốn nhào lại ôm ba nó để chia sớt ngần đó tháng năm chồng chất bằng đói lạnh buồn đau. Nó muốn nhào lại cầm tay ba nó đặt lên một bên má của nó, rồi an ủi ba nó bằng những lời lẽ thật là dịu thật là ngọt . Nó muốn…nó muốn…Nhưng , không hiểu sao nó vẫn ngồi yên nhìn ba nó mà nghẹn-ngào chảy nước mắt . Có lẽ nó tự nhận thấy bây giờ nó không còn là con nít nữa.

o O o

Bữa đi phi-trường thật là tội nghiệp. Cả nhà len-lén đi , không dám chào ai hết. Gọi là đi chánh-thức nhưng giống như là đi trốn, đi chui. Má con Mén dặn dò mấy đứa nhỏ thật kỹ lưỡng, rồi kết luận :"Sợ bà con biết rồi ba con buồn, hiểu chưa ?"

Nếu bà con biết thì có lẽ bà con sẽ buồn thật . Không phải chỉ buồn vì xa tụi con Mén, mà còn buồn vì số phận hẩm hiu của mình, bởi vì không phải ai cũng được may mắn như gia đình con Mén. Điều mà má nó không nói ra là trong thâm tâm má nó rất ái nái khi phải bỏ xóm Bộng ra đi. Má nó thấy mình giống như lính đào ngủ trong khi bạn đồng đội đang gan lỳ chịu đựng. Ngồi trên xe đi phi trường mà má con Mén cứ lâu lâu lại thở dài…

Phi-trường đông thật đông, Người đi không có bao nhiêu mà người tiễn đưa thì thật là nhiều. Kẻ đi người tiễn nào mắt cũng mọng đỏ. Họ đã khóc đâu từ hồi còn ở nhà hay từ hồi còn trên xe, đến đây còn thấy có người khóc tiếp. Dĩ nhiên buổi tiễn đưa nào cũng buồn, nhưng tiễn đưa mà biết rằng vĩnh viễn không gặp lại nhau nữa thì buổi tiễn đưa đó mới thật là đau đớn. Nó cũng giống như

đi chôn người thân, cho nên có nhiều người ôm nhau khóc thật thảm thiết. Người đi cũng như kẻ ở đều chết điếng trong lòng. Lời nói chỉ còn là nước mắt.

Mấy anh em con Mén lần lượt ôm ba tụi nó, khóc như mưa bấc. Con Mén được ba nó ôm sau cùng, ôm thật lâu…Ba nó siết chặt nó vào lòng mà nghe như có cái gì trạo trực từ lồng ngực đưa lên cổ. Ba nó nhắm nghiền mắt lại, nuốt xuống như nuốt liều thuốc đắng.

Đến khi ba nó hôn nó lần cuối thì nước mắt ở đâu bỗng trào ra như suối. Trong một khoảnh khắc, người đàn ông quê mùa cục mịch đó bỗng nghe thân xác của mình tan ra thành nước, bỗng thấy tất cả đều nhòe nhoẹt tối đen mà mình thì đã chết đi, chết hẳn. Thời gian như ngừng lại rất lâu…

Rồi cũng phải buông rời nhau ra để thực sự nhìn nhau lần cuối. Những người tiễn đứng thành hàng dài, còn ráng chồm qua hàng rào ngăn cách để núm níu người đi. Chỉ trong vài giây ngắn ngủi đó, tất cả đau thương cô đọng lại thành tiếng nấc, rồi người ta khóc to lên không còn cần giữ ý tứ gì nữa. Giống như lúc liệng nắm đất lên mặt quan tài nằm sâu dưới huyệt. Ở đây, đúng là "người đi" đi vào một thế giới khác.

Ba con Mén nhìn theo vợ con bước vào bên trong, khoảng cách không có bao nhiêu nhưng sao thấy xa mút như đầu con kinh đào ở xóm Cầu Ngang. Con kinh đào mà thuở ấu thơ ba nó đã từng nô đùa tắm mát bây giờ cũng xa lắm nhưng còn có ngày ba nó nhìn thấy lại, chớ vợ con thì…Ba nó ngừng suy tư ở đó để vẫy tay lần cuối trước khi vợ con bước qua khuôn cửa kiếng. Cánh cửa đóng lại khô khan như gương mặt mấy thằng công an đứng gần quanh đó, dửng dưng như chẳng có chuyện gì xảy ra ! Trong phòng đợi, con Mén lẩm nhẩm đánh vần

khẩu hiệu được vẽ to trên tường bằng sơn đỏ: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

o O o

Tôi quen con Mén ở Abidjan, thủ đô xứ Côte d’Ivoire. Má nó đưa anh em nó lại để học Pháp văn với tôi, cùng với những đứa con của mấy gia đình tỵ nạn khác.

Con Mén bây giờ không còn “mén” nữa. Nó tròn-trịa ra, đôi má phinh-phính hồng. Tóc bây giờ đã để dài chấm vai,đuôi tóc quớt quớt.

Khi đã quen thân, con Mén tỉ-tê kể cho tôi nghe từng mẫu chuyện nhỏ trong cuộc đời của nó, nhớ đâu kể đó, không thứ tự lớp lang. Nhưng phần lớn, chính má nó kể lại, tỉ mỉ hơn, nhứt là đoạn nó còn nhỏ.

Những lúc con Mén kể chuyện, mặt nó tươi ra, rạng rỡ, mắt nó ngời lên tinh-anh. Và khi nó nói về ba nó, nó không thiếu một chi tiết. Lâu lâu nó ngừng lại để chêm vào :“ Cũng tại tụi Việt Cộng hết !” Đến những đoạn bi-thảm của ba nó, có khi nó ngừng kể, mắt nó đầy căm thù, tiếng nó bị nghiến lại trong răng. Tôi đoán nó đang chửi thầm :“ Mồ tổ cha nó !”

Một hôm, nó nói với tôi:

- Bác Hai nè ! Bác đừng nói với ai hết nghen. Con muốn nhờ bác dạy con chữ quốc-ngữ nữa. Hồi đó con mới học hết lớp một rồi nghỉ học luôn tới giờ nên con còn dốt lắm !

Rồi nó chớp chớp mắt , giọng nói bỗng trở nên trìu mến:

- Con muốn học quốc ngữ để con viết thơ cho ba con…

Câu nói đó đã làm tôi xúc động đến ứa nước mắt !

Từ bao lâu nay, người tỵ nạn chỉ nhờ tôi dạy Anh văn hay Pháp văn. Đây là lần đầu tiên trong đời lưu vong, tôi được người nhờ dạy quốc-ngữ. Lại là một cô gái nhỏ. Và cô học chỉ để viết thơ về cho cha cô ở Việt Nam ! Giản dị như vậy. Vậy mà sao tôi có cảm tưởng như tôi vừa được nhắc đến quê hương, nhắc bằng chữ i, chữ tờ…Và được thấy lại một nét quê hương qua hình ảnh người con muốn viết thơ về cho cha vì vẫn không muốn cắt lìa cuống rún !

Tôi nhìn con Mén mà thấy thương thấy quí nó vô cùng. Nó không hiểu cái nhìn của tôi nên gật gật đầu, lập lại :

- Con muốn viết thơ cho ba con.

Tôi cầm hai bàn tay nó bóp nhẹ :

- Ờ…Bác sẽ dạy con…Bác sẽ dạy con…

Trên gương mặt phinh phính của con Mén, nở ra một nụ cười rạng rỡ. Chắc nó đang nghĩ đến ba nó, đến cái ngày mà nó có đủ chữ đủ câu để nắn nót viết cho ba nó những bức thơ dài…

Ở Abidjan không có sách giáo khoa Việt Nam. Tôi phải nhờ một người bạn ở Paris mua gởi sang. Từ đó, ngày ngày tôi dạy riêng con Mén mà có cảm tưởng như chính tôi đang đi học lại.

Bây giờ, tôi thấy quí vô cùng những chữ la-tinh mang móc câu, để trở thành chữ ư chữ ơ, đội nón úp nón ngửa để trở thành chữ â chữ ă, kéo theo mấy dấu lăn quăn nằm dưới nằm trên…Bởi vì nhờ có chúng nó mà cha con con Mén vẫn thấy được gần nhau mặc dầu ở xa nhau cách nửa địa cầu. Bởi vì nhờ có chúng nó mà tôi đã khám phá ra con Mén : một đứa gái nhỏ tuy tỵ nạn bao năm ở xứ người mà trong lòng vẫn còn giữ nguyên hình ảnh của xóm Bộng , của Sàigòn , của Việt Nam…

Cái mặt

Con người có cái mặt là quan trọng nhứt. Thật vậy, nếu lấy cái mặt bỏ đi, tất cả những gì còn lại trên thân thể sẽ không dùng vào đâu được hết và cũng không còn tồn tại được nữa. Không có mũi để thở, không có miệng để ăn… con người không có cái mặt là kể như " tiêu tùng"!

Trước khi "đào sâu" cái mặt, xin mở dấu ngoặc ở đây để "vinh danh" tiếng Việt: phần lớn những gì nằm trên cái mặt đều bắt đầu bằng chữ "m", trên thế giới chưa có thứ tiếng nào như vậy hết! Đây, nhìn coi: trên mặt có mắt, mũi, miệng (mồm), má. Ở "mắt" có mày, có mi, có mí mắt, rồi mắt mụp, mắt mọng nước, mắt mơ màng, mắt mơ mộng, mắt mờ, mắt mù… Qua tới "mũi", ngoài "mùi" ra không thấy chữ "m" nào khác dính vào. Có lẽ tại vì cái mũi nó… cứng khư, không….linh hoạt. Ấy vậy mà nó – cái mũi – và "chân mày" (cũng kém linh hoạt như cái mũi!) lại được đi kèm với cái mặt để… hổ trợ cho tiếng "mặt", trong từ ngữ thông thường: "mặt mũi", "mặt mày", làm như nếu nói "mặt" không, phát âm nghe… trơn lùi, nhẹ hều không lọt lỗ tai! Cho nên người ta nói "mặt mũi bơ phờ", "mặt mày hốc hác", chớ ít nghe "mặt bơ phờ, mặt hôc hác". Bây giờ tới " miệng", thì có môi, có mép, rồi mồm mép, môi miếng, miệng méo, miệng móm, mím môi, mếu máo, mấp máy, bú mớm, mút mấp… Đến "má" thì ngoài "mụt mụn" chỉ có "mi một cái" là còn thấy chữ "m" nhè nhẹ phất phơ…. Tiếng Việt hay quá!

Trở về với cái mặt. Ông Trời, khi tạo ra con người, ban cho cái mặt là một ân huệ lớn. Nhờ có cái mặt mà con người nhận ra nhau, chồng nhận ra vợ, con nhận ra cha, biết ai là bạn ai là thù….v v. Thử tưởng tượng một ngày nào đó bỗng nhiên không ai còn cái mặt nữa. Nếu có sống được nhờ một sự nhiệm mầu nào đó, thử hỏi con người lấy gì để nhận diện nhau? Chồng vợ, cha con, bạn thù gì đều…xà ngầu. Vậy là loạn đứt! Cho nên xưa nay, người ta coi trọng cái mặt lắm. Có người còn nói: "Thà chịu mất mạng chớ không bao giờ để cho mất mặt!" Vì vậy, rủi có ai lỡ lời chạm tự ái một người nào thì người đó thấy bị… mất mặt, liền đưa một nắm tay lên hăm he: "Thằng đó, bộ nó giỡn mặt tao hả? Tao phải dằn mặt nó một lần cho nó biết mặt tao." Rồi, bởi vì cái mặt nó…. nặng ký như vậy cho nên khi nói về một người nào, người ta chỉ nhắm ngay vào cái mặt của người đó để mà nói. Nếu ghét thì gọi "cái bảng mặt" (Cái mặt mà như tấm bảng thì thiệt tình thấy chán quá! Thường nghe nói: "Cái bảng mặt thằng đó tao coi hổng vô!") Nếu hơi khinh miệt thì gọi "cái bộ mặt" ("Thằng này có bộ mặt ăn cướp!") Còn khi thương thì cái mặt trở thành "cái gương mặt" ("Em có gương mặt đẹp như trăng rằm!") Chưa hết! Khi nổi giận muốn… hộc máu, người ta cũng chỉ nhắm vào cái mặt của đối thủ chớ không chỗ nào khác để "dộng một đạp" hay "cho một dao" hay "phơ một phát" hay…"tạt một lon ác-xít" ! Bởi vậy, xưa nay những người có "nợ máu" lúc nào cũng sợ bị "nhìn mặt trả thù", và hồi thời chống Pháp, những điềm chỉ viên đi nhìn mặt "quân phản loạn" đều lấy bao bố trùm đầu để giấu mặt!

Con người, khi nhìn người khác, lúc nào cũng bắt đầu ở cái mặt (Chỉ có người không…bình thường mới

nhìn người khác bắt đầu ở cái chân hay cái bụng hay cái lưng!) Ở đó - ở cái mặt – ngoài cái đẹp cái xấu ra, còn hiện lên "cái mặt bên trong" của con người. Các nhà văn gọi là "nét mặt", nghe … trừu tượng nhưng suy cho kỹ nó rất đúng. Bởi vì chỉ có cái mặt là…..vẽ được cái nội tâm của con người thật đầy đủ. Cho nên mới có câu "Xem mặt mà bắt hình dong." (hình dong ở đây là cái hình dong giấu kín bên trong con người) Cho nên, trên sòng bài, các con bạc thường bắt gân mặt" nhau để đoán nước bài của đối thủ. Cho nên mấy giáo sư "chiêm tinh gia" lúc nào cũng liếc sơ cái mặt của thân chủ trước khi nâng bàn tay lên xem chỉ tay, để….định mức coi "thằng cha này nó sẽ tin mấy phần trăm những gì mình nói!" Thì ra, đời người không nằm trong lòng bàn tay như mấy "thầy" đó nói, mà nó nằm ngay trên nét mặt!

Cũng bởi vì cái mặt nó….phản động như vậy cho nên các "đỉnh cao trí tuệ của ta" đã nâng cao cảnh giác, ẩn mặt một cách….an toàn suốt giai đoạn đấu tranh "chìm" và chỉ "xuất đầu lộ diện" khi toàn dân đã vùng lên nổi dậy. Và các "đồng chí vĩ đại của ta"….thay tên đổi mặt lia chia để đánh lạc hướng kẻ địch, nay để râu mai thay tóc mốt cạo đầu v v ….Họ ôm khư khư cái mặt để….quản lý nó từng giây từng phút, chỉ sợ nó để lòi ra cái mặt thật nhét giấu ở bên trong, riết rồi nó xơ cứng như mặt bằng đất. Đến nỗi vào bàn hội nghị quốc tế, các đối tượng không làm sao "bắt gân mặt" để "đi" một nước bài cho ngoạn mục! Ở đây, phải nói thêm cho rõ là cho dù trong nội bộ với nhau – nghĩa là giữa "ta" và "ta" - cái mặt vẫn bị quản lý y chang như vậy, bởi vì hành động đó đã biến thành "bản năng" từ khuya! Vì vậy, đừng ngạc nhiên khi thấy, sau hội nghị, mới ôm "hôn nhau thắm thiết tình

đồng chí" mà trên đường về lại khu bộ có cán bộ đã bị "bùm" hay bị "cho xe rơi xuống hố" một cách rất….bài bản, để lại niềm "vô cùng thương tiếc" nằm trên vòng hoa phúng điếu của người đã ra lịnh hạ thủ ! Có khi, chính "đồng chí" này là người thay mặt tập thể, đứng ra….rớt nước mắt đọc điếu văn ! Ở đây, ông bà mình nói: "Phải muối mặt mới làm được như vậy." Thật là chí lý! Cái mặt đã muối rồi thì đâu còn sợ….bị thúi hay bị sình! Ta cứ tỉnh bơ thôi!

Bởi cái mặt nó phản ảnh con người nên hát bội mới "dặm mặt" sao cho đúng với cái "vai". Để khi bước ra sân khấu, khán giả nhận ra ngay "thằng trung, thằng nịnh, thằng hiền, thằng dữ…v v." Ngoài đời, không có ai dặm mặt, nhưng vẫn được người khác "nhận diện" là: thằng mặt gà mái, thằng mặt có cô hồn, thằng mặt… mẹt, mặt mâm, mặt thớt, mặt hãm tài, mặt đưa đám, mặt trù cha hại mẹ, mặt…mo …v v. Sau tháng tư 1975, người dân miền Nam đã được Nhà Nước "vẽ lọ bôi hề" thành những khuôn mặt… không giống ai, để đóng vai "nhân dân làm chủ" trên sân khấu cách mạng, trong vở trường kịch "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ ..."

Trên sân khấu chánh trị Việt Nam bây giờ, trong cũng như ngoài nước, "đào kép" tuy không dặm mặt như nghệ sĩ hát bội nhưng mỗi người đều có "lận lưng" vài cái mặt nạ, để tùy hoàn cảnh, tùy đối tượng mà đeo lên cho người ta "thấy mình là ai" (dĩ nhiên không phải là cái mặt thật của mình). Rồi cũng "phùng mang trợn mắt hát hò inh ỏi" một cách rất…tròn vai, làm "bà con đồng bào, đồng chí, đồng hương" cứ thấy như thiệt! Điểm đặc biệt là ông nào bà nào cũng muốn thiên hạ chỉ nhìn thấy có

"cái mặt của mình" trong đám bộ mặt đang múa may quay cuồng trên sân khấu. Vì vậy, họ phải rán bơm cho cái mặt của mình to bằng… cái nia, để thấy họ mới đúng là… "đại diện" ! Chẳng qua là họ muốn tạo thời cơ để kiếm cho cái … đít của họ một cái… ghế! Đến đây thì vở tuồng trên sân khấu đang chuyển sang lớp "gà nhà bôi măt đá nhau" … Cái măt đã trở thành "một vấn đề"!

Để chấm dứt bài này, và để được yên thân, xin phép độc giả cho tôi "vác cái mặt của tôi đi chỗ khác"!

Đèn trung thu

Sàigòn đang vào Tết Trung Thu. Sàigòn, bấy giờ đã được đổi tên. Cũng đúng thôi ! Bởi vì "nó" không còn giống cái "Sàigòn" của thời trước, cái thuở mà mỗi món vật mỗi con người đều được nhận diện một cách trung thực, cái thuở mà tiếng nói chưa bị thâm nhập bởi những "mỹ từ... dao to búa lớn", cái thuở mà tình cảm còn thật là tràn đầy... Cái tên mới của Sàigòn có hơi... dài, nên sau này, người ta chỉ còn gọi là "thành phố", vừa ngắn gọn lại vừa hợp... thời trang !

Sàigòn bình thường đã rộn rịp. Vào dịp Tết Trung Thu lại còn rộn rịp gấp bội. Xe cộ – đông nhứt là xe mô-tô, loại sau này được gọi chung là Honda – chạy đầy đường, chạy loạn, tiếng máy nổ điếc tai thêm bóp kèn liên hồi inh ỏi. Quán lều cũng đầy đường. Hàng họ chưng bày cũng đầy đường. Bánh mứt đèn lồng Trung Thu cũng đầy đường. Coi thật là phồn vinh sung túc.

Trong rừng xe cộ đó, có một người đàn ông cởi xe đạp chở ba đứa nhỏ. Nhìn anh ta là thấy ngay rằng anh ta không "hợp thời". Anh ta còn đội nón Panama, một loại nón mà thời trước người ta nhập cảng từ Nam Mỹ. Mặc dù cái nón – vốn là màu trắng – đã ngã màu vàng và vành nón có nhiều chỗ rách tưa..., cái nón đó vẫn thấy lạc lõng giữa phô phường đây nón côi, mũ tai bèo, nón lá, nón rơm, nón kết. Anh ta còn mặc áo sơ-mi sọc, cổ đứng tay dài, mặc dù sơ-mi bỏ ngoài quần và mang đầy nếp nhăn vì đã không được ủi. Anh còn mặc quần tây dài màu sậm còn đủ bờ-li và nhứt là còn mang đôi giày da đen mũi

nhọn – loại "xịn" – mặc dù giày đen đã ngã màu xam xám vì đầy bụi đất.

Trong lúc mọi người ăn mặc rất tự do, rất... giải phóng, đại loại như áo thun ba lỗ quần đùi dép cao su, hoặc sơ-mi ngắn tay phạch ngực quần pi-da-ma chim cò dép nhựt hoặc những bộ đồ màu xanh cỏ úa rộng thùng thình dép lớp xe... thì lối ăn mặc của anh ta – thật tình – không đúng "tác phong của thời đại" ! Ngay như chiếc xe đạp của anh ta cũng không hạp với rừng xe cộ chung quanh.

Nó ọp ẹp cũ kỹ, giống như đã được lắp ráp chắp vá bằng những món đồ góp nhặt được từ những chiếc xe đạp phế thải. Cái giỏ sắt gắn ở phía trước ghi-đong (thường dùng như pọt-ba-ga) đã được cắt xén để trở thành cái ghế ngồi cho thằng bé, đứa nhỏ nhứt trong ba đứa. Còn cái pọt-ba-ga phía sau thì được nối dài ra một chút, mặt được lót ván và phía dưới có hàn hai thanh sắt ngắn để gác chân. Hai đứa nhỏ còn lại ngồi trên đó, đứa lớn ôm đứa bé, đứa bé – vì còn nhỏ quá không ôm được eo ếch của gã đàn ông – nắm chặt lấy vạt áo sơ-mi, nắm bằng cả hai tay...

Trong luồng xe cộ chạy như điên, hối hả, lòn lách... người đàn ông thản nhiên đạp chậm rãi vững chắc dọc theo hè phố. Mấy đứa nhỏ nhìn ngang nhìn dọc, tranh nhau hỏi, tranh nhau nói, líu lo:

- Ba ! Ba ! Coi kìa ! Đèn Trung Thu ở đâu mà nhiều quá hén ba.
- Ba ! Ba ! Cái gì mà bự quá xá đàng kia vậy ?
- Tại sao ông già ổng ôm cột đèn vậy?
- Sao ông xích-"dô" ổng nằm ngủ trên xe vậy ?
- Bộ ở đây người ta đái ở gốc cây được hả ba?
- Cha... Ông này ổng mua tới bốn cái đèn Trung Thu.

- Mình cũng đi mua đèn nữa, hén ba ?

Đứa nhỏ ngồi ở giữa, giọng khàu khàu:

- Anh Việt nói chừng ảnh "dớn" ảnh mua cho con cái đèn máy bay bự bằng cái nhà ớ !

Đứa lớn ngồi phía sau cười hắc hắc, ôm em nó lắc qua lắc lại:

- Ừa ! Mà Nhi phải đừng nói ngọng mới được. "Lớn" thì nói "lớn", chớ cái gì mà "dớn" hả ?

Đứa nhỏ nhứt ngồi trong giỏ phía trước, nói chen vào, cũng ngọng trớt :

- Anh Nhi ảnh nói "nhọng" "vá" hà. Há ba ?

Làm cả bọn cười vang. Tiếng cười của cha con nhà đó hồn nhiên, thanh thoát, bị chìm lấp trong dòng thác tiếng động điếc tai, vừa ô-hợp, vừa khô khan của phố phường đầy người, đầy xe, đầy bụi...

Đến một gốc đường khá thoáng, nghĩa là vỉa hè còn có chỗ trống, thấy có một xe đẩy treo đầy đèn Trung Thu đủ kiểu đủ cỡ và đủ màu sắc đang nằm gần đó, người đàn ông rà xe đạp vào lề:

- Tụi con coi kìa, đèn Trung Thu kìa ! Để ba ngừng đây cho tụi con xuống lựa nghen !

Mấy đứa nhỏ "ồ" lên sung sướng. Đứa bé nhứt bỗng vỗ tay cười hắc hắc giống như bị cù léc. Nó la lớn:

- Đèn ! Đèn ! Đèn ! Đèn !

Thả bầy con xuống xong, người cha bảo:

- Tụi con lại đó coi đi ! Lựa đi ! Ba ngồi đây đợi.

Trong lúc mấy đứa nhỏ vây quanh xe bán đèn lồng, người đàn ông chống chân lên bờ hè, rút ở túi áo sơ-mi một điếu thuốc . Đó là loại thuốc vấn tay (sau cuộc "đổi đời", vì không còn tiền để hút thuốc loại sản xuất kỹ nghệ nên phần đông dân "ghiền" mua thuốc rê Gò Vấp về trộn với thuốc vàng Lạng Sơn rồi vấn hút. Nhiều người vấn

sẵn ở nhà rồi cho vào bao hay hộp mang theo mình cho tiện khi cần đi đâu...). Cầm hộp quẹt máy trong tay lắc lắc cho xăng thấm lên đầu tim, người cha đó hướng về bầy con nói to, khá to, để át tiếng ồn man dại của thành phố:

- Tụi con lựa đi nghen ! Lựa đi ! Thứ nào cũng được hết ! Máy bay, xe tăng, bươm bướm gì cũng được hết ! Đứa nào thích thứ nào thì nói cho ba biết. Lát nữa về nhà, ba làm cho y như vậy hà !

Nói xong, anh ta để điếu thuốc lên môi, chẹt hộp quẹt đốt . Bập vài cái cho lửa bắt rồi hít một hơi thật sâu để thở khói ra dài, thật dài... Làm như anh ta muốn trút ra theo khói một cái gì đang nghẹn trong lòng ngực. Chung quanh, người ta, xe cộ đi như loạn.

Chiếc Khăn Mu-soa

Hôm đó, tôi nhận được một CD gởi từ Bruxelles (nước Bỉ) trên CD thấy đề: "À Monsieur Tiêu Tu". Chữ viết bằng bút *feutre* rõ nét, nói lên người viết có trình độ. Tuy viết "Tiểu Tử" không có dấu, người gởi viết tên của mình lại có dấu đầy đủ: "Exp: Nguyễn Thị Sương"! Vừa ngạc nhiên vừa thích thú, tôi vội vã đặt dĩa vào máy, nghe. Đó là giọng một người con gái miền Nam, trong trẻo, phát âm rõ ràng. Những gì cô ta nói đã làm tôi xúc động, có lúc tôi ứa nước mắt! Tôi đã nghe nhiều lần và cố gắng ghi chép lại đây. Dĩ nhiên là tôi đã viết để đọc cho suông sẻ chớ cô gái nói còn nhiều chỗ nghe sượng hay dùng từ chưa chính xác …

…Thưa ông,

Con tên Nguyễn Thị Sương, con của Nguyễn Văn Cương, một trong những nhân vật trong truyện ngắn "Con Rạch Nhỏ Quê Mình" của ông.

Thưa ông. Con sanh ra và lớn lên ở Pháp, biết nói tiếng Việt nhưng đọc và viết tiếng Việt còn rất yếu. Vì vậy, con phải dùng cách nầy để liên lạc với ông. Xin ông thông cảm!

Hôm chúa nhựt rồi, chị Loan bà con bạn dì của con ghé nhà nói: "Sương ơi ! Người ta nói về ba của Sương ở trong truyện ngăn đăng trên *internet* cả tuân nay nè! Chị in ra đem qua đây đọc cho em nghe.". Rồi chỉ đọc. Đó là truyện "Con Rạch Nhỏ Quê Mình".

Thưa ông. Con chưa biết Việt Nam, nhưng những gì ông tả trong truyện làm như con đã thấy qua rồi! Bởi vì hồi con mới lớn ba con thường hay kể chuyện về cái làng

Nhơn Hòa và con rạch Cồn Cỏ của ba con, về những người bạn của ba con hồi thời tuổi nhỏ, kể tỉ mỉ đến nỗi con có cảm tưởng như ba con đang cầm tay con dẫn đi coi chỗ nầy chỗ nọ *(Nói đến đây, giọng cô gái như nghẹn lại vì xúc động. Ngừng mấy giây rồi mới nói tiếp ...)* Mà ba cứ kể đi kể lại hoài làm như là những hình ảnh đó nó ám ảnh ba dữ lắm. Sau nầy thì con mới hiểu khi ba con nói: "Hồi đó, ba đi Pháp quá sớm, ở cái tuổi chưa biết gì nhiều. Rồi qua đây, chóa mắt ngất ngây với những văn minh tiến bộ của xứ người làm ba quên đi cái làng nhà quê của ba. Điều ân hận lớn nhứt của ba là đã không viết gởi về một chữ để hỏi thăm bạn bè hồi đó. Ba phải về thăm lại Nhơn Hòa Cồn Cỏ, con à!". Nói đến đó, ba ứa nước mắt nắm bàn tay con dặc dặc: "Mà con cũng phải về với ba nữa! Về để cho ba lên tinh thần! Về để thấy ba biết xin lỗi mọi người! Về để thấy ba biết nhìn lại cái quê hương của ba cho dầu nó có quê mùa xấu xí bao nhiêu đi nữa! Về để thấy ba chưa đến nỗi là thằng mất gốc!". *(Đến đây, không còn nghe gì nữa!)* Xin lỗi ông! Con đã ngừng thâu để con khóc *(Rồi giọng cô lạc đi)* Con thương ba con! *(Ngừng một lúc)*

Thưa ông. Ba má con đều là giáo sư toán, dạy ở *lycée*. Má con mất hồi con mười tuổi. Bây giờ con làm chủ một tiệm sách ở Bruxelles, ba con dạy ở cách nhà không xa lắm. Một hôm, ba nói: "Ba được một thằng bạn học hồi ở đại học, người Phi Châu, mời qua xứ nó giúp tổ chức lại hệ trung học. Ba đã OK.". Rồi ba đưa cho con một phong bì loại A4, nói: "Con ráng tìm cách về Nhơn Hòa Cồn Cỏ, trao cái nầy cho cô Hai Huê nói ba không quên ai hết!". Con nhìn thấy trên phong bì ba viết: "Mến trả lại Huê, kỷ vật của thời tuổi nhỏ. Cương". Vậy rồi ba

qua Phi Châu làm việc rồi mất ở bển trong mấy trận nội chiến *(Chắc ngừng thâu ở đây nên không nghe gì nữa).*

Thưa ông. Nhờ nghe đọc "Con Rạch Nhỏ Quê Mình" mà con biết được mối tình một chiều của cô Hai Huê, biết được cái khăn mu-soa mà cô Hai đã thêu tặng ba con thuở thiếu thời. Cái khăn đó, bây giờ thì con biết nó đang nằm trong phong bì A4 mà con đang giữ để trả lại cô Hai. Và bây giờ thì con thấy thương cô Hai vô cùng và cũng thấy tội nghiệp ba con vô cùng *(Chỗ nầy giọng cô gái lệch đi, ngừng một chút mới nói tiếp)* Con nhờ ông giới thiệu con cho bác Sáu Lân, người đã kể chuyện để ông viết về Nhơn Hòa Cồn Cỏ. Con sẽ xin bác Sáu đưa con về đó để con làm theo lời dặn của ba con …

Địa chỉ và số phôn của con như sau :

Melle Nguyên ……

……

……

Con cám ơn ông.

Con : Sương

o O o

Nhớ lại, cách đây khá lâu, một thằng bạn ở Marseille (miền Nam nước Pháp) gọi điện thoại lên Paris cho tôi, nói: "Dưới nầy trời tốt, mầy xuống chơi, đi câu với tao. Sẵn dịp, tao giới thiệu mầy cho một ông bạn mới từ Việt Nam qua định cư ở đây. Tao có khoe với ổng là mầy viết lách khá lắm. Ổng nói ổng muốn nhờ mầy viết một chuyện nhỏ ở dưới quê của ổng để ổng tìm một người bạn. Tao thấy coi bộ ngộ à! Xuống, đi!". Vậy rồi tôi đi Marseille. Sau đó, tôi viết "Con rạch nhỏ quê mình" với câu gởi gắm của ổng: "Tôi nhờ ông viết lại giùm. Biết đâu

chừng thằng Cương sẽ đọc. Để nhắc nó đừng quên con rạch Cồn Cỏ, đừng quên thằng Đực Nhỏ, thằng Lân, con Huê …”.

Sau khi nghe CD và ghi chép lại, tôi gọi điện thoại xuống Marseille thì thằng bạn tôi cho hay là ông Lân đã dọn về ở ngoại ô Paris, cách đây mấy năm. Nó cho tôi địa chỉ và số điện thoại của ổng. Vậy rồi ổng và tôi gặp nhau. Tôi kể sơ câu chuyện và đưa cho ổng mượn cái CD. Tôi thấy ổng rơm rớm nước mắt khi nghe tôi nói làm tôi cũng xúc động: người đàn ông hiên ngang, xong xáo trong trận mạc, gan lỳ đến nỗi mang hỗn danh “thằng Lân ăn pháo”… vậy mà bây giờ cũng biết ứa nước mắt khi nhận được tin thằng bạn không bao giờ gặp lại!

Khi chia tay, ổng nói: “Cám ơn ông! Nhờ có bài viết của ông mà hôm nay tôi mới có tin của thằng Cương! Tôi sẽ thay nó, đưa con gái nó về thăm Cồn Cỏ! Và thắp cho nó ba cây nhang ở đầu vàm để vong hồn nó nương theo đó mà tìm lại con đường về …”.

o O o

Hơn một tháng sau, ông Lân gọi điện thoại cho tôi nói ổng vừa ở Việt Nam về, muốn gặp tôi để trả cái CD và để ổng kể chuyến đi nầy của ổng. Vậy là chúng tôi đã gặp nhau và tôi đã ghi những lời ổng kể …

... Nhờ cái CD ông cho tôi mượn mà tôi liên lạc được con Sương. Tội nghiệp! Biết được là tôi gọi, nó khóc ồ ồ ở đầu dây bên kia! Sau đó, nó kêu tôi bằng “Bác Sáu”, ngọt như tôi là bác ruột của nó vậy! Thấy thương quá!

Vậy rồi hai bác cháu tôi bay về Việt Nam. Ở Sài Gòn chúng tôi mướn một chiếc xe hơi có tài xế để về Nhơn Hòa Cồn Cỏ. Trên xe, tôi nói với con Sương: “Ở Cồn Cỏ,

ba của con không còn bà con gì hết, họ đã dọn lên tỉnh ở mấy chục năm nay. Bây giờ, ba con chỉ còn có một người bạn thân …". Con nhỏ nói: "Cô Hai Huê!". Tôi gật đầu ờ. Nó nói tiếp: "Cô Hai là người ba nhắc thường nhứt và ba hay thở dài nói ba có lỗi với cô Hai nhiều lắm! Thấy ba con như vậy, con cũng nghe đau lòng, bác Sáu à!". Thấy thương quá, tôi cầm bàn tay nó bóp nhẹ. Con Sương nhìn cảnh vật bên ngoài nhưng vẫn để bàn tay nó trong long bàn tay tôi. Ông biết không? Tôi không có con, bây giờ, trong cái cầm tay nầy, tôi bỗng cảm thấy như thằng Cương vừa đặt vào tay tôi một đứa con. Trời Đất! Sao tôi muốn nói: " Sương ơi! Từ nay, bác Sáu sẽ thay ba con mà lo lắng bảo vệ con như con là con của bác vậy!". Nhưng thấy có vẻ cãi lương quá nên tôi làm thinh!

Xe ngừng ở chợ Cồn Cỏ. Bác cháu tôi vô chợ nhà lồng đến sạp vải của con Huê thì thấy một cô gái lạ. Cổ nói cổ là cháu kêu con Huê bằng dì và đến đây phụ bán vải từ mấy năm nay. Cổ nói: "Dì Huê có ở nhà, ông bà vô chơi!".

Chúng tôi đi lần theo con đường nằm dọc bờ rạch. Đường nầy bây giờ được tráng xi-măng sạch sẽ. Tôi nói: "Nhà cô Hai có cây mù u nằm trước nhà cạnh bờ rạch, dễ nhận ra lắm!". Đến nơi, thấy còn nguyên như cách đây mấy chục năm: cũng hàng rào bông bụp thấp thấp, qua một cái sân nhỏ là ngôi nhà xưa ngói âm dương, kèo cột gỗ, ba gian hai chái với hàng ba rộng, một bên hàng ba có một bộ ván nhỏ … Tôi hơi xúc động vì bắt gặp lại những gì của thời cũ. Chỉ có bao nhiêu đó thôi - nhỏ xíu - vậy mà sao gợi lại được vô vàn kỷ niệm! Tôi gọi lớn: "Huê ơi Huê!". Trong nhà chạy ra một người đàn bà tóc bạc nhìn tôi rồi la lên: "Trời Đất! Anh Lân!". Tuy cô ta đang nhăn mặt vì xúc động, tôi vẫn nhận ra là Huê! Không kềm được

nữa, Huê và tôi cùng bước tới nắm tay nhau vừa dặc dặc vừa nói "Trời Đất ! Trời Đất !" mà không cầm được nước mắt!

Một phút sau, Huê buông tay tôi ra quay sang con Sương, hỏi: "Còn ai đây?". Tôi nói: "Con Sương! Con thằng Cương!". Nó hỏi: "Còn anh Cương đâu?". Con Sương thả rơi ba-lô xuống đất, bước lại phía con Huê, nói: "Ba con chết rồi, cô Hai ơi!". Con Huê chỉ nói được có một tiếng "Chết" rồi xiêu xiêu muốn quị xuống. Con Sương phóng tới đỡ con Huê, nói: "Cô Hai ơi!". Rồi hai cô cháu ôm nhau khóc nức nở. Tôi đứng tần ngần một lúc mới bước lại đặt tay lên vai Huê bóp nhẹ: "Tại cái số hết, Huê à! Thằng Cương đang dạy ở bên Bỉ, mắc gì mà qua Phi Châu làm việc để rồi chết mất xác trong chiến tranh ở bên đó. Tại cái số hết! Phải chịu vậy thôi!". Con Sương dìu Huê lại ngồi ở bực thềm, vói tay mở ba-lô lấy phong bì A4, nói: "Ba con gởi cái nầy cho cô.". Huê cầm phong bì, nheo mắt đọc rồi lắc đầu nhè nhẹ: "Chắc là cái khăn mu-soa!". Huê xé phong bì lấy khăn ra cầm hai góc khăn đưa lên nhìn: khăn còn thẳng nếp, chưa có dấu hiệu xử dụng! Huê nhăn mặt, đưa khăn lau nước mắt của mình rồi sang qua lau nước mắt của con Sương làm nó cảm động nấc lên khóc. Huê nói: "Khăn nầy cô thêu tặng cho ba của con, nhưng không có duyên nên khăn lại trở về. Bây giờ, cô tặng cho con để kỷ niệm ngày cô cháu mình gặp nhau.". Con Sương cầm lấy khăn rồi ngả đầu vào vai Huê, nói: "Con cám ơn cô Hai.". Huê vừa gật đầu vừa choàng tay ôm con Sương lắc nhè nhẹ như vỗ về đứa con! Tôi bước ra bờ rạch ngồi cạnh gốc cây mù u đốt thuốc hút. Tôi thấy trên thân cây có đóng một cây đinh dài đã gỉ sét đen thui, vắt lên cây đinh là một cuộn dây dừa cũ mèm như muốn mục. Tôi nghĩ chắc con Huê nó làm như vậy,

nó vốn nhiều tình cảm và giàu tưởng tượng. Nó có ý nói con thuyền ngày xưa đã bỏ bờ đi mất, nếu một mai có trôi về được thì cũng có sẵn dây để cột con thuyền vào gốc cây mù u … Tôi đốt thêm một điếu thuốc rồi đặt lên cuộn dây dừa, vái lâm râm: "Cương ơi! Mầy có linh thiên thì về đây hút với tao một điếu thuốc!". Tự nhiên, tôi ứa nước mắt!

Khi tôi trở vô nhà thì cô cháu tụi nó ngồi cạnh nhau trên bộ ván, nói chuyện coi bộ tương đắc! Thấy tôi, Huê nói để vô làm cơm cùng ăn. Tôi từ chối vì phải về trả xe. Huê xin cho con Sương ở lại chơi với nó mươi hôm, còn con Sương thì hớn hở: "Bác Sáu đừng lo! Con về một mình được!". Tôi bằng lòng nhưng đề nghị cùng ra đầu vàm thắp ba cây nhang cho thằng Cương. Con Huê vô nhà lấy nhang và một tấm ni-long để ra đó trải cho ba người ngồi. Khi đi ngang cây mù u, con Huê bước lại gốc cây lấy cuộn dây dừa liệng xuống rạch, rồi phủi tay, đi!

Sau khi cúng vái ở đầu vàm, cô cháu nó đưa tôi ra xe. Nhìn tụi nó cập tay nhau mà thấy thương quá, ông ơi!

oOo

… Bây giờ thì cô Sương đã đem cô Huê qua Bỉ ở với cổ. Nghe ông Lân nói hai cô cháu rất "tâm đồng ý hợp". Còn chiếc khăn mu-soa thêu thì ông Lân nói cô Sương đã cho lộng vào một khuôn kiếng rất đẹp treo ở phòng khách, ở một vị trí mà ai bước vào cũng phải thấy!


TU VIỆN NHÂN DÂN
VÀO CỬA TỰ DO
Bổ Táo
Vì bận đi họp
Thành Ủy, chùa
tam đong cúng
vài hôm.
ĐĐ Thích Vân Vân

Con rạch nhỏ quê mình

Mầy còn nhớ không ? Hồi tụi mình còn nhỏ, thời tiêu học, có ngày nào mà tụi mình không đùng xuông con rạch trước nhà để tắm. Mầy còn nhớ con rạch đó không? Nó có cái tên cục mịch và quê mùa : rạch " Cồn Cỏ ". Người ta gọi như vậy bởi vì ở phía sông cái có một cái cồn khá lớn – gần như là một cái cù lao – làm tách con rạch ra làm hai nhánh. Có lẽ hồi xưa, trên cồn chỉ có cỏ nên họ gọi là " Cồn Cỏ ", chớ hồi thời tụi mình, trên đó thấy đầy cây cối mà một số là cây ổi " chim ăn " và cây xoài hột. Mầy bỏ xứ ra đi lâu quá, không biết còn nhớ " ổi chim ăn " và xoài hột không ? "Ổi chim ăn" là loại ổi nhỏ băng trứng chim cút, bên trong toàn hột là hột nên không có ai trồng. Chim hay mổ ăn mấy trái chín, còn tha đi chỗ này chỗ nọ. Hột ổi rớt mọc lên cây, nhà vườn chặt bỏ để lấy đất trồng thứ khác. Còn " xoài hột " thì như tên của nó nói : trái nhỏ bằng nắm tay con nít, bên trong chỉ có cái hột lớn với chút xỉu cơm ! Người ta cũng gọi là " xoài mút " bởi vì muốn ăn loại xoài đó phải lựa trái chín muồi, lột võ rồi mút cái hột với lớp cơm mỏng dánh dính chung quanh. Người lớn không ai thèm ăn bởi vì ăn không đã miệng mà mút xong một trái là hai bàn tay dơ hầy ! Chỉ có con nít là khoái ! Cho nên vào mùa xoài – cũng là mùa mưa – khi thấy trời nổi gió, trẻ con thường lội qua cồn để lượm xoài, được trái nào là đứng ngay dưới cây xoài mút lia mút lịa. Tao nhớ có lần mầy với tao cởi quần đội lên đầu rồi lội qua cồn cỏ lượm xoài. Mầy nhớ không ? Mình phải đội quần để quần xà lỏn đừng bị ướt bởi vì tụi mình "

lội chó " đầu lòi ra khỏi nước. Mới nút được có mấy trái thì trời mưa ụp xuống làm hai đứa ướt ngoi. Lần đó về nhà tao bị bắt quì gối gần nửa tiếng. Tao tưởng mày là cháu đích tôn của ông Cả, được cưng nhứt nhà không ai dám rớ. Té ra hôm sau đi học, mầy kể lại mầy cũng bị ông nội mầy bắt quì cũng như tao ! Mầy coi ! Cái xã hội của mình hồi đó nó tốt như vậy. Quan quyền hay dân dã gì cũng dạy con dạy cháu na ná như nhau hết.

Trở lại với con rạch của tụi mình. Con rạch cong cong quanh quanh chạy tuốt vô xóm chợ, chui qua cây cầu đúc của con lộ cái rồi đi mất hút ra ruộng và rừng tràm. Hai bên bờ rạch là hai con đường đất dùng cho người đi bộ và xe đạp. Nhà cửa cất dài theo hai con đường đất. Mỗi nhà nằm trong một khu vườn đầy cây ăn trái và hoa kiểng. Hai bờ, lâu lâu, được nối với nhau bằng một cây cầu khỉ. Mỗi cây cầu khỉ đều có một cái tên : cầu cây gừa (vì nó nằm cạnh cây gừa), cầu cây trôm (cạnh cây trôm), cầu bà Sáu Lộc (nằm trước nhà bà Sáu Lộc, chớ không phải bả dựng cây cầu đó !), cầu ván (làm bằng hai tấm ván thay vì hai cây tre) v.v…Tía tao nói về sau, ông nội mày bỏ tiền ra xây một cây cầu đúc, giúp cho dân chúng đi lại dễ dàng. Mầy nhớ cái cầu đúc nằm ở xóm chợ không ? Đó, cái cầu đó, đó ! Người ta gọi là " cầu ông Cả ". Không biết mầy có biết rằng ông nội mầy hồi đó được dân chúng thương lắm không ? Tía tao nói rằng ổng thôi làm " Cả " từ thời Tây lận, nhưng dân trong vùng vẫn gọi ổng là " ông Cả ". Hồi trào Việt Minh, ông nội của mầy là người chức sắc cũ duy nhứt không bị cho đi " mò tôm ". Để thấy ổng ăn ở có nhơn biết chừng nào.

Nói đến cầu khỉ, tao nhớ hoài chuyện bà Năm Chiện té rạch. Bả té đâu hồi tụi mình chưa sanh. Lớn lên nghe kể lại mà bắt tức cười. Mầy biết không ? Hồi xưa, rạch Cồn Cỏ chỉ có loại cầu khỉ " một cây tre ", trơn trợt khó đi (Về sau, dân chúng cặp thêm một cây tre như tụi mình đã thấy) Một hôm bà Năm Chiện đi tới giữa cầu, hụt chân té xuống rạch. Người ta nghe tiếng bà Năm la chói lói :" Bớ làng xóm ! Bớ làng xóm !" Rồi giọng bả bỗng thấp xuống :" Ủa mà cạn !" Thì ra bả không biết lội, hồi té là la làng kêu cứu, chừng coi lại thấy nước mới tới lưng quần, bả té nhằm nước ròng. Bà con lối xóm nghe la, chạy ra thì thấy bà Năm Chiện lóp ngóp bò lên bờ rạch, miệng cười lỏn lẻn mắc cỡ ! Chuyện này về sau khi tao đi làm việc ở Sàigòn, tao có nghe kể nhiều lần. Họ kể " có bà đó " chớ không nói là bà Năm Chiện, và họ kể như là chuyện tiếu lâm đặt ra để cười chơi. Đâu có ai biết là chuyện tiếu lâm đó xuất xứ từ con rạch Cồn Cỏ của quê mình !

Ở làng Nhơn Hoà Cồn Cỏ, trẻ con chia ra thành bọn để đi chơi với nhau. Bọn mình có ba đứa : thằng Đực Nhỏ, mầy, tao. Mầy còn nhớ thằng Đực Nhỏ không ? Cái thằng học dở ẹc, tánh tình thì ngổ ngáo, học chung với tụi mình nhưng lớn hơn tụi mình tới ba tuổi. Vậy mà chơi với bạn, nó tốt vô cùng. Có cái gì ăn nó cũng chia và nó hay bầy đặt trò chơi này trò chơi nọ. Nó lúc nào cũng ra vẻ đàn anh bảo vệ mầy với tao. Nó nói với bọn trẻ khác :" Thằng Cương, thằng Lân là bạn của tao, đứa nào đụng vô là biết !". Mầy có biết nó nói với tao làm sao không ? Nó nói : "Thằng Cương hiền khô nhát hít . Nó là cháu ông Cả chớ tụi xóm Chợ đâu có coi ra gì. Tụi nó không nể nang ai hết, bắt nạt được là tụi nó bắt nạt. Tao phải dằn mặt tụi

nó trước như vậy ". Rồi nó nhìn tao :" Còn mầy thì tao khỏi lo ". Nó biết rằng tao cũng không vừa gì !

Không biết mầy còn nhớ vụ bọn mình đi ăn cắp tôm không ? Bọn mình ở xóm Cồn, gần sông cái, nên biết mặt gần hết mấy ông thợ câu. Một bữa nọ thằng Đực Nhỏ hỏi :" Tụi bây muốn ăn tôm nướng không ? ". Tụi mình hỏi lại :" Tôm ở đâu mà nướng ? Mầy câu hả ?". Nó nói :" Muốn ăn thì đi theo tao ". Nó dẫn tụi mình ra ngoài vàm, chỉ tay ra đó :" Tôm cả đống ở ngoải ". Tụi mình nói nó xí gạt nên vừa " xì " một tiếng vừa quay trở vô định về. Nó níu lại : " Thiệt mà ! Ông Hai Sầm câu tôm ổng rộng tôm ngoài đó đó ". Rồi nó giải nghĩa :" Tao thấy ổng đi câu về là ổng thả cái rọ tôm có treo cục đá xuống sông. Cái rọ có sợi dây dính vô khúc củi nổi trên mặt nước để làm dấu. Tụi bây dòm coi ". Nước đang ròng. Cách bờ độ ba thước có khúc củi nhỏ lắc lư lắc lư như muốn trôi mà bị cái gì rị lại phía dưới. Mầy nói :" Tôm của người ta, ăn cắp chúng bắt chết ". Nó cười :" Mình lặn xuống xin mỗi đứa một con ăn chơi. Ăn nhầm gì ? Chừng nào rinh hết cái rọ của ổng mới là ăn cắp chớ !". Ba đứa dợm bước xuống sông để lội ra đó thì tao khựng lại :" Không được ! Phải có một thằng đứng canh. Rủi có người thấy tưởng tụi mình ăn cắp cái rọ thì khổ ". Vậy là mầy được chỉ định đứng canh trên bờ. Tao lại nghĩ lại :" Không được ! Nước ròng chảy mạnh, ba con tôm, tay nào cầm tay nào lội ? ". Thằng Đực Nhỏ " Ờ " rồi ngồi bẹp xuống như cái bong bóng xì. Bỗng nó đứng phắt lên chỉ vào cái quần dài bằng vải đen nó đang mặc :" Tao cột túm ống quần lại, mình bỏ tôm vô quần rồi lội vô !". Rồi nó vừa cười ha hả vừa chạy lại mấy cây chuối hoang gần đó tét mấy sợi dây thân chuối cột ống quần. Mầy nói : "Mẹ ! Coi chừng càng tôm nó kẹp

cho thấy bà !". Đực Nhỏ vừa nói vừa ra dấu :" Mình bẻ càng nó !". Tao chen vô :" Ờ…mà còn cái răng cưa trên đầu nó nữa ". Nó dứt khoát :" Thì cũng bẻ luôn !". Vậy là hai đứa tao đùng xuống sông, lội ra khúc củi, mò theo sợi dây lặn xuống. Như đã giao hẹn hồi lội ra, tao lãnh phần bắt tôm, nó lãnh phần bẻ càng bẻ răng cưa rồi "nhốt " vô quần. Đang làm tới con tôm thứ hai thì bỗng thằng Đực Nhỏ trồi lên mặt nước la làng chói lói. Tao hết hồn nắm đầu nó vừa lội vừa kéo vô bờ. Nó vùng vẫy như điên, hất tay tao ra rồi chìm xuống nước. Trên bờ, mầy nhớ không , mầy vừa nhảy đông đổng , vừa la :" Chết cha ! Thằng Đực Nhỏ bị ma da rút rồi ! Chết cha !". Vô tới bờ, tao chưa biết phải làm sao thì thằng Đực Nhỏ trồi đầu lên, mặt mài nhăn nhó, vừa lội vô vừa rên :" Đau thấy mẹ ! Trời ơi ! Rát thấy mẹ !". Chừng nó đứng lên mới thấy cái quần nó tuột xuống hai ống chân, còn hai bên bắp vế của nó thì máu me tùm lum như bị đâm bị cắt. Nó nói như mếu :" Mẹ bà nó ! Mình quên con tôm còn có cái đót giấu ở dưới đuôi nữa ! Nó búng đuôi chém tao đau thấy ba bốn ông Trời ! Tao phải lặn xuống cởi quần cho nó phóng ra sông !". Thằng Đực Nhỏ vừa nói vừa khoát nước rửa máu chừng đó mới thấy cái đùm giữa của nó còn nguyên chỉ bị thương ở đùi. Hú vía ! Thằng Đực Nhỏ sau này đi lính đánh giặc rồi chết trận ở Kontum. Nó chưa vợ chưa con, cũng may cho nó.

Trở về với con rạch của tụi mình. Trẻ con đi học về là nhảy ùm xuống tắm. Người lớn còn đợi nước lớn mới tắm chớ con nít thì nước lớn nước ròng gì cũng tắm được hết, bởi vì tắm lội là một trò chơi. Nhắc đến vụ tắm rạch, tao còn nhớ tới chuyện này. Chắc, tao nghĩ, mầy cũng còn nhớ. Hôm đó, mầy bận cái quần xà lỏn mới tinh của má

mầy vừa may cho. Mầy sợ quần ướt nên cởi quần vắt lên cây gừa, ở truồng nhào xuống lội. Hồi thời tuổi nhỏ, tụi mình tắm ở truồng là thường. Tắm giỡn đã rồi leo lên bờ thì đứa nào đã ăn cắp cái quần mới. Mầy mếu máo khóc, tao phải qua nhà tao lấy cái quần cho mầy mượn mà mặc đi về. Hôm sau đi học, mặt mầy buồn xo. Mầy trật đít ra cho tao coi hai lằn roi đỏ ửng ! Vụ đi tắm mất quần đó, chắc mầy còn nhớ mà ! Cho dù đã mấy chục năm, hai lằn roi đó làm sao quên được ?

Vậy mà đã mấy chục năm ! Tụi mình xa lần con rạch Cồn Cỏ từ hồi lên tỉnh học trung học. Rồi xa luôn từ ngày mầy đi Tây, còn với tao thì kể cũng gần như xa luôn từ ngày tao đi lính. Mầy không biết chớ hồi tao đi lính, tao đánh giặc lì lắm. Bạn đồng đội nói tao là :" Thằng Lân ăn pháo, chỗ nào Việt Cộng bắn rát là có nó lăn tới ". Rồi tụi nó đặt cho tao cái hỗn danh " Lân pháo ", hỗn danh này tao mang tới ngày mất nước. Suốt cuộc đời nhà binh của tao, tao đánh giặc không biết bao nhiêu trận, có vào sanh ra tử, có thắng có thua…nhưng không hiểu sao tao chưa hề bị thương một lần ! Vậy mà hôm tao phải liệng súng đầu hàng vào cuối tháng tư 75 , tao nghe đau điếng như vừa lãnh một viên đạn. Lần đó, tao không đánh giặc vậy mà tao lại bị thương , bị thương ở trong lòng. Vết thương đó, bây giờ, gần hai mươi năm sau, vẫn chưa chịu lành. Mầy thấy không ? Kể lại cho mầy nghe mà tao vẫn còn rơm rớm nước mắt…

Bên vợ tao có cơ sở làm ăn ở Marseille. Nhờ vậy, tao mới qua Pháp theo diện đoàn tụ gia đình bên vợ. Mầy thấy không ? Cuối cùng rồi tao cũng được đi Tây như ai ! Trước khi đi, tao có về thăm Cồn Cỏ. Con rạch nhỏ bây

giờ nó rộng huych, tại vì ghe thuyền bây giờ toàn chạy máy nên sóng đập lở bờ. Cầu khỉ được thay bằng cầu ván. Cầu Ông Cả gãy hết một chân lòi cốt sắt rỉ sét. Người ta nói hồi mới vô, mấy cha Việt Cộng thách đố nhau bắn chơi ! Cái cồn đã được một ông lớn nào đó chiếm ngụ. Ổng xây bờ kè, xây tường rào kiên cố, phía sông có cầu tàu, nhà thủy tạ, bên trong là nhà lầu kiểu cọ theo điệu Tàu. Bây giờ mầy có về mầy nhìn không ra đâu ! Người cũ chết bớt, đi bớt. Người mới, phần đông là dân cách mạng tụi mình không quen, về cất nhà lầu dài theo rạch. Tao có đến thăm con Huê, cái con nhỏ má lúm đồng tiền học chung với tụi mình đến hết lớp nhứt, đó, rồi về sau nó bán vải ở chợ nhà lồng , có năm đó trong dịp Tết nó tặng mầy một cái mu-soa thêu trước khi mầy đi Tây, mầy nhớ hôn ? Con nhỏ đó, đó ! Bây giờ nó vẫn bán vải, vẫn chưa có chồng , coi hơi già hơn tao một chút nhưng vẫn còn có duyên. Nó với tao nhắc không biết bao nhiêu chuyện cũ, để lâu lâu thở dài…Khi con Huê tiễn tao ra đến cổng , nó đứng ngập ngừng một chút rồi bỗng nói một mạch lè lẹ như tụi mình trả bài thuộc lòng thuở nhỏ : " Anh qua bên Tây, có gặp anh Cương nói em gởi lời thăm ảnh ". Nói rồi nó bỏ chạy vội vào trong , tao thấy nó đưa tay lên quẹt mắt mấy lần. Tao đứng chết trân, nhớ lại lời con Nhàn, em con Huê, nói với tao cách đó khá lâu hồi tao gặp nó bán vải ở chợ An Đông :" Anh Lân biết không ? Chị Huê thương anh Cương từ hồi còn học lớp nhứt lận !". Nó vừa nói vừa cười, tao tưởng nó nói chơi, té ra nó nói thiệt. Tao kể lại chuyện con Huê cho mầy nghe, tao biết mầy không làm gì được, nhưng tao vẫn kể. Để cho mầy thấy người con gái ở dưới quê mình nó thật thà trung hậu đến mức độ mà khi đã trót thương ai thì thương cho

đến chết. Họ coi đó là sự tự nhiên. Cũng như, hễ đã là con rạch thì tự nhiên phải có nước lớn nước ròng…

Hồi hôm, coi télé chương trình văn nghệ đài TF1, nghe hát bài " Dòng sông tuổi thơ ", tao bỗng nhớ tới con rạch nhỏ quê mình. Rồi tao nhớ mầy…

Cương ơi ! Bây giờ mầy ở đâu ?

(Truyện này tôi viết theo lời yêu cầu của người kể. Ông đó nói :" Nhờ ông viết lại dùm. Biết đâu chừng thằng Cương sẽ đọc. Để nhắc nó đừng quên con rạch Cồn Cỏ, đừng quên thằng Đực Nhỏ, thằng Lân, con Huê…")

Đám cưới ngày xưa

'Ngày xưa' ở đây là thời tôi còn nhỏ - những năm 1935/40 – Tôi muốn kể lại một cái đám cưới ở quê tôi thời đó, để thấy hình ảnh thật thà dễ thương của Việt Nam hồi chưa bị … ô nhiễm chất ngoại lai!

Bên đàng trai là ông Cả làng Bình Trước. Vì ổng thứ bảy nên thiên hạ gọi là ông Cả Bảy để tránh kêu tên. Làng này nằm cách tỉnh lỵ mười lăm cây số. Bên đàng gái là ông Cả làng Thới An nằm ngay trong thị xã. Người ta gọi ổng là ông Cả Dừa, vì ổng có vựa buôn bán dừa khá lớn trong vùng. Cũng là 'Ông Cả' hết, nhưng ông Cả Thới An vẫn oai hơn ông Cả Bình Trước nhờ dựa hơi vào 'tòa tỉnh', còn ông Cả Bình Trước dầu không có tiếng nhưng lại có miếng nhờ ruộng vườn màu mỡ minh mông trải dài. Như vậy cũng 'môn đăng hộ đối'!

Chú rể là con trai thứ nhì của ông Cả Bảy. Cậu nầy - người nhà gọi là Cậu Ba - học hết lớp nhứt rồi ở nhà làm ruộng. Cô dâu là con gái út của ông Cả Dừa, sau tiểu học có đi Sài Gòn học hai năm trung học rồi về phụ người chị Hai bán vải trong chợ nhà lồng thị xã.

Ông mai là thầy giáo Kiến, nhờ là bà con của hai bên nên mọi sự đều được dễ dàng … Tuy vậy, ổng cũng gặp chút khó khăn khi tính chuyện đám cưới! Nguyên do là ông Cả Dừa đòi đàng trai đến rước dâu 'bằng một con heo đứng' – nghĩa là heo sống – Nghe như vậy, ông Cả

Bảy nói: "Cũng đúng chớ! Tập tục ông bà để lại làm sao thì mình cứ làm theo y chang như vậy mới là phải đạo!"

Vậy là ổng ra lịnh cho người nhà đạp xe vô xóm truyền rao kiếm heo. Mà phải 'heo lang' – nghĩa là heo trắng - cỡ trộng trộng 'kẻo không người ta cười mình.' Nghe tin, mấy chủ heo đem heo tới nhà cho ông Cả lựa. Người ở gần thì cột một chân con heo, dẫn bộ đi ụt ịt. Người ở xa thì cột chùm bốn chân con heo rồi để lên bọt-ba-ga xe đạp chở đi. Sân nhà ông Cả coi giống như chợ heo với heo đứng heo nằm kêu la eng éc!

Chọn được con heo vừa ý, ông Cả giao trách nhiệm giữ heo cho thằng Đực là cháu kêu ổng bằng chú, ổng nuôi trong nhà từ nhỏ. Ông Cả giải nghĩa: "Mầy lanh lợi nên tao giao con heo cho mầy chăm sóc. Từ đây đến ngày rước dâu, mấy phải kè theo nó, nuôi vỗ cho nó tươi tắn mạnh dạn, bởi vì nó là lễ vật dẫn đường đám rước dâu, mầy hiểu hôn?" Sau đó, thằng Đực đạp xe xuống trại hòm mời bác Ba thợ mộc chở thùng đồ nghề lên đóng cái cũi để ngày rước dâu khiêng con heo. Mặc dầu bác Ba chuyên đóng hòm nhưng nhờ khéo tay và 'có con mắt' nên bác đóng cái cũi có song có song bằng gỗ tạp coi cũng đặng và khi đẩy con heo vô đứng thử thấy cũng rộng rãi thoải mái.

Sáng sớm ngày rước dâu, thằng Đực tắm rửa con heo sạch sẽ, vừa lau khô ráo thì thầy Chơn - đệ tử thầy Năm Vàng dưới chùa – cũng vừa đạp xe đến, theo lời nhắn của ông Cả, mang theo cái mộc gỗ có chữ 'Song Hỉ' to bằng bàn tay và hộp son tàu. Chắc thầy đã quen làm vụ này nên chỉ một thoáng là thầy đã đóng xong mấy dấu đỏ lên mình con heo lang. Trước khi trở về chùa, thầy dặn: "Đừng cho con heo nằm. Cứ giữ cho nó đứng chừng nửa giờ là son khô hè!" Một lúc sau, thằng Đực lùa heo vô

cũi, đóng sập cửa rồi cột lại bằng sợi kẽm nhỏ. Xong, nó đi thay quần áo: quần trắng, khăn đóng áo dài đen chỉnh tề, bởi vì nó sẽ phụ chú Tư Bộn – người gia nhân tin cẩn của ông Cả – khiêng con heo đi đầu đám rước dâu!

Đám rước dâu đi bằng xe ngựa (hồi thời đó xe hơi rất hiếm). Cứ bốn người là chung một cỗ xe, đàn ông theo đàn ông, đàn bà theo đàn bà. Chỉ có chú rể là ngồi riêng một xe với khai trầu rượu và mấy mâm lễ vật. Đặc biệt, xe chú rể được kết bông hoa có tua có tụi bằng vải đỏ và bằng bông hoa tươi! Và đặc biệt là con ngựa nào cũng mang đầy lục lạc trên đầu trên cổ và ở đỉnh đầu có một chùm lông chim màu sắc hực hỡ. Thành ra, khi ngựa lúc lắc đầu thì lục lạc khua leng keng và khi ngựa chạy thì lục lạc kêu rổn rẻng nghe rất vui tai hào hứng!

Giờ rước dâu được ấn định là đúng ngọ nên ông Cả Bảy đã canh giờ để đoàn rước dâu có đủ thời gian đi hết mười lăm cây số là đến cách nhà đàng gái độ hai mươi thước ngừng lại cho bà con bước xuống xe sửa soạn.

Người lớn trẻ con mấy nhà nằm dọc theo đường chỗ đoàn xe ngựa đậu, kéo nhau ra đứng coi, chỉ trỏ. Thấy chộn rộn, mấy con chó cũng chạy ra đường thi nhau sủa rân!

Trong lúc ông Cả và ông mai lăng xăng sắp xếp ai đứng sau ai đứng trước, thằng Đực và chú Tư Bộn đã khiêng cái cũi con heo đặt xuống đường, chờ. Đằng nhà đàng gái có mấy người chạy ra nhìn rồi chạy vô, sau đó một người chạy ra châm điếu thuốc đốt dây pháo treo trên cành vú sữa gie ra ngoài đường. Pháo nổ điếc tai. Bầy chó hè nhau sủa mấy tiếng rồi cụp đuôi chạy trốn! Con heo hết hồn, vừa kêu eng éc vừa nhảy lồng lộn làm bể tung cái cũi. Nó phóng ra, chui ngang hàng rào bông bụp nhà bên cạnh, chạy tuốt vô phía sau. Thằng Đực và chú Tư Bộn la

chói lói: "Con heo sẩy! Con heo sẩy!" Mọi người nhốn nháo, cũng la theo inh ỏi! Mấy người đàn bà hết hồn vội vã trèo lên xe ngồi lại như hồi mới tới! Mấy người đang đứng coi trước nhà cũng chạy vào rược theo con heo. Đàn ông trong đám rước dâu đều chạy ùa vô, vừa chạy vừa cột hai vạt áo dài lại cho khỏi bị vướng víu. Nghe vẳng ra từ phía vườn cây sau nhà 'Nó đây! Nó đây nè!' … 'Nó chạy qua sàn nước!' … 'Nó kia kìa!' … 'Chụp! Chụp!' … 'Nó đó! Nó đó!' … Mấy con chó trong nhà chắc cũng rượt theo nên nghe sủa rân. Rồi chắc có con chó bị ai đạp hay bị heo lấy mũi húc nên nghe kêu ẳng ẳng. Lại nghe 'Coi chừng nó chui qua nhà thầy Năm. Chận cái lỗ hàng rào lại! Chận lại!' … 'Rồi! Rồi! Xáp vô! Xáp vô!' … Sau đó, chỉ còn nghe có tiếng con heo kêu eng éc như bị thọc huyết! Chó cũng thôi sủa, người cũng thôi la. Một lát, thấy thằng Đực và chú Tư Bộn khiêng tòn ten con heo nằm ngửa bằng một đòn tre xỏ giữa bốn chân heo cột thành một chùm! Đi theo sau là những người trong đám rước dâu, người nào người nấy quần áo xốc xếch lấm lem son đỏ và bùn đất!

Ông Cả và ông mai soát lại tình hình để 'tính tới' thì thấy thiếu mất chàng rể ! Mọi người hết hồn! Lại chạy trở vô khu vườn rược heo hồi nãy, vừa chạy vừa gọi lớn 'Cậu Ba ơi! Cậu Ba!' Vườn cây trái nầy khá rộng nên nghe tiếng gọi túa ra nhiều chỗ. Bỗng nghe 'Tui đây! Tui đây!', rồi có người hỏi 'Lạm gì trỏng vậy?'… 'Tui kiếm cái khăn đóng' … 'Kiếm ra chưa?' … 'Chưa!' Im lặng một lúc, rồi nghe 'Đây nè!' … 'Đâu vậy?' … 'Trên nhánh cây mận nè!' … 'Thôi! Đi ra! Lẹ đi! Kẻo Cả đợi!'

Thấy đám rước dâu 'tả tơ' quá nên bà già chủ nhà mời hết vô nhà 'uống miếng nước' và để lau chùi quần áo mặt mày. Thằng Đực và chú Tư Bộn thì khiêng con heo

trở vô tắm rửa cho nó bên cái giếng nằm phía sau hè. Họ cũng không quên cho con heo uống nước bằng cái chậu sành để gần miệng giếng. Trong khi đó, ông Cả nhờ bà chủ nhà cho người gọi ông thợ mộc hàng xóm qua sửa lại cái cũi, cũng may chỉ sút đinh sơ sơ thôi!

Xong xuôi, ông Cả mới hỏi bà chủ nhà: "Thím có biết ai ở gần đây có con dấu Song Hỉ để đóng son tàu lên con heo không?" Bà già trả lời: "Dạ! Để tôi biểu thằng nhỏ ở nhà đạp xe qua chùa thỉnh thầy Ba qua làm vụ nầy cho!"

Vậy là độ nửa giờ sau, con heo lang mang dấu đỏ đứng yên ổn trong cũi và đám rước dâu sắp xếp hàng ngủ chỉnh tề đợi ông mai đi 'đánh tiếng' cho đàng gái. Một lúc lâu thấy ổng trở lại mặt mày tiu nghỉu: "Họ nói quá giờ rồi, họ không tiếp!" Mọi người đều lắc đầu kêu Trời, chắc lưỡi liên hồi rồi bàn tán góp ý ồn ào. Ông Cả đá vô cái cũi làm con heo giật mình rống lên eng éc. Ổng hét: "Thôi! Im hết! Đi dìa!" Một con chó đứng gần đó bỗng sủa mấy tiếng làm ông Cả nổi sùng, quay qua đá nó một cái làm nó kêu ẳng ẳng cúp đuôi chạy thẳng vô nhà! Mọi người đều im re, kẻ trước người sau leo lên xe. Mấy anh đánh xe dẫn ngựa quay đầu lại. Cử động của mấy con ngựa làm lục lạc khua vang. Ông Cả lại hét lớn: "Mẹ bà nó! Tụi bây lột hết lục lạc cho tao! Vui vẻ gì nữa mà nhã nhạc rùm trời!" Từ đây về Bình Trước, chỉ còn nghe tiếng móng ngựa gõ lóc cóc khô khan trên mặt đường nhựa …

Vài ngày sau, ông mai chạy đi chạy về để dàn xếp hai bên. Cuối cùng rồi cũng êm thấm: lễ rước dâu được ấn định lại vào ngày mười sáu âm lịch tháng tới, nhưng lần nầy đàng gái không đòi 'heo đứng' mà chỉ xin 'một con heo quay', bởi vì ông Cả Dừa nhứt định phải có đốt pháo để ổng ăn mừng ngày vu qui của cô con gái út!


HÒA HỢP
HÒA GIẢI?
DÂN TỘC
tête

Cái miệng

Cái miệng có hai chức năng chánh: ăn và nói. Xưa nay ít có ai để ý đến những chức năng phụ của cái miệng – tiêng là phụ nhưng cũng không kém phân quan trọng – như: ngáp, ợ, ho, khạc, thở khi nào bị nghẹt mũi v.v… Có lẽ tại vì nó…hạ cấp quá nên bị coi thường! Và cũng tại vì có sự coi thường đó mà người ta chỉ chú trọng dạy trẻ con học ăn học nói thôi. Thành ra, lớn lên, phần đông ngáp ơi ới không che miệng, ợ ồng ộc nghe chỏi lỗ tai, ho thẳng vào mặt người đối diện, còn khạc nhổ thì tùm lum bất cứ chỗ nào…Trong chuyện phiếm này, tôi cũng theo "truyền thống" để chỉ viết về hai chức năng "ăn và nói" của cái miệng.

Ăn…Từ hồi còn nằm trong bụng mẹ, con người đã biết ăn (Ông Trời sanh ra như vậy!) Mới lọt lòng, không ai dạy, kề vú vào miệng là đã biết…đớp (Về sau, khi đã thành nhơn, có đòi đớp như hồi bêbê là một…cái gì khác chớ không phải là ăn!) Thành ra "ăn" là một bản năng. Hễ đói là tự nhiên phải kiếm cái gì ăn, chưa biết rằng không ăn lần hồi rồi sẽ chết (Ăn…hối lộ không nằm trong "diện" tự nhiên trời sanh này!). Khái niệm "chết vì không có gì ăn hay có mà ăn không được" chỉ đến với con người khi con người có đủ trí khôn. Khổ nỗi, khi có đủ trí khôn, con người lại đòi "ăn ngon", biết chê biết khen, biết chế biến món này món nọ để ăn cho "khoái khẩu". Cái "ăn", vì vậy, đã chiếm…đỉnh cao của trí tuệ loài người, đến nỗi có câu "dĩ thực vi tiên" (ăn trước đã!) và ở Việt Nam miền nào cũng quảng cáo rầm rộ "món ăn đặc sản" để

làm…chảy nước miếng du khách (Ở Hà Nội bây giờ "chảy nước miếng hay chảy nước dãi" được gọi là "toát mồ hôi lưỡi"! Từ ngữ cách mạng vốn…trừu tượng!) Trên thế giới, ngành du lịch xứ nào cũng giới thiệu thật nhiều về "cái ăn" ngay sau khi cho xem phong cảnh hùng vĩ hữu tình. Để thấy cái miệng tuy nhỏ xíu như vậy mà đã…đẻ ra chữ "ăn" thật to tổ chảng !

Trong từ ngữ thông thường, chữ "ăn" lúc nào cũng thấy như người lãnh đạo, nghĩa là đứng trên đứng trước nhiều chữ diễn tả một hành động một sự kiện – không biết để làm gì nhưng vẫn phải…đứng trên đứng trước! – Ví dụ như "ăn quịt, ăn gian, ăn trộm, ăn cướp" v.v…Tiếng "ăn" …ăn nhậu gì với những chuyện "quịt, gian, trộm, cướp", vậy mà phải có lãnh đạo "ăn" vào đó nghe nó mới…xuôi lỗ tai ! Rồi thì…ăn tùm lum, lúc nào ở đâu cũng thấy ăn: ăn giỗ, ăn cưới (Hồi xưa còn nói "ăn đám ma" nữa!), ăn khánh thành, ăn lên lon, ăn Tết, ăn đầy tháng , ăn thôi nôi, ăn…hối lộ v.v…Chỉ có "ăn" thôi, vậy mà cái miệng sao mà "lắm chuyện"!

Bây giờ, xin nói đến "nói" .

Con người nếu sống một mình chắc không cần phải biết nói! Thật vậy, biết nói để nói với ai? Rồi, bởi vì con người cần sống với con người nên mới phải "nói" để hiểu nhau. Mới đầu nói bằng…tay chân (bây giờ gọi là "ra dấu") Lần hồi, chắc ra dấu…mỏi tay nên mới bày đặt tiếng nói (Dầu sao, mỏi miệng vẫn…dễ chịu hơn mỏi tay; cái trí khôn của con người bắt đầu…ló dạng!) Cái miệng, ngoài chức năng "ăn" của Trời cho, bây giờ có thêm chức năng "nói" do con người đẻ ra vì muốn người khác hiểu mình nghĩ gì muốn gì.

Con người mới sanh ra chưa biết nói, chỉ biết khóc! Các nhà văn gọi đó là "tiếng khóc chào đời" . Hay quá! Thật vậy, nếu không có tiếng khóc thì làm gì có tiếng nói? Rồi từ chỗ "oa oa" đó ọ ẹ riết rồi cũng ra chữ ra câu. Người ta dạy trẻ con học nói cho đúng cách, học nói cho có lễ độ, học nói cho thanh tao. Có một điều lạ là những tiếng…chửi thề chẳng thấy ai dạy mà sao ai ai cũng biết và biết sử dụng đúng nơi đúng lúc một cách "tài tình"! Ngoài những từ ngữ thông dụng – không kể chửi thề, dĩ nhiên – Nhà Nước Việt Nam còn dạy trẻ con hô khẩu hiệu, nói những lời "dao to búa lớn" theo…phong cách xã hội chủ nghĩa, nghĩa là nói để cho có nói chớ không phải nói để cho người khác hiểu mình nghĩ gì muốn gì. Cái "nói" – một chức năng của cái miệng – cũng bị làm…cách mạng! Than ôi!

Nói về "nói", con người nói thôi…đủ thứ. Nào là "nói thánh nói tướng", "nói láo nói phét", "nói hành nói tỏi", "nói trăng nói cuội" … Rồi "nói phang ngang bửa củi", "nói dộng trong họng người ta", "nói trên trời dưới đất", "nói mà cái miệng không kịp kéo da non", "nói như con két"…v.v.. Cái miệng nói nhiều hơn ăn, bởi vì ăn no rồi là không ăn được nữa chớ còn nói thì có bao giờ bị…no nói đâu để mà phải ngừng?

Tóm lại, cái miệng là để ăn và để nói. Vậy mà chính cái miệng nó "hành" con người. Ông bà mình hay nói: "Bịnh từ miệng mà vào, Vạ từ miệng mà ra". Đúng quá! Tại vì mình ăn mới đem mầm bịnh vào người và tại vì mình nói mới đụng chạm sanh chuyện. Biết như vậy nhưng làm sao con người sống mà không ăn không nói?

Ở Việt Nam, Nhà Nước ta đã thấu triệt cái "chân lý" vừa kể cho nên đã…phân loại cái miệng: miệng của nhân dân và miệng của Nhà Nước. Cái miệng của nhân dân là cái miệng "ăn" còn cái miệng của Nhà Nước là cái miệng "nói". Nhà Nước "quản lý" cái miệng ăn nên chỉ cho ăn vừa phải, đúng tiêu chuẩn, để nhân dân đừng…bị bịnh! (Bệnh từ mồm mà vào, đúng thế đấy…Ta đã học tập và triển khai cái chân lý ấy từ thời…không có gì để ăn cơ!) Còn "nói" thì nhân dân không nên nói, bởi vì "nói" là mang vạ vào thân đấy thôi. Để Nhà Nước nói, bởi vì Nhà Nước, đã là đỉnh cao trí tuệ của loài người, biết nói thế nào để không bao giờ phải…mang vạ vào thân. Và bởi vì cái miệng của Nhà Nước là loại miệng nói không sợ…mòn, không phải tốn tiền mua và dự trữ đồ phụ tùng thay thế. Cho nên đừng ngạc nhiên sao ở Việt Nam chỉ nghe có Nhà Nước nói và nói không bao giờ…ngừng! Ngoài ra, Nhà Nước vì thương dân nên khi thấy dân há miệng định nói là đưa tay bịt miệng ngay kẻo dân mang vạ vào thân, tội nghiệp! Một cử chỉ…đẹp như vậy mà thiên hạ cứ…vo tròn bóp méo!

Nếu "ăn" là để sống thì "nói" là để cảm nhận rằng mình đang sống. Vậy mà người dân Việt Nam chỉ được phép dùng cái miệng để ăn thôi…

Đi xe đò – Đi xe ôm

Năm đó, tôi về Việt Nam ăn Tết và cũng để mừng má tôi tròn một trăm tuổi. Đó là lần thứ hai tôi về Việt Nam. Kỳ trước về với vợ con nên đi đâu chúng tôi cũng dùng xe nhà của thằng em bà con cho mượn với tài xế (Thằng em này " biết làm ăn " nên bây giờ nó khá lắm) Kỳ này về một mình, tôi định nếu có dịp sẽ dùng xe công cộng một lần cho biết.

Sau một tuần ở Gò Dầu với má tôi (Gò Dầu quê tôi thuộc tỉnh Tây Ninh, nằm cách thành phố 63 km) thấy còn năm hôm nữa mới tới Tết, tôi bèn sửa soạn xuống Sài Gòn để đi thăm vài người bạn.

Lần này, tôi muốn đi bằng xe đò (bây giờ người ta gọi là " xe khách " – trong bài viết này tôi vẫn dùng từ " xe đò " cho…dễ hiểu !) Một thằng cháu – hồi trước làm thầy giáo, bây giờ sửa xe đạp và bán sách vở học trò – nói :

- Để cháu lấy Honda chở chú Hai lên bến xe kiếm xe gởi chú đi.

- Khỏi cần, chú đi một mình được.

Nó phì cười :

- Cái tướng Việt Kiều của chú lên đứng lớ ngớ trên đó, tụi nó dám chém nhẹ vài chục ngàn cái vé đi thành phố thay vì chỉ có tám ngàn thôi. Tụi nó bây giờ "mánh" lắm chú ơi !

Vậy là nó chở tôi lên bến xe đò (Ở quê tôi, vì có con sông Vàm Cỏ Đông chảy ngang, nên dân chúng thường nói " trên " và " lên " để chỉ những nơi nào nằm về phía thượng lưu con sông – đối với khu chợ nằm ở giữa – và "

dưới " hay " xuống " để chỉ những xóm nằm về phía hạ lưu).

Ở bến xe, thằng cháu nói :

- Chú đứng đây giữ dùm cháu cái Honda. Để cháu " thả" một vòng coi.

Trong lúc nó " thả một vòng", tụi bắt mối hai ba đứa rà rà lại :

- Đi thành phố hả chú ? Chạy liền giờ nè !

- Thằng xạo đó chú ! Xe nó chưa tới " tài". Xe cháu kìa, xe đầu vàng đang rồ máy đó chú. Đi chú ! Cháu xếp chỗ tốt đằng trước cho chú, nè !

Vừa nói, thằng nhỏ vừa nắm cái ba-lô của tôi kéo đi trong lúc thằng kia cũng lôi về phía nó. Tôi rị lại la lên :

- Tao không có đi xe đò ! Tao đợi thằng cháu. Bộ tụi bây không thấy xe Honda đây sao ?

Một thằng khác, có vẻ anh chị, " xẹt" vô can thiệp :

- Buông ra ! Tụi bây làm gì vậy ? " Quậy" hả ?

Trong lúc hai tên kia bỏ đi, nó hạ giọng thân mật :

- Chú Hai đi thành phố hả chú Hai ?

Tôi lắc đầu, lại chỉ cái Honda, nói :

- Tao đợi thằng cháu chở đi công chuyện.

Thằng nhỏ bỏ đi. Tôi nhìn theo nó mà nghe ngượng vô cùng. Mấy thằng nhỏ bắt mối cỡ tuổi hai thằng cháu nội tôi thôi, vậy mà tôi sợ gì lại phải nói trớ là không đi thành phố ? Có lẽ tại vì mấy chục năm nay ở xứ người, tôi đã sống quen với cái xã hội có tổ chức, có trật tự, nên tôi không biết cách ứng xử phù hợp với môi trường chụp giựt mánh mung này. Cho nên phản ứng của tôi là…né ! Không biết phải làm sao, thôi thì né tránh đi cho nó xong chuyện ! Tự nhiên, tôi thở dài…

Thằng cháu tôi dẫn lại một người đàn ông còn trẻ gầy nhom, giới thiệu :

- Thằng Đực nè chú Hai. Nó lái xe cho cậu Năm Bộn. Nó là chồng con Hường , con của chị Ba Đầy ở xóm nhà máy đó…chú nhớ hôn ?!!

Tôi mỉm cười gật gật đầu " ờ" cho lấy có. Thằng cháu nói tiếp :

- Còn đây là chú Hai con bà Tám, mầy kêu ổng bằng ông lận.

Thằng Đực chấp tay xá :

- Dạ, lâu nay con có nghe nói ông Hai ở bên Tây, bây giờ mới gặp. Về chơi hả ông Hai ?

Rồi không đợi tôi trả lời, nó vói tay xách cái ba lô :

- Ông Hai đi theo con. Xe con đằng nầy nè.

Thằng cháu tôi dặn vói :

- Xuống dưới nhớ kiếm xe ôm cho ổng, nghe mậy !

- Được rồi ! Cậu ba yên chí !

Thằng Đực dẫn tôi lại xe của nó, giới thiệu tôi cho hai thằng cỡ mười tám đôi mươi đang đứng hút thuốc ở đầu xe :

- Đây là ông Hai, con bà cố ở đường đất đỏ, đó ! Còn đây là hai thằng em vợ con, tụi nó vừa là phụ xế vừa là lơ nữa.

Rồi nó đỡ tôi lên đưa lại ngồi phía tay trái cách chỗ tài xế hai hàng băng. Trên xe đã có nhiều người ngồi, chắc họ quen nhau nên nghe nói chuyện rân như họp chợ !

Chiếc xe đò là xe loại đầu bằng, có hai cửa lùa cho hành khách lên xuống. Chỗ ngồi hẹp té, tôi đo vừa đúng hai gang tay. Trên kiếng chắn gió trước mặt tài xế, về phía phải, có viết mấy hàng chữ bằng sơn đủ màu. Vì tôi ngồi trong xe nên phải đọc ngược, nhưng vẫn đọc được :

TP Hồ Chí Minh / Gò Dầu

Vidéo / Karaoké

Chính giữa xe, ngang ngang với đầu anh tài xế, có một cái lồng sắt hàn dính lên trần, trong đó có cái…télé. Tôi tự hỏi :" Vidéo thì còn hiểu được, chớ Karaoké thì hành khách hát hí ra làm sao ?" Thật là…mới mẻ quá ! Dưới chân tấm kiếng chắn gió, cũng ngay chính giữa, có gắn một kệ nhỏ, trên đó có một tượng Phật Bà, một bình bông , một bình cắm nhang và ba chung nước. Tất cả mấy món vừa kể đều được gắn xuống mặt kệ bằng…băng keo chằng chịt ! Cho nó đừng nhúc nhích hay lật đổ khi xe chạy hay khi xe thắng gắp. Nhìn tượng Phật Bà chằng chịt băng keo, tôi nghĩ chắc Ngài cũng phải mỉm cười mà từ bi hỉ xả…

Thằng Đực lên ngồi, đề cho máy chạy, rồi cứ rồ máy từng chập giống như làm cho nóng máy. Hai thằng lơ đứng dưới đất la ó :

- Lên đi bà con ! Chạy à ! Chạy à !

Tài xế sang số cho xe nhúc nhích nhúc nhích, trong lúc hành khách cứ lần lượt trèo lên xe tỉnh bơ không thấy có chút gì hối hả. Không thấy ai bán vé, thiên hạ cứ lên xe thấy ghế trống là ngồi. Hàng hoá mang theo lỉnh kỉnh nhét dưới ghế và để đầy hành lang chính giữa. Những người lên sau phải bước choàng ngang để đi !

Một bé gái cỡ mười hai mười ba tuổi, lên xe với hai bao ni-long lớn đựng đầy dép, loại dép cao su Nhựt Bổn. Nó ngồi vào ghế trống cạnh tôi. Vừa đặt đít xuống nó vừa trao cho tôi một bao dép, nói :

- Ông ngoại giữ dùm con.

Nó làm một cách tự nhiên, chẳng thấy một chút ngượng nghịu gì hết. Còn tôi thì thật ngỡ ngàng bối rối không biết phải làm sao ? Vậy mà tôi cũng ôm bao dép vào lòng, ôm một cách máy móc ! Tôi biết nó " đi " hàng lậu (Xưa nay, Gò Dầu được biết tiếng nhờ có chợ trời

hàng lậu ở biên giới Cao Miên) nhưng tôi không thể tưởng tượng được một bé gái mới mười hai mười ba tuổi mà đã đi buôn lậu và còn bắt người khác giữ hàng lậu giùm mình một cách tỉnh bơ coi như chuyện bình thường ! Xã hội bây giờ thật quá nhiều thay đổi, mà tôi thì quê trân, giống như " một thằng mán ra chợ " !

Thằng Đực rồ máy cho xe chạy tới trong lúc hai thằng lơ phóng lên xe – mỗi thằng một cửa – vừa phóng vừa la " Bà con ơi ! Chạy à ! Chạy à !". Xe chạy được mươi thước, ngừng lại, máy rồ từng chập một lúc rồi xe …lui về vị trí cũ ! Hai thằng lơ nhảy xuống đất, miệng vẫn bô bô :" Lên đi bà con. Chạy liền giờ nè !". Hành khách vẫn lai rai từ tốn leo lên xe…

Mươi phút sau thì xe lại chạy. Lần này, nó ra khỏi bến xe, chạy rề rề. Đến ngả ba (Chỗ này có đường xuống chợ, có đường vô xóm Mới, nhưng vẫn được gọi là "ngả ba" !) nó rước một vài người khách rồi chạy thẳng về hướng thành phố. Tưởng chạy luôn, té ra xuống khỏi Trâm Vàng – cách ngả ba lối ba cây số – nó quay đầu lại chạy về bến đậu. Lại nhúc nha nhúc nhích một lúc lâu đến khi có tiếng tu hít thổi (Chắc là hiệu lịnh của cán bộ điều hành bến xe) xe lại rồ máy chạy. Lần này, đúng là nó chạy thiệt bởi vì nó không có…rề rề như hồi nãy ! Tôi thở cái khì…

Xe không có bán vé, nhưng có một chị đi thâu tiền. Cái hay của chị này là chị ta nhớ người nào đã thâu rồi người nào chưa. Cho nên trong suốt " hành trình" trèo qua trèo lại trên những kiện hàng nằm ngổn ngang dọc hành lang để thâu tiền, không thấy ai phàn nàn phản đối gì hết.

Xe đang chạy,bỗng thấy thằng lơ cửa trước đứng thẳng lên mở dây nịt,kéo phẹt-mơ-tuya... cởi quần ! Hành khách tỉnh bơ. Có lẽ trên xe chỉ có một mình tôi là ngạc

nhiên trố mắt nhìn. Một cô gái ngồi gần đó đưa cho nó mấy cây thuốc lá " 555 " và một nạm vòng thun, nó cầm lấy, xỏ vòng thun vào hai chân, cách khoảng nhau độ hơn một tấc, rồi nhét mấy cây thuốc vào đó, dài từ háng xuống mắc cá và ôm tròn chân từ mặt trong ra mặt ngoài. Trông nó giống…Robocop của phim Mỹ ! Thì ra thằng lơ giấu hàng lậu dùm cô gái. Nó vừa mặc quần xong là đến lượt thằng lơ cửa sau. Nhưng thằng này quá gầy nên nó không cần…cởi quần. Nó kéo ống quần đì-rét lên tới bẹn rồi làm y như thằng trước. Thằng này thì " cao cấp " hơn, vì nó còn " chêm " vòng theo thân mình tới năm cây thuốc lận ! Xong nó khệnh khạng đi về hướng cửa sau. Tôi nhìn theo, phục quá !

Xe vừa chạy vừa bóp kèn, đường trống vẫn bóp kèn. Làm như đã thành cái tật ! (Ở Việt Nam bây giờ, chạy xe hơi, xe gắn máy trên đường – Nhà Nước gọi là "tham gia lưu thông ", nghe thật là văn vẻ – ai ai cũng bóp kèn, chạy ngoài đồng hay chạy trong thành phố gì cũng vậy hết. Lạ lắm !) Còn hai thằng lơ thì hể thấy có người chạy lạng quạng phía trước thì lòn người ra ngoài, vừa la to " Vô ! Vô !" vừa vỗ vào thùng xe đùng đùng. Làm như kèn xe không đủ cho người ta nghe vậy ! Thấy ai đứng lớ ngớ đàng xa bên lề đường như có vẻ đón xe thì lơ hét to cho tài xế " Bà già đó ! Bà già đó !" hay " Con mẹ cầm nón đó ! Con mẹ cầm nón đó !". Nếu là hành khách đưa tay ngoắc thì xe chạy chậm lại, rề sát vào. Thằng lơ phía trước mở cửa rồi một tay nắm cây cột sắt nằm cạnh cửa lùa, lấy thế nghiêng người xuống…hốt người khách đẩy vào trong xe trong lúc xe vẫn tiếp tục lăn bánh chớ không ngừng lại (Sau này tôi mới biết rằng xe đò không được phép rước khách ngoài những nơi đã được ấn định bởi

chánh quyền. Vì vậy xe không được ngừng dọc đường ngoại trừ khi xe…ăn-banh !)

Thằng Đực vừa lái xe, vừa bóp kèn, vừa lách tránh những xe khác – đủ loại : Honda, xe đạp, xe thùng, xe ba gác, xe bò, xe ngựa... – vừa…liếc dài theo lề đường để " bắt " khách. Xe đang chạy ngon lành (50 km/giờ, tốc độ tối đa ấn định bởi Nhà Nước) bỗng nó " nhả ga " chạy bớt lại và la lên :" Giao thông nghen ! Giao thông nghen ! Lấy tay lấy đầu vô bà con !". Hai thằng lơ cũng la theo :" Đừng ló đầu ra nghe bà con ! Giao thông đó !". Xa xa về phía trái, thấy có hai ông công an giao thông ngồi chàng hảng trên xe mô-tô dưới tàn cây bên lề, hút thuốc. Khi xe chạy ngang qua, mấy ổng chỉ nhìn theo cười cười, chắc hài lòng với sự biết " chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông " của tài xế Đực !

Đường xuống thành phố, ngày xưa, hai bên là ruộng lúa ruộng mía và giồng rau cải. Bây giờ nhà cửa cất dài dài, đồng ruộng còn rất ít. Quán ăn, quán nhậu thì quá nhiều. Phần lớn mang bảng hiệu rất thơ mộng như : " Hẹn hò ", " Vườn Thúy ", "Quán Trăng"…Làm như bây giờ người ta thèm được…" phiêu phiêu " để quên đi một phần nào cuộc sống xơ cứng của hiện tại !

Bến xe Trảng Bàng nằm trước sân banh. Xe đò vừa vào bến thì một bầy trẻ con bán dạo ùa lên xe như ruồi, rao hàng ó trời ! Trong xe bỗng ồn ào như cái chợ. Nhiều đứa nhỏ mang hàng đầy hai vai. Hàng đựng trong những túi ni-long nhỏ bằng nắm tay, miệng cột túm lại bằng vòng thun. Mỗi loại được xỏ chung với nhau thành một đùm. Tụi nhỏ đeo nhiều đùm như vậy lên hai vai, nhiều đến nỗi không còn thấy cái cổ ! Chỉ còn thấy cái đầu nhỏ lòi ra trên đống túi ni-long tròn tròn…

Tụi nhỏ bán loại này rao hàng có ca có kệ. Rồi vì muốn cho " có ca có kệ " nên nhiều tiếng để sai dấu, tôi nghe mà không hiểu hàng gì và hàng gì ! Phải nghe vài lần mới…" nắm bắt " được :" Sâm lạnh. Thuốc lá. Huynh gum. Trứng cúc. Bánh tráng muối. Nem chay. Đây…" Nếu có người mua, đứa nhỏ cầm túi ni-long giựt mạnh cho đứt sợi thun rồi trao cho khách, nhanh gọn lắm ! Ngoài ra, có những đứa bán "chuyên ngành" hơn, bán một thứ một, như chỉ bán giấy số hay thơm gọt sẵn, hay bánh tráng bánh phồng, hay thuốc lá..v.v…đủ thứ. Đứng đầy xe như vậy mà khi xe rồ máy lìa bến thì tụi nó đứa trước đứa sau phóng xuống như trò đu bay ! Thấy chết như không !

Xe chạy chậm chậm, rước vài người ở khúc cua Trảng Bàng. Đến Cầu Ông Chừa – cách Trảng Bàng độ năm ba cây số – xe quay đầu chạy về bến trước sân banh ! Rồi cứ nhúc nha nhúc nhích để lấy thêm hành khách. Mấy đứa nhỏ lại ùa lên rao hàng. Độ hai mươi phút sau, xe lại lăn bánh. Lần này chạy thiệt.

Trên đường lúc nào cũng có người. Xe đạp, xe Honda (Bây giờ, " Honda" là tiếng gọi chung cho xe hai bánh có gắn máy) chạy…loạn. Hai bên đường, thỉnh thoảng có bảng đề " Bia tươi " đặt trên lề trước quán nhậu. Tôi đã nghe nói " bia hơi", " bia ôm", nhưng loại " bia tươi" này là lần đầu !

Khều thằng lơ, tôi hỏi :

- Bia tươi là gì vậy cháu ?

Nó bật cười :

- Là bia làm tại chỗ, làm ngày nào là nhậu ngày nấy. Để vài ba bữa mà đớp vô là đi luôn à ông Hai !

Tôi gật gật đầu nhưng trong lòng sao nghe buồn chi lạ : bây giờ, đến "cái nhậu " cũng…" không giống ai " hết!

Bỗng thằng Đực vừa bớt ga rà thắng vừa la lên :

- Kinh tế ! Kinh tế ! Bà con…

Trong xe, hành khách nhốn nháo. Kẻ thì đút giấu hàng dưới băng mặc dù ở đó đã đầy đồ, người thì chèn nhét hàng trong hốc trong kẹt, dưới đít mấy kiệng hàng rau cải gà vịt. Mấy bà mấy cô thì nhét trong áo trong quần…chẳng thấy có chút gì xấu hổ hết !

Tôi nhìn con bé cạnh tôi, nó cười trấn an :

- Ông ngoại đừng lo. Mỗi người có quyền đi một bao dép. Con đi hoài hà !

Tôi " ờ " rồi hỏi một cách máy móc :

- Bộ con không có đi học hả ?

Nó cười rất tự nhiên :

- Đi học rồi lấy gì ăn, ông ngoại ?

Tôi xúc động, không dám nhìn gương mặt dễ thương đó nữa, tôi nhìn vội ra ngoài. Xe đã đậu lại. Bên kia đường, có một xe hàng nằm sau một xe Jeep. Hai ông công an kinh tế mặc sắc phục (họ kiểm soát hàng lậu) đang " làm việc " dưới tàn cây vệ đường với mấy người mà tôi đoán là lơ và tài xế của xe hàng. Thằng Đực cầm một xấp giấy tờ xum xoe chạy qua đó, chen vào chỉ chõ nói năng. Một lúc sau, thấy nó khúm núm cúi chào mấy cái rồi vui vẻ chạy trở về trèo lên xe sang số chạy thẳng !

Xe chạy không bao nhiêu xa, hành khách chộn rộn móc kéo hàng giấu hồi nãy cho vào bao vào bị. Hai thằng lơ cũng cởi quần lấy cây thuốc vòng thun trả lại cô gái, vừa làm vừa trò chuyện nói cười. Con nhỏ ngồi cạnh tôi kéo cái bao dép tôi đang ôm về phía nó, chẳng nghe một lời cám ơn. Mọi người đều hành động một cách tự nhiên, bình thường. Tôi bỗng thấy tôi…không giống ai hết. Tôi là người " bất bình thường ", ngay trong lòng quê hương mà sao thấy thật là lạc lõng !

Xe ngừng ở Suối Sâu, hai thằng lơ – đứa trên mui, đứa dưới đất – xuống hàng : bao, bị, giỏ tre, cần xé…lổn ngổn (Những món này chắc của bạn hàng quen gởi và đã chất lên đó trước khi xe vào bến Gò Dầu) Vừa làm, thằng lơ trên mui vừa nói lớn cho mấy người đang bu lại nhận hàng :" Hai cái cần xé nầy của dì Ba. Cái giỏ bội này cũng của bả nữa. Mấy thứ tôi liệng xuống đây của cô Bảy nghen. Rồi ! Xong ! Bây giờ là đồ của chú tư Xáng…".

Cô gái " đi " thuốc 555 lấy hàng nằm dọc hành lang trao qua cửa sổ cho một bà sồn sồn đứng phía dưới, vừa làm vừa nói chuyện huyên thiên. Bà đó hỏi :

- Mầy có ghé thăm con Hoa hông ? Nó đẻ chưa ?

- Chưa. Má lên trển mà coi. Cái bụng của chỉ bây giờ chang bang như cái mả vậy !

Nói rồi, cô ta cười hắc hắc. Chắc cũng là chuyện bình thường thôi…

Xe chạy tiếp. Bon bon 50 km/ giờ. Đến Củ Chi ngừng lại để xuống hàng lần nữa. Con nhỏ ngồi cạnh tôi xuống ở đây. Nó đứng lên, xách hai bao dép đi, không nói một lời, cũng không nhìn lại. Nó làm tự nhiên như tôi không có mặt trên xe !

Sau khi xuống hàng, xe chạy thẳng về thành phố, không ngừng ở trạm nào nữa hết. Tôi đoán :" Trên mui chắc không còn hàng ".

Bến xe Tây Ninh nằm ở Bà Quẹo. Bến này rộng lắm, vây quanh bởi một tường rào. Khi xe đò quẹo vào, thấy người ta chạy theo lố nhố. Chừng xe đậu rồi, nghe họ mời mọc tía lia mới biết họ là những người lái xe ôm, xe ba gác…đang tranh nhau kiếm mối chở đi. Thằng Đực nói :

- Ông Hai ngồi đây, đừng đi đâu hết. Để con kiếm mấy thằng xe ôm quen cho ông Hai.

Tôi nhìn đồng hồ thấy 10 giờ 20. Hồi ở Gò Dầu, tôi lên ngồi trên xe lúc 8 giờ sáng. Tính ra, tôi đi 63 km mất hết hai giờ hai mươi phút !

Một lúc sau nó dẫn đến một người đàn ông cỡ tuổi nó, vừa vỗ vai người đó vừa nói :

- Thằng này tên Chín, ở cùng đơn vị với con hồi trước. Nó đàng hoàng lắm, ông Hai. Mà…ông Hai về đâu vậy ?

- Ông về nhà thằng cháu ở khu Đại học Phú Thọ.

Thằng Đực lại vỗ vai bạn :

- Tao giao ông Hai cho mày đó. Tính tiền cho có tư cách nghe mậy.

- Yên chí…

Vừa nói thằng Chín vừa cầm ba lô của tôi :

- Ông Hai đi theo con.

- Ủa ? Xe của cháu đâu ?

- Dạ…để ngoài kia, chớ đâu được phép đem vô đây, ông Hai. Cấm mà !

Vậy là mấy phút sau, tôi " ôm " về nhà thằng cháu. Đó là lần đầu tiên tôi đi xe ôm.

o O o

Ở thành phố, người ta thường đi xe ôm, nếu chỉ đi có một mình. Xe ôm rẻ hơn xe taxi nhiều và nhanh hơn nhờ nó lòn lách dễ. Biết như vậy nên sáng hôm sau tôi ra đường đón xe ôm để đi thăm bạn bè…

Nếu xích lô và taxi dễ " nhận diện " nhờ hình dáng và chữ " taxi " bên hông, thì xe ôm rất khó biết. Bởi vì trên đường lúc nào cũng đầy người chạy Honda, chạy xuôi chạy ngược, không có dấu hiệu đặc biệt gì hết thì biết ai " ôm " hay ai không "ôm" ? Nếu xe ôm được sơn một màu

ấn định, hay người lái xe có gắn một cái gì trên ngực trên lưng, hay ít ra cũng đội nón kết có in hai chữ " xe ôm "…thì dễ cho mình nhìn ra, để ngoắc cho đúng. Đằng này, ai cũng như ai…

Ngoắc đại mấy lần thấy " trật chìa ", tôi bèn đổi " chiến thuật ". Tôi bước ra đứng trên mép vỉa hè, mặt làm ra vẻ dáo dác nhìn xuôi nhìn ngược như đang tìm xe ôm trong luồng người chạy Honda. Thấy một người vừa chạy vừa nhìn dài dài theo phố, tôi mừng rỡ vẫy tay ra dấu. Anh ta chạy luôn. Vậy là anh ta đang tìm cái gì khác chớ không phải tìm khách hàng. Tôi lại làm bộ dáo dác cho người khác để ý. Lần này có một ông tấp vô, mỉm cười hỏi :

- Đi không ông Hai ?

Tôi gật đầu, nói địa chỉ, trả giá – căn cứ trên giá đi hôm qua – rồi ôm đi (Gọi là " ôm " chớ hành khách không có ôm người lái. Nhiều người không biết, cứ nghĩ rằng trèo lên xe là phải ôm ! Cho nên, khi trở về Paris thuật lại vụ đi xe ôm, vợ tôi hỏi :" Có đàn bà lái xe ôm hông ?")

Trên đường, xe chạy như loạn. Hai luồng ngược chiều nhau lấn ép lòn lách, bóp kèn như điên ! Thấy tai nạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào !

May quá, ông lái xe của tôi – khá trộng tuổi – chạy từ tốn. Ổng cứ men theo lề mà chạy và đặc biệt là không nghe ổng bóp một tiếng kèn ! Ngạc nhiên, tôi hỏi :

- Sao ông không bóp kèn ?

- Bóp cho ai nghe ? Ai cũng bóp kèn hết, rền trời. Mình có bóp cũng vô ích !

Ngừng một chút rồi tiếp :

- Cứ làm thinh như vậy mà người ta để ý. Người ta nghe mình…làm thinh !

Rồi ông ta cười ha hả. Tôi cũng bật cười theo. Khoái quá, tôi vỗ vai ổng :

- Hay ! Hay !

Rồi không kềm được, tôi hỏi thẳng :

- Hồi trước ông làm gì ?

Ngầng ngừ một lúc, ổng mới nói :

- Dạ, làm giáo viên.

- Dạy trường nào vậy ?

- Dạ, trường trung học X.

- Dạy trung học sao gọi là giáo viên được ? Phải gọi là giáo sư chớ.

- Xin lỗi ông. Hồi nãy nhìn ông tôi đã đoán ra ông là Việt Kiều. Bây giờ, ông hỏi như vậy đúng là ông không phải người ở trong nước. Bây giờ, đi dạy học cao thấp gì cũng gọi là giáo viên ráo. Muốn được gọi " giáo sư " phải được " Hội Đồng Chức Danh Giáo Sư Nhà Nước " xét duyệt hồ sơ. Khi họ công nhận, họ cấp cho mình chức danh giáo sư. Chừng đó, mình mới được gọi là giáo sư. Ông hiểu không ?

Tôi nhớ lại tôi có một người bạn hồi đó cũng dạy trường trung học X. Tôi nói :

- Tôi có một người quen cũng dạy ở trường X nữa. Ông tên Nguyễn Văn Y.

Giọng ông xe ôm có vẻ như reo lên :

- Anh Y dạy lý hoá. Ảnh mộc mạc dễ thương lắm. Lúc nào cũng thắt cà vạt đen !

Ông xe ôm nói đúng. Như vậy ổng là giáo sư thiệt, không phải ổng ba xạo.Tôi bỗng nghe một xúc động dâng tràn lên ngực. Tôi đặt một tay lên vai ông ta, muốn nói gì đó thật nhiều. Nhưng sao tôi không tìm ra được lời, tiếng nói bị nghẹn ngang trong cổ. Tôi chỉ biết bóp nhẹ vai của ổng , cái vai bây giờ tôi mới thấy là gầy…Chắc ổng hiểu

cử chỉ của tôi nên làm thinh. Tôi bóp vai ổng mà tưởng chừng như tôi đang bóp vai một người bạn cố tri, tưởng chừng như tôi đang mân mê một cái gì trân quí của thời cũ. Tôi như thấy lại được cái thời đã mất đó với những giá trị tinh thần của nó, cái thời mà nhà giáo dù nghèo cũng chưa đến nỗi phải chạy xe ôm như bây giờ.

Ông xe ôm im lặng lái xe. Tôi im lặng nhìn cảnh tượng xô bồ hỗn tạp trên lòng đường phố. Bàn tay tôi vẫn đặt trên vai ông ta như để giữ thăng bằng. Sự thật, tôi muốn giữ nguyên như vậy để ổng cảm nhận rằng giữa ổng và tôi không có một sự cách biệt nào hết. Không có người lái xe ôm, không có khách đi xe ôm. Mà chỉ có hai thằng bạn...

Bỗng ở phía ngược chiều, một người đàn ông lái Honda nhìn về phía bên này gọi to :" Thầy ! Thầy !". Tôi thấy anh ta chật vật lòn lách quay đầu xe lại, chạy theo chúng tôi. Chừng đến ngang nhau, anh ta hớn hở :

- Thầy mạnh hả thầy ?

Giọng ông xe ôm cũng vui vẻ :

- Ờ ! Mạnh ! Cám ơn ! Em đi đâu vậy ?

- Dạ ! Em chạy áp-phe. Thấy thầy em nhìn ra được liền hà ! Tụi thằng A thằng C nói có gặp thầy nên em thường để ý kiếm, bây giờ mới gặp. Mừng quá, thầy !

- Ờ ! Cám ơn ! Hai mươi mấy năm mà tụi em còn nhớ tới thầy là thầy vui rồi.

- Làm sao quên được, thầy ? Hồi đó, thầy là thần tượng của tụi em mà !

Ông xe ôm làm thinh. Chắc cả một dĩ vãng đang được quay nhanh lại trong đầu. Tôi bóp nhẹ vai ông ta, chia xẻ.

Hai thầy trò vừa lái xe vừa nói chuyện với nhau một lúc rồi người đó xin phép " đi làm ăn ". Chúng tôi im lặng

, tiếp tục đoạn đường còn lại. Sự im lặng nào sao cũng nói thật nhiều...

Đến nhà anh bạn tôi, tôi trả tiền cuốc xe ôm mà không dám cho thêm như tôi đã làm hôm qua với thằng Chín. Tôi muốn ông ta thấy rằng tôi vẫn kính trọng ông ta, vẫn xem ông ta là một giáo sư. Ông ta nhìn tôi mỉm cười. Chúng tôi bắt tay nhau, cái bắt tay đó ngầm nói lên rằng , dù cuộc đổi đời có vĩ đại đến đâu, mình vẫn giữ được cái tình người trân quí của thời cũ.

Lần đi xe ôm đó tôi nhớ hoài đến bây giờ. Viết lại mà vẫn còn nghe xúc động.


Cải² ... Mả² ...
Nhẽ Nước kêu gọi cải² mả² đấy.
Đồng chí gái cải² mả² ngay tại
xem nào !!
tété

Chợ trời

Nói đến "chợ trời" chắc ai cũng biết. Ở đó, người ta bán đủ thứ, không cần xếp "nghành nghề" gì cả, hàm-bà-lằng ! "Thượng vàng hạ cám" gì đều ngang nhau hết. Rất bình đẳng, không "phân biệt giai cấp", không "kỳ thị chủng tộc". "Anh" ti-vi loại "xịn", loại tổ bố, loại "made in Japan", vẫn đứng cạnh "anh" quạt máy nhỏ xíu cỡ bằng bàn tay loại "không made in gì cả". Những món hàng ăn cắp vẫn ngang nhiên... kề vai với những món hàng thuộc diện "bảo đảm có phắc-tuya đàng hoàng". Và cùng đứng rất tự nhiên, không kênh kiệu tự tôn, không tự ti mặc cảm.

Thậm chí đến đồ thiệt đồ giả cũng... đứng chung với nhau, lẫn lộn một cách rất hài hòa thân thiết ! Cái thế giới "chợ trời" đúng là cái thế giới lý tưởng bởi vì đã san bằng được giai cấp và mọi dị biệt đều được hòa đồng...

Vậy mà sau "ngày cách mạng thàng công", chánh quyền cách mạng đã "cách mạng" chợ trời ráo riết. Nay càn quét chỗ này, mai càng quét chỗ kia. Chợ trời rách nát te tua, rồi mất dạng. Rồi hiện trở lại, rồi lại mất dạng... vv nhiều lần. Giống như trò cút bắt.

Chính trong thời gian kể trên, một hôm đi ngang Lăng Ông Bà Chiểu, tôi "được" một anh thanh niên kè theo hỏi nhỏ mà cặp mắt láo liên:

- Chú mua quần tây không chú ?

Thật bất ngờ và cũng thật bất thường làm tôi phải lây ngay "tư thế cảnh giác". Do bản năng và nhứt là do thói quen sau này – tôi muốn nói sau cuộc đổi đời vĩ đại – lúc nào cũng phải thủ thế, luôn luôn coi chừng lời ăn tiếng nói, luôn luôn coi chừng hành động của mình, luôn luôn coi chừng những người chung quanh... Bởi vì không biết

lúc nào trắng lúc nào đen, không biết ai là ai nữa. Thấy chẳng còn ai tin ai nên tôi cũng chẳng dám tin ai. Vậy là lúc nào cũng có ngay một phản ứng rất... thời đại: nghi ngờ !

Tôi nghi gã thanh niên "có ý gì". Bởi vì nói bán quần tây mà đi hai tay không, lại còn phì phà điếu thuốc đầu lọc mà chính bản thân tôi – công nhân viên với ngạch trật "kỹ sư bậc hai trên sáu" – không đủ tiền để mua hút ! Tôi vội nhìn quanh: chẳng còn ai hết ngoài tôi và gã. Vậy là ở đây không có loại "chợ trời mi-ni" để gã có lý do bắt mối chào hàng. Tôi nghiêm nghị trả lời:

- Không !

Gã vẫn đeo theo:

- Mua giúp con mà chú. Quần tây thứ tốt, loại đa-cờ-rong nhập cảng đàng hoàng.

Tôi làm thinh, tiếp tục bước đi và vẫn tiếp tục... thủ. Bỗng, gã đổi giọng than thở:

- Chú không biết chớ bây giờ chợ trời bị dẹp hết, còn chỗ đâu mà buôn bán. Dân chợ trời rã ra đi bán chui lẻ tẻ vẫn bị "cum" như thường. Khổ lắm chú ơi ! Bữa nay con lang bang xóm này cầu may mà sáng giờ chưa bán được cái quần nào hết. Chú mua giúp đi chú !

Tôi không cần quần nên không cần mua. Nhưng vẫn thắc mắc:

- Anh nói bán quần mà đi tay không, có thấy hàng họ gì đâu ?

Anh ta nhăn mặt:

- Trời ơi ! Cầm trong tay cho tụi nó thấy đặng mang họa à !

Rồi hắn dừng bước, để điếu thuốc lên khóe môi, một tay ôm vạt sơ-mi lên, một tay chỉ vào quần hắn đang mặc:

- Nè ! Quần đây nè ! Thiệt mà ! Chú coi đi !

Tôi thật ngỡ ngàng, không biết phải nói gì làm gì. Gã cầm lấy bàn tay tôi đặt lên hông gã:

- Đây ! Chú rờ coi ! Đa-cờ-rong thứ thiệt mà. Còn mới tinh hà !

Tôi vẫn chưa hết ngỡ ngàng, tay mân mê một cách máy móc chéo vải quần của hắn. Thấy vậy, giọng hắn trở nên dồn dã:

- Để con cởi ra cho chú coi nghen !

Gã dọm mở nút quần, tôi cản lại:

- Đừng ! Đừng ! Tôi không mua đâu.

- Hay là chú muốn coi quần màu khác ? Cũng đa-cờ-rong.

Không đợi tôi trả lời, hắn phun mẩu thuốc trên môi, lẹ làng kéo phẹt-mơ-tuya xuống. Rồi một tay ôm vạt áo, một tay tuột quần khỏi mông, để lộ bên trong một cái quần khác màu sậm hơn ! Hắn xoay người qua xoay người lại để... bày hàng, rồi nói:

- Cái này "xịn" hơn. Đa-cờ-rong Mỹ mà. Chú rờ coi ! Bảo đảm chưa mặc lần nào hết !

Tôi bỗng thấy tội nghiệp anh ta vô cùng. Và tôi đoán rằng bên trong còn một cái quần thứ ba nữa, bởi vì tôi vừa nhận ra là anh ta ốm tong ốm teo, dư sức để mặc dễ dàng ba cái quần.

Tôi đặt tay lên vai gầy của hắn, thân mật:

- Chú không mua đâu. Đừng mất thì giờ. Tốt hơn cháu nên chào hàng người khác đi !

Trong lúc tôi bỏ đi, hắn còn nói với theo:

- Chú chưa coi hết mà ! Còn một cái nữa nè !

Tự nhiên, hai chân tôi bước nhanh hơn, bước dài hơn. Làm như muốn chạy.

Những chuyện nho nhỏ...

Trong đời tôi, tôi đã nghe kể lại hay chính tôi đã mục kích rất nhiều chuyện nho nhỏ, những chuyện tầm thường không có gì "éo le gút mắt" hết, những chuyện mà tôi cho là có nghe qua hay thấy qua rồi bỏ cũng không sao. Vì vậy, tôi coi thường những chuyện nho nhỏ.

Gần đây, một chuyện nho nhỏ xảy đến cho tôi đã làm tôi suy nghĩ. Thì ra chuyện nho nhỏ có khi chứa đựng một bài học lớn mà con người không để ý, vì chỉ quen nhìn những chuyện lớn, những chuyện "đập vào mắt", xưa nay… Rồi tôi tẳn mẳn ngồi nhớ lại từng chuyện nho nhỏ, để thấy mỗi chuyện là một nét chấm phá của cuộc đời, có chuyện còn mang vài ẩn dụ để con người suy gẫm. Vậy là tôi lần mò viết lại, không cần thứ tự lớp lang, không cần chọn lựa loại chuyện này hay loại chuyện nọ.

Mời các bạn cùng tôi đi lần vào những chuyện nho nhỏ này để cảm nhận thi vị của cuộc sống đang nằm đầy ở trong đó, và nó thật là gần gũi với mình như hơi thở như nhịp tim …

Bà đầm già và anh Việt Nam

Chuyện xảy ra ở ngoại ô Paris (Pháp)

Hôm đó, trên đường về nhà, tôi gặp một người đàn ông Pháp cỡ bốn mươi tuổi ăn mặc đàng hoàng, kè theo hỏi:

- Xin lỗi ! Ông là người Tàu hay người Việt Nam ?

Tôi dừng lại, ngạc nhiên, trả lời:

- Tôi là người Việt Nam.

Ông ta mừng rỡ:

- Vậy, có phải trưa hôm qua, ông đã đỡ một bà cụ té ở chỗ này không ?

Tôi càng ngạc nhiên thêm:

- Không ! Tôi không có đỡ ai hết !

Tôi trả lời mà nghĩ đến mấy chuyện ra tay cứu người rồi mang vạ vào thân vì sau đó nạn nhân quay lại thưa người cứu mình đã lấy tiền lấy đồ .. v v …

Có lẽ đoán được ý nghĩ của tôi nên ông ta mỉm cười ôn tồn nói:

- Ông yên tâm ! Không có chuyện gì rắc rối hết. Tôi chỉ muốn tìm người Việt Nam đã đỡ mẹ tôi thôi. Bà cụ đó là mẹ của tôi, thưa ông.

- Vậy à ! Nhưng mà tôi nói thật: hôm qua, vào giờ này tôi có đi qua đây, không thấy ai té hết. Mà… bà cụ có sao không?

- Cám ơn ông, Mẹ tôi không có sao hết.

Rồi, không đợi tôi hỏi, ông kể lại những gì mà mẹ ông đã kể cho ông nghe… Hôm qua, bà cụ đi thăm một bà bạn. Bà đi qua lối này để về nhà. Đây là ngõ đi tắt duy nhứt dẫn qua khu nhà bà ở. Khi đến khoảng đất trống có bốn trụ đèn đường, bà trợt chân té. Lúc đó, cũng có mấy người hấp tấp qua lại, họ quay đầu nhìn nhưng rồi bỏ đi luôn. Một người đàn ông Á đông, đã đi qua rồi, thấy vậy chạy trở lại đỡ bà đứng lên, lượm cái xắc da mang chéo

vào người bà, ân cần hỏi bà có sao không ? Bà bước thử vài bước, nói không sao, rồi kể rằng già rồi, đi thì được, chỉ có ngồi xuống đứng lên mới là khó. Ông ta tỏ vẻ ái ngại, bước lại cập tay bà nói để dìu bà về. Hai người đi như vậy một lúc, bỗng bà hỏi ông người Tàu hả, ông trả lời rằng mình là người Việt Nam. Mắt bà sáng lên, bà nói bà có bà bạn năm nào cũng đi du lịch Việt Nam vào dịp đầu năm, bả nói xứ ông đẹp lắm rẻ lắm, dân chúng hiếu khách dễ thương …

Đến một đoạn đường ngắn, bà cụ bỏ tay ông Việt Nam, bước một mình vừa đi vừa nói tôi đi được ông khỏi lo, tôi ở đường Colette gần đây, còn ông, ông ở đâu ? Ông đó nói tôi ở khu xa hơn, phía bên kia trường học, ngày nào cũng đi và về bằng ngã này. Bà cụ đi một đỗi nhìn lại thấy ông Việt Nam còn đứng nhìn theo coi bà cụ có thật sự đi một mình được không ! Tối đó, bà kể chuyện cho người con nghe, rồi sực nhớ ra, bà nói: “Chúa ơi! Tao quên nói cám ơn ông ta!” Vậy là bà cụ bắt người con hôm sau ra lối đi tắt chận hỏi từng người Á đông để tìm người Việt Nam đã đỡ bà chỗ “khoảng trống có bốn trụ đèn”, tìm để chỉ nói lời cám ơn mà bà đã quên nói hôm qua!

Kể xong, ông nắm tay tôi siết nhẹ. Rồi ông nhìn tôi, mắt đầy thiện cảm, nói: “Cám ơn!” Tôi bước đi, lòng lâng lâng hãnh diện, mặc dầu tôi biết rằng lời cám ơn đó không phải cho tôi mà là cho chung hai chữ “Việt Nam”…

Chuyện trước cổng chùa Bà

Năm 2006, vợ tôi về Việt Nam lo ma chay cho má tôi. Sau đó, bả được mấy đứa cháu chở đi Châu Đốc viếng Chùa Bà.

Cúng vái xong, ra đến cổng chùa thì có một đám bé gái độ mười hai mười ba tuổi bu lại chen lấn nhau xin tiền. Một đứa đứng gần vợ tôi, có vẻ lanh lợi nhứt, xè tay nói một hơi có ca có kệ: "Ngoại ơi ngoại! Ngoại cho con 5000 đồng, con cầu nguyện Bà cho con gái ngoại lấy được chồng Đài Loan! Ngoại ơi ngoại! Ngoại cho con 5000 đồng, con ... "

Trên đường về, vợ tôi miên man suy nghĩ về mấy đứa nhỏ đó: không có tiền để đi học, còn quá nhỏ để có một cái nghề, và chắc nhiều đứa - rất nhiều đứa - chỉ ước ao lấy được chồng Đài Loan khi mình lớn lên một chút ! Rồi vợ tôi thở dài ...

Nghe kể mà tôi thấy thương quê hương tôi vô cùng. Trước đây, dù có nghèo đi mấy cũng chưa bao giờ tệ đến như vậy! Viết lại chuyện này mà tôi nghe rát từ đáy lòng rát lên khóe mắt ...

Đạp xích lô

Trung đã cao lớn lại ham chơi thể thao và tập thể dục đều đặn nên anh ta rất "đô" con. Đi với tụi bạn đồng nghiệp người Pháp hay người da đen, Trung là người Việt Nam mà vóc dạc ngang ngửa với tụi nó. Có đứa nói giỡn: "Thằng này, nó ăn phở không mà nó lớn con như vậy. Nếu nó ăn bánh mì xúc xích - phô mai như mình chắc nó thành ông khổng lồ quá!"

Cách đây hai năm, Trung về thăm Việt Nam. Đó là lần đầu tiên anh về. Tôi không có dịp gặp anh để hỏi thăm. Mãi đến gần đây tình cờ gặp nhau ở khu 13 Paris, anh mới kể cho tôi nghe chuyến về Việt Nam của anh lần đó. Tôi xin ghi lại chuyện nhỏ sau đây ...

... Con qua Pháp với ba mẹ hồi con mới năm tuổi, bây giờ về, thấy cái gì cũng lạ! Cho nên con dành mấy ngày đầu để đi vòng vòng cho biết Sài gòn. Con nhờ anh tiếp viên của khách sạn kêu cho con một anh xích lô bao chạy một ngày. Vậy là sáng hôm sau, đúng theo lời con dặn, anh tiếp viên gọi con dậy bằng điện thoại cho hay xích lô đang đợi, đồng thời cho biết luôn số tiền thuê bao. Con đếm số tiền rồi để riêng vào một túi quần, con muốn tránh móc bóp đếm tiền trước mặt mọi người sợ bọn lưu manh nó giựt. Con xuống tới quầy thì anh tiếp viên vui vẻ chỉ ra phía trước. Con cám ơn rồi bước ra ngoài. Thấy con, ông xích lô đang ngồi chồm hổm trên vỉa hè vội vã đứng lên chấp tay chào.Tự nhiên, con khựng lại, mặc dù ông ta đang đón con bằng một nụ cười rạng rỡ. Bác biết không ? Ổng già khú, ốm nhom, nhỏ xíu. Cái nón vải đen ổng đội, đã rách bươm. Còn bộ đồ trên người ổng, con không biết tả làm sao cho bác thấy. Nó là cái áo bà ba xanh dương vá chằm vá đụp và không còn hai ống tay! Còn cái quần ka-ki là loại quần dài đã bị xé mất hai khúc ống cỡ ngang đầu gối, một bên cao một bên thấp. Đó! Ông xích lô của con đó! Bác coi: con như vầy thì nỡ lòng nào lên ngồi cho ông già ốm nhom đó đạp xe đưa con đi. Mà liệu ổng có đạp nổi một ngày cho con xem chỗ này chỗ nọ không ? Con định hồi không đi nhưng nghĩ lại tội nghiệp ông già. Cái cười tươi rói của ổng cho thấy là ổng đang "trúng mối lớn". Con bước lại bắt tay ổng, móc túi đưa tiền, nói: "Đây, tiền công của bác trọn ngày nay đây!"

Ổng mừng rỡ, móc trong lưng ra một túi vải miệng có dây rút, run run tay mở ra cho tiền vào. Con hỏi: "Bác không đếm sao?" Ổng cười, nhìn con: " Khỏi ! Hổng lẽ cậu như vầy mà đi ăn gian tui sao ?" Rồi ổng xăng xốm chạy lại kềm phía sau xe, mời: "Cậu lên ngồi, đi!" Con lắc đầu: "Không! Bác lên ngồi đi, để tôi đạp!" Nụ cười của ổng tắt mất: "Ủa! Gì kỳ vậy?" Con giải thích: "Tôi như vầy mà để cho bác đạp, coi sao được!" Ổng vỗ vỗ lên yên xe: "Tôi đạp được! Bảo đảm! Cậu đừng lo! Cậu lên ngồi đi!" Con nghĩ chắc ổng sợ con chê ổng rồi không đi, lấy tiền lại, nên con ôn tồn nói: "Bác yên tâm. Bác cứ giữ số tiền tôi đưa, rồi lên xe ngồi. Tôi đạp từ từ". Ổng bắt đầu nhìn con nửa ngạc nhiên nửa hốt hoảng. Để khỏi cù cưa, con bước lại đưa hai tay cặp eo ếch của ổng nhấc bổng lên đặt vào chỗ ngồi của khách. Ổng nhẹ đến nỗi cái xe không nhúc nhích! Rồi con trèo lên đạp đi. Ông già cứ nhìn ngược về phía sau, lo lắng: "Cậu liệu được không cậu?". Con vui vẻ trả lời cho ông yên tâm: "Được mà ... Dễ ợt hà!". Con men theo lề đường đạp chầm chậm để tránh luồng xe chạy ồ ạt trên lòng đường. Thiên hạ nhìn con chở ông già, cười nói chỉ trỏ. Ông già ngồi không yên, lâu lâu ngoáy nhìn lại coi con ra sao! Có lẽ vững bụng nên không nghe ổng nói gì hết. Một lúc sau bỗng ổng la lớn: "Quẹo mặt! Quẹo mặt! Khúc này cấm xe xích lô!". Từ đó, ổng chỉ cho con chạy: "Từ từ ... Đằng trước có xe đậu. Khi nào kềm bằng chân không nổi thì kéo thắng ở dưới đít ... ." Có lúc thấy con xiên xiên định quẹo vô một con đường nằm ngang, ổng la lên: "Đừng! Đừng! Đường cấm xe xích lô!" ... Và như vậy, con đạp đi loanh quanh, nhìn ngang nhìn ngửa, yên chí có ông già coi chừng đường nhắc trước con phải làm gì ... làm gì ... Gần trưa, con tấp vô một quán phở, nói: "Mình vô ăn cái gì đi". Ổng nói:

"Cậu vô ăn đi, tôi không đói". Con kéo tay ổng để cùng đi vào tiệm, ổng rị lại: "Thôi mà cậu! Tôi lạy cậu mà cậu! Cậu để tôi ngồi ngoài này giữ xe!". Rồi ổng gỡ tay con ra, bước lại vệ đường ngồi chồm hổm bên cạnh xe xích lô, vấn thuốc hút. Trong quán, con nhìn ông già mờ trong khói thuốc sao bỗng nghe bất nhẫn vô cùng. Không còn lòng dạ đâu để ăn phở, con kêu tách cà phê uống đại rồi đi ra. Thấy con, ổng quăng điếu thuốc, đứng lên vẻ ngạc nhiên: "Ăn gì mau vậy cậu?". Con nói trớ: "Thấy không ngon nên không ăn". Rồi con nói tiếp: "Bây giờ, tôi trả xe lại cho bác đó! Bác cứ giữ nguyên số tiền tôi đưa hồi sáng, đừng thắc mắc. Tôi đi bộ chơi lanh quanh được rồi". Nói xong con bước đi, lâu lâu ngừng coi cửa hàng này cửa hàng nọ. Thấy ông già cứ đạp xe rề rề đi theo, con bèn gọi một xe Honda ôm đang đợi khách ở ngã tư đường, trèo lên "ôm" đi thẳng!

Kể xong, Trung hỏi: "Nhà Nước đang có lịnh cấm sử dụng xe xích lô xe ba gác, không biết bây giờ ông già đạp xích lô sẽ sống làm sao, hả bác?". Tôi nói: "Ờ ... ". Rồi nín luôn. Một cách trả lời để không trả lời!

Nói: Hết rồi !

Một ông bạn ở Paris cho tôi uống một thứ trà Tàu đặc biệt ổng đem từ bên Mỹ về. Ổng cầm cái hộp vuông màu xanh ve chai đưa lên khoe: "Trà này bên nây chưa có. Nó tên là Trà Vương. Hộp 150 gr này tôi mua bên Mỹ giá là 15 đô đó!".

Trà ngon thiệt! Vị ngọt phớt chớ không đắng hay chát như loại trà Tàu khác và nhứt là mùi thơm rất "vương giả" chớ không phải mùi lài hay sói hay sen như thường thấy. Uống cạn chén trà, hương trà còn đọng lại trong đáy

chén phất lên mũi gợi thèm mùi vị đặc biệt này! Ông bạn tôi nói Trà Vương có nhiều số, nhưng số 103 là ngon nhứt!

Tôi đã đi lùng sục ở Paris nhưng không thấy bán loại Trà Vương này. Một hôm, đi với vợ tôi ở khu 13 chợ Tàu, tôi chợt thấy một bà Á đông cầm một hộp vuông màu ve chai vừa quơ quơ ra dấu vừa nói chuyện với hai bà khác cùng ngồi trên băng gỗ vỉa hè. Tôi bước lại nhìn: thì ra đúng là hộp Trà Vương! Mừng quá! Nghe mấy bà đó nói tiếng Việt Nam nên tôi hỏi ngay: "Phải Trà Vương không bà?". Bả quay qua tôi, trả lời cụt ngủn: "Ờ! Mà hết rồi!". Rồi quay về tiếp tục nói chuyện với hai bà kia. Tôi chen vào: "Xin lỗi! Bà mua ở đâu vậy?". Lần này, không quay lại nhìn tôi nhưng bả vẫn trả lời: "Mà tôi nói hết rồi!". Tôi không dám cười, sợ bả bị chạm tự ái. Tôi vẫn ôn tồn hỏi: "Dạ! Nhưng xin bà làm ơn cho tôi biết bà mua ở đâu vậy?". Bả nhìn tôi, chắc coi tôi có ... khùng không mà cứ lải nhải hỏi hoài. Rồi bả cầm cái hộp lia lia về hướng phía dưới con đường một chiều: "Dưới kia kìa". Tiếp theo là bả gằn từng tiếng: " Tôi-nói-hết-rồi!". Tôi cám ơn rồi kéo vợ tôi đi "mò" dài dài xuống "dưới kia kìa", tiệm nào cũng vô kiếm Trà Vương! Khi đi gần ... rã chân thì vào một siêu thị lớn. Họ nói: "Có!. Nhưng mà hết rồi!". Hỏi chừng nào có nữa, họ trả lời không biết! Thì ra bà già hồi nãy nói đúng. Bả đã tốt bụng "nói cho thằng chả biết là hết rồi để thằng chả khỏi phải lội xuống tuốt dưới kia xa thấy mồ chớ bộ!"

Các bạn có thấy chuyện nhỏ này dễ thương không? Bà già đó, cho dầu có lưu vong ở chân trời góc biển nào đi nữa, bà vẫn giữ nguyên phong cách Việt Nam. Trân quí lắm, các bạn à!

Chuyện ở quê tôi

Má tôi mất vào ngày đưa Ông Táo. Thằng con lớn của tôi đi với má nó về Việt Nam lo ma chay. Ông thầy làm đám (phái Cổ Sơn Môn thường gọi là thầy cúng) là ông thầy Non. Cái tên này do má tôi đặt ra để tránh gọi "Thầy Con" vì ổng là con ông thầy Cả, ông này là bà con kêu má tôi bằng cô và là bạn học của tôi từ thời tiểu học ở trong làng. Kể như vậy để thấy thầy Non đối với gia đình tôi không phải là ngưởi xa lạ.

Sau đám ma, thầy Non lấy Honda chở con tôi đi đầu trên xóm dưới thăm bà con và cũng để xem vùng quê ăn Tết. Đang chạy trên đường xóm Nhà Máy, thấy một ông lái mô tô đi cùng chiều chở phía sau một chậu mai. Thầy Non nói với con tôi: "Coi kìa! Cây mai đẹp quá kìa!". Rồi thầy chạy kè theo để con tôi thấy rõ hơn. Ông chở mai quay qua nhìn, con tôi nói lớn cho ổng nghe: "Cây mai đẹp quá!". Ông đó nói: "Ờ! Mà không có bán!". Vì tiếng máy mô tô ồn quá nên con tôi phải nói lớn hơn cho ổng nghe: "Không! Tôi chỉ muốn nói là cây mai của ông đẹp quá hà!". Ổng có vẻ bực mình: "Ờ! Người ta nói không có bán là không có bán!". Rồi ổng vọt ga chạy thẳng, làm thầy Non phải ngừng xe lại để cả hai cùng ôm bụng cười! Sau đó, lại tiếp tục đi. Một lúc, thấy một ông chạy Honda chở thằng nhỏ ngồi phía sau đâu lưng với ổng, ôm trong lòng một quày dừa tươi. Con tôi, nhớ lại vụ cây mai, muốn phá chơi nên hỏi chọc: "Dừa có bán không vậy?". Thằng nhỏ thúc cùi chỏ vào lưng người lái xe: "Ba! Ba! Thằng chả hỏi có bán dừa không kìa!". Người đàn ông làm thinh nhưng có vẻ suy nghĩ. Bỗng, ông ta la lên "Ừa! Bán!" rồi tấp xe vào lề ngừng lại. Thầy Non nói: "Ở chùa thiếu gì dừa! Mua chi vậy?". Hỏi chơi mà đâu có

dè ổng bán nên con tôi đành mua một trái. Ông đó nói: "Dừa tôi mua cho vợ tôi kho thịt ăn Tết. Thấy cậu hỏi mua, tôi nhường một trái cho cậu uống chơi!". Con tôi nói cám ơn mà không dám cười! ...

Sau hơn ba mươi năm "đổi đời", cái thật thà chân chất của quê tôi, may quá, vẫn còn nguyên như cũ !

Bán vé số

Trên chiếc bắc Mỹ Thuận. Chiếc bắc chở đầy nhóc xe và người, ùng ục qua sông. Mấy người bán dạo rao hàng inh ỏi. Vợ chồng tôi đứng ở khoảng trống phía đầu chiếc bắc, nhìn sông nước minh mông với những về lục bình xanh biếc nhấp nhô trên sóng nước. Mùa này, lục bình bắt đầu nở bông nên thấy có màu tim tím e ấp lấp ló giữa những bựng lá to láng mướt. Đẹp quá! Sau hăm mấy năm xa xứ, bây giờ có dịp về thăm, chúng tôi thấy cái gì cũng đẹp! Nước sông đục ngầu phù sa ... cũng đẹp! Chiếc ghe bầu phình bụng chở lúa khẳm lừ tưởng chừng như sắp chìm ... cũng đẹp! Chiếc đò ngang hay đò dọc gì đó dài thòn có cái mui bằng phẳng thấp lè tè, hai bên hông trống trơn không có gì che chắn, lướt sóng chạy bắn nước như giành sông với những ghe thuyền khác ... cũng đẹp!

Bỗng, một bé gái cỡ 10 tuổi đến gần vợ tôi, tay chìa một tấm vé số, năn nỉ bằng một giọng trong trẻo nhưng nói khá to để át tiếng những người bán dạo chung quanh: "Ngoại ơi ngoại! Con còn có một vé số này thôi, ngoại mua dùm con để con còn về phụ má con lo việc nhà". Con bé mặt mũi sáng sủa dễ thương. Vợ tôi lấy tiền mua vé số rồi vuốt đầu nó, hỏi: "Nhà con ở đâu lận?". Chắc bả thấy tội cho con nhỏ, mới có bây lớn tuổi đầu mà

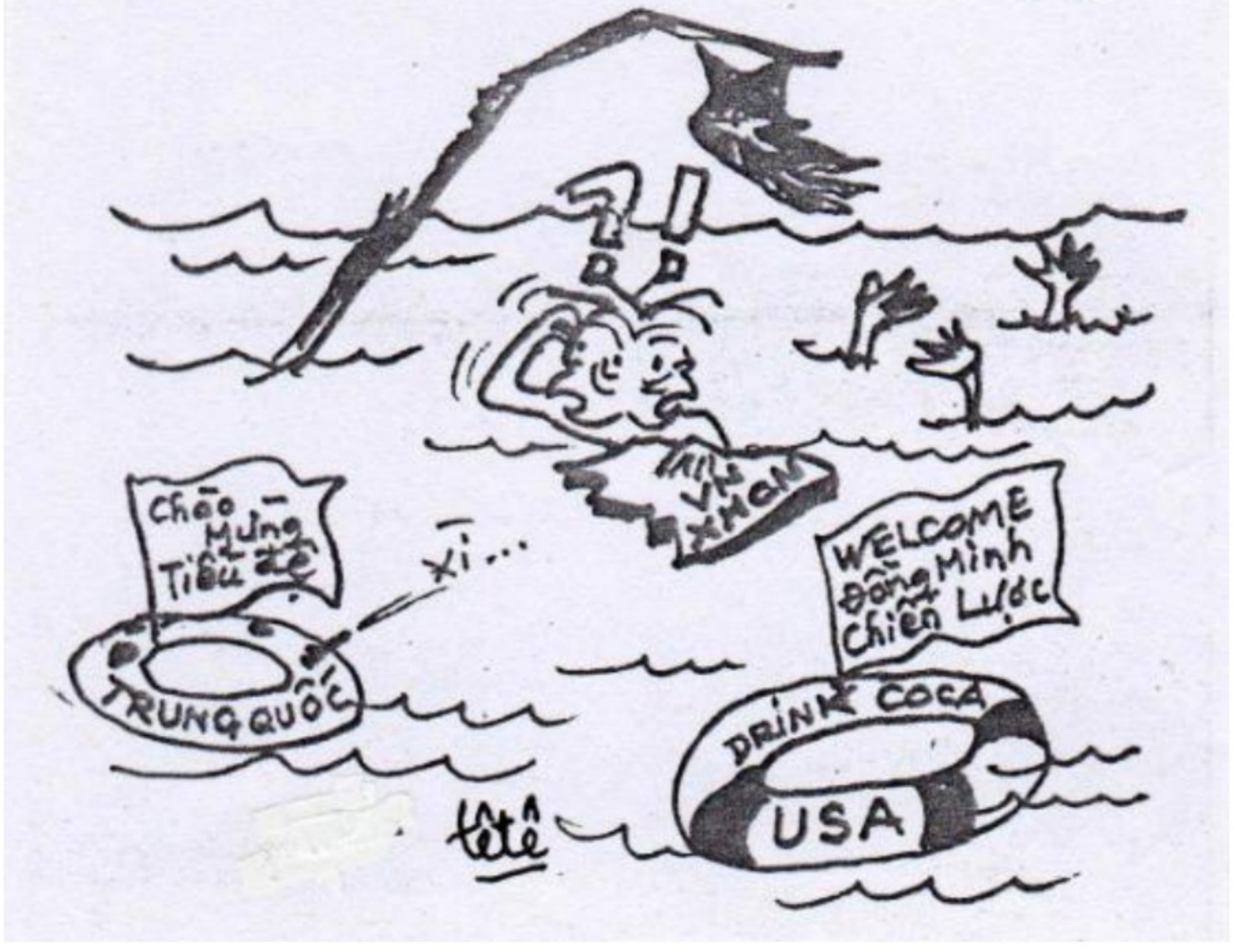
bán xong còn phải lội bộ về nhà giúp mẹ! Nó nhìn vợ tôi, mỉm cười rồi mới trả lời: "Dạ! Ở xóm rạch Ngo gần đây hà!". Cái cười của nó có duyên vô cùng. Trước khi đi, nó còn biết nói: "Cám ơn nghe ngoại!". Tôi nhìn theo mà thấy mến cái dáng nho nhỏ thon thon của nó trong bộ đồ bà ba vải trắng đã ngả màu bùn non lờn lợt ...

Một lúc sau, tôi nghe ở hành lang phía bên kia vang lên tiếng lảnh lót của con bé: "Ngoại ơi ngoại! Con còn có một vé số này thôi, ngoại mua dùm con để con còn về phụ má con lo việc nhà". Tôi nhón gót nhìn sang: đúng là nó! Vợ tôi hỏi: "Nó hả ?". Tôi gật đầu mà không nén được tiếng thở dài ...

Tôi nhìn ra sông nước với vài chiếc ghe thuyền đi lại, nghĩ mà thương cho thân phận người dân bây giờ ... Tôi buột miệng nói : " Bây giờ... sao thấy nhiều lục bình quá hổng biết " ...

Chiếc bắc vẫn ùng ục nhả khói qua sông ... ráng nhả khói mà qua sông ...

ĐỒNG CHÍ ĐỒNG MINH GỞI ~~PHAO~~ CỨU BỒ



Thèm

Tụi bây biết không ? Bây giờ tao đi làm bằng xe đạp. Tụi bây đừng cười. Tao không giỡn đâu. Hồi xưa, trong bọn mấy đứa tụi mình, tao là thằng tếu nhứt. Tao hay kể chuyện tiếu lâm, hay bịa chuyện này chuyện nọ để chọc cười, để phá phách cho vui với nhau. Nên tụi bây thường nói: "Coi chừng ! Nó nói cái gì mình phải xin keo coi có đúng không, rồi hãy tin". Hồi đó, khác. Bây giờ, khác. Tụi bây đi hết rồi, chỉ còn mình tao kẹt lại. Nói thiệt hay nói dóc đều không còn ý nghĩa gì nữa, cũng không còn giá trị gì nữa đối với tao. Bởi vì không còn ai để giỡn, không còn lòng dạ đâu để giỡn, và cái cười của tao đã vượt biên đâu mất từ lâu...

Điều ngộ nghĩnh là, bây giờ, bất cứ chuyện gì tao kể ra chắc chắn tụi bây đều không tin ráo ! Bởi vì tụi bây đã di tản trước ngày 30 tháng tư 1975, không thấy không biết những gì đã xảy ra ở trong nước, làm sao mà tin ? Vả lại "những gì đã xảy ra" đã không xảy ra theo quy luật thông thường. Tất cả đều bị xáo trộn, đảo lộn một cách nghịch lý đến nỗi tao là người sống trong đó mà lắm khi tao phải tự hỏi: "Làm sao có thể như vậy được ?". Vậy mà nó đã "như vậy được" tụi bây à ! Khó tin nhưng có thật ! Cho nên, những gì tao viết ở đây cho tụi bây hoàn toàn là những chuyện có thật mà... khó tin đó.

Ngoài ra, trong cuộc sống hằng ngày, tao cứ phải nghe ra rả nói láo nói dóc, cứ phải luôn luôn nói láo nói dóc... Nào là "Đã vượt chỉ tiêu 150%" (Chỉ tiêu là con số đã được ấn định trước cho mức sản xuất, không biết là bao nhiêu, nhưng thấy tháng nào cũng vượt, năm nào

cũng vượt, nghành nào cũng vượt – tao phải... dịch những chữ mới rõ ràng ra như vậy cho tụi bây hiểu, bởi vì bây giờ mình không còn nói giống như hồi trước nữa). Nào là "Đã hồ hởi phấn khởi đi làm nghĩa vụ" nghĩa là đi làm cái nghĩa vụ gì đó một cách... khoái trá sôi động bởi vì biết chắc rằng không đi cũng không được. Nào là "Hoàn toàn nhất trí" (Bây giờ không nói ề nhứt Ừ nữa, mà nói ề nhất Ừ. Nghe... cách mạng hơn), nghĩa là "đồng ý hoàn toàn", cho nó rồi, kẻo không thì... kẹt lắm. Mọi người đều "nhất trí" hết mà mình không "nhất trí" thì nó... lòi ra coi không giống ai. Thành ra "nhất trí" cũng có nghĩa là "phải làm như mọi người". Tụi bây hiểu chưa ? Nào là "Làm việc rất là năng nổ". Tao nghĩ chắc khỏi cần dịch. Tụi bây cứ nghe "nó... lốp bốp" là đoán ra cái nghĩa của nó rồi. Đại khái là làm việc giống như có cờ phất trống khua, có loa trên loa dưới ồn ào, còn lè phè suốt buổi hút thuốc uống trà là chuyện khác... vân vân và vân vân... Kể không hết !

Sau bao năm dài sống trong môi trường như kể trên, "cái thèm" rất lớn của tao là được sống thật, nói thật. Cho nên, viết cho tụi bây giống như tao được... giải phóng. Vậy những gì tao kể ra đây, tụi bây khỏi phải xin keo !

Bây giờ, tao đi làm bằng xe đạp. Vẫn làm ở sở cũ. (Còn được làm việc ở sở cũ là may đó nghen. Nhiều người bị đổi đi nơi khác xa hơn và thường thì ở một nghành nghề không dính dấp gì với phần chuyên môn của mình hết. Cách mạng mà !). Cái xe hơi con cóc , tao đã cho nó lên nằm trên bốn gộc cây để bán lần bán hồi bốn bánh xe, cái bình điện, cái đề-ma-rơ... Hầu như tháng nào tao cũng phải bán một món gì trong nhà, bởi vì lương của tao cộng với những gì vợ tao và hai con gái lớn kiếm

được hằng tháng... không đủ sống. Tình trạng đó bắt đầu từ sau hai "trận" Nhà Nước đổi tiền.

Đạp xe riết rồi cũng quen. Khoảng cách trên mười cây số từ nhà đến sở, tao coi như "pha". Chỉ bực mình là xe đạp của tao hay sút sên khi nó "nhảy" ổ gà. Mà đường sá bây giờ, ổ gà ở đâu nó... lòi ra nhiều quá. (Người ta nói Mỹ rút đi, để lại toàn là đồ giả không – tao nghe sao chép vậy !). Cho nên, ở nhiều đoạn đường, tao lái xe tránh ổ gà giống như người say rượu ! Vậy mà có hôm vẫn "nhảy" ổ gà cho nên hai tay tao thường lấm lem dầu, đất, mà quần áo thì ướt đẫm mồ hôi.

Bây giờ, tao làm việc "thông tầm", nghĩa là làm suốt tới chiều rồi về sớm không có về nhà ăn cơm nghỉ trưa như hồi trước. Vì vậy, mỗi sáng tao mang theo một lon ghi-gô cơm với vài miếng cá mặn để ăn tại bàn viết buổi trưa. Chiều về sớm, tao có bổn phận nấu cơm làm đồ ăn, bởi vì giờ đó vợ con tao còn làm việc ở tổ may thêu cách nhà cũng khá xa.

Mỗi sáng đi làm, lúc nào tao cũng đem theo cái giỏ đi chợ treo tòn ten ở ghi-đong, giống như đi chợ chớ không giống đi làm ! Bởi vì trong sở thường hay... bất thần bán cho nhân viên (gọi là "phân phối" chớ không gọi là "bán", nghe có vẻ... chia xẻ hơn là trao đổi) cá, rau cải... vv. Tuy không nhiều và không được lựa chọn vì phải... bắt thăm trúng lô nào lấy lô đó, nhưng rẻ hơn ngoài chợ thành ra cũng đỡ. Cho nên, đi làm việc mà ngày nào cũng nhóng nhóng hỏi thăm "coi bữa nay có phân phối gì không ?" và chiều về đến nhà, thằng con tao – thằng út đó, tụi bây nhớ không ? bây giờ nó lớn đại rồi – chạy ra mở cổng lúc nào cũng hỏi: "Bữa nay có mua được gì không ba ?". Và hôm nào thấy trong giỏ có đồ gì để ăn là mắt nó sáng rỡ. Tội nghiệp, sống trong sự thiếu thốn triền

miên, có đứa nhỏ nào, có người lớn nào mà không nghĩ đến miếng ăn ?

Bây giờ, tao hút thuốc lá vấn tay. Tao tự vấn lấy. Không phải tao muốn lập dị mà vì tao không đủ sức mua loại thuốc điếu kỹ nghệ thông thường. Mới đầu, tao vấn thuốc rê Gò Vấp. Nó nặng muốn... tét phổi ! Về sau, tao bắt chước thiên hạ mua thuốc lá Lạng Sơn đã xắt sẵn - nghe nói là giống thuốc Virginia, mấy ông ngoài Bắc bảo thế ! - đem trộn với thuốc Gò Vấp, hút thấy được. Vậy là mỗi khi muốn hút, tao cứ tà tà xé một miếng giấy quyến, tà tà rứt một miếng thuốc kéo cho dài dài ra khi để lên lòng giấy, rồi đặt hết tâm tư vào mấy ngón tay (của cả hai bàn tay đang chụm đầu lại nâng nhẹ giấy và thuốc !) để ém, lận, cuốn, xe... cho điếu thuốc được tròn đều trước khi đưa lên lưỡi liếm. Xem thật "ung dung nhàn hạ". Giống như một nghi thức. Và tao có quyền tà tà vấn thuốc như vậy bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào: trong khi làm việc, trong các buổi hội họp học tập, và cả ngay trước mặt ông xếp của tao nữa (Bây giờ gọi là "thủ trưởng", nôm na là "cái đầu đứng đầu". Còn cái đầu có cái óc hay không lại là chuyện khác). Cho nên, hút thuốc vấn – đối với tao – giống như là một cách thoát tục, cái "tục" quá... tục mà tao đang sống bây giờ. Tuy nhiên, sao tao vẫn nghe thèm điếu thuốc ba số năm là loại thuốc mà mấy chục năm tao đã hút ! Làm như mùi vị của nó còn nằm ở đâu trong máu trong xương. Nhiều đêm trở giấc, tao nghe thèm ray rứt, thèm chảy nước mắt !

Chiều hôm qua, trên đường về nhà, đạp xe tới chợ Tân Định thì trời bỗng đổ mưa. Tao tấp vô đụt mưa dưới mái hiên tiệm nước nằm ở góc đường dọc hông chợ (tao quên tên) và đường Hai Bà Trưng. Lúc đó, cỡ gần năm

giờ (đồng hồ tay, tao đã bán từ lâu, nên từ lâu, tao chỉ... đoán giờ thôi !). Trong tiệm thấy lai rai có người ăn uống.

Tao đã đứng sát vào vách vậy mà gió cũng tạt mưa vào ướt hết phía dưới chân. Một lát, tao nghe lạnh chân. Rồi tao nghe đói. Cái đói đến một cách đột ngột, giống như nó chui từ dưới chân chui lên. Hồi nãy đạp xe trên đường, tao có thấy đói đâu, mạêc dù buổi trưa tao chỉ ăn có một lon ghi-gô cơm với ít mắm ruốc – dĩ nhiên là tao có uống thật nhiều trà, thứ này, loại thường thôi, trong sở (Bây giờ gọi là "cơ quan") có chị nhân viên tối ngày cứ châm đầy bình cho mình uống "líp" – Vậy mà bây giờ tao lại thấy đói. Có lẽ tại vì lỗ mũi tao nghe mùi hủ tiếu, mùi mì. Ờ... tụi bây không biết chớ từ lâu rồi – tao không nhớ là bao nhiêu lâu, nhưng chắc là lâu lắm – tao chưa được ăn mì. Bây giờ đứng đây phía đường hông chợ Tân Định, phía trên gió, vậy mà vẫn "đánh hơi" rõ mồn một mùi nước lèo của xe mì nằm bên đường Hai Bà Trưng, phía dưới gió, rõ như hơi của nước lèo đang bốc lên ngay trước mũi ! Tao nuốt nước miếng.

Thèm quá ! Tao thèm ăn ngay một tô mì ! Thọc tay vào túi quần, tao đụng hai tờ giấy bạc. Móc ra xem thì ra là hai đồng. Tao chỉ có ngần đó thôi ! Nhưng hai đồng, đủ để ăn một tô mì rồi ! Thì ăn... đại một tô cho nó đã ! Tao dợm bước vào tiệm nước bỗng nhớ lại vợ tao hồi sáng khi trao cho tao hai đồng đó, có dặn: "Chiều, anh ghé chợ Cây Quéo mua 6 cái hột vịt và nửa giỏ rau. Về, anh bắc nồi cơm bỏ vô luộc trước. Chừng mẹ con em về, em làm nước mắm rồi dầm cho nhà ăn." Hình ảnh cả nhà tao 7 đứa quây quần bên "nửa giỏ rau và 6 cái hột vịt" và hình ảnh tao một mình ngồi ăn tô mì... làm tao khựng lại. Tô mì mà tao muốn ăn, thèm ăn, là cả một bữa ăn của gia đình ! Tao không thể đổi được. Thà là tao nhịn thèm. Thà

là tao chịu đói để về ăn chung với vợ con. Ăn thứ gì cũng được, ít nhiều gì cũng được, dở ngon gì cũng được. Miễn là ăn chung với tụi nó. Để thấy rằng cuộc đời tao bây giờ chỉ còn lại có tụi nó là quí thôi ! Tao nghe thương vợ thương con vô cùng. Và tao cũng nghe thương thân tao vô cùng...

Tao đứng yên nhìn ra mưa bỗng nghe hai má của mình ướt lạnh. Đưa tay lên vuốt mặt mà nghĩ rằng mình vuốt nước mưa trên má...

(Trên đây là lá thơ viết lỡ dở, của ai viết cho ai, tôi không biết. Thơ viết trên giấy tập học trò, Chữ nhỏ li-ti, nhưng đẹp và rõ nét. Tình cờ, tôi nhìn thấy "nó" trong xấp giấy gói hàng cùa bà bán xôi đầu ngõ nên tôi xin...)

Làm thinh

Cái làng nhỏ đó nằm gần biển Manche, cách thành phố Etretat (miền bắc nước Pháp) độ 10 km. Trong làng có chừng năm chục nóc gia năm chùm nhum lại thành một khu, trừ một cái nhà nằm rời xa một mình về phía biển. Người trong làng gọi cái nhà đó là " nhà ông Lê".

Cách đây mấy năm, ông Lê – người Việt Nam độ 40 tuổi – từ Paris ra đây mua lại cái nhà đó để làm nhà nghỉ mát. Mùa hè và các ngày lễ lớn, ông đưa vợ con – vợ người Pháp và hai con trai chín mười tuổi – ra đây đổi gió và lâu lâu ông cho bạn bè mượn năm bảy hôm. Ông có mướn một người trong làng – tên Jean Marie – trông nom nhà cửa và cắt tỉa vườn tược cây trái.

Mới đầu, người trong làng cứ tưởng ông Lê là người Tàu. Cho nên, họ hơi dè dặt. Chừng biết ổng là người Việt Nam, họ cởi mở hơn, thân thiện hơn. Làm như, đối với họ, người Tàu là người ngoại quốc xa lạ, còn người Việt Nam thì ít nhiều gì cũng đã từng được xem là người…trong nhà ! Họ càng có cảm tình với ông Lê khi biết rằng ổng qua Pháp học từ hồi mười lăm tuổi, rằng ổng tốt nghiệp trường Arts et Métiers, rằng ổng làm chức lớn trong cơ quan Nhà Nước .v.v…Họ hay nói với nhau:" Vợ chồng ông Lê thật dễ thương".

Vùng này cao hơn mặt biển hai ba chục thước mà cuộc đất lại không lài lài xuống lần khi ra gần biển như ở những nơi khác, nên không có bãi. Ở đây, biển đâm thẳng vô bờ, loại bờ đá dựng thiên nhiên sừng sững như một bức tường cao thật cao. Những ngày biển động, sóng đập

vào chân tường đá nghe ầm ầm.Vì nhà ông Lê nằm cách bờ đá dựng không xa, nên vào những ngày đó, từ trong nhà nghe âm vang tiếng sóng giống như những tiếng thở dài…

Hè năm đó, ông Lê và gia đình ra đây nghỉ mát chỉ có ba tuần thay vì một tháng như thường lệ. Ông nói với ông Jean Marie – người quản gia – rằng phải trở về Paris để đón cha mẹ từ Việt Nam qua. Ông Jean Marie hỏi ông có định đưa ông bà cụ ra đây chơi không thì ông Lê trả lời rằng không, bởi vì ông bà cụ mới xuất ngoại lần đầu tiên nên phải đợi một thời gian cho quen với khí hậu phong thổ.

Vậy mà chỉ mươi ngày sau, thấy ông Lê chở ra đây một ông già tóc trắng với hai va-ly hành trang. Người quản gia nghĩ:" Chắc định ở lâu nên mới mang hành trang nhiều như vậy ". Ông Lê giới thiệu:" Đây là cha tôi. Còn đây là Jean Marie, quản gia". Sau đó, ông nói:" Trong thời gian cha tôi ở đây, tôi xin nhờ bà Jean Marie lo dùm việc nấu nướng giặt giũ giống như những lúc gia đình tôi ra đây nghỉ mát. Có điều là cha tôi không thể đi chợ ở Etretat như chúng tôi vẫn làm lâu nay, nên tôi nhờ ông bà lo giùm luôn vụ này. Đổi lại, tôi sẽ tăng tiền thù lao của hai ông bà lên mười phần trăm. Tôi xin ông bà chấp nhận cho".

Sau khi gọi điện thoại về nhà bàn tính với vợ, ông Jean Marie bằng lòng. Tiếp theo đó, ông Lê trao cho ông Jean Marie một số tiền và nói:" Đây, tôi gởi ông bà một tháng tiền chợ. Tôi dự trù dư dả phòng khi cha tôi cần mua những gì khác, nhưng nếu thấy thiếu thì điện thoại cho tôi hay để tôi gởi ra thêm. Mỗi cuối tháng , tôi sẽ gởi tiền để gối đầu cho tháng kế tiếp, ông bà yên tâm". Ông Jean Marie hỏi:" Còn bà cụ đâu ? Sao không cùng ra đây

với ông cụ ?". Ông Lê trả lời như không trả lời:" Mẹ tôi ở Paris". Rồi sau khi nói mấy lời cám ơn ông Jean Marie, ông bắt tay từ giả người quản gia và ông già tóc trắng để trở về Paris, vội vã như không muốn vấn vương gì nữa ! Thấy ông Lê đối xử với ông già tóc bạc như là một người quen thường, ông Jean Marie vừa ngạc nhiên vừa bất nhẫn, bởi vì ông nhận thấy rõ ràng ông già tóc bạc đó và ông Lê thật sự giống nhau như hai cha con…

Ông già ở trong nhà ông Lê như một cái bóng. Ông không xem tê-lê, không nghe ra-đi-ô. Ông cứ ngồi ở xa long hút thuốc liên miên, mắt nhìn thẳng ra cửa kiếng hướng về phía biển, giống như đang coi một cái gì ở ngoài đó. Ở ngoài đó không có gì hết ! Không có một cái cây, không có một lùm bụi. Cỏ dại cũng không mọc cao. Mặt đất trống trơn chạy thẳng ra bờ đá dựng. Từ chỗ ông ngồi, nhìn ra chỉ thấy đất và trời. Lâu lâu, vài con hải âu bay phớt ngang, và lâu lâu trên nền trời trong xanh của mùa hè, một sợi mây đi lạc…Chỉ có bao nhiêu đó, vậy mà ông cứ ngồi nhìn, nhìn đăm đăm…

Mới đầu, ông bà Jean Marie cứ tưởng rằng ông già không biết nói tiếng Pháp. Nhưng sau mấy lần hỏi han thấy ông trả lời trôi chảy mạch lạc, ông bà mới yên tâm. Có điều là hỏi thì ông mới trả lời chớ không thấy bao giờ tự ông gợi chuyện. Suốt ngày, ông làm thinh. Cần dùng gì thì ông viết ít chữ rồi gắn trên mặt tủ lạnh. Ông bà Jean Marie thấy vậy cũng ráng giữ ý không làm tiếng động khi quét dọn hay đi ra đi vào. Nhiều khi, họ có cảm tưởng như trong nhà không có ai hết ! Chỉ có mùi khói thuốc là nhắc đến sự hiện diện của ông già…

Ông già đó tên Lê Tư. Hồi thời trước – cái thời mà miền nam Việt Nam chưa biết mùi cộng sản – ông Tư là một nhà thầu xây cất rất có bề thế ở Sàigòn. Ông giao du

rộng, lại " biết cách giao du", thêm giỏi tính toán sắp xếp nên ông trúng thầu nhiều công trình lớn của Nhà Nước và của các công ty ngoại quốc. Do đó, càng ngày ông càng nổi tiếng và sự nghiệp thì cứ nhân lên gấp năm gấp mười. Dù vậy, ông không bao giờ chối bỏ cái gốc hàn vi của ông và rất tự hào đã bắt đầu bằng hai bàn tay trắng.

Ông thường nói:" Hồi tôi từ Đà Nẵng vô Sàigòn, tôi chỉ có một chiếc xe đạp cũ và cái nghề thợ hồ. Ban ngày đạp xe đi làm, ban đêm đạp xe đi học thêm ở Trung Tâm Văn Hoá Pháp và hội Việt Mỹ. Hồi thời đó, quanh năm suốt tháng , tôi chỉ biết có thắt lưng buộc bụng, ăn uống kham khổ, để dành tiền gởi về cho cha mẹ ở Đà Nẵng và để đóng các học phí. Vậy mà tôi vẫn không ngã lòng. Lúc nào trong đầu tôi cũng nghĩ rằng phải cố gắng vương lên, bởi vì không ai giúp mình bằng mình hết. Nhờ vậy mà bảy tám năm sau, tôi đã có một cơ sở vững chắc để cạnh tranh với các nhà thầu khác. Rồi thì xây cất hết công trình này đến công trình khác, có khi hai ba công trình cùng một lúc, cơ sở cứ lớn lần lớn lần để trở thành bề thế như ngày hôm nay. Nghe tôi nói tôi bắt đầu sự nghiệp bằng con số không chẳng có mấy ai tin hết ".

Khi đã khá giả, ông mới cưới vợ. Ông hay nói đùa :" Tình phải có tiền đi theo nó mới vững. Giống như bê-tông phải có cốt sắt nó mới bền !".

Ông bà Lê Tư chỉ sanh có một người con trai đặt tên Lê Tuấn. Năm Tuấn được mười lăm tuổi, ông gởi con qua Pháp học. Ông muốn nó học ngành kiều lộ để sau này trở về nối nghiệp ông. Ông nói :" Việt Nam mình cạnh tranh không nổi với hãng thầu ngoại quốc bởi vì mình có binh mà thiếu tướng ". Và ông hy vọng trong tương lai, con ông sẽ thực hiện những công trình vĩ đại, vượt trội hẳn những gì ông đã làm. Để cho ông được nở mặt.

Cái tương lai đó bỗng tắt ngúm chỉ trong một thời gian ngắn sau ngày 30 tháng tư, 1975…

Trước cái ngày đen tối đó, một người như ông Lê Tư dư sức để di tản dễ dàng. Vậy mà không thấy ông nhúc nhích. Ông cứ điềm nhiên hút thuốc, uống trà, xem truyền hình, nghe ra-đi-ô. Giống như một kẻ bàng quan. Bà Lê Tư thì cứ đi ra đi vô, hết gọi điện thoại cho bà bạn này đến gọi cho bà bạn khác. Rồi thúc giục ông đi di tản. Bà nói :

- Trời ơi ! Mấy bả đi hết rồi kìa !

Ông cười :

- Thì ai sợ cứ đi. Bà yên tâm. Tôi bảo đảm không có sao hết. Nói thiệt với bà, "họ" đã liên lạc với tôi cách đây hơn tháng, nói rõ rằng họ cần dùng những người như tôi để xây dựng lại đất nước. Cho nên, bà thấy tôi không ? Tôi bình chân như vại !

Điều mà ông không nói cho bà biết là từ bao lâu nay, ông vẫn đều đặn gởi tiền giúp cách mạng qua ngả thằng cháu – cũng gốc liên khu năm như ông – đang hoạt động ở mấy tỉnh miền Đông. Chính người cháu đó đã cho người về gặp ông để giải thích rõ ràng chủ trương đường lối của cách mạng. Nhờ vậy, ông mới vững tâm tin tưởng.

Đâu dè, sau khi cách mạng " đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào ", cách mạng quay về đánh tư sản. Ông Lê Tư cũng " bị" mời đi " làm việc" như mọi người. Ông có xuất trình giấy chứng minh của liên khu bảy, là vùng ông đã giúp đỡ, nhưng lá " bùa" đó không linh ! Ông cũng có nghĩ đến thằng cháu cách mạng, nhưng bây giờ ông không biết nó ở đâu để gọi nó đến làm chứng. Vì vậy, ông vẫn bị mời tới mời lui để "làm việc". Mỗi lần làm việc, họ quay ông như…con dế ! Đến nỗi về sau, mệt mỏi quá, chán chường quá, thấy nói gì cũng vô ích, nên ông bèn

làm thinh, mặc cho họ muốn nói gì thì nói, hỏi gì thì hỏi. Rồi đến lần " làm việc" cuối cùng , ông cũng làm thinh ký tên trên xấp giấy tờ họ đưa ra, ông ký mà không thèm đọc qua một chữ ! Lần đó, ông bước ra khỏi cơ quan, có cảm tưởng như đang sống trong một thế giới khác, một thế giới…lộn ngược ! Ông không còn khái niệm không gian thời gian. Ông chỉ biết rằng sau cái phút ký tên đó, ông trắng tay. Và ông còn nghe trong đầu câu nói ơn nghĩa " nhờ ông đã sớm giác ngộ cách mạng nên không phải đi cải tạo". Ông lái xe về nhà như một người máy. Ông đâu biết rằng trong cuộc " đổi đời vĩ đại " này, con người đâu còn sống bằng lý trí : con người chỉ sống bằng bản năng thôi !

Về đến trước cổng nhà, bỗng nhiên ông Lê Tư nhận thức rằng tất cả những gì trực thuộc về ông bây giờ chỉ còn lại người vợ đang đợi ông ở nhà…

Xưa nay, mọi việc trong gia đình đều do ông quyết định. Bà Lê Tư luôn luôn làm theo ý của ông, không bao giờ thắc mắc. Bởi vì bà hoàn toàn tin tưởng vào người chồng mà lúc nào bà cũng cảm phục như một thần tượng. Bà nói :" Từ bàn tay trắng dựng nên sự nghiệp đồ sộ như vầy, không phải ai làm cũng được !". Và bà thường ví chồng bà như một cây cau vững chắc để bà bám vào đó như một giây trầu…Vậy mà bây giờ…bây giờ…Ông Lê Tư không biết ví mình như cái gì nữa. Cách mạng mà ông đã giúp từ ngày ông dựng nghiệp, hôm nay nhân danh gì gì đó, đã biến ông thành con số không. Dễ dàng như người ta cầm nùi giẻ bôi hết những hàng chữ phấn trên một bảng đen, bôi mà không cần biết những hàng chữ đó viết những gì ! Chỉ trong có một khoảnh khắc, ông chẳng còn gì hết và bản thân ông cũng không là gì hết ! Ông đã trở thành một " thứ gì" đó không có tên, một sản phẩm

của cách mạng mà sách vở xưa nay chưa thấy có định nghĩa !

Ông bước vào nhà mà cảm thấy mình lêu bêu như bọt nước, không làm chủ được gì hết, kể cả làm chủ chính bản thân mình ! Cái biệt thự có hồ tắm vườn hoa, có năm ngăn bảy nắp, mà ngày xưa ông đã xây cất cho tương xứng với địa vị xã hội của ông…bây giờ bỗng trở nên ngạo nghễ, vô duyên.

Nhà vắng teo. Một số gia nhân đã xin nghỉ việc từ những ngày sôi động, số còn lại đã được cho nghỉ ngay sau ngày 30 tháng tư. Bà Lê Tư chắc đang làm gì ở dải nhà sau nên ông không nghe tiếng động. Ông đốt điếu thuốc rồi ngồi xuống phô-tơi nhìn thẳng ra vườn. Ông nhìn mà không thấy gì hết ! Yên lặng…

Tiếng bà Lê Tư làm ông giựt mình :

- Sao ông ? Họ đòi gì nữa vậy ?

- Họ đâu có đòi. Họ lấy.

- Lấy gì ?

- Lấy hết tài sản của mình.

Giọng bà bỗng cao lên một nấc :

- Lấy hết tài sản ?

Ông nhìn bà rồi trả lời bằng cái gật đầu. Giọng của bà lại cao thêm một nấc :

- Gì lạ vậy ? Tự nhiên rồi đòi lấy tài sản của người ta. Đó là ăn cướp chớ đâu phải lấy ! Rồi ông trả lời làm sao ?

Ông thở mấy hơi thuốc, rồi mới nói :

- Thì tôi giao hết lại cho họ chớ còn làm sao ?

Bà chỉ kêu được một tiếng " Trời !" rồi ngồi phịch xuống ghế, mắt nhìn thẳng ra vườn. Bà nhìn mà cũng không thấy gì hết ! Yên lặng…

Một lúc sau, ông nói, giọng thật trầm tĩnh :

- Bà nghĩ coi. Bây giờ họ là kẻ chiến thắng. Quyền sanh sát nằm hết trong tay,họ muốn nói gì làm gì mà không được !

- Còn luật pháp để đâu ?

- Luật pháp của ai ?

Bà làm thinh. Một lúc sau, bà nói :

- Hôm trước ông nói họ đã móc nối với ông để ông ở lại giúp họ xây dựng gì gì đó. Sao bây giờ họ lột hết của ông vậy ?

Ông làm thinh. Khói thuốc trong miệng bỗng trở nên thật đắng. Ông nghe thèm một hớp trà hay một hớp nước lạnh, hay bất cứ một chất lỏng nào cũng được…để ông nuốt xuống " cái gì đó" đang nghẹn ngang ở cổ. Ông dụi điếu thuốc rồi đi lại bar ở góc xa-long rót một ly nhỏ Porto uống ực một cái, giống như người ta bị mắc xương. Xong ông trở lại phô-tơi ngồi xuống, đốt điếu thuốc. Chất rượu đang nồng trên mũi, nhưng sao khói thuốc vẫn còn nghe thật đắng !

Giọng bà Lê Tư có vẻ trách móc :

- Chớ phải ông nghe lời tôi đi di tản như thiên hạ thì đâu có sao.

- Đi di tản cũng mất hết chớ hơn gì.

- Sao mất hết được ? Ông quen lớn nhiều mà không hốt được một mớ đem đi theo à ? Có nhiều người còn gởi được bàn ghế và vô số đồ cổ nữa. Như anh X., như anh T., như ông tướng Z…toàn là bạn thân của ông không.

Ông làm thinh. Bà vẫn nói, càng nói giọng càng gay gắt :

- Thà rằng mình đi, cái gì không đem theo được là mình bỏ. Tụi nó có lấy, cũng là lấy những gì mình bỏ. Chớ còn bây giờ, tụi nó bóp họng ông để lấy, bộ ông không thấy tức sao ?

Ông làm thinh. Ngừng một lúc như để suy nghĩ, rồi bà nói một câu giống như bà đóng sập cánh cửa sắt để nhốt ông trong một nhà tù :

- Chẳng bằng ông muốn ở lại để giúp cách mạng chớ gì ? Phải không ?

Ông nuốt nước miếng mấy lần, rồi tiếp tục làm thinh. Bây giờ, ông thật sự thấy mình như bọt nước trôi lêu bêu, không bám được vào đâu hết…

Chiều bữa đó, cách mạng đưa đến mười mấy thanh niên trai gái và một toán bảo vệ cầm súng để làm công tác kiểm kê. Họ bắt mở hết các hộc, các kệ, các tủ…để họ đem ra đếm từng món, không bỏ sót một nơi nào hết, một món nào hết. Đêm, họ ngủ lại trong nhà ông Lê Tư để sáng sớm hôm sau họ tiếp tục. Xong công tác kiểm kê, người cán bộ chỉ huy chỉ định một nhóm bốn người ở lại để canh giữ những gì đã kiểm kê, sợ ông bà Lê Tư…ăn cắp mang đi ! Gã còn nói như ra lịnh :

- Từ hôm nay trở đi, anh chị phải dọn ra nhà sau để ở, không được bước lên đây nữa. Anh chị cũng không được quyền sử dụng chiếc ô-tô bây giờ thuộc diện quản lý của Nhà Nước. Khi ra vào nhà, anh chị phải dùng cái cổng hậu, không được đi bằng cổng chánh. Rõ chớ ?

Ông Lê Tư làm thinh. Bà Lê Tư cũng làm thinh. Nhưng hai sự làm thinh đó không cùng một ý nghĩa : ông làm thinh vì biết rằng có nói gì cũng vô ích còn bà làm thinh là vì bà hận ông vô cùng !

…Từ ngày dọn xuống ở trong một nhà phụ – có ba dải nhà phụ trước đây dùng cho gia nhân – và từ ngày biết rằng văn phòng, các kho vật liệu, kho dụng cụ cơ giới, biệt thự ở Núi Lớn Vũng Tàu, các chương mục ở ngân hàng…v.v. đã hoàn toàn nằm trong tay Nhà Nước, bà Lê Tư ít nói chuyện với ông. Nhưng hầu như ngày nào bà

cũng ngồi nói một mình, nói trổng, cố tình nói lớn tiếng để cho ông "phải" nghe. Bà cứ lải nhải với giọng trách móc chanh chua, hết chuyện tin lời cách mạng, đến chuyện mất hết của cải, rồi bắt qua chuyện di tản, chuyện ở "chui rút" trong nhà của bếp của bồi…Còn ông thì cứ làm thinh ngồi nghe, nghe riết mà tóc của ông càng ngày càng bạc trắng !

Thời gian đi qua…Một hôm bà bỗng nói với ông :

- Tôi đã nhờ người quen trong toà đại sứ liên lạc được với thằng Tuấn ở Paris. Nó sẽ gởi giấy bảo lãnh về cho mình lo giấy tờ đi qua bển.

Bây giờ, mọi sự đều do bà quyết định, ông chỉ làm thinh đi theo. Bây giờ, người chồng " thần tượng" của thời trước chỉ còn là một cái bóng ! Bây giờ, bà mới là thân cây cau, còn ông , ông chỉ là một thứ giây trầu...Đúng là một sự "đổi đời vĩ đại" !

Ít lâu sau, chính bà đã chạy chọt đút lót để có xuất cảnh cho hai vợ chồng bay qua Paris, vào giữa mùa hè năm đó.

…Ông Lê, người con trai của ông bà Lê Tư, đến đón ông bà ở phi trường Charles De Gaulle. Gặp lại nhau, mừng mừng tủi tủi. Ông Lê Tư có cảm tưởng như mình vừa sống lại. Ông ôm con siết mạnh, rồi buông ra để nhìn. Lòng tràn sung sướng, ông vừa cung tay đấm nhẹ lên vai con, vừa chửi đổng :" Cha mày !". Rồi tiếp :" Ba tưởng không còn gặp lại con nữa chớ !" Trong một khoảnh khắc, ông tìm lại được lời nói và cử chỉ của một con người bình thường, con người của thời trước tháng tư 1975…

Trên đường về nhà, ông Lê vừa lái xe vừa hỏi về những chuyện đã xảy ra ở Việt Nam trong những ngày sôi động của tháng tư, nhứt là ở đoạn " mấy thằng Mỹ kéo nhau chạy sút quần". Nghe lời nói và giọng điệu của con,

ông Lê Tư cảm thấy có " cái gì không ổn", nhưng ông nghĩ :" Có lẽ tại nó ở bên nây lâu quá nên nó nói tiếng Việt không biết chọn lời". Rồi ông kể lại những điều mắt thấy tai nghe. Người con lâu lâu khoái chí, vỗ tay lên tay lái, gục gặc đầu :" Cho tụi nó chết !"

Bỗng người con hỏi :

- Còn mấy thằng tướng ngụy ?

Câu hỏi đó như một ánh sáng bật lên trong bóng tối để ông nhìn thấy rõ sự thật: không phải con ông không nói rành tiếng Việt mà là con ông nghiêng về phía bên kia, cái phía đã lật lọng, ăn cháo đá bát, cái phía đã lấy hết tài sản của ông một cách ngang nhiên trắng trợn ! Trời đất chung quanh bỗng như sụp xuống ! Tuy nhiên ông vẫn trả lời:

- Mấy người đó thì ba không biết.

- Tụi nó chạy ra đảo Guam hết. Thằng chủ chạy thì thằng tớ phải chạy theo chớ dám ở lại đâu. Tưởng ba biết gì kể lại nghe chơi chớ ở bên nây báo chí tê-lê nói đầy đủ. Trên tê-lê thấy nhiều thằng tướng ngơ ngác như bầy gà nuốt giây thun !

Người con nói xong cười lên khoái trá. Ông Lê Tư nghe giận phừng lên mặt ! Ông đưa tay định xáng cho thằng con một cái, nhưng ông kềm lại kịp. Ông bỏ tay xuống mà nghe ngực mình tức ran. Tự nhiên, ông ứa nước mắt. Từ phút đó, ông làm thinh. Thấy như vậy, tưởng cha bị mệt vì cuộc hành trình quá dài nên ông Lê cũng không hỏi tiếp.

Bà Lê Tư ngồi ở băng sau, không chen vô một lời. Bà cảm thấy rồi đây sẽ không thể nào ở chung với một thằng con như vậy được. Bà đã tưởng đi ra khỏi xứ để khỏi phải thấy hằng ngày những chuyện trái tai gai mắt, nào ngờ qua đây gặp thằng con không biết học ở đâu mà

ăn nói giống " tụi nó" y chang ! Nhưng không sao. Rồi bà sẽ mua nhà ở riêng. Bà dư sức. Với số hột xoàn mà bà đã cất giấu sau 1975 và bây giờ đang nằm an toàn trong cái giỏ mây hai đáy bà ôm trong lòng, bà dư sức. Cho dù bà phải cưu mang suốt phần đời còn lại ông chồng mà bà đã không còn coi là thần tượng nữa, từ lâu…

Về đến nhà – ở Neuilly Sur Seine, khu nhà giàu – ông Lê giới thiệu vợ con rồi đưa cha mẹ lên phòng trên lầu, nói :

- Ba má nghỉ một chút rồi xuống ăn trưa.

Bữa ăn được dọn lên từng món theo phong cách tây phương. Vợ ông Lê hỏi han lễ độ và kín đáo chăm sóc ông bà Lê Tư. Hai thằng con ông Lê – giống mẹ hơn giống cha nên ít thấy lai Việt – không biết một tiếng Việt. Chúng ăn nhanh nhanh. Xong món thứ nhì, chúng không đợi món kế tiếp, vội vã rút lên phòng. Suốt bữa ăn, câu chuyện chỉ vây quanh mấy món ăn nấu theo tây, bởi vì ông Lê khoe có bà bếp giỏi. Bà bếp, người Pháp, có bước ra chào ông bà Lê Tư…

Nhờ vậy, không khí trong bữa ăn không đến nỗi nào tẻ lạnh.

Sau bữa ăn, vợ ông Lê vì tế nhị , muốn để cho chồng và cha mẹ nói chuyện riêng với nhau, nên xin phép lên lầu. Bà dặn chồng :

- Anh không nên nói chuyện nhiều. Ba má chắc cần phải ngủ vì sai giờ giấc. Mình còn nhiều thì giờ mà…

Khi bước qua xa long để uống cà phê, ông Lê hỏi :

- Ba má định qua đây ở chơi bao lâu ?

Ông Lê Tư châu mày, nhìn bà. Bà trả lời :

- Ba má định qua ở luôn chớ đâu phải ở chơi.

Người con ngạc nhiên :

- Ủa ? Sao lại ở luôn ? Bây giờ nước nhà độc lập rồi, không còn thằng nào ngồi trên đầu trên cổ mình hết. Tất cả đều thuộc về mình, không còn sợ thằng ác ôn nào cướp giựt nữa. Như vậy mà ba má định bỏ xứ qua đây ở luôn. Thiệt là vô lý !

Hồi nãy, trên xe về đây, ông Lê Tư còn nghĩ rằng thằng con ông chỉ nghiêng về phía bên kia. Bây giờ thì quá rõ ràng : nó đã đứng hẳn về phía bên đó. Ông nghe lòng quặn thắt : chẳng những cách mạng đã cướp hết tài sản của ông, mà tụi nó còn cướp luôn thằng con duy nhứt của ông, cướp từ hồi nào rồi…

Ông Lê Tư làm thinh. Bà Lê Tư hơi mất bình tĩnh :

- Tại con không biết. Tụi nó lấy hết tài sản của ba má rồi còn đuổi xuống ở căn nhà của bồi, rồi lại bắt không được đi cổng chánh phải đi cổng hậu. Bây giờ tụi nó sợ mình không chấp hành chỉ thị nên kéo kẽm gai cô lập căn nhà ba má ở. Con nghĩ coi sống làm sao ?

- Buổi đầu lúc nào chẳng có chuyện sai sót. Rồi cách mạng sẽ trả lại hết cho ba má, yên tâm đi ! Điều mà con muốn nói là chưa chi mà ba má đã muốn bỏ xứ ra đi giống như bè lũ đĩ điếm trộm cắp tháo chạy mấy ngày trước giải phóng…làm con thấy không hãnh diện chút nào hết !

Câu nói chưa dứt, ông Lê Tư đã đứng phắt dậy, làm thinh đi thẳng lên lầu. Bà Lê Tư cũng nối gót, nhưng bước chân bà nặng chình chịch. Đứa con máu mủ mà bà mới ôm hun thắm thiết hồi nãy trên phi trường, bây giờ bỗng giống như người xa lạ. Bà cảm thấy hụt hẫng đến độ bà không biết phải làm gì, nói gì. Đến giữa cầu thang , kềm không được, bà ôm mặt khóc tức tưởi…

Suốt buổi chiều, ông Lê Tư ngồi trong phòng làm thinh hút thuốc. Ông không nghe buồn ngủ, ông chỉ nghe

mệt – thật mệt – và chán chường – thật chán chường. Ông bắt gặp lại tâm trạng của ông vào những ngày cuối cùng của thời ông bị cách mạng quay hằng bữa để ông kê khai tài sản một cách " đầy đủ và trung thực" !

Bà Lê Tư cũng không ngủ. Bà điện thoại để liên lạc mấy bà bạn đã định cư ở Pháp, nhứt là ở vùng phụ cận Paris. Rồi bà hẹn hò…Sung sướng như thấy chân trời đang mở rộng.

Sau bữa ăn tối, đợi bà Lê và hai con lên lầu, bà Lê Tư nói :

- Chị bác sĩ A sáng mai lại rước má về nhà chỉ chơi vài bữa. Sau đó, có lẽ sẽ qua nhà bà dược sĩ L . Ở đây, má có nhiều bạn bè lắm, con đừng lo cho má. Con chỉ cần lo cho ba thôi.

Ông Lê Tư nhìn thẳng mặt con, giọng nghiêm trang :

- Ba nói thật : ba với con không hạp nhau. Ba không thể ở chung với con được. Ba xin con cho ba ở một nơi nào khác, ở một mình cũng không sao.

Ông nói " xin con cho ba" , đó là sự thật. Bởi vì bây giờ ông hoàn toàn trắng tay. Xưa nay, tiền dư ra, ông cho bà một phần để mua hột xoàn, còn bao nhiêu ông chuyển hết qua chương mục của người con…

Ông Lê ngồi làm thinh, không biết ông đang nghĩ gì. Cũng là làm thinh, nhưng sự làm thinh của ông khó hiểu hơn sự làm thinh của ông bà Lê Tư !

Vậy rồi sáng hôm sau, bà bác sĩ A lái xe lại rước bà Lê Tư. Tiếp theo là ông Lê chở người cha ra ở cái nhà nghỉ mát ở gần bờ đá dựng. Suốt cuộc hành trình dài mấy tiếng đồng hồ, hai cha con không nói với nhau một lời !

Từ ngày ra đây ở, ông Lê Tư cảm thấy cuộc đời mình như đang đi vào một ngõ bí. Không sống được với

cách mạng, đã đành. Còn lại bà vợ thì bây giờ bả coi mình như cục bứu trên lưng. Rồi đến thằng con, đối với mình, nó còn lạ hơn người xa lạ ! Cứ nghĩ quẩn nghĩ quanh như vậy hết ngày này qua ngày khác mà con người ông sa sút thấy rõ. Bây giờ, ông ốm nhom. Đi đứng đã phải chống ba-toon và đêm đêm cứ phải nằm trằng trọc tới khuya lơ mới dỗ được giấc ngủ. Thấy tội nghiệp, ông bà Jean Marie hay thừa dịp đưa nước trà hay cà phê để ngồi lại gợi chuyện vẩn vơ. Họ cũng ngạc nhiên tự hỏi sao không thấy ai gọi điện thoại hỏi thăm ông già này hết. Làm như ông không có mặt trong cuộc đời này…Cho nên họ tận tình chăm sóc ông từng chút. Đến nỗi, về đêm, bà Jean Marie thường đợi ông lên giường nằm đàng hoàng mới tắt đèn đóng cửa đi về nhà ! Ông Lê Tư rất cảm kích nên lâu lâu ông phá lệ làm thinh để nói hai tiếng " cám ơn", nhẹ như hơi thở…

Một hôm, ông Lê Tư bỗng thèm nhìn mặt biển, cái biển mà từ hôm ra đây – đã gần hai tháng – ông chỉ nghe tiếng của nó rì rào ngoài kia thôi. Ông bèn chống ba-toon bước từng bước run run đi lần ra hướng đó. Cứ đi vài bước là ông phải dừng lại một lúc để thở, nhưng ông vẫn cố bước đi…

Bây giờ thì ông đã đứng trên mép bờ đá dựng. Dưới chân ông, rất sâu phía dưới, là biển. Biển xanh dờn, kéo dài ra chân trời. Trời nước mênh mông. Gió muối và mùi thơm thơm của rong rêu nhắc ông nhớ cái biệt thự ở mỏm núi lớn Vũng Tàu. Ông đã xây cất biệt thự đó để làm nơi tiếp tân nên có một sân gạch thật rộng hướng về phía biển. Ông hay đứng ở đó nhìn chân trời như ông đang đứng nhìn chân trời bây giờ. Cũng trời, cũng nước, cũng một đường gạch ngang. Hồi đó, lúc nào ông cũng thấy chân trời đang mở rộng cho ông, cái hồi mà ông làm

chuyện gì cũng thành đạt. Bây giờ, cũng trời, cũng nước, cũng một đường gạch ngang nhưng sao ông không thấy nó mở rộng cho ông một chút nào hết ! Ông chỉ thấy toàn là bế tắt. Chân trời là đường chấm dứt một cái gì : trời cao nghiêng xuống đến đó là hết, biển rộng vươn dài đến đó cũng là hết ! Giống như cuộc đời của ông bây giờ…Của cải:hết ! Vợ con:hết ! Sức khoẻ của ông rồi cũng sẽ hết ! Hết ! Hết !

Bỗng, ông Lê Tư liệng mạnh cây ba-toon xuống biển, giống như ông dứt khoát không cần dùng đến nó nữa. Rồi ông hít một hơi dài, nhắm mắt bước thẳng vào khoảng không trước mặt, giống như bước qua một lằn ranh tưởng tượng.

Từ bây giờ, ông Lê Tư làm thinh vĩnh viễn…

Chiều hôm đó, ông Jean Marie gọi điện thoại về Paris. Không có người bắt máy, nhưng có máy nhắn tin nên ông nhắn :" A lô ! Tôi là Jean Marie. Tôi xin báo tin buồn: ông cụ đã từ trần. Ông đi dạo gần tường đá dựng chẳng may rơi xuống biển. Nhà chức trách đã vớt được xác đem về nhà xác bịnh viện Etretat. Yêu cầu ông bà ra gấp. Vợ chồng tôi xin chia buồn. Thành thật chia buồn…"

Không biết, khi hay tin, vợ con ông có nhỏ cho ông một giọt nước mắt ?

Những hình ảnh đẹp

Anh tôi nằm bịnh viện Saint Camille đã được mười bữa. Chiều hôm qua, ảnh gọi điện thoại về nhà, nói: "Thằng tây nằm chung phòng ra nhà thương rồi, ngày mai chủ nhựt, mầy vô đây anh em mình nói chuyện chơi." Nghe giọng ảnh 'có thần' nên tôi vui vẻ trả lời : "Dạ ! Mai em vô. Vợ con em đi Mỹ, chớ không thì em cũng chở tụi nó vô thăm anh." Tôi nghe ảnh cười khịt: "Một mình mầy cũng đủ cho tao vui rồi… "

Phòng anh tôi là loại phòng hai giường ở lầu ba. Ông già người Pháp cỡ hơn tám mươi tuổi nằm chung phòng với anh tôi rất khó tánh. Ổng không thích có nhiều ánh sáng vào phòng nên *volet* cửa sổ lúc nào cũng chỉ hé lên một chút thôi. Thấy ổng quá già lại hay gắt gỏng nên mấy cô y tá cũng nhân nhượng, chỉ kéo *volet* lên cao trước giờ bác sĩ trưởng đi thăm bịnh nhân, rồi lại hạ thấp xuống, sau đó ! Mỗi lần tôi vào thăm anh tôi, mặc dầu chúng tôi nói chuyện nho nhỏ với nhau, ổng cũng lăn qua trở lại thở dài. Có khi còn lấy gối bịt lỗ tai nữa ! Anh tôi nói: "Tao chưa bao giờ nghe nó…tằng hắng với tao một tiếng !" Ông tây đó xuất viện, chắc anh tôi nghe… nhẹ lắm nên mới vội vã gọi tôi vào chơi, để nói chuyện mà không cần giữ gìn ý tứ gì hết !

Hôm nay, *volet* cửa sổ được kéo lên hết nên để lộ trời cao lồng lộng và phòng đầy ánh sáng.. Thấy tôi, anh tôi vui vẻ nói : "Mừng quá ! Hổm rày, cứ làm thinh, bực mình thấy mụ nội ! Bữa nay, tụi mình nói chuyện tự do, cho nó đã ! " Tôi nhìn anh tôi mà thấy thương : mới ngoài

sáu mươi mà đã già xọm. Bao nhiêu năm tù đày của cộng sản đã ăn mòn cơ thể của ảnh đến nỗi từ khi ảnh qua Pháp sum họp với vợ chồng tôi, ảnh cứ bịnh lên bịnh xuống hoài. Cũng may là ảnh không có vợ con nên không có những cái lo của người có gánh nặng gia đình. Và cũng may là ảnh chỉ có một mình tôi là em đã có cuộc sống ổn định nên ảnh không phải cưu mang một đứa em nào khác.

Hai anh em tôi nói chuyện vui vẻ một lúc, bỗng anh tôi nhìn trời qua khuôn kiếng cửa sổ rồi nói : " Trời đẹp quá, Cu ! " Tôi còn đang ngẩn ngơ không biết ảnh nói với ai thì ảnh cười khịt khịt: "Mầy quên mầy hồi nhỏ tên là Cu hả ? " Tôi bật cười: cả một trời dĩ vãng bỗng hiện về rất rõ, với những hình ảnh thuở nhỏ ở nhà quê, có bà mẹ một mình trồng rau trồng cải nuôi hai thằng con, đứa lớn tên Hai đứa nhỏ tên Cu… Tôi nhìn anh tôi mà nghe rưng rức ở trong lòng. Tôi "Dạ" như cái máy ! Anh tôi nói: "Bác sĩ nói anh ra ngoài chút chút được." Tôi lại "Dạ" nhưng vẫn còn thấy tôi đang ở quê tôi, ở trong cái nhà tranh vách đất có giàn bầu vắt lên mái tranh che sàng nước nằm bên góc bếp… Tôi nói "Vậy hả anh" mà vẫn còn đứng trong vườn rau của mẹ với mấy cây mít cây ổi cây xoài, vẫn còn nhìn cái giếng có cây cần vọt để kéo nước và cái gàu đeo lủng lẳng ở đầu cây sào dài…Tôi chỉ giật mình dạ lớn khi nghe anh tôi gọi : "Cu ! Ê …Cu ! " Ảnh nhìn tôi, mỉm cười: "Tao muốn mầy đưa tao đi một vòng " Tôi "Dạ ' rồi vội vã bước ra cửa. Ảnh ngạc nhiên : "Đi đâu vậy ? " Tôi trả lời : "Em đi lấy cái xe lăn ! " Ảnh bật cười : "Không cần xe lăn xe liếc gì hết. Mầy lại đây, tao chỉ cho." Ảnh tằng hắng mấy tiếng rồi nói tiếp : "Mầy đỡ tao dậy cạnh giường. Đọ… Mầy xây lưng lại thụt sát vô cạnh giường ở giữa hai chân tao nè.

Đọ…Rồi mầy rùn người xuống cho tao ôm cổ mầy. Mẹ… Mầy ăn thứ gì mà mầy lớn con quá hổng biết ! Rồi ! Tao ôm chắc rồi ! Bây giờ, mầy choàng hai tay ôm hai bắp vế của tao đây, vừa xóc nhẹ để lấy trớn vừa đứng lên. Đọ…Như vậy, người mình gọi là 'cõng'. Ở xứ nầy, tao chưa thấy ai cõng ai hết. Có lẽ người ta không biết cõng, mầy à !" Tôi cõng anh tôi, nhẹ hều. Ảnh nói : "Hồi nhỏ, tao cõng mầy mòn lưng, mầy đâu có biết !" Một xúc động bỗng dâng tràn lên cổ, tôi vừa nuốt xuống vừa siết chặt hai chân anh tôi như muốn ôm lấy hết con người của ảnh để cám ơn, cái con người đang nằm trên lưng tôi đây, cái người anh đã hy sinh suốt cuộc đời không chịu lập gia đình chỉ vì muốn nuôi thằng em ăn học cho đến nơi đến chốn ! Ảnh đã cõng tôi trong thời tuổi nhỏ, về sau, ảnh vẫn tiếp tục cõng tôi -dù dưới hình thức khác- cho đến ngày tôi thành nhân ra đời. Biết bao giờ tôi cõng lại anh tôi suốt hai mươi mấy năm trời như vậy ?

Chúng tôi ra hành lang. Gặp một cô y tá, cô ta vội nói : "Để tôi lấy cho ông một chiếc xe lăn ! " Tôi lắc đầu : " Khỏi cần ! Cám ơn cô ! Anh tôi muốn tôi cõng như vầy." Cô ta mỉm cười bỏ đi, vừa đi vừa nhìn lại, vẻ ngạc nhiên. Anh tôi nói : "Mầy thấy không ? Ở xứ nầy, người ta không biết cõng là gì ! " Thật vậy, đi dài dài theo hành lang, gặp ai cũng bị nhìn với một nụ cười như muốn nói 'Làm gì ngộ vậy há !' Tiếng của anh tôi vẫn đều đều nho nhỏ bên tai : "Hồi đó, năm mầy ba tuổi là năm mầy bịnh hoài nên mầy cứ nhề nhệ nhề nhệ đeo theo má đòi ẵm. Chiều nào má cũng nói 'Hai ! Mầy cõng thằng Cu đi hàng xóm cho má nấu cơm coi !'. Vậy là dầu tao đang tưới rau tao cũng quăng đó, cõng mầy đi vòng vòng. Hồi đó, lúc nào mầy cũng ở truồng, còn tao, dầu đã hơn mười tuổi, nhưng lúc nào cũng ở trần, chỉ khi nào đi học mới máng

lên mình cái áo sơ-mi. Thành ra, khi cõng mầy tao thương ở cái chỗ là nghe con cu của mầy mềm mềm nằm gọn trên da lưng tao. Nhiều khi thương quá, tao xoay người lại hun mầy trơ trất làm mầy nhột mầy cười đưa mấy cái răng non nhỏ như hột gạo ! Mầy coi ! Vậy mà đã hơn năm mươi năm rồi chớ bộ !" Tôi im lặng nghe anh tôi kể mà trong đầu thấy như đang nhìn ngay trước mắt cảnh thằng anh cõng thằng em đi quanh quanh để người mẹ rảnh tay lo nấu bữa cơm chiều… Đẹp quá ! Anh tôi lại nói : "Thiệt ra, tao đâu có cõng mầy đi đâu xa. Đi lòn lòn qua mấy liếp rau mấy bờ mía rồi qua lò bánh tráng của dì Sáu Lộc. Đứng xớ rớ một chút là dì Sáu hay chị Hai Huê con của dỉ cho một cái bánh tráng nướng thơm phức. " Ngừng một chút, anh tôi hỏi : "Mầy còn nhớ chị Hai Huê không ? " Tôi đáp : "Dạ có. Hồi đó, chỉ ra sư phạm rồi dạy tụi em ở tiểu học. " Anh tôi tằng hắng : "Ờ ! Chỉ đó ! Má khen chỉ lắm, nói : con nhỏ dễ thương, đi làm có lương mà chỉ sắm có hai cái áo dài, hỏi nó thì nó nói nó để dành tiền cất một cái quán cho má nó ra bán bì bún ít cực hơn là xay bột tráng bánh. " Đến đây thì tôi nhớ rõ cái quán của dì Sáu Lộc : quán nhỏ nằm cạnh cây gõ trước lò bánh tráng. Bì bún ngon có tiếng. Có điều là dì Sáu không bán rượu đế mà cũng không cho khách hàng mang rượu đế đến quán ! Dân nhậu phàn nàn thì dì Sáu nói : "Tôi ghét thứ đó lắm ! Cũng tại ba cái đế đó mà ông nhà tôi ba ngù té xuống bàu chết không ai hay ! " Cái quán đó về sau giao cho vợ chồng cô cháu gái của dì Sáu trong nom và được cất rộng ra thành tiệm cà phê, người ta gọi là tiệm 'Cây Gõ'….

Ở cuối hành lang bịnh viện là khuôn kiếng rộng. Nhìn xuống dưới thấy nắng đầy… Cây cỏ được cắt xén sạch sẽ đẹp mắt. Tia nước tưới vườn tự động quét qua

quét lại coi mát rượi. Anh tôi im lặng nhìn một lúc rồi nói : "Hồi đó, chiều nào đi học về, tao cũng phải đi tưới vườn rau. Mới có mười tuổi mà tao mạnh lắm ! Cái gàu nước lớn như vậy mà tao xách chạy bon bon. Phải nói là nhờ có cây cần vọt tao mới kéo nổi cái gàu ra khỏi giếng, chớ nếu kéo bằng sợi dây dừa thì chắc tao chịu thua. " Có lẽ sợ tôi quên nên anh tôi tả cây cần vọt. Tôi vẫn để ảnh nói vì tôi thấy ảnh đang sung sướng với những hình ảnh đẹp của quê hương, cái quê hương ngàn trùng xa cách…

Tiếng của anh tôi vẫn đều đều bên tai : "Cần vọt là hai cây tre lớn bằng bắp chân đóng dính chắc vào nhau bằng những thanh ngang coi giống như một cái thang. Chân cái thang đó được chôn đứng cách giếng độ hai ba thước. Trên đầu có một cốt tròn xỏ qua hai thân tre. Bắc dính chắc trên cái cốt đó là một thân tre dài, đầu to là đầu nặng nằm đụng đất, đầu nhỏ chỉ lên trời coi giống như một đòn bẩy hay một cái đu nhún lên hạ xuống của trẻ con. Đó là cái cần. Trên đầu cần là một cây sào bằng tầm vông dài xuống gần miệng giếng, đầu dưới của sào có cái móc để móc cái gàu. Muốn lấy nước, người ta kéo cây sào thòng gàu xuống giếng đợi gàu đầy nước là kéo gàu lên, cây cần làm đòn bẩy giúp cho người kéo nước không phải ráng sức. Hay quá ! " Tôi nói đẩy đưa, cố ý để cho anh tôi nghỉ : " Dạ. Em còn nhớ cây cần vọt chớ! Hồi em lớn lên, em vẫn phụ anh tưới rau cho má, anh quên sao? Em còn nhớ hồi đó phần của em là lo tưới và chăm sóc giàn bầu cùa má." Ảnh cười khịt khịt : " Ờ… giàn bầu. Trái dài lòng thòng, đi ngang phải cúi đầu để tránh." Rồi giọng của ảnh như vui lên: " Bầu luộc là món mà tụi mình ăn hằng ngày, mầy nhớ không? Bữa cơm nào cũng có bầu luộc, mẻ cá kho và một tô nước luộc bầu. Nước luộc bầu

không có con tôm con tép gì hết, chỉ có chút muối, chút tiêu và mấy cọng hành… vậy mà tụi mình chia nhau húp ngon lành, hén Cu !" Tôi bồi hồi nhớ lại cảnh anh em tôi húp nước luộc bầu, nhứt là cái cử chỉ của anh tôi khi ảnh đưa tô sành mẻ miệng, xây chổ miệng tô còn lành, nói: "Húp ở đây nè, Cu !". Cha ơi…! Sao mà nó đẹp!

Thấy gần trưa, tôi cõng anh tôi đi lần về phòng. Bỗng ảnh nói : " Ý ! Má kêu kìa !" Rồi ảnh nghẻo đầu buông thõng hai tay !. Tôi đang hốt hoảng chưa biết phải làm sao thì gặp ông bác sĩ trưởng trong thang máy bước ra. Tôi vội vã gọi : " Bác sĩ ! Bác sĩ ! Ông coi dùm coi ! Anh tôi bị gì rồi !" Bác sĩ rờ đầu rờ cổ anh tôi rồi lôi tôi chạy lại phòng trực y tá. Bác sĩ hướng vào trong nói "Cứu cấp". Mấy cô y tá phóng ra đỡ anh tôi qua giường sắt có bánh xe rồi đẩy nhanh về phòng, theo sau là xe dụng cụ thuốc men. Vào phòng, một cô y tá đẩy nhẹ tôi ra ngoài, nói : "Ông đừng vào. Cảm phiền đứng đợi ở đây." Rồi đóng cửa lại. Tôi tỳ người vào tường, nhìn quanh bối rối : hành lang trống trơn bỗng như rộng mênh mông…

Một lúc lâu sau mấy cô y tá mở cửa đẩy giường đẩy xe ra, nói chuyện tỉnh bơ. Đi sau cùng là bác sĩ trưởng. Ổng vỗ vai tôi, nói : " Không có gì hết ! Chỉ bị xúc động mạnh thôi. Ông vào được rồi." Tôi nói "Cám ơn" rồi thở dài nhè nhẹ như vừa trút một gánh nặng. Nhìn thấy tôi bước vào, anh tôi mỉm cười, mắt ảnh ngời sáng, nhưng ảnh vừa đưa tay ra dấu vừa nói : "Thôi ! Mầy về đi ! Để tao ngủ một chút ." Nói xong, ảnh nhắm mắt mà trên môi vẫn còn nguyên nụ cười. Tôi biết : ảnh đang đi vào giấc ngủ với những hình ảnh đẹp mà hai anh em vừa gợi lại khi nãy !

Tôi bước ra, đóng nhè nhẹ cửa. Hành lang dài tung hút. Chắc cũng đến giờ cho bịnh nhân ăn nên phảng phất có mùi đồ ăn. Tôi bỗng nghe thèm vị ngọt của nước luộc bầu mà anh em tôi chia nhau húp năm chục năm về trước, bây giờ sao vẫn còn nhớ. Và lạ thiệt ! Nước luộc bầu quá tầm thường như vậy mà sao cũng mang đầy mùi vị của quê hương ?

Nghĩ đến đó, tự nhiên, tôi nuốt nước miếng….

Mũ "bảo hiểm"

Mũ bảo hiểm - hồi thời trước gọi là "Mũ An Toàn" - là loại mũ dùng để bảo vệ cái đầu khi làm việc ở các công trường hay khi chạy xe mô-tô hay xe gắn máy. Phải nói cho rõ để thấy vào thời nào người ta cũng … coi trọng cái đầu. Nhứt là sau nầy - nghĩa là sau 1975 - ở Việt Nam, mấy cha cách mạng càng coi cái đầu có "ký lô" hơn … những thứ gì khác trên cơ thể con người! Bằng cớ là một hôm, thay vì … tập trung trí tuệ để giải quyết vấn đề kẹt xe triền miên trong thành phố (Bây giờ gọi là "Ùn tắc giao thông" nghe rất văn vẻ huê dạng!) chánh quyền bỗng … khạc ra sáng kiến bắt những người chạy xe gắn máy hay xe mô-tô (Bây giờ gọi là "Tham gia lưu thông", nghe có … trình độ văn hóa hơn!) phải đội nón "Bảo Hiểm"! Cái khó hiểu là không phải bị bắt buộc đội mũ bảo hiểm khi anh trèo lên xe để … tham gia lưu thông ở bất cứ trên con đường nào, mà chỉ phải đội mũ trên những "tuyến đường" do nhà nước ấn định thôi! Có nghĩa là ngoài những tuyến đường được ấn định, ở những con đường khác không có gì … nguy hiểm hết! Có té cũng không sợ … bể đầu!


CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BẮT BUỘC ĐỘI MŨ BẢO HIỂM:

Sẽ tiến dần vào nội ô?

Hôm qua, danh sách mới về các tuyến đường bắt buộc đội mũ bảo hiểm ở TP.HCM đã được gút lại. Ngoài ra, nhiều tuyến đường nội thành TP.HCM khác cũng đã được đưa vào "lộ trình đội nón", trong đó có đường Tôn Đức Thắng chạy dọc công viên Bạch Đằng. * xem trang 6

TP.HCM: từ 20-12 cấm xe tải lưu thông trong nội thành

● Đưa xe đi đăng kiểm đi theo đường nào? ● Được phép lưu thông hạn chế trên các tuyến đường nào? * xem trang 6

Xem tin dưới đây:

Thành ra, người dân đi đâu bằng xe gắn máy hay xe mô-tô phải … lận lưng bản danh sách những tuyến đường bắt buộc đội mũ bảo hiểm để đi cho đúng, tránh bị phạt! Và bởi vì không phải lúc nào cũng đi vào "tuyến đường đội mũ" nên có nhiều người không mua mũ mà khi cần thì mượn đỡ của ban bè! Do đó mới có "dịch vụ" cho mướn mũ bảo hiểm ở mỗi đầu tuyến đường đội mũ!

Cho mướn là làm như sau:

- ở đầu đường "đội mũ", những người làm dịch vụ nầy đặt cái bàn nhỏ để để mũ. Ở cuối con đường cũng có một cái bàn như vậy của đồng bọn.

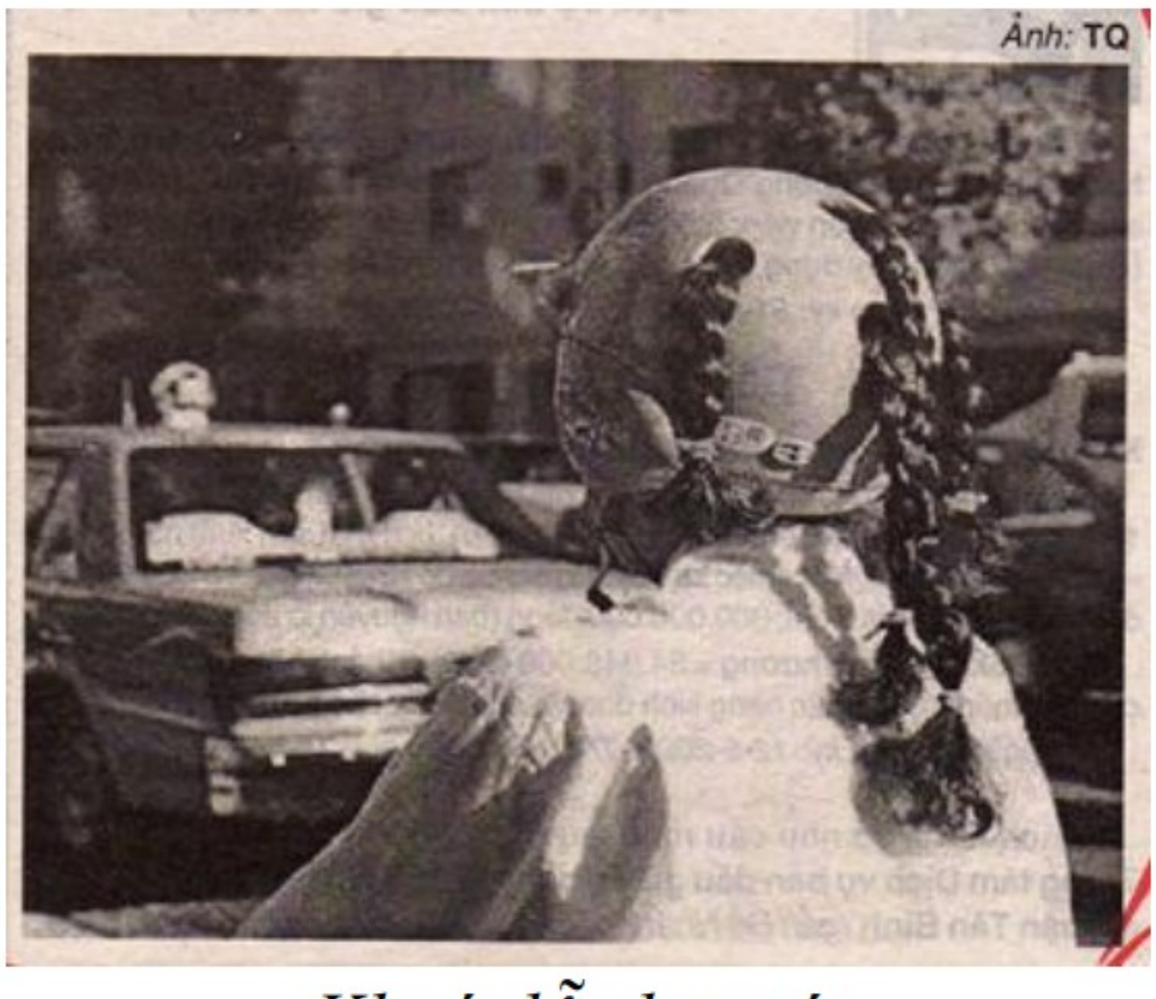
- mình ghé vào mướn mũ, ngoài tiền mướn nộp ngay ở đó, mình phải đóng tiền … "thế chưn" cho cái nón. Khi chạy đến cuối đường, mình ghé vào bàn "dịch vụ" trả nón rồi lấy lại tiền thế chưn.

Mỗi tuyến đường chỉ có một ê-kíp dịch vụ nên chuyện mướn nón chẳng có gì rắc rối. Có lẽ bọn "làm ăn dịch vụ" nầy đã … khoanh vùng chia nhau trước nên chuyện mướn nón đã trở thành chuyện … bình thường! Tuy nhiên, cũng có trường hợp ngoại lệ như sau, do thằng con tôi kể lại:

Thằng con lớn của tôi về Việt Nam làm đám ma cho bà nội nó, sau đó, nó nhờ một thằng bạn nó chở Honda đi thăm bạn bè ở Sài Gòn. Ở một tuyến đường, thằng bạn nó ghé vào mướn nón. Tiền bạc xong, tụi nó đội nón, đi. Thằng con tôi để ý thấy có một thằng nhỏ cởi xe gắn máy cứ chạy kè kè theo hoài, sanh nghi nên nó bấm thằng bạn nó, nói nhỏ: " Ê! Coi chừng thằng nhỏ! Nó cứ kè theo tự nảy giờ! ". Thằng bạn trả lời: "Ờ! Để coi nó muốn gì? Mầy dòm chừng nghen!". Đến cuối đường, thằng nhỏ tấp vô, nói: "Hai chú cho tui xin lại nón". Vừa nói nó vừa đưa

xấp tiền thế chân. Thì ra, nó là người của dịch vụ tuyến đường nầy! Hỏi tại sao nó không đặt bàn dịch vụ như ở những nơi khác? Thằng nhỏ chỉ cái bàn kê dưới gốc cây gần đó, nói: "Trước đây có chớ! Nhưng tụi tui bị bọn đó chiếm chỗ làm ăn! Họ là gia đình liệt sĩ nên tụi tôi coi như …thí cô hồn! Bây giờ, thà tốn chút xăng chạy tới chạy lui mà có việc làm chớ bây giờ biết làm khỉ gì hả mấy chú?". Những trường hợp ngoại lệ như vậy ở Việt Nam thiếu gì! Chuyện bình thường thôi!

Mũ bảo hiểm từ từ rồi cũng thành thông dụng! Làm như cứ đội lên là … chuyện gì rồi cũng qua! Đây, hãy xem vài trường hợp khá … ấn tượng:



Khoét lỗ cho mát



Đội nón bảo hiểm để đi khi nước lụt, sợ té xuống nước bị ... bể đầu!



Đội nón bảo hiểm để vô chùa, tội lỗi ... đầy đầu sợ Phật quở!



Đội nón bảo hiểm để chăn trâu, đúng là cha nầy muốn kêu ngạo Nhà Nước!

Những chuyện trên đây xảy ra cách nay cũng năm sáu năm. Bây giờ ở Việt Nam chắc khá hơn nhiều: ai ai cũng biết sử dụng mũ bảo hiểm, kể cả các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà Nước! Đừng cười! Không phải họ … chạy Honda nên cần đội nón , mà vì họ đang … "đi dây chánh trị" như trong gánh xiệc, mất thăng bằng đâm đầu té xuống lúc nào không biết, phải … nâng cao cảnh giác đội mũ bảo hiểm cho ăn chắc!

Xin kể sơ những nguy hiểm của họ bây giờ:

- bao lâu nay họ cứ … vắt vẻo một cách mù mờ trên cái "Đỉnh cao trí tuệ của loài người", bây giờ mới thấy cái đỉnh đó không có chân, nghĩa là nó sẽ ngả xuông bất cứ lúc nào! Vậy là "ta" tuột xuống thôi, mà phải "tuột nhanh cơ" để tránh … tai nạn lao động và phải đội mũ bảo hiểm nữa!

- bây giờ, ngoài miệng họ cứ nói oang oang "phải chống những thế lực thù địch nước ngoài", chớ thật ra, cái

sợ của các lãnh tụ là mấy thằng đồng chí! Chúng nó luôn rình rập để đá mình ra khỏi chỗ mình ngồi để … cướp cái ghế về cho chúng! Tiên sư chúng nó! Mới hôm nào sau khi nhất trí ở đại hội và ôm hun thắm thiết khi chia tay, nay đã vội trở cờ! Vì vậy, lãnh tụ nào cũng thủ một cái nón bảo hiểm! Thì ra "Cái nghề … lãnh tụ , thế mà nguy hiểm đấy! Vỡ đầu lúc nào chả biết!".

Nghe nói Tập Đoàn Doanh Thương gì đó của gia đình một lãnh tụ cao cấp của Việt Nam đang nhập cảng mũ bảo hiểm loại … xịn, mắc tiền. Chắc không phải để bán cho nhân dân! Thiên hạ đồn rằng cán bộ không thèm đội … nón cối nữa (Bị chê là quê mùa, lạc hậu!) từ khi có …phong trào đội mũ bảo hiểm trong giới cầm quyền!

Made in Việt Nam

Lẽ ra bữa nay bác sĩ Lê không nhận bịnh nhân vì là ngày nghỉ trong tuần của ông. Nhưng hôm qua, trong điện thoại, nghe giọng câu khẩn của người bịnh ông không nỡ từ chối. Người đó – ông đoán là một cô gái còn trẻ – nói chuyện với ông bằng tiếng Mỹ. Cô ta hỏi ông nhiều lần :

- Có phải ông là bác sĩ Lee không ?

Tên ông là Lê. Cái tên Việt Nam đó ở xứ Mỹ này người ta viết là " Lee ", nên ông được gọi là " ông Lee " (Li).

Ông ôn tồn trả lời nhiều lần :

- Thưa cô, phải. Tôi là bác sĩ Lee đây.

- Phải bác sĩ Lee chuyên về châm cứu và bắt mạch hốt thuốc theo kiểu á đông không?

- Thưa cô phải.

- Có phải phòng mạch của bác sĩ ở đường Green Garden không ?

Bác sĩ Lê, đã ngoài sáu mươi tuổi, tánh rất điềm đạm, vậy mà cũng bắt đầu nghe bực ! Tuy nhiên, ông vẫn ôn tồn :

- Thưa cô phải. Xin cô cho biết cô cần gì ?

Giọng cô gái như reo lên :

- Vậy là đúng rồi ! Con Cathy bị bịnh suyễn nói bác sĩ chữa bịnh hay lắm. Cả nhà nó, kể luôn ba má ông bà nó đều đi bác sĩ hết.

Đến đây thì ông bác sĩ già đó không kềm được nữa, ông xẵng giọng :

- Cám ơn cô. Bây giờ xin dứt khoát cho tôi biết coi cô muốn cái gì ?

Giọng bên kia đầu dây như lắng xuống :

- Tôi xin lỗi bác sĩ. Xin lỗi. Tôi muốn xin bác sĩ cái hẹn cho ngày mai. Tôi bịnh…

- Mai là ngày nghỉ trong tuần, phòng mạch không có mở cửa. Ngày khác vậy.

- Ngày mai cũng là ngày nghỉ của tôi nữa, bác sĩ à.

- Cô đã bịnh thì cứ xin nghỉ để đi bác sĩ, ngày nào lại không được !

Một chút im lặng ở đầu dây bên kia rồi giọng người con gái bỗng nghe thật buồn :

- Họ đâu có cho nghỉ, bác sĩ. Họ nạt vô mặt :" Mầy muốn nghỉ thì mầy nghỉ luôn đi. Thiếu gì đứa muốn vào làm chỗ của mày. Mày biết không ?"

Giọng nói như nghẹn ngang ở đó, rồi tiếp :

- Không có việc làm là chết, bác sĩ à…

Ông bác sĩ già làm thinh, suy nghĩ. Đầu dây bên kia, cô gái van lơn :

- Xin bác sĩ thông cảm. Tôi sợ bịnh nặng hơn, không đi làm nổi nữa là mất việc. Xin bác sĩ thông cảm. Xin thông cảm.

- Ờ thôi, để tôi ráng giúp cô. Sáng mai, chín giờ. Phòng mạch của tôi ở số…

- Cám ơn bác sĩ. Cám ơn ! Con Cathy có chỉ phòng mạch của bác sĩ rồi.

- Xin lỗi. Cô tên gì ?

- Kim. K, I, M.

Bác sĩ Lê vừa ghi vào sổ hẹn vừa nghĩ :" Tội nghiệp ! Chắc lại đi làm lậu nên mới bị người ta hâm he như vậy. Theo cách phát âm thì cô này có vẻ là người á đông. Tên Kim chắc là Đại Hàn. Để mình phải phone lại cô Cathy hỏi cho chắc ý kẻo gặp thứ lưu manh thừa dịp ngày nghỉ không có cô phụ tá, nó 'su' mình thì khổ ! "

Đúng chín giờ, chuông cửa phòng mạch reo. Ông bác sĩ già bước ra mở cửa. Đứng trước mặt ông là một cô gái á đông còn trẻ, ăn mặc theo kiểu " punk " : quần áo có tua có tụi, tóc dựng đứng hỗn loạn như con gà xước, đeo nhiều vòng sên bằng bạc to như dây lòi tói, đầy cổ đầy hai cườm tay, mang cái xắc đỏ cũng có tua có tụi. Bác sĩ Lê, quá đỗi ngạc nhiên, chưa kịp hỏi gì, thì cô gái nói bằng tiếng Mỹ rất lưu loát :

- Chào bác sĩ. Tôi là Kim, bịnh nhân đã gọi điện thoại cho ông hôm qua. Tôi có làm cho bác sĩ chờ không ?

Bác sĩ Lê chưa hết ngạc nhiên, trả lời một cách máy móc :" Không ! Không !". Rồi ông bước tránh qua một bên :" Mời cô !"

Vào phòng mạch, ông đưa cho cô cái áo blouse trắng ngắn tay :

- Cô đến phía sau bình phong bỏ hết quần áo chỉ mặc quần lót thôi, rồi khoác ngược áo blouse này, lưng áo nằm về phía trước.

Trong lúc cô gái loay hoay làm theo lời dặn, ông bác sĩ già gọi phone về nhà, nói bằng tiếng Việt :

- Bịnh nhân của anh tới rồi, đang thay đồ. Chắc một giờ nữa là xong. Em đợi anh về rồi mình đi chợ.

Cô gái bỗng ló đầu ra khỏi bình phong mỉm cười nhìn ông, gương mặt thật rạng rỡ, định nói gì nhưng rồi không nói, thụt đầu vào tiếp tục cởi quần áo.

Một lúc sau cô ta bước ra, mắt ngời lên sung sướng, nói bằng tiếng Việt, giọng như reo lên :

- Bác sĩ là người Việt Nam mà con cứ tưởng là người Tàu ! Tên " Lee " nghe Tàu trân !

- Ủa ! Vậy mà tôi cứ nghĩ cô là người Đại Hàn chớ !

Rồi cả hai cùng cười, cái cười rất sảng khoái. Tình đồng hương trên đất khách bỗng thấy thật ấm, thật đầy…Ông bác sĩ già nhìn cô bịnh nhân trẻ mặc áo blouse trắng đứng trước mặt ông mà không còn thấy cô gái " punk" hồi nãy nữa !

Ông đưa cho cô cái dĩa, rồi vừa chỉ cái giường cao vừa nói :

- Cô cởi hết đồ nữ trang để vào đây, rồi lên nằm trên này để tôi chẩn mạch.

Cô gái làm theo như cái máy.

Phòng mạch được trang trí rất đơn sơ, nhưng thật yên tịnh. Trong không khí có mùi thơm dìu dịu của moxa (ngải cứu, đốt lên để hơ huyệt). Cái giường khám bịnh cao ngang tầm tay của bác sĩ. Ở một đầu giường có gắn thêm một vòng bằng da để chịu cái đầu của bịnh nhân, và khi bịnh nhân nằm sấp để châm cứu trên lưng thì mặt người bịnh nằm trọn trong vòng da. Như vậy, người bịnh không cảm thấy khó chịu nhờ khoảng trống ở giữa vòng da giúp người bịnh vẫn thở đều đặn và mắt được nhìn thoải mái xuống sàn nhà.

Bác sĩ đặt hai bàn tay lên cánh tay trần của cô gái, ôn tồn hỏi :

- Cô bịnh làm sao ? Nói tôi nghe.

- Con ngủ không được, đêm nào cũng trằn trọc tới khuya. Hay bị chóng mặt. Đang đứng làm việc, tự nhiên muốn sụm xuống làm sợ toát mồ hôi. Con lo quá, bác sĩ. Mất việc làm chắc con chết quá, bác sĩ !

Ông Lê bóp nhẹ cánh tay bịnh nhân :

- Cô yên tâm. Có tôi đây. Mà…cô có uống rượu không ?

- Không. Dạ thưa không.

- Cô có hút thuốc không ?

- Dạ thưa có. Hút cũng nhiều…

- Cô có xì ke ma túy gì không ? Nói thiệt tôi nghe.

- Mấy thứ đó con không dám rớ. Hồi ở bên nhà thằng anh con chết vì ba cái thứ ôn dịch đó, bác sĩ à. Vì vậy, con sợ lắm !

- Cô le lưỡi tôi coi.

Bác sĩ khom xuống nhìn rồi nói :

- Ừm. Được rồi. Bây giờ cô nằm yên, để hai tay xuôi theo thân mình, nhắm mắt, thở đều đặn.

Ông bác sĩ già đứng cạnh giường đặt mấy đầu ngón tay lên cườm tay cô gái, chăm chú bắt mạch. Một lúc sau, ông bước vòng qua phía đối diện bắt mạch tay bên kia. Bộ mạch nói lên một sự rối loạn tâm thần. Cô gái này chất chứa quá nhiều ẩn ức nên sanh bịnh. Ông nhìn cô gái đang nhắm mắt thở đều : gương mặt Việt Nam đó, bỏ đi món tóc "punk", vẫn toát ra nét nhu mì dễ thương. Ông cảm thấy tội nghiệp cô bịnh nhân trẻ này và thắc mắc không biết hoàn cảnh nào đã đưa đẩy cô ta trôi qua xứ Mỹ để có một cuộc sống mà ông đoán là thật bấp bênh, qua cuộc nói chuyện trong điện thoại. Ông nói :

- Bây giờ, cô nằm sấp xuống để tôi châm trên lưng.

Cô gái mở choàng mắt nhìn ông, mỉm cười, một nụ cười đầy tin tưởng. Ông bác sĩ nói tiếp :

- Cô đừng sợ. Châm không có đau. Còn nhẹ hơn kiến cắn nữa.

Cô gái trở mình nằm sấp, hai vạt áo blouse rớt xuống hai bên, bày ra cái lưng thon thon với nước da ngà ngà. Theo thói quen, trước khi châm, bác sĩ vuốt lưng bịnh nhân vài lần để bịnh nhân đỡ bị stress. Lần này, khi vuốt xuống thắt lưng, ông để ý thấy dưới làn vải mỏng của quần lót có một vết bầm nằm vắt ngang phía trên của mông. Ngạc nhiên, ông hỏi :

- Cô bị ai đánh hay sao mà bầm vậy ?

Cô gái cười khúc khích :

- Bác sĩ coi đi !

Ông già kéo quần lót xuống một chút, thì ra không phải vết bầm mà là hàng chữ xâm màu chàm : Made In VietNam ! Ông bật cười, vừa kéo lưng quần lót lên vừa nói :

- Cha…Bạo quá há !

Cô gái hơi rút cổ cười khúc khích vài tiếng nữa rồi im. Chắc cô đang sống lại với một vài kỷ niệm nào đó. Ông bác sĩ già áp hai lòng bàn tay lên lưng bịnh nhân, nhưng bây giờ sao ông không còn thấy cười được nữa. Hàng chữ " Made In VietNam" nhắc cho ông rằng con người nằm đây là sản phẩm của quê hương ông, cái quê hương đã mấy chục năm xa cách, cái quê hương mà ở đó ông không còn ai để nhớ, nhưng ông còn quá nhiều thứ để nhớ. Những thứ cũng mang dấu ấn " Made In VietNam ", từ con trâu cái cày, từ mảnh ruộng vườn rau, từ hàng cau rặng dừa, từ con đường đất đỏ đến con rạch nhỏ uốn khúc quanh quanh…Chao ơi ! Bỗng nhiên sao mà nhớ thắc thẻo đến muốn trào nước mắt…

Ông bác sĩ vuốt lưng cô bịnh nhân thật chậm để cho niềm xúc động lắng xuống tan đi. Ông có cảm tưởng như ông đang sờ lại được quê hương, có chỗ cao chỗ thấp, có phù sa đất mịn…Tự nhiên, ông muốn nói lên một tiếng " cám ơn ". Ông muốn cám ơn cô bịnh nhân đã mang quê hương đến với ông bằng hàng chữ nhỏ xâm trên bờ mông, chỉ vỏn vẹn có một hàng chữ nhỏ. Và ông cũng muốn nói với cô, nói một cách thật tình, không văn chương bóng bẩy, nói như ông nói cho chính ông, vỏn vẹn chỉ có một câu thôi :" Tôi cũng made in VietNam đây !". Nhưng rồi ông làm thinh tiếp tục vuốt lưng người bịnh. Ông biết

rằng cô gái không thể nào hiểu được ông, một bác sĩ già vừa quá sáu mươi, đã gần nửa tuổi đời lưu vong trên xứ Mỹ, có đầy đủ tiền tài danh vọng mà cũng xâm hàng chữ " Made In VietNam", xâm ở trong lòng…

Bác sĩ im lặng dò huyệt châm kim. Bỗng cô bịnh nhân nói, giọng buồn buồn, làm như cô vừa xem lại hết một đoạn phim đời nào đó :

- Thằng bồ của con xâm cho con để làm kỷ niệm hồi tụi này còn ở Louisiana. Ảnh là thợ xâm…

- Ủa ! Rồi sao bây giờ cô ở đây ?

- Con theo ba má con dọn về Cali, ổng bả nói ở Cali bạn bè nhiều làm ăn dễ.

- Ờ…người Việt mình thích ở miền nam Cali lắm.

Ngừng một chút bác sĩ lại nói, trong lúc hai tay vẫn tiếp tục châm kim :

- Ở Cali khí hậu tốt hơn nhiều tiểu bang khác. Mà…ba má cô làm gì ?

Cô gái làm thinh một lúc mới trả lời, giọng ngang ngang :

- Qua đây rồi ổng bả đá đít nhau. Bả lấy thằng Mễ chủ pressing , còn ổng thì chó dắt ổng ôm được một bà Mỹ goá chồng có tài sản.

- Vậy rồi cô ở với ai ?

- Với ba con. Bà Mỹ cho con đi học college, ba con lái xe đưa rước.

- Vậy mà sao hôm qua, trong phone, cô nói cô đi làm?

Giọng cô gái như nghẹn lại :

- Khổ lắm bác sĩ.

Cô ngừng một chút để nén xúc động rồi nói tiếp :

- Ba con ỷ có bà Mỹ nuôi, không chịu đi làm. Tối ngày cứ đi nhậu với bạn bè, rồi nay đổi xe, mai đổi

xe…Con nói ổng, chẳng những ổng không nghe mà còn chửi con: "Tiên Tổ mày ! Tao đem mày qua đây đặng mày dạy đời tao hả !"

Lại ngừng một chút mới nói được, nói như trút hết ẩn ức còn lại :

- Có lần ổng xáng cho con mấy bạt tay đau điếng…

Rồi nghẹn ngào :

- Lần đó, con bỏ nhà đi hoang…

Nói xong, hít một hơi thật sâu rồi thở hắt ra một cái như vừa làm xong một việc gì thật khó !

Ông bác sĩ im lặng, tiếp tục châm, mà nghe thương hại cô bịnh nhân vô cùng. Cô ta cỡ tuổi con gái út của ông. Con gái út của ông đang học đại học, còn cô này thì đang sống trong hoàn cảnh quá bấp bênh. Cả hai đều Made In VietNam hết !

Châm xong, ông đặt tay lên cánh tay trần của bịnh nhân, vuốt vuốt như vuốt tay một đứa con đang cần được vỗ về an ủi :

- Cô cứ nằm yên như vầy độ mười lăm phút, nghen.

Tiếng " dạ " bỗng nghe như đầy nước mắt.

Sau khi gỡ kim, ông bác sĩ bóp tay bóp chân bịnh nhân một lúc rồi nói :

- Bây giờ thì cô mặc quần áo vào được rồi.

Cô gái ngồi lên nói " cám ơn " mà đôi mắt vẫn còn mọng nước. Cô bước vào sau bình phong, chậm rãi mặc quần áo, làm như cô muốn những xúc cảm hồi nãy có thời gian để thấm sâu vào lòng…

Khi cô bước ra, gương mặt cô đã trở lại rạng rỡ. Cô mỉm cười nhìn ông bác sĩ, rồi, vừa mở cái xắc đỏ vừa hỏi :

- Bao nhiêu vậy, bác sĩ ?

- Không có bao nhiêu. Chừng chữa xong rồi cô hãy trả.

- Bác sĩ cho con trả mỗi lần, chớ đợi hết bịnh, tiền đâu con trả. Cái thứ đi làm lậu như con…

- Cô yên tâm. Rồi mình tính.

Ông bác sĩ đưa dĩa nữ trang :

- Cô đừng quên mấy thứ này.

Cô gái phì cười, không đeo vào người mà trút hết vào xắc, rồi hỏi :

- Chừng nào con trở lại nữa, bác sĩ ?

- Tuần tới, cũng ngày này giờ này.

Bác sĩ mở tủ thuốc, chọn lấy ra hai chai có dán nhãn sẵn, trao cho bịnh nhân :

- Trên nhãn có ghi liều lượng: mỗi ngày, cô uống sáng trưa chiều, mỗi thứ hai capsule.

Ra đến cửa phòng mạch, ông bác sĩ già cầm bàn tay cô bịnh nhân trong hai bàn tay của ông, lắc nhẹ :

- Bớt hút thuốc đi, nghen ! Từ từ rồi tôi sẽ chữa cho cô vụ ghiền thuốc nữa.

Ngập ngừng một chút rồi ông nói, giọng ôn tồn :

- Tôi muốn nói với cô điều này…

Cô gái chớp chớp mắt chờ. Chắc là lần đầu tiên cô được một ông già cầm tay một cách ân cần như vậy. Bác sĩ nói :

- Mình là người Việt Nam, ăn mặc theo " punk " không hạp với con người với bản chất của mình chút nào hết. Cô đâu có xấu mà cô làm cho xấu đi, uổng lắm ! Mình phải xứng đáng là Made In VietNam, chớ cô.

Cô gái nhìn vào mắt ông bác sĩ, không nói gì hết, chỉ siết tay ông già một cái thật mạnh, rồi bước ra xe, một chiếc xe hơi cũ mèm phải đề tới bốn lần mới nổ máy !

o O o

Ông bác sĩ Lê ngồi uống cà phê với tôi ở khu Phước Lộc Thọ (Orange County – Nam Cali). Ông kể tiếp :

- Anh biết không, lần sau cô Kim đến phòng mạch, ăn mặc chải gỡ rất dễ thương. Chẳng có chút gì " punk " hết ! Lần khám bịnh đó, tôi có hỏi cổ sao không về sống với thằng bồ ở Louisiane có phải hơn là sống cù bơ cù bất ở Cali. Cổ nói như mếu :" Ảnh có vợ rồi ". Tôi biết : như vậy là cổ kẹt thiệt. Tôi đem chuyện này kể cho vợ tôi nghe. Bả cảm động lắm nên đề nghị giúp tiền cho cổ học một cái nghề gì đó, uốn tóc, làm nail chẳng hạn, để có công ăn việc làm vững chắc hơn là đi làm lậu tầm bậy tầm bạ.

Tôi nói chen vào :

- Chắc gì cổ chịu. Nghe anh kể, tôi đoán chị này cũng tự ái lắm.

- Anh nói đúng. Cổ từ chối hoài. Sau nhờ vợ tôi mời cổ về nhà khuyên nhủ, coi như là trong thân tình, cổ mới chịu. Hôm đó, cổ ôm vợ tôi vừa khóc vừa nói :" Con cám ơn ông bà. Cám ơn ông bà ".

- Sau đó cổ có đi học thiệt không ?

- Có. Học làm nail. Học giỏi nữa là khác.

- Cổ bây giờ ra sao rồi ?

- Mới đầu làm thợ, làm công cho người ta. Bây giờ vừa làm thợ vừa làm chủ. Khá lắm !

- Mừng cho cổ, há !

- Cổ xách đồ nghề tới làm nail cho vợ tôi, con út và hai con dâu tôi thường lắm. Làm không lấy tiền. Cổ cứ nói với mấy con tôi :" Tôi chịu ơn ông bà bác sĩ biết đời nào mới trả cho hết, mấy cô biết không ? Tôi không dám nói ra, chớ mỗi lần tôi cầm bàn tay của bà bác sĩ để làm

nail, tôi vẫn nghĩ không có bàn tay này thì làm gì tôi thoát ra khỏi hoàn cảnh của tôi hồi đó để có những gì tôi có hôm nay…"

- Dễ thương quá !

- Noel, ngày Tết…cổ đều mang quà đến tặng vợ chồng tôi.

- Con người ở có tình có nghĩa quá, anh há !

- Đã hết đâu ! Cổ còn nhớ đến ngày giỗ của ba má tôi nữa. Mấy ngày đó tụi con tôi có đứa quên chớ cô ta không bao giờ cô ta quên. Ngày đó, cô đem đồ tới cúng và ở lại phụ vợ tôi nấu nướng dọn giẹp nữa. Cho nên vợ tôi quí cô ta lắm !

Nói xong, bác sĩ Lê vỗ vai tôi, cười :

- Anh thấy không ? Cô ta mới đúng là " Made In VietNam " đó ! Còn nguyên chất, hè !

Ông Lê vui vẻ cầm tách cà phê vừa nhâm nhi vừa nhìn quanh. Người Việt Nam đi đầy trong thương xá. Cung cách có hơi khác nhưng nói năng thì y hệt như ở bên nhà. Một vài tiếng chửi thề rớt rơi đây đó, nghe rất tự nhiên. Bỗng ông quay sang hỏi tôi mà nghe như ổng tự hỏi ổng :

- Không biết ở xứ Mỹ này, đồng hương lưu vong, có ai lâu lâu nhớ lại rằng mình "Made In VietNam ", không ?

- Có chớ anh ! Nhưng cũng có người chẳng những không nhớ mà còn tự đóng cho mình con dấu " Made In USA " nữa, anh à. Thứ đó bây giờ thấy cũng nhiều !

Tôi đưa tách lên môi uống ngụm cà phê cuối cùng, bỗng nghe cà phê sao mà thật đắng…


VIỆT NAM SỬA SOẠN VÀO WTO!
Tiếng Mỹ cấp tốc. Đủ mọi trình độ. Cán bộ được bớt 20%. Ghi tên tại...
Giáo sư Bob Vu trên 30 năm Kinh nghiệm dạy tiếng Mỹ căn bản. Bao đảm dốt cũng học được. Ghi tên tại ...
Tiếng Mỹ nói ngay, nói đúng giọng, nói không cần ra dấu. Do giáo sư Sở Mít Le đảm trách. Ghi tên tại ...
tèté

Chuyện giả tưởng

(Đây là một chuyện giả tưởng. Viết dưới dạng...kiếm hiệp để thấy cái chất hoàn toàn giả tưởng của nó. Vậy, nếu có trùng hợp với ngoài đời là sự ngẫu nhiên ngoài ý muốn của tác giả.)

...Gã tên là Nguyễn Văn Mít (Tên giả đó. Sau này, trong khi tung hoành trên chốn giang hồ, gã còn thay tên đổi họ…lia chia để đánh lạc hướng kẻ địch. Cho nên, cả hai phía hắc bạch chẳng biết đâu mà mò!) Người ta truyền tụng rằng gã thuộc giòng dõi mấy đời khoa bảng, chớ thật ra ông nội của gã là nhà nông. Điều này giải thích tại sao gã sanh ra đã biết căm thù địa chủ. Sự căm thù đó thể hiện qua lập luận rất tà giáo sau đây: tất cả những thằng có ruộng đều là địa chủ, mà hễ là địa chủ là phải ác ôn, tất cả những người làm ruộng đều là bần nông , mà hễ là bần nông thì phải thay trâu để cày bừa. Cái lý luận của Mít đưa đến khẳng định : để không còn có người bóc lột người, phải lôi bọn địa chủ – lớn nhỏ hầm-bà-lằng – xuống làm bần nông hết (Sau này, khi Mít đã gồm thâu một phần thiên hạ và lên làm minh chủ võ lâm, hắn đã áp dụng "chiêu số đấu tố địa chủ" một cách bừa bãi, giết hại không biết bao nhiêu sanh linh thuộc cả hai phe hắc bạch, gây sóng gió trên chốn giang hồ một dạo!)

Mặc dầu có gốc nhà nông nhưng Nguyễn văn Mít lại không thích làm ruộng. Gã lý luận: tại vì mình làm ruộng mới sanh ra giới địa chủ. Và gã cũng không thích đi học, bởi vì nhà trường đẻ ra trí-thức, trí-thức đẻ ra bất

công (Mấy thằng có chút chữ nghĩa lúc nào mà không ăn trên ngồi trốc?) bất công đẻ ra bè phái, bè phái đẻ ra…v.v. Cho nên sau khi biết đọc biết viết sơ sơ, gã bỏ đi "giang hồ tầm sư học đạo" để thực hiện cái mộng của hắn :làm bá chủ võ lâm! (Bàn về trí thức, giáo chủ Bắc phái – một hệ phái hắc đạo lừng danh giang hồ – đã tuyên bố một câu…xanh dờn: "Trí thức không bằng một cục phân". Thật đúng với tư tưởng của Mít ta. Cho nên sau này Mít đã tìm đến thọ giáo với vị giáo chủ đó hết một thời gian, học được những quái chiêu vô cùng tàn khốc. Như chiêu "trăm hoa đua nở", khi phát chiêu người nghiêng nghiêng như cành liễu đong đưa, hai tay dang ra như đón chào, từ lòng bàn tay chưởng phong tuông ra thật nhẹ nhàn mang theo mùi thơm ngọt ngào mời mọc như mùi rượu "trúc diệp thanh"…làm địch thủ ngất ngây, nhắm mắt bước vào vòng chưởng lực! Ghê gớm vậy đó!)

Một hôm, Nguyễn văn Mít dừng chân ở một quán nước nằm cạnh bìa rừng. Trong khi xì xụp húp tô nước vối nóng hổi, gã nghe (Cái…nghề nghe lén này, gã là số một!) hai tên có vẻ đạo tặc ngồi ở bàn bên to nhỏ mà tay vẫn không rời đốc kiếm :

- Đại huynh liệu đến chùa Thiếu Lâm có biết đường dẫn tới Tàng Kinh Các không?

- Ta đã có mang theo sơ đồ, ngươi yên tâm. Ta chỉ cần ngươi nhanh tay hạ thủ mấy tên sư đứng gác quanh đó. Còn bên trong ta sẽ lo liệu.

- Nghe nói ở đó chứa rất nhiều võ công bí kíp lưu truyền tồn trữ từ mấy mươi đời. Người giang hồ nói chỉ cần học được một pho thôi cũng đủ làm cho bốn phương cao thủ võ lâm nể mặt.

- Ngươi nói đúng. Nhưng mà…

Tên này bỗng liếc sang Mít, làm tô nước vối trong tay của gã xuýt rơi xuống bàn. Mít vội vã húp lia húp lịa không kịp thổi (Mới ra giang hồ, còn kém bản lãnh là cái chắc!)Tên "đại huynh" đứng lên:

- Ta đi thôi! Đường còn xa.

Rồi cả hai khoác bọc hành lý, bước ra khỏi quán.

Đợi cho chúng đi một đỗi, Mít trả tiền rồi cấp mã-tấu lẽo đẽo theo sau. Vừa đi vừa suy nghĩ: "Mình muốn tầm sư học đạo mà thiên địa mênh mông biết sư ở mô? Thời may gặp hai tên này gợi ý cho mình lên chùa Thiếu Lâm thọ giáo. Kệ nó ! Mình cứ tạm cạo đầu làm sư làm tiểu một thời gian rồi sau đó xuống núi mặc tình mà tung hoành". Rồi gã lại suy nghĩ: "Mà mình phải thủ tiêu hai tên đạo tặc này mới được. Kẻo chúng nó lên…làm rùm trên đó thì sức mấy mà mấy thằng trọc không nghi mình nằm vùng?" (Xưa nay, Mít thù địa chủ, ghét trí thức, và không ưa thầy tu. Cho nên mới gọi ông sư là "thằng trọc". Mít lý luận: "Bọn này là bọn đứng ở kẽ giữa, nghĩa là không theo phe nào hết. Vậy là không theo phe ta. Phải xem chúng như thành phần nguy hiểm") Nghĩ đến đó – đến hành động thủ tiêu hai tên đi phía trước – Mít hâm hở cầm chắc mã tấu, nín thở nhón chân chạy theo. Gã định từ phía sau "phụp" cho mỗi đứa một phát (Cái trò…đánh lén hạ cấp này cũng là "nghề" của gã, bởi vì gã chủ trương "mọi" phương tiện đều tốt, quân tử tiểu nhân là cái…khỉ gì?") Chưa kịp ra tay, gã đã nghĩ lại: "Chúng nó hai thằng. Mình mới phụp thằng đầu thì thằng kia đã phụp lại mình rồi. Không ổn! Không ổn!" Vậy là gã dừng lại, núp sau góc cây, tìm một phương kế khác. Vốn tánh khôn ranh xảo quyệt, nên chỉ cần vài phút sau là gã đã nghĩ ra một quỷ kế để đưa gã vào làm đệ tử Thiếu Lâm mà không tốn công sức và…nước bọt để xin xỏ, lại còn được lòng tin

cẩn của các "sư tiền bối" nữa là khác! Quỷ kế đó như sau: xin cùng đi với hai tên kia cho có bạn trên đường dài; trong khi chuyện trò, mình thổ lộ tâm tình rằng thì là mình chán mùi tục lụy nên muốn lên chùa Thiếu Lâm để qui y đầu Phật (Thế nào chúng nó cũng nói rằng chúng nó cũng muốn lên xem thắng cảnh ở trên đó!); lần hồi mình làm thân với chúng nó để đánh tan mọi nghi kỵ ngờ vực; đến chùa, mình lạy xin qui y, nhưng …"bỏ nhỏ" với mấy sư rằng bọn nó có gian ý, bằng cớ là trong người thằng "đại huynh" có tấm sơ đồ để xâm nhập Tàng Kinh Các…Thế là xong chuyện!

Vậy mà xong chuyện thật! Nguyễn văn Mít đã được một vị sư chùa Thiếu Lâm nhận làm đệ tử (Đời thứ mấy gã cốc cần biết). Hằng ngày, ngoài việc tập luyện võ nghệ, gã phải nấu nước pha trà và quét dọn chánh điện. Mới đầu gã thấy thích thú. Nhưng sau một tuần trăng gã bắt đầu càu nhàu: "Bắt trèo lên tuột xuống lau chùi mấy tượng phật muốn…hộc xì dầu mà chỉ mới dạy đứng trung bình tấn và thở khí công. Cứ đà này thì còn lâu mình mới thành cao thủ."

Một hôm, gã bỗng nhớ lại câu chuyện của hai tên đạo tặc định đột nhập Tàng Kinh Các. Rồi gã suy nghĩ: "Tại sao mình không lén vào đó…'chơm' đại một pho rồi tuột xuống núi chạy về xứ ? Học thẳng trong sách có phải nhanh hơn không?" Lại suy nghĩ: "Tàng Kinh Các thì mình biết ở đâu rồi. Nhưng muốn vào đó không phải dễ? Phải qua hai thằng trọc ngồi ngay cửa vào và tránh mấy thằng khác đi tuần rỏn chung quanh. Mặc dù mình được các sư tin cẩn, nhưng không có lý do mà đi lẩn quẩn gần đó chúng nó cũng sanh nghi. Phải đẻ ra một cái cớ, hay đợi một cơ hội...". Mấy hôm sau, cơ hội đã đến với Mít: chú tiểu quét dọn Tàng Kinh Các ngã bịnh, Mít ta – người

đã được phương trượng gọi là "cứu tinh của Thiếu Lâm Tự" sau vụ tố cáo hai tên gian tặc – được cắt đi thay thế. Được lịnh, lòng Mít như…mở cờ, nhưng ngoài mặt thì cứ tỉnh bơ như chẳng có chuyện gì quan trọng (Đây cũng là điểm cốt cán của con người Mí : nhìn bên ngoài ít ai đoán đúng trạng thái ở bên trong. Cho nên sau này, trong những kỳ đại hội quần hùng , biết bao nhiêu cao thủ võ lâm đã lầm Mít. Họ đã ôm hun Mít - hồi này đã đổi tên là Xoài - "thấm thiết tình huynh đệ chi giao " để rồi ít lâu sau tử vong trong chưởng phong của gã!) Vậy là sáng bữa đó, Mít – mặt hiền như bụt – cấp chổi cầm khăn vào Tàng Kinh Các.

Sau khi kính cẩn châm trà cho vị sư già đang ngồi đọc sách trên bồ đoàn đặt ngay giữa đại sảnh, Mít lui cui quét dọn lau chùi, miệng như lâm râm niệm Phật mà mắt thì…láu liên. Gian phòng này không rộng bao nhiêu, nhưng sách nằm trên kệ thì đầy tường. Ngoài ra, còn nhiều ngã vào bên trong nhưng bị đóng lại bằng những cánh cửa to có khoá. Mít nghĩ: "Mẹ nó! Biết quyển nào mà lấy!" Nhưng khi nhớ lại những gì đã nghe lén ở quán nước, gã tự nhủ: "Quyển nào mà chẳng dạy võ công. Cứ xem pho nào vừa…tầm tay mà cũng đừng to quá để lận lưng không thấy cợm…là đớp." Thế là sau khi để ý đến một quyển kinh đúng…tiêu chuẩn gã cứ lau đi lau lại vòng vòng để…rình "thằng trọc" ngồi kia. Lâu sau, vị sư già – chừng như mỏi mệt – chấp tay nhắm mắt. Đợi một lúc, gã khúm núm thưa nhỏ: "Bạch sư cụ…" Gã…bạch mấy lần mà sư ông vẫn làm thinh. Gã mừng rỡ…phóng lại chỗ để cái khăn lau làm dấu khi nãy, rút lấy quyển kinh nhét lẹ vào lưng. Nhìn lại sư cụ thấy vẫn chấp tay nhắm mắt thở đều. Gã từ tốn cấp chổi cầm khăn nhẹ nhàng đi ra mà nghe trong lòng đang…thổi kèn đánh

trống! Đêm đó, gã "tuột" xuống núi, không quên mò lại kẹt đá lấy thanh mã tấu mà gã đã cất giấu trước lúc gã lên chùa xuống tóc qui y (Hành động của gã ở chùa Thiếu Lâm – gọi nôm na là lừa thầy phản bạn – người trên chốn giang hồ chẳng ai hay biết. Các nhà sư được lịnh nín khe. Có lẽ sợ mất mặt. Mãi về sau này, một vị sư…phản tỉnh đã "xì" ra, nhưng lúc đó Mít – đổi tên là Hà văn Ổi – đã là giáo chủ của một môn phái, nên…hồ sơ được xếp vào văn khố!)

Xuống núi, sau khi chạy đến tờ mờ sáng thấy đã khá xa , Mít lủi đại vào một bìa rừng núp xem động tĩnh. Thấy êm rơ nên gã bèn trèo lên một cành cây to rút quyển sách ra coi. Quyển sách đó đã bị mọt ăn mất trang bìa và mấy trang đầu. Bên trong cũng bị lủng rất nhiều lỗ nhưng vẫn còn nhiều chữ và hình vẽ. Gã sung sướng quên cả mệt nhọc, nhét quyển sách vào ngực, tựa lưng vào thân cây suy nghĩ miên man: "Vậy là chẳng mấy chốc mình sẽ thành cao thủ. Phải là cao thủ mới lập ra môn phái, mới chế ngự được quần hùng, mới gồm thâu được thiên hạ, mới thanh toán hết địa chủ, mới đè đầu được lũ trí thức, mới nắm cổ mấy thằng trọc, mới…mới…" Rồi gã ngủ thiếp đi…ngon lành!

Vậy là trên đường về xứ – bây giờ gã đã đổi tên là Lý văn Xoài – mỗi ngày Mít (Xin lỗi. Tôi vẫn phải dùng tên Mít để độc giả dễ dàng theo dõi câu chuyện, kẻo không, sẽ không còn biết ai là ai nữa!) trốn vào một nơi vắng vẻ mở sách ra học. Mới đầu còn hơi khó hiểu, khó làm. Thêm phần sách bị mọt đục nên phải khổ công mò mẫm. Nhưng nhờ mấy chương đầu còn nhiều hình vẽ với những mũi tên chỉ dẫn nên lần lần gã cũng hấp thụ được. Nội công của gã càng ngày càng thâm hậu, và gã đã có thể đào khoét sâu dưới đất một cái hang có ngõ vào được

bít lại, rồi gã nằm dưới đó mấy hôm mà không…chết! (Sau này, trong công tác nghiên cứu các tuyệt kỹ võ lâm, ngài Ku-Ba-Móp của xứ Nga-la-tư có đặt giả thuyết rằng gã đã ngậm mấy viên nhựa…á phiện để chịu đựng. Giả thuyết chưa được kiểm chứng nhưng vẫn…lưu hồ sơ!)

Khi về đến xứ thì gã đã có thể phóng mã tấu mà không nghe…tiếng gió (thế mới chém lén kẽ địch được!) và trong bóng tối gã vẫn xuất chiêu trúng đích dễ dàng (thế mới là…hắc đạo!) Có điều là những chiêu thức của gã phần nhiều thật quái dị. Lý do là khi đọc tới những hàng chữ bị mọt ăn mất gã cứ…ráp đại những hàng chữ còn lại với nhau cho nó…xong chuyện ! Ví dụ như khi gã học chiêu "Đao thức trực chiếu", trong sách có mấy dòng chữ bị mọt đục,gã đành đọc "nhảy" nên khi phát chiêu, đường mã tấu lại đi…cong cong chớ không đi thẳng! Ngay như chiêu "Chẻ trúc", rất tầm thường mà trên giang hồ ai ai cũng biết, đường mã tấu của gã đang đi xuống bỗng dừng lại – chỗ này sách bị mọt đục – rồi rút về như thâu thức – lại mọt đục mất mấy hàng – chợt lại…chém tiếp, chém tiếp! Cho nên cao thủ võ lâm chỉ thấy ở gã toàn là quái chiêu thôi (Vài chục năm sau, chính những chiêu thức "không giống ai" đó đã làm cho mấy "đại cao thủ" của xứ Đại Hùng Kê và xứ Đại Bàng bị thân bại danh liệt.)

Về xứ, gã rút vào một cái hang đá ở vùng cao nguyên để tiếp tục luyện tập võ công. Lâu lâu, gã…xuất hang để "tiếu ngạo giang hồ", thâu nạp đồ đệ và để kết giao với các giáo phái khác hầu có thêm vây cánh. Hồi này, quê hương của gã vẫn bị thống trị bởi xứ Đại Hùng Kê, cho nên gã dùng chiêu bài "cứu quốc" để quy tụ quần hùng, bởi vì gã biết rằng ai ai cũng muốn "viết lại trang lịch sử" giống như phong trào "Phản Thanh phục Minh" ở

bên Tàu thuở trước. Trong thâm tâm của gã muốn mượn tay quần hùng để diệt bọn Đại Hùng Kê, rồi sau đó gã sẽ chế ngự quần hùng để gã lên làm võ lâm bá chủ là cái mộng của gã xưa nay! Về phía quần hùng thì họ xem Nguyễn văn Mít tức là Xoài (Nhưng bây giờ đã đổi tên là Hà văn Ổi) như một nhân vật có khả năng liên kết tất cả các phe hắc bạch, bởi vì sau mấy lần luận kiếm, họ nhận thấy đường…mã tấu của gã không thuộc một môn phái nào cả (Cái thế "vô sư môn" của gã hoá giải mọi tranh chấp phe phái vốn dĩ là nguồn chia rẽ xưa nay của giới võ lâm). Vậy là toàn thể quần hùng nhất tề "đứng lên cứu nước" dưới sự lãnh đạo của Mít (tức là Hà văn Ổi). Quyển bí kíp bị mọt đục vậy mà đã giúp gã "làm nên sự nghiệp".

Trở lại chuyện luyện tập võ công của Mít – ở trong hang, dĩ nhiên – gã tuyên bố với đệ tử và quần hùng rằng ở hang để đừng bị ràng buộc bởi vật chất xa hoa và gã ở một mình để dễ tập trung tư tưởng ngày đêm tìm đường cứu nước. Vậy là mọi người rút lui êm lặng mà lòng thán phục con người đã quá hy sinh vì đại nghĩa đó! Chẳng ai biết rằng gã đang cố gắng học cho chóng hết quyển bí kíp võ công đó để còn tiêu hủy nó đi hầu xoá tan dấu vết . Gã còn nghĩ: "Ngày nào mà quyển bí kíp còn, là ngày đó sanh mạng của mình vẫn không yên. Sẽ có những thằng khốn nạn tìm cách giết mình để cướp bí kíp. Hoặc sẽ có những thằng mất dạy lén ăn cắp trong lúc mình sơ hở. Loại đệ tử phản thầy thời nào mà không có? Nguy hiểm! Nguy hiểm! Sách mà lọt vào tay chúng thì thế giới này sẽ…loạn tới đâu?" (Phải lý luận như thế mới là…đỉnh cao trí tuệ! Điều gì "ta" làm, cái gì của "ta", hay…lấy về cho "ta" đều đúng đều tốt, đều có chánh nghĩa. Còn những gì "của lũ chúng nó" đều sai, đều xấu, đều ngụy hoàn toàn!)

Thấm thoát mà Mít đã học gần hết quyển sách. Bây giờ nội lực gã rất thâm hậu, võ công gã đã vào mức thượng thừa. Mỗi chiêu phát ra là cả mười hai thành công lực đẩy tới! Từ xa, gã có thể phá sập một nhịp cầu đúc hay đánh lật một đoàn xe lửa nặng cả ngàn tấn mà chỉ xử dụng công lực của…một ngón tay ấn xuống cái nút đỏ! (Ngày xưa, Đoàn Nam Đế bên Tàu có môn "nhứt dương chỉ" lừng danh giang hồ, nhưng so với môn "độc chỉ công" này của gã thì chẳng thấm vào đâu cả). Còn "thần sầu quỷ khóc" hơn nữa là gã chỉ cần dang hai tay…hốt một cái là "cát bay đá chạy, nhà sập cây ngã". Môn này gọi là "Bình địa thức", là môn mà gã thường dùng nhứt để đánh dấu nơi nào gã đã đi qua…

Hôm nay, gã dứt điểm quyển bí kíp. Chiêu thức cuối cùng này, bởi vì gã đã vượt mức thượng thừa, chỉ cần đọc đến đâu là tự nhiên tâm ý phát huy đến đó. Hai tay gã đưa tới đưa lui càng lúc càng nhanh. Chưởng phong nghe o o…Vách đá bốn bên và trên trần bể vụn ra nhỏ, rơi rào rào…Gã chấp tay thâu thức, trầm khí đan điền, rồi vừa cười to vừa hét lớn: "Ha! Ha! Ta đã thành công! Ta đã thành công!" Tiếng của gã dội trong vách đá, nghe vang vang tiếp nối một cách thật là ma quái…

Gã cầm quyển sách lên, vừa lật nhanh mấy trang mới học xong vừa suy nghĩ: "Từ quyển sách nhỏ này ta sẽ tạo nên một môn phái vĩ-đại!" Bỗng gã thấy ở trang cuối có mấy dòng chữ nhỏ. Gã đưa lên đọc: "Đến đây là hết quyển Thượng dạy về môn Đập Phá Triệt Hạ. Xin đọc tiếp quyển Hạ dạy về môn Xây Dựng Phát Triển để phát huy toàn bộ pho võ thuật Thái Bình Thư này." Gã ngạc nhiên thốt: "Thì ra còn một quyển nữa mà ta không biết. Tiên sư nó!" Suy nghĩ một lúc, gã bỗng cười khẩy: "Xây dựng là cái khỉ gì mà mấy thằng trọc vẽ vời? Với công lực

thiên hạ vô địch của ta, chuyện di sơn đảo hải ta còn làm được thì chuyện gì mà ta không làm được?" Rồi gã cười to ngạo nghễ, đập hai bàn tay vào nhau: quyển sách tan thành mảnh vụn…

Thời gian sau, Mít tái xuất giang hồ với cái tên mới là Hà Văn Ổi, lập môn phái Hồng Kỳ giáo thâu nhận đệ tử, chiêu dụ quần hùng, đánh đuổi bọn bạch chủng Tây Vực, gồm thâu thiên hạ rồi lên làm võ lâm chí tôn với khẩu hiệu "Muôn năm trường trị"…

o O o

Rồi ba mươi năm sau…

Thanh mã tấu "trấn giáo" của Nguyễn Văn Mít (tức Xoài, tức Ổi…) đã truyền qua mấy đời chưởng môn. Vị nào cũng là "đại cao thủ", nhưng không có vị nào đẻ ra được môn võ công mà giới giang hồ gọi nôm na là "Xây Dựng Phát Triển". Cho nên, Hồng Kỳ giáo chỉ biết có "Đập Phá Triệt Hạ" dài dài…dài dài ……

Nói Láo

Ai cũng biết "Nói Láo" là gì, mặc dầu trong quá trình học nói chẳng có thầy nào hay sách vở nào dạy "Nói Láo". Vậy mà sao con người biết nói láo? Nhỏ nói láo theo nhỏ, nghĩa là có phần vô tư. Lớn nói láo theo lớn, nghĩa là có suy nghĩ. Còn già thì tới lúc nào đó có nói láo cũng không biết mình nói láo!

Hồi nhỏ, nói láo mà bị người lớn bắt được là bị xán một bạt tay với câu: "Ai dạy mầy nói láo, hả?". Rồi … thôi! Cái bạt tay của người lớn không dạy mình đừng nói láo, mà nó làm cho mình sợ: sợ cái bạt tay đau điếng nên vội vã giấu cái "Nói Láo" trong lưng để lần sau, trong một trường hợp nào khác, nếu thấy cần thì lại … móc ra xài! Cho nên, cái "Nói Láo" nó cứ đeo theo mình cho tới khi mình lớn. Đến đây thì cái trí khôn của con người đã biết sử dụng cái "Nói Láo" một cách tự do, nhuần nhuyễn, có khi tài tình nữa! Kéo tới tuổi già khú thì nói láo hay nói thiệt gì cũng giống nhau tuốt, cho nên khi bị hỏi "Sao ông nội nói láo?" thì trả lời như không trả lời "Vậy hả?" tỉnh bơ …

Ở các xứ tự do, người ta … tự do nói láo, miễn là đừng đụng vào quyền lợi của cá nhân hay công ty hay hội đoàn gì gì. Bởi vì "người nói láo" có thể…vác chiếu ra toà vì tội phỉ báng, chỉ có như vậy thôi. Thành ra chỉ cần để ý một chút để đừng…sa chân vào vòng pháp luật là người dân xứ tự do nói láo…thoải mái! Nhìn coi: chồng nói láo vợ (Lạ lắm! Sao đàn ông nói láo nhiều hơn đàn bà?), con nói láo cha mẹ (Cũng có cha mẹ nói láo với con, nhưng ít lắm, có lẽ vì phải làm gương…), người bán hàng nói láo

với khách hàng để "ca" một món hàng dỏm: bảo đảm với Cô Hai đồ nầy mới tới bằng máy bay hồi khuya, phắc tuya còn nóng hổi hà! .v.v…Thôi thì "nói láo" thiên hình vạn trạng, kể không hết!

Ở các xứ cộng sản, "Nói Láo" đã được các lãnh tụ - vốn là những…siêu nhân - kết thành bài bản mà cha nào cũng thuộc lòng như…cháo. Cho nên họ nói láo trơn tru - phải nói là rất…nghề! Hãy nghe câu "châm ngôn khuôn vàng thước ngọc" của họ sau đây: "Nói láo, cứ nói lập đi lập lại riết rồi tụi nó cũng tin là sự thật!". Song song với "Nói Láo", các tổ sư cộng sản luôn luôn dùng mỹ từ để "ngụy trang" một cách "trí trá" cái "Nói Láo". Ví dụ như ở Liên Xô có tờ báo mang tên "Sự Thật" của nhà nước trong đó không thấy một…sự thật nào hết. Và ví dụ như ở Việt Nam XHCN, tờ báo "Nhân Dân" của đảng và nhà nước có để một tên "nhân dân" nào…lăn tay trên đó đâu?

Gần đây, ở VN, nhân dân đi biểu tình chống Tàu rần rần, hình ảnh được phổ biến đầy trên mạng, vậy mà Thông Tấn Xã Nhà Nước thông tin gọn bân: "Đâu có gì! Chỉ có vài người dừng lại nhìn rồi đi. Truyền thông nước ngoài nói láo đấy!". Đừng cười! "Ta" ca đúng bài bản mà!

Và cũng gần đây, trong tuần lễ "Biển và Hải Đảo Việt Nam" tổ chức ở Nha Trang, thằng cha thủ tướng VNXHCN tuyên bố…ngon lành: "Tiếp tục khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa!". Cũng đừng cười! Thằng chả nói "nghiêm túc" như vậy đó! Nói như là chưa có chuyện gì xảy ra hết! Nói như là "ta" đang … anh hùng giữ nguyên bờ cõi! Trong lúc ai ai cũng biết là thằng "đồng chí Trung Quốc anh em" của thằng chả đã ngang nhiên chiếm đóng hai quần đảo đó từ khuya! Thằng cha thủ tướng "khẳng định" một cách láo lếu như vậy là đúng

bài bản đấy thôi! Đã nói: họ thuộc lòng bài bản như cháo và vì sử dụng liên tục đến nỗi trở thành tật, nên khi họ mở miệng là cứ phải … nói láo! Không có gì ngạc nhiên hết!


CỬA HÀNG ĐÁNH BÓNG
Chuyên môn đánh bóng đồ cũ thành đồ mới. Bảo đảm nhìn không ra!
HOAN HÔ CHÍNH SÁCH ĐỔI MỚI ĐẠI HỘI XI THÀNH CÔNG!
têtê

Mùa thu cuộc tình

Bữa ăn trưa đó của ông Năm thật giản dị : một trái cà tô-mát không dầu không dấm và một miếng thịt bò nhỏ bằng bàn tay nướng trên vỉ sắt không muối không bơ. Quá giản dị ! Nhứt là hôm nay thứ bảy, không phải đi làm. Nghĩa là có dư dả thì giờ để làm một món gì đó cho có vẻ một bữa ăn cuối tuần. Cho nó khác với ngày thường ăn vội ăn vàng cái gì cũng được. Thật quá giản dị ! Nhứt là ông Năm sống một mình, không bị phiền toái bởi những chuyện vụn vặt lỉnh-kỉnh phải làm vào cuối tuần của người có gia đình. Ở Paris này mà sống một mình như ông Năm thì thời gian không biết phải làm gì cho hết chớ đừng nói không có thì giờ để làm một bữa ăn cho tươm tất vào trưa thứ bảy.

Nói rằng ông Năm không biết làm bếp cũng không đúng. Hồi xưa, hồi còn ở bên nhà, thật tình ông Năm không biết chiên một cái trứng gà. Ông chỉ biết đi làm ngày hai buổi, còn việc bếp núc có bà Năm lo hết. Bây giờ thì khác. Ông cũng biết nấu vài món thông thường và lâu lâu cũng biết " làm " một nồi phở để đãi đôi ba ông bạn già cùng lứa tuổi và cùng thân phận lưu vong…

Như bình thường thì trưa thứ bảy, ông hay thả xuống khu 13 la-cà ở nhà sách Khai Trí một lúc rồi sang qua mấy cửa hàng nho nhỏ trên lầu Paris Stores để coi có gì lạ không. Sau đó, ông mới tấp vô tiệm phở để ăn trưa, có khi một mình,nhưng thường thì với một vài người bạn gặp nhau ngoài phố. Ở khu 13 vào trưa thứ bảy, không gặp người này cũng gặp người nọ, bởi vì ai cũng đến đó để mua đồ, nói là " đi chợ Tàu " chớ thật ra là để tìm lại một

chút gì hơi hướm của quê hương :những khuôn mặt gần gũi (gặp ai cũng thấy quen quen !), những món hàng còn giữ nguyên nét cũ (đòn chả lụa vẫn phải có màu xanh của lá, con vịt quay vẫn phải đỏ au màu mật…) và những cái tên chỉ cần đọc lên là đủ để gợi nhớ…

Hồi sáng này, ông Năm cũng đã đóng bộ để đi khu 13. Trời đã sang thu, nhưng nắng còn thật ấm. Cây marronnier nhà hàng xóm nằm ngay dưới cửa sổ nhà ông Năm đã trở màu vàng." Chắc lá đã rụng đầy ", ông Năm nghĩ vậy khi đứng thắt cravate gần khung cửa sổ. Chỗ ông cư ngụ là một studio nhỏ ở lầu ba khu nhà xưa cũ nằm sâu phía sau nhà thờ Sacré Coeur. Cây marronnier che hết phía dưới thành ra từ cửa sổ nhà ông Năm nhìn thẳng ra chỉ thấy bức tường cao của khu nhà đối diện chắn ngang, chừa phía trên bầu trời bị đóng khung hình chữ nhựt bởi hai dẫy nhà dài. Trên nền trời đó, tuốt phía xa, là nóc nhà thờ với cây thánh giá. Thành ra, thế giới bên ngoài nhìn từ phòng ông Năm chỉ còn lại vỏn vẹn có cây thánh giá để cái nhìn còn có một điểm tựa ! Ông Năm theo đạo Phật, nhưng từ ngày dọn về đây – năm sáu năm gì rồi – cứ nhìn cây thánh giá riết mà ông có cảm tưởng như mình đã thành con chiên của Chúa ! Nhiều khi ông thấy cây thánh giá thật là sinh động. Ông không hay rằng niềm suy tư của ông đã gởi trên đó từ lâu…

Có lần, trong thơ gởi về Việt Nam cho bà Năm, ông viết : " Anh thường nhìn cây thánh giá đứng cao vòi vọi một mình trên kia mà tự hỏi không biết anh và cây thánh giá, ai cô đơn hơn ai ? Nhưng cây thánh giá hãy còn dang tay ngạo-nghễ chớ anh thì từ lâu rồi anh đã buông tay đầu hàng số mạng ! Tuy nhiên, ở đây anh còn có cây thánh giá trước mắt để hướng về đó mà cầu nguyện, chớ ở bên nhà giờ đây muốn cầu nguyện em phải hướng về đâu hả em ?

Anh bỗng ứa nước mắt thương em vô cùng…Ở ngay trong lòng quê hương mà thiếu thốn đủ thứ, đến nỗi điểm tựa cho niềm tin mà còn không có thì em sống ra sao, em hả ? " Đối với ông Năm, cây thánh giá trên chót nhà thờ Sacré Coeur mặc nhiên đã trở thành một vật gì thật gần gũi, thật trần gian, thật ngươi, và là động cơ khơi nguồn kỷ niệm…

Hồi xưa, ông làm việc cho Air France ở Sàigòn. Đời sống rất thoải mái, nhưng hai vợ chồng lại không có con. Chạy thầy chạy thuốc riết rồi mới biết tại vì tử cung của bà Năm nằm lệch. Điều này làm bà Năm khóc hết nước mắt. Tuy nhiên, hồi đó còn trẻ nên cũng dễ nguôi, hai vợ chồng chẳng quan tâm cho lắm. Lần hồi, tuổi đời chồng chất, sự không có con đã trở thành một vấn đề cho hai vợ chồng. Mặc dù ông Năm không bao giờ nhắc đến chuyện đó, bà Năm vẫn khơi ra để nhận lỗi về mình. Mặc cảm đó làm cho bà lúc nào cũng ân hận, áy náy. Rồi cái gì hư, cái gì trật, cái gì bậy ở trong nhà dù là do lỗi những ngươi giúp việc, bà cũng nhận hết. Ông Năm phải mất một thời gian dài để giải thích, khuyên lơn, an ủi bà Năm mới lấy lại đựơc quân bình. Có hôm, trong lúc hai vợ chồng đi dạo trên bãi biển Vũng Tàu, nhìn thấy mấy gia đình đông con đùa giỡn vui vẻ, bà Năm chợt thở dài than : " Nếu không phải tại em thì bây giờ hai đứa mình đâu có bơ vơ như vầy ! ". Ông Năm choàng tay ôm vai vợ xoay người lại để nhìn sâu vào mắt : " Em à! Mình không có con, nhưng mình còn có nhau.Đó là Trời thương lắm rồi, em còn đòi hỏi gì nữa ? Thử tưởng tượng một ngày nào đó không còn có nhau nữa thì sao ? ". Bà Năm gật gật đầu nhưng chẳng bao giờ tưởng tượng đến " cái ngày không còn có nhau " đó.

Vậy mà cái ngày đó đã đến cho ông bà Năm. Hai năm sau ngày mất nước, trong chuyến vượt biên ở Cà Mau, ông Năm đi thoát, bà Năm bị bắt lại với một số người không may khác ! Ông Năm sang Pháp, làm việc lại cho hãng Air France. Bà Năm nằm tù hết mấy tháng. Được thả ra thì nhà cửa đã bị tịch thâu, đành về quê ở Gò Công làm công nhân cho nhà máy xay lúa của gia đình mà trong đợt đánh tư sản đầu tiên, Nhà Nước đã tịch thâu để biến thành hợp tác xã. Từ đó, là những chuỗi dài thương nhớ, là những lo âu dằn vặt, là những lá thơ nhiều ẩn nghĩa cho đúng " văn phạm Nhà Nước ". Còn chuyện vượt biên lần nữa là chuyện mà bà Năm không bao giờ dám nghĩ đến ! Bên này, ông Năm chạy mãi rồi cũng được nhập cảnh gởi về, nhưng phía bà Năm thì gặp quá nhiều khó khăn trong hồ sơ xin xuất cảnh, cứ bị kéo dài, kéo dài bằng những chầu chực, bằng những lời hứa hẹn suông và bằng mấy lần bị lường gạt…Để cuối cùng , mấy năm sau, mới biết là hồ sơ đã bị bác từ lâu ! Tin đó đến với ông Năm bằng tờ giấy tập học trò vàng như giấy súc mà trên đó bà Năm chỉ còn đủ sức viết có mấy hàng…Vậy là vĩnh viễn không còn có nhau nữa ! Ông Năm mất tinh thần hết một thời gian dài. Sau đó, dọn về khu phố này tình cờ cửa sổ mở về hướng nhà thờ Sacré Coeur, để mỗi sáng trước khi đi làm ông nhìn cây thánh giá một lúc, giống như một tín đồ ngoan đạo…

Khi ông Năm mặc xong quần áo thì trời cũng đã gần trưa. Đốt điếu thuốc để lên môi, ông đóng cửa bước chậm rãi xuống cầu thang, giống như đo từng nấc thang một ! Thật ra, tại tánh ông Năm vốn đã trầm thêm tuổi đã gần sáu mươi bắt ông phải cẩn thận khi bước lên bước xuống. Ngoài ra, có gì phải vội phải gấp khi mà chẳng có ai đợi ai chờ ? Đi khu 13 vào trưa thứ bảy đã thành một thói

quen, chẳng có gì phải náo nức. Bỗng nhiên, ông Năm nhận thấy cuộc đời mình sao thật vô vị. Giống như tờ giấy trắng mênh mông trải dài, thẳng băng , chẳng có một dòng mực, chẳng có một đốm màu, cũng chẳng có một vết hoen ố. Hình ảnh đó làm cho ông Năm dừng lại ở giữa cầu thang, ngẩn ngơ một lúc như vừa khám phá ra một điều gì quá rõ-rệt nằm ngay trước mắt mà sao lâu nay ông không nhận thấy ! " Mình đi làm đều đặn. Mỗi tuần xuống khu 13 cũng đều đặn vào trưa thứ bảy. Mỗi tối thứ hai đi ciné một lần vì giá vé hạ. Đêm nào cũng coi télé vào 8 giờ tối để theo dõi tin tức, rồi đọc sách đọc báo đến 11 giờ rưỡi là tắt đèn ngủ. Đều đặn. Đều đặn. Đến như cái cầu thang này , mình cũng đều đặn trèo xuống trèo lên đến nỗi biết nó có bốn mươi tám nấc ! Vậy rồi thôi ! Rồi cứ như vậy cho tới về hưu,tới chết ! ". Ông Năm hít hơi thuốc thật sâu để thở khói ra thật dài. Ông làm mấy lần như vậy, giống như đang tìm một đáp số ! Rồi ông vỗ nhẹ bàn tay lên thành lan can gỗ , tự nhủ " Thôi ! Đừng nghĩ tới nữa " Ông tiếp tục bước xuống , nhưng bây giờ sao thấy bước chân nặng hơn hồi nãy nhiều…

Khi đi qua trước phòng gác-dang, có tiếng gọi :

- Ông Georges ! Ông Georges !

Georges cũng là tên của ông Năm. Người Pháp phát âm Năm thành Nam, nghe lơ lớ chói lỗ tai, nên ông lấy đại tên Georges cho dễ gọi dễ kêu.Bà gác-dang bước ra trao cho ông một điện tín, nói :

- Vừa mới tới. Tôi định lên nhà đưa cho ông thì ông xuống đây.

Ông Năm run tay mở bức điện tín. Giòng chữ ngắn ngủn hiện lên nhảy múa : " Đã có xuất cảnh. Lo vé máy bay cho em. Mai ". Điếu thuốc trên môi bỗng rơi xuống đất. Ông Năm có cảm giác như mình đang lên cơn sốt.

Ông đọc lại điện tín một lần nữa, hai tay phải gồng cứng lại mới kềm được tờ giấy đứng yên căng thẳng dưới mắt. Ông nói cho mình nghe : " Đúng rồi ! Bả được xuất cảnh rồi ! ". Bà gác-dang nghiêng đầu lo lắng :

- Có sao không ? Có chuyện gì không ? Ông Georges ?

Tiếng bà ta lôi ông Năm về thực tại. Ông nhìn bà ta, mỉm cười, rồi nắm lấy tay bà ta lắc mạnh :

- Cám ơn bà ! Cám ơn bà nhiều ! Tôi thật không biết nói gì cho phải. Bà thật tốt bụng ! Quá tốt bụng ! Cám ơn ! Cám ơn !

Giọng ông thật thành khẩn, làm như chính bà đã cho giấy xuất cảnh ! Bà ta không hiểu gì cả, vừa ngạc nhiên vừa buồn cười trước thái độ của ông Năm. Bà ấp úng " Nhưng mà…Nhưng mà… " trong lúc ông Năm buông bà ra để chạy lên cầu thang. Nửa chừng , sực nhớ ra, ông dừng lại nghiêng người nói vói xuống :

- Điện tín của vợ tôi ở Việt Nam. Bả nói bả sẽ qua đây ở với tôi ! Cám ơn ! Cám ơn nhiều !

Rồi ông phóng lên cầu thang, nhảy hai bậc một, nhanh như sóc, nhẹ như hưu. Làm như ông mới có hai mươi tuổi !

Vào phòng , ông ngã người lên giường , thở hổn hển. Cái tuổi hai mươi bất thần tìm lại chỉ đủ giúp ông trèo hết bốn mươi tám nấc thang thôi ! Một lúc sau, ông cầm điện tín lên, đọc lại một lần nữa. Thật rõ ràng mà ! Đây nè, hàng chữ không bỏ dấu " Da co xuat canh. Lo ve may bay cho em. Mai " Đọc là hiểu ngay ! Còn Mai là tên của bả rồi, chớ còn ai vô đây nữa ! Cái tên dễ thương mà mình đã thương từ mấy chục năm, không còn lộn với ai được. Vậy là chỉ còn có vé máy bay nữa là xong. Ông nhỏm người lên nhìn tấm lịch tháng treo gần đó để thấy rằng mình

bỗng quên mất hôm nay là thứ bảy ! Vậy phải đợi thứ hai mới vào sở lo vụ này được. Ông lại nằm xuống. Dễ thôi ! Nhờ thằng Durand đánh cái télex là xong ngay. Ờ…nhưng mình cũng phải gởi cái điện tín về cho bả mừng. Tội nghiệp ! Không biết ai chạy lo cho bả cái xuất cảnh, chớ bả thì lo khỉ gì được với cái tánh hiền khô và nhát hít của bả. Nghĩ đến đó, ông Năm bỗng thấy thương vợ vô cùng. Cái người đàn bà hiền khô và nhát hít đó đã về làm vợ ông từ hơn ba mươi năm, trước sau như một, theo chồng như một cái bóng. Ngoài chuyện không có con, chẳng thấy bao giờ bà làm bận tâm ông. Con nhà giàu ở Gò Công, học ở Marie Curie, vậy mà cô gái có cái tên Trần thị Lệ Mai đó đã có một quan niệm sống thật cổ điển, thật Á đông. Và khi trở thành bà Trần văn Năm, luôn luôn bà đối xử với bên chồng thật vuông tròn và xem việc nội trợ như một thiên chức ! Hồi xưa, bạn bè vẫn nói là " thằng Năm trúng số độc đắc " hoặc " đẻ bọc điều mới có người vợ như vậy ". Ông thì nghĩ rằng tại vợ mình hiền khô và nhát hít nên chẳng dám làm phiền ai bao giờ.Có lẽ nhờ vậy mà ai cũng thương…Ông lại nhỏm dậy nhìn tấm lịch. Trên đó ông có ghi bằng marker đỏ con số 10 to bằng nửa bàn tay ở gốc trái. Vậy mà cũng đã mười năm xa nhau ! Mỗi năm mua lịch, mình ngồi nắn nót viết con số lên đó giống như người tù bị lưu đày ghi số năm mà mình biệt xứ. Có khác là người tù còn biết ngày được thả chớ còn mình thì mù tịt. Đã tưởng vĩnh viễn sống một mình rồi…chết cũng một mình trên đất lưu vong này,nào ngờ Trời còn thương mình nhiều quá !

Ông ngồi hẳn dậy đốt điếu thuốc, khói thuốc thật thơm thật ngọt. Vậy mà cũng đã mười năm xa nhau ! Mười năm…lâu lắm chớ ! Vậy mà sao vẫn thấy còn thương còn nhớ. Lạ quá ! Có phải như vậy người ta gọi là

chung thủy hay không ! Rồi ông nhìn quanh. Nhà cửa thiệt là lượm thượm, phải dọn dẹp lại coi cho nó được một chút. Vậy là ông đứng lên đẩy ghế, đẩy bàn, quên mất là mình còn mặc bộ đồ lớn để đi khu 13 và làm như bà Năm sắp qua tới bây giờ ! Vừa làm vừa nói một mình, lâu lâu ông ngừng lại hít một hơi thuốc thật sảng khoái. Hai cái fauteuils này cho sát vào tường, kê gần nhau để cùng ngồi coi télé.Cái télé nằm đó được rồi. Cái bàn ăn nhích qua một chút để có chỗ kéo cái nệm dưới gầm giường ra. Bả trên giường, mình dưới đất, tạm ổn trong khi chờ đợi kiếm nhà khác rộng hơn. Cái tủ búp-phê đẩy tới một chút là nằm ngang với bàn ăn. Mẹ nó ! Coi vậy mà cũng nặng ớn ! Ông đứng lên thở hổn hển, nhìn quanh. Bây giờ coi có nét rồi đó. À ! Cái màn cửa sổ, phải tháo xuống đem giặt, cho nó " sáng " ra mới được. Rồi ông vào buồng tắm thay đồ. Đồ đạc ở đây thì sạch sẽ rồi, khỏi lo. À ! Còn cái tủ quần áo ở bên phòng ngoài nữa. Phải thu gọn lại cho có chỗ để bả để quần áo chớ ! Ông bỗng phì cười. Làm như mình sắp cưới vợ vậy ! Mà thiệt ! Sau mười năm xa cách, gặp lại nhau cũng giống như cưới nhau lần nữa chớ gì ! Ông soi gương chải lại tóc. Tóc mình mới có mấy sợi bạc thôi. Mặt mũi hãy còn " nét " lắm, ai mà nói mình sắp sáu mươi ? Cô dâu qua đây thấy chú rể như vầy là nhìn…rớt con mắt ! Ông Năm bỗng nghe lòng vui rộn rã, giống như tâm trạng ngày xưa, thuở còn trẻ, lúc sửa soạn đi đến nơi hẹn với người con gái tên Trần thị Lệ Mai…

...Vậy là trưa thứ bảy này ông Năm không thấy đói ! Tuy vậy, cũng phải " bỏ bụng " một cái gì,vì thói quen hơn là vì nhu cầu. Ông mở tủ lạnh lấy một trái cà tô-mát và một miếng thịt bò. Cà xắt khoanh, không dầu không dấm, thịt nướng trần trên vỉ sắt không muối không bơ. Làm cho " lấy có " và ăn cũng cho " lấy có ". Bởi vì tâm

hồn ông đang mãi phiêu bồng ở đâu đâu xa lắm, hình như là ở Gò Công quê vợ, ở Gia Định quê mình, ở những ngày đầu " hai đứa gặp nhau " (Tiếng nói của tình yêu là một chuỗi dài im lặng !),ở rạp hát bóng Đại Nam là nơi " hai đứa hẹn hò " (Dù trời mưa anh cũng tới. Em nghe không ?), ở Đà Lạt ít lâu sau đó. Chao ôi ! Đẹp quá ! Dễ thương quá ! Tình yêu là cái gì mà sao mãi mãi vẫn còn nguyên, như mới hôm qua hôm kia…

o O o

Ông Năm lái xe lên phi trường Charles de Gaulle lần này là lần thứ hai. Hồi sáng, đã lên đó một lần, đợi cả tiếng đồng hồ để được thông báo là chuyến bay Air France từ Thái Lan qua sẽ đến trễ gần tám tiếng. Nhờ là nhân viên của hãng nên ông Năm được biết là máy bay bị trục trặc kỹ thuật ở Karachi. Trở về sở làm, ông ngồi đứng không yên, lâu lâu cứ nhìn đồng hồ. Bạn bè trong sở thấy vậy thương hại, mỗi người một câu an ủi trấn an. Có người ngồi lại gợi chuyện tán dóc cho ông đỡ thấy sốt ruột. Có người đặt tay lên vai ông bóp mạnh :

- Georges ! Đợi chờ nhau mười năm mà mày còn chịu nổi huống gì chỉ có mấy tiếng đồng hồ nữa thôi. Can đảm lên chớ !

Vậy rồi thời gian cũng qua, chiều cũng xuống, để ông Năm lái xe đi phi trường , lòng náo nức xôn xao trong sự đợi chờ kỳ diệu.

Vào phi trường , ông gắn thẻ nhân viên lên ngực áo rồi đến quầy Air France hỏi thăm. Mô phật ! Lần này máy bay sẽ đến đúng giờ. Hai cô tiếp viên trong quầy không quen ông Năm nhưng thấy đeo thẻ Air France, nên cũng hỏi đẩy đưa :

- Ông chờ đón bạn à ?

Ông mỉm cười, vừa bước đi vừa trả lời :

- Không ! Tôi đón nhà tôi. Chào hai cô.

Phi trường giờ này nhiều chuyến bay cùng đến một lúc nên người đi kẻ lại tấp nập. Ông Năm ngồi uống cà phê, hút thuốc, nhìn thiên hạ. Ông thấy ai cũng dễ thương hết ! Ông muốn họ uống với ông một tách cà phê, hút với ông một điếu thuốc lá. Cà phê expresso thật ngon. Khói thuốc Dunhill thật ngọt. Tâm hồn ông Năm được trải rộng mênh mông…

Lại nghĩ đến bà Năm. Bả " điệu" lắm ! Lúc nào cũng sạch sẽ gọn ghẽ. Tóc lúc nào cũng chải kéo về phía sau rồi cuốn thành một vòng kẹp lại trên ót, thành ra khuôn mặt trái soan và cái cổ tròn lúc nào nhìn cũng rõ nét. Còn về quần áo thì bả chẳng bao giờ mặc loại có màu sắc sặc sỡ loè loẹt, luôn luôn hoặc đen hoặc xanh đậm và nếu có bông thì cũng phải tiệp màu với nền vải và hình dáng phải nhã nhặn, nho nhỏ tương xứng với tầm vóc của bả. Hà ! Bả hiền khô và nhát hít vậy mà về vấn đề ăn mặc bả khó dàng trời ! Người ta nói bả có " goût ". Mình cũng nghĩ như vậy, nhưng nếu bả không có thân hình đều đặn cân đối thì không biết cái " goût " để vào đâu cho nó nổi ! Ông hít một hơi thuốc dài sảng khoái. Hồi đó sao mà mình mê bả quá, nhứt là đôi bàn tay có ngón thon dài sang trọng và cặp mắt đen to như mắt đầm làm cho cái nhìn của bả lúc nào cũng có vẻ như ngạc nhiên. Điều lạ là sau này khi đã đứng tuổi, bả vẫn còn giữ nguyên đường nét thời con gái. Thành ra lắm khi nhìn bả, mình muốn trêu chọc bằng câu " Gái không con mà nom cũng mòn con mắt ", nhưng vì sợ bả buồn nên mình nín thinh luôn !

Ông Năm ngừng suy tư trên hình ảnh đẹp của bà vợ, mỉm cười vu vơ. Lại hút thuốc, lại nhìn thiên hạ. Hớp cà

phê cuối cùng đã nguội ngắt mà sao vẫn còn thấy ngon lạ lùng. Bỗng ông bật cười. Sau bảy mươi lăm, sống với Việt Cộng mà bả vẫn tiếp tục " điệu " như thường ! Trong lúc người ta lôi quần áo cũ rách ra bận và để mặt mũi tóc tai lôi thôi lếch thếch cho có " tác phong cách mạng " thì bả vẫn gọn ghẽ sạch sẽ như thường, vẫn chút đỉnh má hồng, chút đỉnh son, vẫn quần dài áo ngắn tươm tất, mặc dù phải đạp xe đi làm công nhân ở tổ may thêu xa bảy tám cây số. Mình hay trêu chọc bả bằng câu nói của Việt Cộng " Song chân lý ấy vẫn không bao giờ thay đổi ", bả cười không nói. Vậy mà có hôm, bả trả lời bằng một câu…xanh dờn : " Đàn bà phải biết tự trọng. Làm như mấy bà cách mạng tóc tai xủ xộp, quần áo xốc xếch rộng rinh hoặc ngắn ngủn như mặt đồ khín, em làm không được "…

Có tiếng nhạc chuông dìu dặt, tiếp theo là giọng bổng trầm của cô tiếp viên thông báo chuyến bay Air France số AF 199 đến từ Thái Lan đã đáp xuống sân bay. Ông Năm đứng lên trả tiền, xong đi vào phía trong qua ngả văn phòng trực của hãng. Ông nghe lòng vừa náo nức vừa hồi hộp giống như ngày xưa khi đứng chờ xem kết quả thi tú tài ! Ông ra đón tận cổng vào. Có hai chuyến bay đến từ hai nơi khác nhau nhưng đổ hành khách xuống cùng một lúc, nên trong ‘ halle ‘ đầy người. Giữa cái lao xao lộn xộn đó, ông Năm nghểnh cổ tìm vợ trong luồng người thoát ra từ cổng F, cổng của chuyến bay Air France.

Ông nhìn từng khuôn mặt, từng người. Ông nhìn, ông chớp mắt để nhìn cho rõ hơn. Những gương mặt Á đông phờ phạc. Những gương mặt Á đông hốc hác. Những gương mặt Á đông xanh xao. Ông nhìn, ông chờm tới, nhích tới để nhìn. Bả dễ nhìn lắm. Lúc nào cũng sạch sẽ gọn ghẽ. Lúc nào cũng điệu. Trong đám đông , bả nổi hơn

người ta nhờ nước da trắng hồng của gương mặt trái soan và đôi mắt lớn, cho nên dễ nhận ra lắm. Không phải bà này. Bà này già quá cũng không phải. Bà này coi ngờ ngợ nhưng đi chung với bầy con nít, không phải bả. Ông nhón chân lên để cái nhìn được đưa ra xa thì tai thoáng nghe hình như có tiếng người gọi nhỏ : " Ông Năm ! " Ông vẫn tiếp tục nhìn từng người, từng khuôn mặt. Lại có tiếng người gọi nhỏ, lần này tiếng gọi lạc đi : " Ông Năm… "

Nghe rõ có tiếng ai gọi mình, ông nhìn lại. Ngay phía trước, đứng cách ông chỉ có mấy bước, người gọi ông là một bà già tóc muối tiêu hớt bom bê ngắn như mấy bà Tàu Chợ Lớn, mặc áo len nâu rộng thùng thình, ống tay dài phủ mất hai bàn tay đang xách mỗi bên một túi vải. Chỉ mới nhìn tới đó thôi, linh tánh bắt ông nhìn lại gương mặt : khuôn mặt gầy xạm nắng với những nếp nhăn trăng trắng ở khoé môi và đuôi mắt. Ngần đó thứ giống như miếng cau khô, chỉ trừ có hai con mắt là sinh động, là mở to như có vẻ ngạc nhiên, là nói lên, là nhắc nhở, là…là…Trời ơi ! Là vợ tôi đây ! Ông Năm nghẹn ngào bước tới, hai tay đưa về phía bà già và chỉ còn đủ sức gọi có một tiếng : " Mai !" Ông ôm lấy vợ mắt nhắm nghiền đau đớn. Tội nghiệp ! Người vợ chỉ dám gọi chồng bằng hai tiếng " Ông Năm " như người xa lạ, và chỉ dám gọi có hai lần. Và khi chồng nhìn ra mình, ôm chầm lấy mình, người vợ đó chỉ còn nói được bằng nước mắt !

Ông Năm buông vợ ra để nhìn lại lần nữa. Ông nghe nghẹn lời và nghẹn cả lòng. Ông chỉ còn nói được bằng hai bàn tay…Hai bàn tay vuốt làn tóc bạc bây giờ sao quá thẳng quá ngắn. Hai bàn tay ôm lấy khuôn mặt bây giờ sao không lấp đầy hai lòng bàn tay. Hai bàn tay đặt xuống bờ vai bóp nhẹ. Dưới lớp áo len, ông nghe rõ nét gầy của bờ vai bây giờ. Bây giờ…Hồi đó…Từ trong sâu thẳm của

lòng ông , nỗi đau khổ tột cùng bỗng bật lên thành tiếng, một thứ tiếng nói lệch lạc méo mó vì uất nghẹn : " Sao vầy nè ? ". Rồi, không kềm chế nổi nữa, không cần giữ gìn ý tứ gì nữa, trong cái rừng người xào xạc đó, ông ôm lấy vợ, ngửa mặt lên trời thét lên một cách thống thiết : " Sao vầy nè…Trời ? ". Tiếng " Trời " nặng trĩu thoát ra từ lòng ngực ông như tất cả sinh lực trong người được trút ra hết…Rồi ông ôm lấy vợ, nước mắt ràn rụa. Bà Năm cũng khóc nhưng vẫn không buông rời hai cái túi vải. Hơn mười năm sống với Việt Cộng, đã trở thành một bản năng: nắm chặt, giữ chặt những gì còn thuộc về mình, những gì mà " tụi nó " chưa kịp chiếm lấy, cướp lấy !

Một lúc lâu sau, phải một lúc lâu sau, ông Năm mới lấy lại bình tĩnh. Ông nói :

- Thôi mình về đi em !

Tiếng " em " thật tự nhiên, thật nhẹ nhàng. Tiếng " em " mà đã mười năm, bà không còn nghe thấy ! Bà cắn môi để kềm xúc động, nhìn chồng mà đuôi mắt nheo lại mỉm cười. Bà nghe một cái gì mát rượi đang len vào lòng, một cái gì đã làm rơi mất từ hơn mười năm, bây giờ mới tìm gặp lại. Mãi đến bây giờ, ông Năm mới thấy trong đôi mắt vợ, nét cũ ngày xưa : to tròn như mắt đầm, trồng đen lay láy. Đôi mắt đó đang nhìn ông, cái nhìn ngời lên như muốn nói thật nhiều…Ông cúi xuống định xách hai túi vải. Bà Năm lắc đầu :

- Để em xách !

Tiếng " em " cũng thật tự nhiên thật nhẹ nhàng. Giọng nói thật dịu dàng, trong trẻo. Làm như nước mắt đã tẩy sạch dấu vết của mười năm…

Ông vói tay cầm lấy quai túi :

- Để anh xách cho.

Bà Năm vừa bước đi vừa nói , tay vẫn nắm chặt hai túi vải :

- Không sao. Em xách được. Ở bển, em gánh lúa mỗi ngày cho nhà máy, có sao đâu.

Ông Năm bỗng nghe lòng quặn thắt. Thì ra " tụi nó " đày đọa bả đến nước đó ! Bả tội gì ? Tội gì ? Tội vượt biên ? Thì đã ở tù trên ba tháng rồi còn gì nữa ? Vậy tội gì ? Ông Năm nghiến cái câm thù trong răng để đừng chửi đổng , nhưng rồi ông cũng bật ra :" Quân khốn nạn ! "

o O o

Về đến nhà thì trời đã xâm xẩm tối. Lần này thì chính ông Năm xách hai túi vải, đi trước dẫn đường, lòng vui như mở hội. Đến chân cầu thang, ông nói :

- Ở từng lầu ba lận. Em leo nổi không ?

Bà Năm trả lời, giọng vẫn trong trẻo :

- Gì không nổi ? Bây giờ em làm cái gì cũng nổi hết.

Rồi bà bước lên cầu thang, bước đều đặn. Ông Năm theo sau, nhìn dáng dấp nhỏ thó với mái tóc bạc hớt bom-bê cao ông bỗng thương vợ vô cùng. Mười năm…Mái tóc huyền mà ngày xưa hay kéo sát về phía sau để cuốn tròn kẹp gọn một vòng trên ót…bây giờ chỉ còn là như vầy ! Cái cổ tròn dẫn xuống bờ vai thon thon của hồi đó…bây giờ gầy nhom như vầy ! Mười năm…Chắc bả phải khổ ghê lắm, phải chịu đựng ghê lắm mới ra nông nỗi này ! Tội nghiệp ! Người đàn bà hiền khô và nhát hít đó chưa làm phiền lụy ai bao giờ, vậy mà Việt Cộng vẫn moi ra một cái cớ nào đó để hành hạ. Và như vậy suốt mười năm. Lam lũ quá nên bả già trước tuổi, chớ bả cũng còn giữ được cái nhìn, giọng nói và tâm hồn…những thứ mà Việt Cộng không cưỡng chiếm được !

Vào nhà, ông Năm bật đèn lên, bà Năm nhìn quanh mỉm cười,không nói. Ông Năm đặt hai túi lên bàn ăn, rồi cũng nhìn quanh :

- Nhà của anh đó. Nhỏ như cái lỗ mũi. Tạm một thời gian rồi mình sẽ kiếm nhà khác rộng hơn.

Bà Năm dịu dàng :

- Như vầy cũng được. Có hai đứa mà gì…

Bỗng nhiên hai người nhìn nhau. Tiếng " hai đứa " nhắc cho họ nhớ tới hoàn cảnh bây giờ, một hoàn cảnh mà từ lúc gặp lại nhau bao nhiêu thống hận dập dồn đã làm họ quên đi : bây giờ " hai đứa " vẫn còn có nhau, thật sự còn có nhau. Rồi sẽ không còn gì chia cách. Rồi sẽ đi bên nhau, đi hết đoạn đường còn lại, một đoạn đường không còn bao nhiêu xa…Bởi vì họ biết : họ đang bước vào mùa thu của cuộc đời…Cho nên họ nhìn nhau mà yêu thương dâng đầy trong mắt.

Bà Năm bước lại cửa sổ. Ngoài xa trên nền trời trắng đục, hiện lên thật rõ cây thánh giá và nóc nhà thờ Sacré Coeur. Bà Năm hỏi :

- Cây thánh giá này đây ?

Câu hỏi trống không nhưng hai người cùng hiểu : cây thánh giá mà ông Năm viết đi viết lại không biết bao nhiêu lần trong thơ gởi về Việt Nam. Ông bước lại khoác vai vợ, gật gật đầu. Hai người yên lặng nhìn cây thánh giá như đang tạ ơn, giống như đang rước lễ, giống như cô dâu chú rể sau khi được kết hợp thành vợ chồng…Thời gian bỗng như dừng lại, để hình ảnh trở thành bất diệt, nói lên cái cao cả của tình yêu, cái huyền diệu của niềm tin…những thứ mà Việt Cộng muốn xoá bỏ để biến con người thành gỗ đá.

Một lúc lâu sao, bà Năm như sực tỉnh :

- Để em soạn đồ ra.

Rồi bà bước lại bàn mở hai túi vải. Ông Năm đốt điếu thuốc, khói thuốc lâng lâng nhẹ. Ông ngồi cạnh giường nhìn vợ soạn đồ bằng đôi bàn tay xạm nắng với những đường gân nổi lên ngoằn ngoèo. Đôi bàn tay đã từng có ngón tay thon dài khéo léo từ đường kim mũi chỉ…bây giờ là như vậy ! Ông thấy thương vợ vô cùng.

Bà Năm soạn đồ ra để trên bàn : vài bộ quần áo, mấy cái khăn lông, một cái mền nhỏ…

Vừa làm bà vừa nói :

- Có bao nhiêu, em đem theo hết. Nói là đi chánh thức chớ không biết lúc nào tụi nó bắt mình lại. Có nhiều người lên máy bay rồi mà còn bị lôi xuống, không biết vì cớ gì. Rồi khi được thả ra là trắng tay.

Bà lấy trong túi ra một khuôn hình, trao cho ông Năm:

- Em đem hình ông già bà già qua để lâu lâu mình thắp một cây nhang.

Ông Năm nhìn hình cha mẹ, lòng bồi hồi xúc động. Hình này, hồi đó, để trên bàn thờ nhà cũ. Nhà bị tịch thu, không hiểu bả làm sao lấy được để mang qua đây ? Ông đứng lên nhìn quanh, rồi treo khuôn hình lên cây đinh trên tường đối diện.

Có tiếng bà Năm nói :

- Em có đem qua cho anh chai rượu nếp than nữa. Nhớ hồi đó anh ưa lắm.

Ông quay lại, cầm chai lên mở nút. Chưa đặt miệng chai lên mũi mà mùi rượu ngọt ngào thơm phức tỏa ra thật nồng nàn. Ông hít một hơi dài, đóng nút lại, rồi nhìn chai rượu mà ứa nước mắt. Nỗi nhớ quê hương nằm sâu trong tìm thức, bây giờ, mùi rượu nếp than, màu rượu nếp than đã làm bật dậy, vô cùng mãnh liệt. Ông tưởng chừng như vừa hưởi thấy mùi thơm quê hương. Có mùi ngọt ngọt của lúa chín, có mùi nồng nồng của rơm của rạ, có

mùi hăng hăng của đống un đốt cạnh chuồng trâu chuồng bò…Ông tưởng chừng như đang giữ trong tay một mảnh trời quen thuộc. Ở đó có màu tím lờn lợt của hoa bằng lăng , có màu tím nâu nâu của vỏ măng cụt, có màu tím học trò của trái mồng tơi, và những tà áo tím phất phơ theo gió qua cầu, với những chiều tím quê ngoại, đứng ngẩn ngơ bên sông Vàm Cỏ khi tuổi vừa mới lớn…Chao ơi ! Ngần đó thứ, tưởng quên nhưng vẫn nhớ. Ngần đó thứ bây giờ xa thật xa. Xa, không phải vì cách biệt, mà xa vì không còn thuộc về mình nữa !

Ông Năm cầm chai lắc lắc, bột nếp than tím ngát dợn lên trong lòng chai. Ông mở nút rót thẳng vào miệng một hớp. Chất rượu béo ngậy ngọt ngào cay cay nhắc ông nhớ những quán nhậu ở Hóc Môn, những món thịt rừng ở Biên Hoà, những con cá mú sửa kho tộ ở Vũng Tàu bãi sau bãi trước…Ông ngậm lấy hớp rượu để nghe rõ chất rượu đang thấm vào nướu răn, đang thấm vào các thớ thịt cổ, đang thấm lên nóc giọng, đang nồng lên mũi. Ôi ! Mùi vị quê hương là đây… ông không cầm được nước mắt !

Bà Năm vẫn âm thầm soạn đồ đạc. Bà hiểu ông Năm lắm và nghe thương chồng vô cùng. Tội nghiệp ! Mười năm xa quê hương…

Ông Năm vào phòng tắm rửa mặt rồi ra chỉ chỗ cho vợ xếp quần áo. Xong ông bảo :

- Anh đã làm sẵn mấy món ăn cho hai đứa. Để anh đem ra hâm. Em đặt bàn đi. Đồ đạc trong tủ búp-phê đó.

Bà Năm nghi ngờ :

- Anh mà làm bếp cái nỗi gì ? Mua ở tiệm thì có.

Ông Năm cười sảng khoái :

- Em lầm rồi ! Bây giờ, anh làm cái gì cũng được hết. Nấu bếp, giặt đồ, làm ménage …đủ thứ. Rồi em coi !

À…đặt bàn em nhớ để một dĩa sâu cho món súp légume và một dĩa trẹt cho món gà nấu rượu, nghe !

Bà Năm mỉm cười, thấy chồng sung sướng mà lòng cũng thênh thang trải rộng.

Một lúc sau, hai vợ chồng ngồi vào bàn ăn. Trên bàn cũng có hai cây nến. Cũng khăn trải bàn trắng phau, cũng khăn ăn màu xám lợt, cũng dĩa trắng chạy chỉ vàng, cũng nĩa dao cáng gỗ có nét vẽ cong cong nhè nhẹ. Và không quên hai ly rượu có chân, đựng chút rượu nếp than có màu tím đậm đà và hương thơm mời mọc.

Ông vui vẻ :

- Như vầy mới đúng là nuit de noces chớ, phải không em ?

Bà Năm nhìn chồng không nói, nhưng vành tai bỗng đỏ bừng. Bà nói lảng :

- Súp ngon chớ ! Anh học nấu ở đâu vậy ?

Ông ra vẻ bí mật :

- Hùm…Không nói đâu ! Ông Tiên người Tàu chuyên nấu đồ Tây chỉ đó , ổng dặn anh đừng nói cho ai hết!

Rồi cả hai cùng cười vì hình ảnh ngộ nghĩnh đó, cái cười hồn nhiên tìm lại sau mười năm xa nhau…

Bữa ăn kéo dài bằng những chuyện kể cho nhau nghe, nhớ đâu kể đó, không mạch lạc đầu đuôi, bởi vì trong thời gian mười năm có biết bao nhiêu sự việc đã xảy ra để mà nhớ cặn kẽ cái nào sau cái nào trước ! Dọn dẹp xong thì trời đã khuya. Hai vợ chồng chia nhau, bà nằm trên giường , ông nằm trên nệm dưới đất.

Tắt đèn đã lâu mà hai người vẫn còn trằn trọc. Làm như còn thèm nói chuyện với nhau nữa ! Bóng tối dầy đặc vây quanh. Không khí trong nhà êm êm mát mát. Mùi rượu nếp than và mùi thuốc lá Dunhill còn phản phất thơm thơm. Bỗng bà Năm nghe một bàn tay của chồng

đặt lên mình mình. Toàn thân bà run lên nhè nhẹ. Hơi thở của bà bỗng trở nên phập phồng. Một cảm giác dường như thật cũ, mà cũng dường như thật mới, dìu dịu ngây ngây…Bà không biết nữa ! Rồi, không tự chủ được, bà cầm bàn tay chồng áp lên má, lên mũi, lên môi. Bàn tay này tưởng đã vĩnh viễn không còn nhìn thấy, cầm lấy. Da thịt này tưởng đã vĩnh viễn không còn đụng chạm sờ mó được. Mười năm…Mười năm…Nước mắt bỗng chảy dài xuống hai bên tai, bà Năm thốt lên nho nhỏ : " Mình ! ". Chỉ có một âm đơn độc, nhưng sao tiếng " mình " nói lên thật nhiều, diễn tả thật nhiều. Tiếng " mình " mà mười năm nay ông Năm không còn nghe. Tiếng " mình " gợi lên tình nghĩa vợ chồng , nỗi niềm chia xẻ. Tiếng " mình " cũng là tiếng nói của yêu đương , của hài hoà sum họp. Và tiếng " mình " ở đây, trong hoàn cảnh này, sao nghe thật mời mọc dâng hiến…Người đàn bà mười năm khổ hận đó, vợ ông , cần được yêu thương thật nhiều để bù lại. Tiếng " mình " gọi nhỏ trong đêm bỗng nghe tiếp nối…Bồi hồi xúc động , ông Năm chồm lên ôm xóc lấy vợ, hôn tràn lên tóc, lên má, lên môi. Ông nghe trong tay, run lên như đang cơn sốt, thân xác gầy còm của vợ. Và tai ông còn nghe những tiếng " mình " đứt quãng ú ớ như tiếng nói trong chiêm bao…

Cuộc tình của tuổi vào thu âm thầm như lá rụng bên ngoài nhưng cũng nồng nàn ngọt lịm như hớp rượu nếp than cùng chia nhau khi nãy. Có mùa chớm thu nào mà không thấy còn sót lại vài tia nắng hạ ?

o O o

Tôi muốn câu chuyện này chấm dứt ở đây cho cuộc tình được đẹp như bài thơ, được vuông tròn như trong tiểu thyuết. Nhưng trên thật tế không phải như vậy. Bởi vì…

…Một tháng sau đó, bà Năm ngã bịnh,phải vào nằm nhà thương. Bà bị ung thư phổi, ở thời kỳ chót. Bà đã giấu ông Năm, lâu nay, bây giờ bà mới cho biết : hồi còn ở Việt Nam, nhờ khám thấy ung thư nên bà mới xin được chiếu khán xuất cảnh. " Nhà nước Cách Mạng vốn khoan hồng nhân đạo, nên cho phép chị sang thăm chồng đấy ! Chớ chị không nằm trong diện được cứu xét nào cả. Rõ chưa ? ". Gã cán bộ trao giấy phép cho bà Năm, mà nói như thật ! Tụi nó dư biết rằng có giữ bà lại cũng chỉ tốn gạo tốn khoai thêm vài tháng nữa và là một miệng ăn phi sản xuất, chẳng lợi lộc gì cho " nhân dân ". Thà tống đi gấp để khỏi phải chôn thêm một người, chật đất !

Ông Năm đã ngồi bên giường vợ suốt thời gian cuối cùng. Ông đã cầm bàn tay còn mang tỳ vết của mười năm gian khổ. Ông đã ôm gương mặt phong trần chưa kịp đổi hồng sau mấy tuần sống đầy hạnh phúc. Và cuối cùng , ông đã chải lại mái tóc bạc chưa kịp dài để được cuốn tròn kẹp lên sau ót, như ngày xưa…

Ông đã gục lên thân xác gầy khô, khóc với tất cả nước mắt còn lại.

Mùa thu đó, lá rụng thật nhiều…

Đôi dòng về tác giả



Tiểu Tử

Tên thật: Võ Hoài Nam.
Sinh quán Tây Ninh, Việt Nam.
Định cư tại Paris, Pháp quốc.
Tốt nghiệp kỹ sư tại Marseille, Pháp quốc vào năm 1955.
Giáo sư trường trung học Pétrus Trương Vĩnh Ký niên khóa 1955-1956.
Làm việc cho hãng xăng Shell Việt Nam, từ tháng 10, 1956 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.
Vượt biên năm 1979 và định cư tại Pháp.
Làm việc cho công ty Đường Mía của nhà nước tại Côte d'Ivoire, Phi Châu, từ 1979 đến 1982.
Trở lại làm việc cho hãng xăng Shell, tại Côte d'Ivoire đến khi về hưu (1982-1991).
Hiện đang nghỉ hưu tại Paris, Pháp quốc.

Khởi sự viết văn từ trước 1975, phụ trách mục biếm văn "Trò đời" trên nhựt báo Tiến.
Cộng tác với nhiều tập san, tạp chí tại hải ngoại.
Tác phẩm đã xuất bản:

- *Những mảnh vụn (Làng Văn, 2004)*
- *Bài ca vọng vổ (2006)*
- *Chị Tư Ù (2012)*
- *Chuyện thuở giao thời (2014)*
- *Tuyển Tập Tiểu Tử (Người Việt, 2016)*

Địa chỉ liên lạc mua sách:
vanvovan9@gmail.com
20 Mỹ kim (chưa có cước phí)